

**ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN
(1948 - 2015)**

ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN
Lăng

NĂM 2016

CỘNG HÒA VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH BẢNG BỘ XÃ VĂN HẠM

LỊCH SỬ BẢNG BỘ XÃ VĂN HẠM (1945 - 2015)

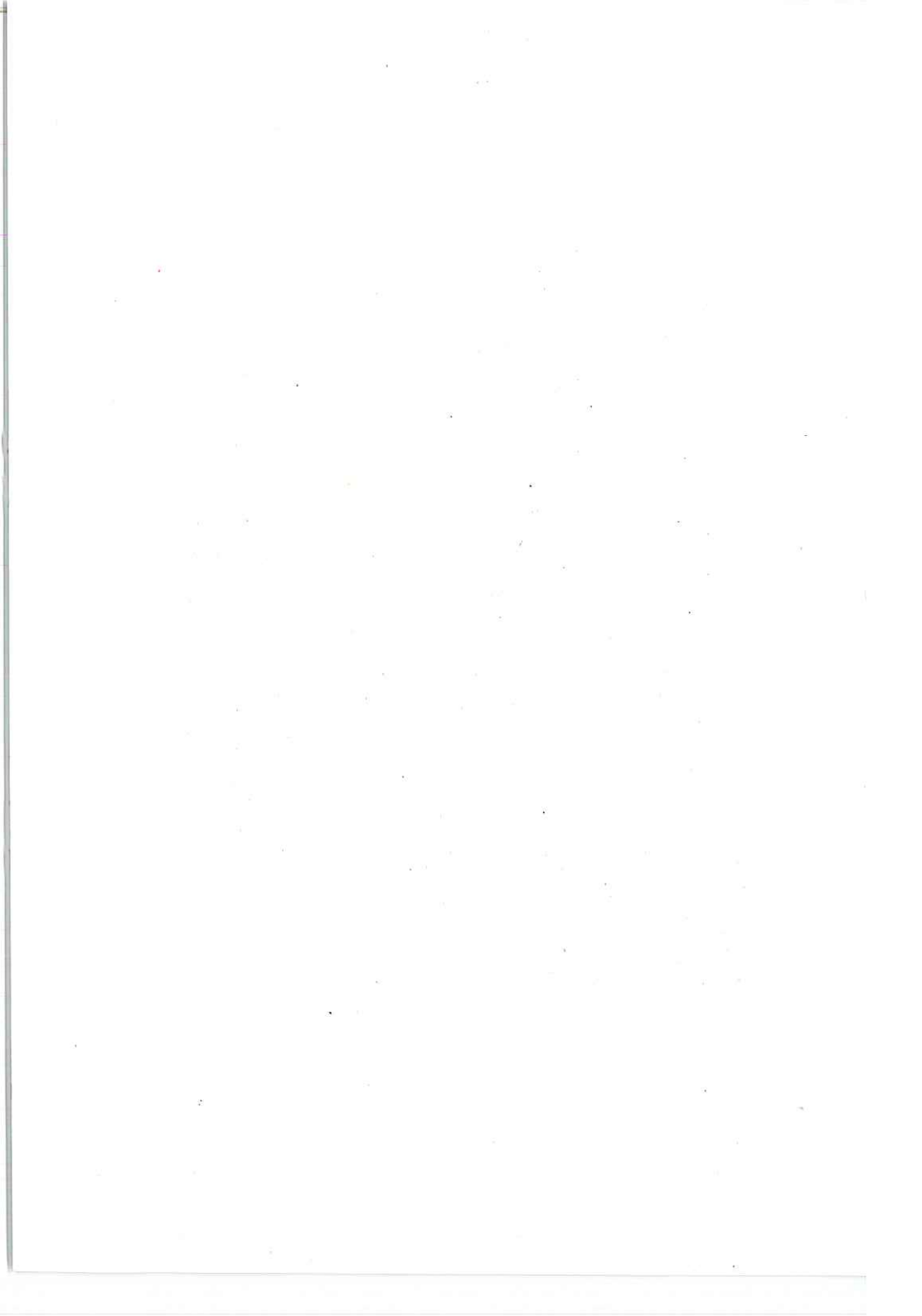
BẢNG BỘ XÃ VĂN HẠM
TỔNG

NĂM 2016

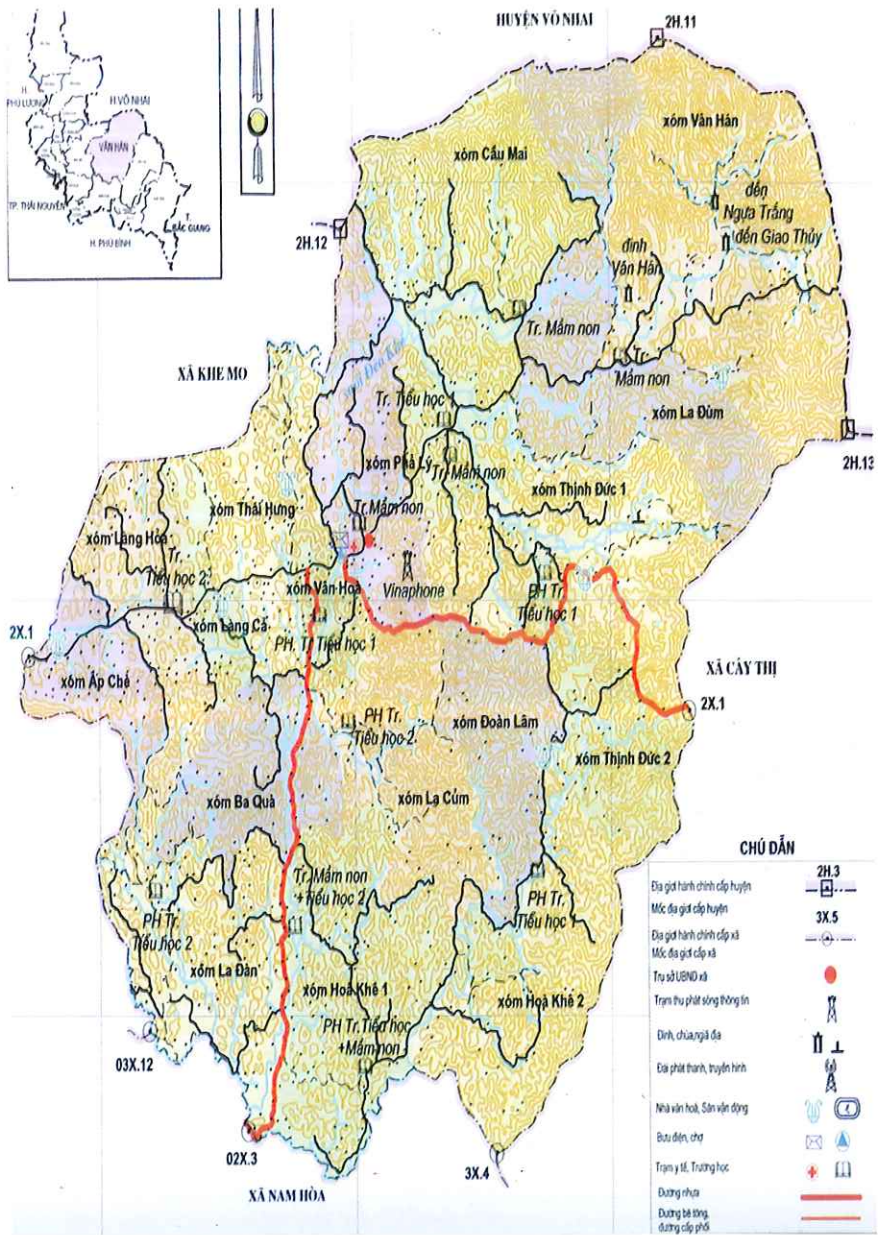


CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

“Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”
Hồ Chí Minh



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ VĂN HÁN





CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:

BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ VĂN HÁN

BAN CHỈ ĐẠO NGHIÊN CỨU, BIÊN SOẠN:

1- NGUYỄN XUÂN HIỀN, *Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Văn Hán.*

Trưởng ban.

2- VỊNGỌC THI, *Huyện ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Văn Hán.*

Phó ban.

3- LƯƠNG VĂN HOAN, *Phó Bí thư - Thường trực Đảng ủy xã Văn Hán.*

Phó ban

4-LÂM THANH VẠN, *Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã Văn Hán.*

Ủy viên

5- LƯU QUANG ĐĂNG, *Đảng ủy viên, Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã Văn Hán.*

Ủy viên

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

NGUYỄN XUÂN HIỀN, *Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã.*

TỔ SƯU TẦM TÀI LIỆU:

- 1- LƯƠNG VĂN HOAN, *Phó Ban chỉ đạo* **Tổ trưởng.**
- 2- LÂM THANH VẠN, *Phó Chủ tịch UBND xã* **Tổ viên.**
- 3- LƯU QUANG ĐĂNG, *Chủ tịch UBMTTQ xã* **Tổ viên.**
- 4- NGUYỄN VĂN CHÍNH, *Nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, nguyên Chủ tịch UBND xã* **Tổ viên.**
- 5- LƯƠNG QUANG XUYỀN, *Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy-Thường trực Đảng* **Tổ viên.**
- 6- NGUYỄN CHÍ THANH, *Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã* **Tổ viên.**
- 7- VI MẠNH CÔNG, *Đảng ủy viên, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã* **Tổ viên.**

CHỦ BIÊN:

NGUYỄN NGỌC LÂM

ĐỌC SOÁT BẢN IN:

NGUYỄN NGỌC LÂM

PHẠM THỊ THƠM

NGUYỄN XUÂN HIỀN

LỜI GIỚI THIỆU

Đảng bộ xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, tiền thân là Chi bộ xã Long Khê được thành lập tháng 9 năm 1948. Trải qua gần 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Xã Văn Hán được thành lập trên cơ sở 3 xã có từ trước tháng Tám năm 1945 là Văn Hán, Phả Lý (trừ 2 xóm Đèo Khế, Long Giàn) và Hòa Khê. Dưới chế độ thực dân phong kiến, Văn Hán là địa phương có nhiều rừng rậm, dân cư thưa thớt; hầu như cách biệt với xã hội bên ngoài, cùng với đời nghèo lạc hậu. Trong cao trào Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), Văn Hán đã trở thành khu căn cứ, nuôi dưỡng nhiều cán bộ về xây dựng cơ sở và giữ vững đường dây liên lạc của Xứ ủy Bắc Kỳ và của Trung ương Đảng. Mặc dù bị kẻ thù bao vây cô lập, đàn áp gắt gao, nhưng nhân dân các dân tộc xã Văn Hán vẫn một lòng, một dạ sắt son kiên trung với cách mạng. Văn Hán xứng đáng với danh hiệu “Xã An toàn khu” (ATK) của Đảng trong kháng chiến chống Pháp.

Những năm kháng chiến chống Mỹ, với tên gọi là xã Đoàn Kết, Chi bộ và nhân dân các dân tộc trong xã tích

cực sản xuất xây dựng quê hương và trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân địch. Với khẩu hiệu “Tay cày, tay súng”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, nhân dân Văn Hán đã làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Sau ngày thống nhất Tổ quốc, Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán đứng trước những khó khăn thử thách, do chính sách bao vây cấm vận của đế quốc, do hậu quả của chiến tranh kéo dài và cả những hạn chế, bất cập của cơ chế chính sách, những yếu kém trong quản lý, dẫn đến đời sống của nhân dân bị giảm sút đáng kể. Chi bộ, Chính quyền xã luôn trăn trở, tìm cách tháo gỡ khó khăn, phấn đấu nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội làm tiền đề cùng nhân dân cả nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo các nghị quyết từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay.

Sau 30 năm đổi mới, dưới ánh sáng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân xã Văn Hán đạt được những thành tựu to lớn. Từ một xã luôn thiếu lương thực, số hộ đói, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao, đến nay đã không còn hộ đói, hộ nghèo giảm, số hộ có kinh tế khá và giàu tăng. Các lớp

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

học xưa kia dựng tạm bợ bằng tranh, tre, nứa, lá, nay đã được xây dựng vững chắc khang trang; 3 trường Tiểu học số 1, Tiểu học số 2, Trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia. Từ lúc cơ sở vật chất cho y tế hết sức sơ sài, đến nay đã được củng cố đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; xã đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Đường nhựa, đường bê tông đã đến trung tâm các xóm và đang dần vươn tới từng hộ gia đình, thay thế cho những con đường nhỏ hẹp, lầy thụt, gập ghềnh; 100% số hộ được dùng điện sinh hoạt và phục vụ sản xuất...

Thực hiện Chỉ thị số 17, ngày 31/12/2002 và Công văn số 472-CV/TU, ngày 2/12/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc biên soạn Lịch sử các cấp các ngành trong tỉnh; Công văn số 510-CV/HU, ngày 10/6/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Hỷ về việc cho phép Đảng bộ thành lập Ban chỉ đạo, tổ nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán. Ngày 10/8/2014, Đảng ủy xã đã ra Quyết định số 112-QĐ/ĐU thành lập Ban chỉ đạo, Tổ nghiên cứu, biên soạn "Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán, giai đoạn 1948-2015".

Chấp hành sự phân công của Ban Chỉ đạo; Tổ Biên soạn đã sưu tầm nghiên cứu từ các tài liệu một cách nghiêm túc, trách nhiệm, khách quan cùng với sự đóng góp tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán (1948-2015)" được

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

nghiên cứu, biên soạn, xuất bản mang lại cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong xã một nguồn tư liệu quý giá.

Nhân dịp xuất bản cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán (1948-2015)”, Đảng ủy xin trân trọng cảm ơn Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Hỷ, Ban Tuyên giáo Huyện ủy... đã chỉ đạo và có ý kiến tham gia đóng góp cho cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán (1948 - 2015). Tuy nhiên, do trải qua thời gian dài gần 70 năm, các tài liệu lưu trữ còn lại rất hạn chế. Các nhân chứng không còn nhiều, lại là những người tuổi cao, sức yếu, trí tuệ phần lớn không còn được minh mẫn như trước đây. Vì vậy, các tài liệu cung cấp có thể chưa đầy đủ, thậm chí có nhầm lẫn. Đảng ủy rất mong được tiếp thu các ý kiến đóng góp, bổ sung cho cuốn Lịch sử Đảng bộ để khi tái bản được đầy đủ hơn.

Đảng ủy xin trân trọng giới thiệu với cán bộ, đảng viên và nhân dân cuốn "Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán (1948 - 2015)".

Xin trân trọng cảm ơn.

Văn Hán, ngày 6 tháng 4 năm 2016

TM. ĐẢNG ỦY XÃ VĂN HÁN

Bí thư

Nguyễn Xuân Hiền

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC XÃ VĂN HÁN

1. Địa lý hành chính và điều kiện tự nhiên

Xã Văn Hán nằm ở vùng Đông Bắc huyện Đồng Hỷ; phía bắc giáp các xã La Hiên, Lâu Thượng và phía đông bắc giáp xã Liên Minh đều thuộc huyện Võ Nhαι. Phần địa giới còn lại của Văn Hán đều tiếp giáp các xã cùng trong huyện Đồng Hỷ. Cụ thể, phía tây giáp xã Khe Mo; phía nam giáp xã Nam Hòa; phía đông giáp xã Cây Thị.

Xã Văn Hán có 17 xóm là Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cà, Thái Hưng, Phả Lý, Cầu Mai, La Đùm, Văn Hán, Thịnh Đức 1, Thịnh Đức 2, Đoàn Lâm, Văn Hòa, Ba Quả, La Cùm, Hòa Khê 1, Hòa Khê 2, La Đàn.

Cơ quan xã hiện nay đặt tại xóm Phả Lý. Đường đi từ trụ sở Ủy ban Nhân dân xã theo đường qua Khe Mo đến trụ sở Ủy ban Nhân dân huyện Đồng Hỷ (tại tổ 2 thuộc thị trấn Chùa Hang) có chiều dài 14 km.

Vùng đất xã Văn Hán xưa kia là bạt ngàn rừng nguyên sinh, núi cao, suối sâu, cây cối rậm rạp, dân cư rất thưa thớt. Những cư dân đầu tiên về khai khẩn rừng núi để lập thành xóm, thành làng bắt đầu từ bao giờ cũng không có ghi chép

cụ thể nào. Theo truyền khẩu của các cụ từ xưa để lại thì khi hình thành những chòm dân ban đầu ở vùng đất (nay là xã Văn Hán) có các thôn Thán, Căng, Đẩu, Dị, Đá Kê. Gọi là thôn, nhưng thực ra mỗi thôn cũng chỉ có vài nóc nhà. Theo thời gian, con người sinh sôi, làng xóm đông dần lên, phát sinh các chòm dân mới và hình thành làng xã. Các thôn Đá Kê, Thán, Căng, Đẩu hợp thành xã Văn Hán. Thôn Dị cùng với các chòm dân nhỏ khác hợp thành xã Phổ Lý... và các chòm dân La Đàn, Bò Cu hợp thành làng Hòa Khê. Theo sách “Các tổng trấn xã danh bị lãm” làm từ năm 1812 dưới triều vua Gia Long, sau này được Viện Hán - Nôm biên soạn lại là “Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX” (thuộc các tỉnh từ Nghệ - Tĩnh trở ra) thì vùng đất hiện nay là xã Văn Hán nằm trong khu vực của 2 tổng là tổng Huống Thượng và tổng Đồng Na đều thuộc huyện Động Hỷ (tức Đồng Hỷ), phủ Phú Bình, xứ Thái Nguyên. Khi ấy tổng Huống Thượng có các xã Huống Thượng, Linh Nham, Đồng Bầm, Phổ Lý và Phường thủy cơ bến Huống Thượng. Tổng Đồng Na có xã Đồng Na, Cam Già (Cam Giá), Văn Hán và Nam Hoắc. Xã Văn Hán của tổng Đồng Na và xã Phổ Lý của tổng Huống Thượng là vùng đất chủ yếu của xã Văn Hán hiện nay. Đến sách “Đồng Khánh dư địa chí” làm từ năm 1886 đến 1888 thì tổng Huống Thượng vẫn giữ nguyên, còn tổng Đồng Na được đổi tên thành tổng Đồng Bang và như vậy xã Văn Hán vẫn thuộc 2 tổng Huống Thượng và Đồng Bang. Năm Thành Thái thứ 3 (1901) triều đình nhà Nguyễn cho

chia nhỏ, điều chỉnh đổi tên một số đơn vị hành chính. Xã Văn Hán tách khỏi tổng Đồng Bang để thành lập tổng mới là tổng Văn Hán thuộc huyện Động Hỷ, nhưng chỉ ít lâu sau lại hạ xuống thành xã Văn Hán và chuyển sang trực thuộc tổng Huống Thượng. Theo sách “Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ” của Ngô Vi Liễn, tổng Huống Thượng có 10 xã (làng) trực thuộc là các xã Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nham, Đồng Bẩm, Nam Ký, Khê Mo, Phổ Lý, Văn Hán và các làng Hòa Khê, Đồng Giang. Phần đất chủ yếu của xã Văn Hán, xã Phổ Lý và làng Hòa Khê từng bước được chuyển dịch theo thời gian để thành xã Văn Hán ngày nay. Cũng theo sách “Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ” thì xã Văn Hán có các thôn Văn Hán (thôn Thán cũ), Na Đẩu (thôn Đẩu cũ), Đá Kê (về sau nhập thành xóm Cầu Mai), Na Đùm⁽¹⁾ (thôn Cẩng cũ). Xã Phổ Lý có các thôn Phả Lý, Làng Hỏa, Long Giản và Đèo Khế. Làng Hòa Khê có các thôn Hòa Khê, La Đàn .

Xã Văn Hán hiện nay có diện tích nhỏ hơn 3 xã cũ là Văn Hán, Phả Lý (tức Phổ Lý) và Hòa Khê thời kỳ trước tổng khởi nghĩa năm 1945. Khi đó, xã Văn Hán gồm các thôn Văn Hán (thôn Thán cũ), Đẩu, Đá Kê, Na Đùm và Cầu Mai; xã Phả Lý có các thôn là Phả Lý, Ao Cả, Làng Hỏa,

⁽¹⁾ Sách Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ viết tên thôn Na Đùm (về sau mới viết thành La Đùm).

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

Long Giàn, Đèo Khế và xóm Đình⁽²⁾; làng Hòa Khê (tương đương xã) có các thôn Hòa Khê, La Đàn và Bồ Cu. Mỗi xã và làng đều có Hội đồng Kỳ mục, có Tiên chỉ, Chánh hội, Thư ký Hội đồng Kỳ mục riêng. Bộ máy cai trị gồm Lý trưởng, các phó lý, Xã đoàn, Chương bạ, Hộ lại, Trương tuần. Có 4 con dấu chức danh các chức dịch của xã (làng) là Tiên chỉ, Lý trưởng, Chương bạ, Hộ lại. Bên cạnh đó từng xã lại có các chức dịch trong bộ máy cai trị của tổng Huống Thượng cư ngụ tại địa phương như Phó Chánh tổng, Tổng đoàn (phụ trách quân sự cấp tổng), Tổng sư (phụ trách giáo dục cấp tổng)...

Sau ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, chính quyền cách mạng đã tiến hành đổi tên nhiều xã, huyện trong cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng. Các xã trong huyện cũng được đổi tên, sáp nhập, hoặc chia nhỏ theo chỉ đạo của cấp trên. Khi đó huyện Đồng Hỷ được đổi tên thành huyện Cộng Hòa. Lúc này chính quyền nhân dân lâm thời huyện Cộng Hòa đã cho đổi tên xã Văn Hán thành xã Hưng Thịnh; xã Phả Lý thành xã Đồng Quyết; làng Hòa Khê thành xã Khánh Hòa. Ba xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa thuộc tổng Văn Minh⁽³⁾, huyện Cộng Hòa⁽¹⁾.

(2) Từ cuối năm 1953 các xóm Long Giàn, Đèo Khế (gồm cả xóm Ao Cà) cắt về thuộc xã Khe Mo.

(3) Cổ đồng chí Đàm Ngọc Văn ở xóm Hòa Khê lưu giữ: các tài liệu viết tay và con dấu của xã Khánh Hòa-tổng Văn Minh-huyện Cộng Hòa ký các ngày 27/7 năm Ất Dậu (tức ngày 3/9/1945); ngày 9/9 năm Ất Dậu (tức ngày

Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp xã và tỉnh (khóa thứ nhất)⁽²⁾, chính quyền cách mạng lại tiếp tục sáp nhập 3 xã Khánh Hòa, Hưng Thịnh, Đồng Quyết thành một xã đặt tên là xã Vân Hòa thuộc huyện Cộng Hòa, tỉnh Thái Nguyên. Trong xã Vân Hòa có các thôn Vân Hán, thôn Hòa Khê và thôn Phả Lý.

Năm 1948, cấp trên tiếp tục sáp nhập xã Vân Hòa với xã Khe Mo⁽³⁾ có cả 4 thôn của xã Hóa Trung đã nhập vào từ trước (là các thôn Cây Hồng, Núc Nác, La Đường, Phúc Thành) thành một đại xã mới, đặt tên là xã Long Khê thuộc huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Trong xã Long Khê có các thôn Khe Mo, Vân Hòa và Phúc Thành; đến khoảng cuối năm 1950, đầu năm 1951, tên xã Long Khê được đổi

14/10/1945); ngày 7/11 năm Ất Dậu (tức ngày 30/11/1945); ngày 4/12 Ất Dậu (tức ngày 6/1/1946) và 19/2 Bính Tuất (tức ngày 22/3/1946) thì tổng Văn Minh có 3 xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết và Khánh Hòa. Như vậy không phải mọi tổng đều giải tán ngay sau khi cách mạng thành công.

⁽¹⁾ Tổ biên soạn chưa xác định được tên huyện Cộng Hòa được dùng đến khi nào thì lại gọi là Đồng Hỷ. Văn bản ngày 25/2/1947, vẫn ghi tiêu đề và con dấu trùng nhau là Huyện bộ Cộng Hòa.

⁽²⁾ Cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân 2 cấp khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Bắc Bộ được ấn định vào ngày 8/2/1946.

⁽³⁾ Thời gian sáp nhập xã Khe Mo với xã Vân Hòa thành xã Long Khê cũng mỗi người ghi mỗi khác, kể cả các văn bản đang lưu tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên. Tổ biên soạn dùng tư liệu của cổ đồng chí Lương Quang Chiêu và Trần Văn Thị (cùng ghi năm 1948).

thành Khe Mo⁽⁴⁾ với diện tích bằng tổng 2 xã Khe Mo và Văn Hán ngày nay.

Sau giảm tô và chuẩn bị cho cải cách ruộng đất, thực hiện việc củng cố cấp xã và ổn định tổ chức, ngày 7 tháng 12 năm 1953, xã Khe Mo được tách ra thành 2 xã nhỏ là Khe Mo và Đoàn Kết. Riêng xóm Phúc Thành cũng tách khỏi xã Khe Mo để trở về thuộc xã Hóa Trung⁽⁵⁾. Các xóm Đèo Khế, Ao Cả, Long Giàn (thuộc xã Phả Lý cũ) được cắt về xã Khe Mo; 2 xóm Ao Cả và Đèo Khế được sáp nhập thành một xóm lớn hơn nhưng vẫn gọi là Đèo Khế.

Khi tách ra từ xã Khe Mo, cuối năm 1953 xã Đoàn Kết có 7 xóm là Làng Hòa, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Làng Đầu, Hòa Khê, La Đàn (và ngay sau đó Làng Đầu được đổi tên thành xóm Thịnh Đức).

Từ năm 1975, xã Đoàn Kết thực hiện việc đổi tên thành xã Văn Hán theo Quyết định số 136-NV, ngày 7 tháng 4 năm 1967 của Bộ Nội vụ nước Việt Nam Dân chủ Cộng

⁽⁴⁾ Việc xác định thời gian đổi tên xã Long Khê thành Khe Mo được căn cứ vào các tài liệu lưu sau đây: Văn bản ngày 9/8/1950 ghi tiêu đề và dấu trùng nhau là Ủy ban KCHC xã Long Khê, người ký là chủ tịch Đinh Phú Hào, người xã Văn Hòa cũ. Văn bản ngày 10/7/1951, ghi Ủy ban KCHC xã Khe Mo nhưng dấu là Ủy ban KCHC xã Long Khê, người ký vẫn là chủ tịch Đinh Phú Hào. Quyết định số 177-P3, ngày 8/8/1951 của Ủy ban KCHC tỉnh Thái Nguyên về việc chuẩn y kết quả bầu Ủy ban KCHC xã Khe Mo (nhiệm kỳ 1951 - 1953).

⁽⁵⁾ Bút tích của cán bộ có tên là Nguyễn Xuân Trường ghi tại cuộc họp Nông hội ngày 27/4/1954. Sổ do cổ đồng chí Lý Văn Học (xóm Đèo Khế) lưu giữ tại gia đình.

hòa⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến 1977, tại các văn bản đều viết tên xã là Văn Hán nhưng vẫn dùng con dấu chính quyền là “Ủy ban Hành chính xã Đoàn Kết” có từ khi còn là tỉnh Thái Nguyên chưa sáp nhập với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Từ ngày 30 tháng 10 năm 1977 mới chuyển sang con dấu có tên “Ủy ban Nhân dân xã Văn Hán” hình tròn bên trong có hình Quốc huy và mực dấu màu đỏ như hiện nay.

Theo báo cáo kiểm kê sử dụng đất năm 2015 của xã, tổng diện tích đất tự nhiên của xã Văn Hán có 6.546,84 ha (Gồm đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng).

Đất nông nghiệp có 6 238,47 ha, chiếm 95,28%, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp 2 332,29ha, gồm đất trồng hàng năm 867,26 ha, cây lâu năm 1465,03ha; đất lâm nghiệp: 3 851,73ha, đất nuôi trồng thủy sản: 54,45ha.

Đất phi nông nghiệp có 301,2 ha, trong đó: đất ở 93,55ha, đất chuyên dùng 151,48ha, đất tín ngưỡng 2,03ha, đất nghĩa trang 0,33ha, đất sông suối 53,81ha.

Đất chưa sử dụng có 7,17ha, trong đó: Đất bằng 6,64ha, đất núi 0,53ha. .

Xã Văn Hán có khoảng 60% diện tích đất đai là đồi và núi đất, còn lại 40% là những khu đất thấp xen giữa đồi núi.

⁽¹⁾ Tổ biên soạn chưa rõ nguyên nhân vì sao quyết định đổi tên xã có từ năm 1967 nhưng phải đến năm 1975 mới thực hiện.

Những khu đất ven các khe suối thuận việc cung cấp nước được nhân dân khai phá cải tạo thành các thửa ruộng bằng phẳng nối liền nhau hoặc ruộng bậc thang để trồng lúa, trồng mầu. Nhiều thửa ruộng tạo thành cánh đồng hoặc khu đồng, độ rộng hẹp của các khu đồng này khác nhau. Phần đất ở các núi, đồi, bãi được sử dụng trồng các loại cây lấy gỗ, trồng chè cho hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Xã Văn Hán nằm trong khu vực địa hình núi đất thấp, độ cao trung bình trên dưới 75 mét so với mặt nước biển⁽²⁾.

Phía bắc xã có dãy núi Ao Trời⁽³⁾ là ranh giới giữa huyện Đồng Hỷ với huyện Võ Nhai. Có 4 đỉnh núi (từ tây sang đông) lần lượt có độ cao là 312, 351, 352 và 352 mét đồng thời cũng là ranh giới phân chia 2 huyện. Cùng nằm trên ranh giới hai huyện Đồng Hỷ - Võ Nhai ở 2 bên đèo Nhâu đều là những đỉnh núi cao. Phía bắc đèo Nhâu là núi Đèo Bông có 2 đỉnh cao 257 và 286 mét. Phía nam đèo Nhâu là núi Đất Lạnh thuộc dãy núi Bò Cu với các đỉnh cao từ tây sang đông là 394, 360, 288, 279 mét tạo thành ranh giới tự

⁽²⁾ Theo sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 39: Địa hình Thái Nguyên được phân chia thành 7 bậc theo độ cao so với mặt nước biển. Bậc 1 có độ cao trung bình nhỏ hơn 15 mét. Bậc 2 độ cao trung bình từ 15-25 mét. Bậc 3 độ cao trung bình từ 25-75 mét. Bậc 4 độ cao trung bình từ 75-200 mét. Bậc 5 độ cao trung bình từ 200-600 mét. Bậc 6 độ cao trung bình từ 600-1000 mét. Bậc 7 độ cao trung bình từ 1000-1500 mét. Văn Hán ở vào khu vực địa hình bậc 4 và 5.

⁽³⁾ Gọi là dãy núi Ao Trời vì trên đỉnh núi có một ao nước rất trong và mát.

nhiên ngăn cách với xã Cây Thị; dãy núi này thấp dần vào bên trong xã ở độ cao trên dưới 75 mét.

Núi Đoàn Lâm kéo dài từ Phả Lý, Thịnh Đức qua xóm Đoàn Lâm, Hòa Khê 2 giáp với núi Hoan xã Cây Thị với các đỉnh cao 177, 157, 248 mét...Địa hình đa phần là núi đất, phù hợp cho việc làm kinh tế vườn rừng, trồng cây lâu năm, cây công nghiệp, xây dựng các trang trại để phát triển kinh tế.

Khí hậu ở khu vực xã Văn Hán mang đặc điểm chung của khí hậu huyện Đồng Hỷ, là loại sinh khí hậu “nhiệt đới gió mùa nóng, mưa nhiều, mùa lạnh ngắn, mùa khô trung bình”⁽¹⁾ xen với sinh khí hậu “nhiệt đới gió mùa nóng, mưa vừa, mùa lạnh ngắn, mùa khô trung bình”⁽²⁾. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 22 - 23⁰C. Nhiệt độ trung bình thấp nhất vào tháng 1, khoảng 15 - 16⁰C. Nhiệt độ trung bình cao nhất vào tháng 7, khoảng 28 - 29⁰C. Những ngày đặc biệt, nhiệt độ lạnh có thể xuống thấp từ 5 - 7⁰C, nhiệt độ nóng có thể lên tới 35-37⁰C; tuy nhiên thời gian nhiệt độ đặc biệt này thường không kéo dài.

Lượng mưa ở Văn Hán cũng mang những nét chung của huyện Đồng Hỷ và tỉnh Thái Nguyên. Hàng năm lượng mưa trung bình từ 1.900 mm đến 2.000 mm. Từ tháng 5 đến

⁽¹⁾ Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 51 và trang 64, kiểu sinh khí hậu này được các nhà khoa học ký hiệu IA1b.

⁽²⁾ Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia 2009, trang 51 và trang 64, kiểu sinh khí hậu này được các nhà khoa học ký hiệu IB1b

tháng 10 mưa nhiều, chiếm từ 85 đến 90% lượng mưa cả năm; các tháng còn lại lượng mưa chỉ chiếm từ 10-15%. Là xã có địa hình chủ yếu là núi đất, những năm sau này, do bị mất rừng, thiếu thảm thực vật che phủ nên mùa mưa ở Văn Hán có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống và hiện tượng sạt lở do dòng chảy tạo ra.

Xã Văn Hán không có sông, chỉ có các dòng suối có lưu vực nhỏ xuất phát từ các đường sinh thủy, tụ thủy trên núi, bồi đầy hết ở trong phạm vi xã mà hình thành. Theo địa hình từ bắc về nam, trong xã Văn Hán hình thành hai tiểu nhóm hệ thống suối chính.

Nhóm suối thứ nhất là chi lưu của Suối Giường có dòng chảy chính từ đông sang tây cung cấp nước vào suối Đèo Khế (sông Long Giản hay sông Mo Linh). Suối Giường được hình thành từ 4 dòng chảy hợp lại là Suối Cát, 2 suối nhỏ ở xóm Văn Hán và suối Cầu Mai. Suối Ngọn Cát (còn có tên gọi là Suốt Cát hoặc Ngòi Cái) khởi nguồn từ xã Liên Minh, huyện Võ Nhai chảy qua khe của núi Đèo Bông đến địa phận xóm Văn Hán hợp với 2 nguồn suối nhỏ từ bắc Đèo Nhâu chảy vào suối Giường. Suối Cầu Mai xuất phát từ núi Mùng Voi (xóm Thịnh Đức) chảy đến xóm Cầu Mai thì hợp với 2 nhánh nhỏ, cùng chảy qua Cầu Mai vào suối Giường. Sau khi hợp dòng với suối Cầu Mai và Ngọn Cát, suối Giường chảy vào suối Đèo Khế ở xóm Thống Nhất xã Khe Mo rồi đến đoạn mang tên sông

Long Giàn (tức suối Dừng hay sông Mo Linh) mang nước vào sông Cầu ở ranh giới xã Linh Sơn (Đồng Hỷ) và xã Đồng Bẩm (Thành phố Thái Nguyên).

Nhóm suối thứ hai có dòng chảy chính từ bắc về nam, cung cấp nước cho sông Ngòi Chẹo gồm có ba nguồn là suối Na Giang, suối La Đàn và suối Bồ Cu. Suối Na Giang, xuất phát từ đường sinh thủy núi Đát Cún phía tây cao điểm 143 thuộc xóm Phả Lý, chảy qua các xóm Vân Hòa, La Cùm, Ba Quả ra Hòa Khê gặp dòng suối từ xóm La Đàn chảy ra. Suối La Đàn bắt nguồn từ Bãi Đá chảy qua xóm La Đàn đến xóm Hòa Khê 1 thì nhập với suối Na Giang. Suối Bồ Cu xuất phát từ núi Ba Khe (nên còn có tên gọi là suối Ba Khe) thuộc xóm Hòa Khê 2 chảy về Ngã Hai gặp suối Na Giang và suối La Đàn ở giáp ranh 3 xóm Hòa Khê 2 - Đồng Chốc - Mỹ Lập. Ba dòng suối nhỏ này hợp thành suối Ngòi Chẹo⁽¹⁾ chảy qua giữa 2 xóm La Chanh và Đàm Diễm (xã Nam Hòa) và gặp Sông Đào ở đập Đá Gân. Một phần nước chảy qua cống Mười Cửa vào sông Máng và một phần nước tràn qua đập Đá Gân để nhập vào sông Cầu ở ngã ba vực Mủ (còn gọi là vực La Đà thuộc xã Đồng Liên, huyện Phú Bình).

Ngoài ra còn có một con suối nhỏ chảy từ xóm Làng Hỏa qua các xóm Khe Mo 2, Dọc Hèo, Tiền Phong, Ao

⁽¹⁾ Trên bản đồ ghi là sông Ngòi Chẹo.

Rôm 1, tới suối Dừng⁽²⁾ thuộc xóm Ao Rôm 2 và chảy ra sông Mo Linh.

Các con suối đã hình thành mạng lưới thủy văn rộng khắp trong xã phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Khi chưa có máy bơm nước, nhân dân trong xã đã lợi dụng dòng chảy để ngăn, nắn dòng, khơi mương làm máng dẫn nước vào ruộng thấp; làm những chiếc cọn để đưa nước vào ruộng cao, làm những chiếc cối nước dùng cho giã gạo, giã ngô để giảm bớt sức lao động.

Dưới thời thuộc Pháp, đường đi lối lại ở Văn Hán gập ghềnh, cheo leo, hiểm trở bởi vực sâu, dốc cao, nhiều mối nguy hiểm rình rập như thú dữ, côn trùng độc, gai góc, lá han.... Thời bấy giờ Văn Hán có con đường lớn nhất cũng chỉ dành cho người đi bộ từ ngã ba Khe Mo qua Làng Hòa, Phả Lý sang Cầu Mai đến xóm Văn Hán, vượt qua đèo Nhâu sang xã Lâu Hạ (nay là xã Liên Minh) đi Trảng Xá (Võ Nhai). Một con đường luôn rừng từ Phả Lý sang Hòa Khê đi đến xã Nam Kỳ (tức Nam Hòa ngày nay). Một con đường luôn rừng xuất phát từ Phả Lý đi qua Na Đầu (làng Đầu) sang xóm Hoan (thuộc xã Cây Thị). Một con đường từ làng Thán đi Cây Trôi đến Bến Bòng ra La Phước (Cầu Mai) và thông sang La Hiên. Một đường nữa từ làng Căng (tức La

⁽²⁾ Gọi là suối Dừng vì 2 bên bờ có rất nhiều cây Dừng đan kết vào nhau (cây Dừng có vẻ ngoài giống như cây Giang nhưng cây Dừng đặc ruột, cây Giang rỗng ruột)

Đùm) sang làng Dấu, đến Hàm Chim (thuộc xóm Hoan, xã Cây Thị). Còn lại, trong xã chỉ có các con đường rất nhỏ từ xóm này sang xóm kia và đến từng gia đình. Những con đường này đều rất khó đi lại bởi đã nhỏ hẹp lại bị cây cối, lau lách um tùm cùng với độ gập ghềnh, khúc khuỷu hoặc lầy thụt. Vì vậy, khi đi đường, người dân đều mang theo con dao (thông thường là dao quắm) để vừa đi vừa phát cây cỏ mở đường vừa để đề phòng bất trắc.

Sau ngày hòa bình ở miền Bắc (năm 1954), đường sá trong xã cơ bản vẫn nhỏ hẹp như trước. Từ khi Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và đứng chân tại xã, những con đường này dần dần được mở rộng, chủ yếu để cho xe lâm nghiệp đến các khu vực tập kết lâm sản chuyên chở về các kho bãi của lâm trường ở huyện và tỉnh. Đường này chỉ có xe tải chuyên dùng trong lâm nghiệp như Praga, xe có 2 hoặc 3 cầu trở lên mới đi được. Việc vận chuyển nội bộ trong xã chủ yếu bằng sức người hoặc dùng trâu kéo.

Hiện nay, trong xã có các tuyến đường chạy qua là đường Linh Nham - Đèo Nhâu sang Trảng Xá (Võ Nhai). Đoạn qua xã tính từ ranh giới giữa xóm Áp Chè với xóm Khe Mo 2 (gần ngã ba chợ Khe Mo) qua Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hưng, Vân Hòa, Phả Lý, Cầu Mai, La Đùm, Văn Hán đến đỉnh Đèo Nhâu để sang xã Liên Minh (huyện Võ Nhai) dài 14,2 km. Đường này được nâng cấp từ năm 2013,

đến năm 2015 hoàn thành và đã nối thông với các xã phía Nam huyện Võ Nhai.

Đường từ ngã ba Phả Lý qua các xóm Vân Hòa, La Cùm, Ba Quả, Hòa Khê 1, Hòa Khê 2 đến giáp ranh với xóm Mỹ Lập (xã Nam Hòa) và gặp Quốc lộ 17 (tức đường 269 cũ) tại chợ xã Nam Hòa dài độ 8,5 km (trong đó đoạn trong xã dài hơn 7 km). Năm 2010, con đường này được mở rộng và trải nhựa theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp 6.

Một con đường từ ngã ba Phả Lý qua xóm Thịnh Đức 2, Thịnh Đức 1, Đoàn Lâm đến giáp ranh với xóm Hoan (xã Cây Thị) có chiều dài khoảng 6,5 km. Đường này kéo dài đến Ủy ban Nhân dân xã Cây Thị, qua xóm Mỹ Hòa thông đến thị trấn Trại Cau gặp Quốc lộ 17 (tức đường 269 cũ). Đường này được nâng cấp, trải nhựa năm 2010.

Một con đường (hiện vẫn đang là đường đất) nối từ đường Linh Nham - Đèo Nhâu ở xóm Cầu Mai sang Võ Nhai và gặp Quốc lộ 1B ở xã La Hiên có chiều dài khoảng 4,5 km, trong đó đoạn trong xã dài 2,6 km.

Đến năm 2015, ngoài các tuyến đường nhựa đã có, những con đường từng xóm và liên xóm đã và đang tiếp tục được bê tông hóa. Giao thông đi lại trong xã đã thuận tiện hơn xưa rất nhiều; đường nhựa, đường bê tông đã nối liền từ trung tâm xã đã đến trung tâm 17 xóm.

Trước đây Văn Hán là vùng có diện tích rừng rất lớn; nửa đầu thế kỷ XX, rừng còn chiếm trên 90% diện tích đất tự nhiên; những năm 1960 - 1970 rừng tự nhiên che phủ khoảng 40 đến 50% diện tích đất của xã. Thảm thực vật rừng có nhiều loại như song, mây, tre, vầu, trúc, nứa,... và các loại gỗ quý nhóm 1, nhóm 2⁽¹⁾. Động vật ở trong rừng Văn Hán phong phú và đa dạng, có nhiều loại, nhiều loài từ hổ, báo, hươu, nai, lợn rừng, vượn, khỉ, chồn, cáo, cây hương, kỳ đà cho đến công, trĩ, gà rừng... Những ngày trở trời (dân gian thường gọi là rừng động), có những đàn quạ núi, hâu hang đông đến vài trăm con bay lượn rợp trời. Tài nguyên rừng giàu có đã nuôi sống bao thế hệ người dân Văn Hán và góp phần vào phát triển kinh tế chung của đất nước. Những năm đầu của phong trào cách mạng cũng như trong kháng chiến chống Pháp, rừng Văn Hán còn góp phần che chở, nuôi dưỡng cho cán bộ hoạt động trong những ngày khó khăn. Tuy nhiên, do khai thác quá mức, cùng với sự thiếu ý thức của con người dẫn đến tài nguyên rừng ở Văn Hán bị cạn kiệt. Đến cuối thế kỷ XX, rừng tự nhiên ở xã Văn Hán hầu như đã bị khai thác hết. Mất thảm thực vật che phủ, mất luôn nguồn động vật rừng phong phú và kéo theo mặt đất bị rửa trôi, độ phì của đất giảm nhanh, lượng dự trữ nước

⁽¹⁾ Gỗ nhóm 1 là loại gỗ vừa tốt bền vừa có vân đẹp hoặc hương thơm như lát hoa, hoàng đàn, pơ mu... Gỗ nhóm 2 là các loại gỗ có độ bền chắc như đinh, lim, sến, táu... gỗ nhóm 2 còn được gọi là nhóm "tứ thiết" (tứ thiết là 4 loại gỗ được ví bền như kim loại sắt).

ngầm cũng giảm sút đáng kể. Để phủ xanh đất trống nhằm phục hồi một phần tài nguyên rừng, nhân dân Văn Hán đã trồng thay thế rừng bằng bạch đàn, keo, mỡ, bồ đề.... Từ những năm 1990 đến nay, Nhà nước có chương trình trồng rừng PAM, Chương trình 327, Chương trình 147, Chương trình trồng 5 triệu héc ta rừng và nhiều chính sách hỗ trợ đã mang lại lợi ích thiết thực cho người trồng rừng. Vì thế thảm thực vật rừng ở Văn Hán được khôi phục dần dần; độ che phủ rừng không ngừng tăng lên và đến nay đã đạt trên 50%. Tuy rừng trồng không như rừng tự nhiên nhưng cũng đã góp phần quan trọng vào bảo vệ môi trường và đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho nhân dân.

Việc thăm dò tài nguyên khoáng sản ở Văn Hán chưa nhiều. Hiện trong xã có một mỏ quặng sắt mang tên Sắt Nhâu ở xóm Văn Hán đã được cấp phép cho Hợp tác xã Vận tải Chiến Công khai thác.

2. Văn hóa xã hội

Đến đầu thế kỷ XX, vùng đất các xã Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê cũng như Khe Mo, Cây Thị vẫn là những cánh rừng nguyên sinh, là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc⁽²⁾ ít người như Tày, Nùng, Dao, Hoa, Sán Chay (Sán Chí, Cao Lan)... cùng với người Kinh sinh sống thành từng chòm xóm riêng lẻ hoặc đan xen.

⁽²⁾ Thống nhất theo cách viết ghi trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, gọi là các dân tộc.

Nhân dân xã Văn Hán trước đây chủ yếu là phát nương làm rẫy và khai thác tài nguyên rừng đem bán đổi lấy hàng hóa. Có một số hộ làm lúa nước nhưng diện tích không nhiều; nguyên nhân do những thửa ruộng bên các khe núi, đồi thường là sinh, lầy thụt và tập tục của địa phương còn ít làm lúa nước. Việc khai thác lâm sản để bán đổi hàng hóa chỉ để phục vụ cho những nhu cầu tối thiểu của mỗi gia đình. Kinh tế của nhân dân Văn Hán thời kỳ trước tổng khởi nghĩa (tháng 8/1945) chủ yếu là tự cung, tự cấp. Dưới thời thực dân, phong kiến, nhân dân Văn Hán bị chia rẽ các dân tộc cùng với các chính sách “ngu dân” nên đa phần đều khổ cực. Hầu hết các gia đình đều nghèo, hàng năm thiếu ăn từ 4 đến 6 tháng nên phải vào rừng kiếm củ, quả, măng rừng để ăn, bán, đổi sống qua ngày.

Từ năm 1945 trở về trước, vùng đất Văn Hán là nơi núi, rừng rậm rạp, dân cư thưa thớt, lại có nhiều dân tộc khác nhau, nên việc giao lưu của dân trong xã có phần hạn chế. Mặt khác, thực dân Pháp còn tìm cách chia rẽ các dân tộc, khuyến khích các hủ tục, làm cho người dân Văn Hán luân quần trong đói nghèo, lạc hậu. Thời kỳ này cả tổng Huống Thượng chỉ có 1 trường học, đặt tại xã Huống Thượng, nhưng cũng chỉ vài gia đình có kinh tế khá giả mới cho con đến trường của tổng để học; một vài gia đình tự đón thầy đồ về dạy học cho con em tại nhà. Số người biết chữ ở trong xã chiếm tỷ lệ rất nhỏ và hầu hết chỉ ở mức biết đọc biết viết

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

đến văn hoá sơ học (như các lớp đầu của cấp tiểu học hiện nay), vì vậy, có đến trên 95% dân số trong xã bị mù chữ

Là vùng đất có nhiều thành phần dân tộc, mỗi thành phần dân tộc lại có những nét văn hóa khác nhau từ nhà ở, tiếng nói, trang phục đến tập quán canh tác và các tục lệ tín ngưỡng. Ở xã Văn Hán không có chùa, chỉ có đình làng phục vụ tín ngưỡng của nhân dân địa phương.

Trước năm 1945, Hội đồng Kỳ mục, Lý trưởng, Chương bạ, Hộ lại cả 3 xã (làng) Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê đều đã xây dựng được Hương ước thống nhất các quy định của làng (xã). Hương ước của xã Văn Hán lập ngày 3 tháng 8 năm 1937. Hương ước của xã Phả Lý lập tháng 4 năm 1938 và Hương ước của làng Hòa Khê lập ngày 27 tháng 7 năm 1938. Cả 3 bản Hương ước của 3 xã (làng) đều quy định những công việc phải làm, những tục lệ thờ cúng tín ngưỡng cụ thể của địa phương⁽¹⁾ và được tri huyện Đồng Hỷ thời bấy giờ là Nguyễn Thế Hiệu phê duyệt. Những quy định trong Hương ước được nhân dân tự giác chấp hành nghiêm túc; một số tục lệ vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

Trước đây, ở Văn Hán, mỗi xã nhỏ đều có ít nhất một ngôi đình để nhân dân thờ Thành hoàng là đình Văn Hán,

⁽¹⁾ Hương ước xã Văn Hán - tổng Huống Thượng - huyện Đồng Hỷ - tỉnh Thái Nguyên lập ngày 3/8/1937; ký hiệu Hur 3277, bản lưu tại Viện thông tin KHXH Việt Nam.

Hương ước xã Phả Lý lập ngày 6/8/1937, ký hiệu Hur 3264.

Hương ước xã Hòa Khê ký hiệu Hur 3258 lập tháng 4/1938

đình Hòa Khê và đình Phổ Lý (tức Phả Lý). Trong mỗi xóm (thôn) của từng xã lại có các đình làng riêng thờ thành hoàng và các vị thần có công giúp đỡ che chở cho nhân dân và để tiện cho dân làng đi lại làm lễ cúng tế.

Tại xã Văn Hán (xã cũ) có các ngôi đình được lập từ xa xưa, gần đây đã được nhân dân dân tôn tạo và nâng cấp là đình làng Văn Hán (làng Thán), đình Làng Căng (nay là La Dùm), đình Làng Đẩu (nay là Thịnh Đức) và đình Đá Kê (nay là Cầu Mai). Các triều vua Nguyễn đã ban chung cho xã Văn Hán 3 đạo sắc phong vào các năm 1854, 1908 và 1924; cả ba đạo sắc phong này đều đang được thờ tại đình Văn Hán, cụ thể là:

Đình Văn Hán: Thờ thành hoàng Cao Sơn Quý Minh tôn thần nguyên tằng Quang diệu đôn tểnh địch cát trác vĩ Dực bảo trung hưng thượng đẳng thần và các vị thần có công hộ quốc an dân ở địa phương. Theo truyền khẩu, đình Văn Hán được xây dựng từ rất lâu, ban đầu đình được lập tại khu Đồng Lách, sau đó chuyển đến khu Cổ Bồng và cuối cùng chuyển về vị trí Đồng Trũng như hiện nay. Tương truyền khi đình còn ở khu Cổ Bồng thì đường đi lại rất khó khăn bởi vương Ao Đình. Khi ấy ở khu Đất Bờ có 2 hòn đá to và một hòn đá nhỏ, được gọi là hòn đá Ông, hòn đá Bà và hòn đá Con. Dân làng muốn mang 1 hòn đá về làm cầu qua Ao Đình nên đã làm lễ xin chuyển hòn đá Ông đi. Để chuyển được hòn đá Ông, dân làng huy động 1000 người gồm 300

người già (lão niên) và 700 thanh niên⁽¹⁾ để khiêng hòn đá này đi làm cầu, nhưng khi đang khiêng hòn đá Ông đi thì hòn đá Bà ở chỗ cũ tự vỡ làm đôi. Xem quẻ, thầy bói nói là đá Bà đổi ý không cho đá Ông đi, dân làng lại khiêng đá Ông quay lại, đến vực Thìa Vân dây buộc bị đứt, đá lăn xuống vực và vẫn nằm tại đấy cho đến nay⁽²⁾. Đình Văn Hán nổi tiếng linh thiêng, lại nằm ở khu vực khuất, lạnh, kín đáo nên năm 1951, Trung ương chọn nơi đây để tổ chức hội nghị bàn về chính sách thuế nông nghiệp; Hội nghị do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng chủ trì. Đình Văn Hán được xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 596/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 3 năm 2012.

Đình Thịnh Đức: Xưa kia có tên là đình làng Đấu (còn gọi là Na Đấu). Đình thờ Thành hoàng Cao Sơn Quý Minh tôn thần nguyên tặg Quang diệu đôn tĩnh địch cát trác vỹ Dực bảo trung hưng thượng đẳng thần và các vị thần có công hộ quốc an dân ở địa phương. Trong thời kỳ hoạt động bí mật và kháng chiến chống thực dân Pháp, tại đình đã diễn ra nhiều cuộc họp kín của cán bộ cách mạng và về sau là Liên khu Việt Bắc; là nơi trú quân và dừng nghỉ của một số đơn vị quân đội. Đình đã có đóng góp thiết thực tạo nên dáng vóc của xã An toàn khu (ATK). Tại Quyết định số 1574/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 7 năm 2014, của UBND

⁽¹⁾ Xã Văn Hán có truyền thuyết “300 lão, 700 trai”.

⁽²⁾ Ở trước cửa nhà ông Nông Văn Nguyên hiện nay.

tỉnh Thái Nguyên, đình Thịnh Đức được xếp hạng là di tích cấp tỉnh. Ngày 27 tháng 8 năm 2014, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán long trọng làm lễ đón bằng Công nhận di tích cấp tỉnh cho đình Thịnh Đức. Ban Quản lý di tích đình Thịnh Đức do ông Lương Quang Xuyên làm Trưởng ban, ông Nguyễn Quốc Hùng làm Phó ban.

Đình Căng thôn: Là ngôi đình của nhân dân xóm La Đùm dựng lên từ rất lâu đời; Đình thờ thành hoàng Cao Sơn Quý Minh và các vị thần khác như Đức ông La Quán, Đức bà La Chanh, Mai Hoa công chúa... Theo truyền thuyết kể lại, khi chưa có xã, chức dịch các làng (xóm) tổ chức kết nghĩa, giao ước với nhau tại đình làng Căng về việc đầu xuân mở cửa đình các làng không trùng nhau để thuận tiện cho nhân dân đi lại giao lưu. Theo giao ước tháng giêng mở cửa đình lần lượt là làng Dị (ngày mùng 4), làng Thán (ngày mùng 5), làng Căng (ngày mùng 6), làng Đầu (ngày mùng 7), và ngày mùng 8 mở cửa đình làng Hòa Khê là kết thúc. Tập tục quy định ngày khai xuân mở cửa đình ở các làng không trùng ngày nhau vẫn được duy trì đến hiện nay, còn các nội dung khác có thay đổi theo từng địa phương.

Đình Hòa Khê: Theo Hương ước lập tháng 4 năm 1934, ở Hòa Khê có đình Giếng Xứ là đình hàng xã. Đình Giếng Xứ thờ thần hoàng là Cao Sơn và Quý Minh. Theo hương ước (được tri huyện Đồng Hỷ là Nguyễn Thế Hiệu phê duyệt) đình Giếng Xứ được Vua Khải Định ban cho 2 đạo

sắc phong vào các năm Khải Định thứ 2 (1917) và Khải Định thứ 9 (1924). Tuy nhiên, do điều kiện cất giữ không được chu đáo nên 2 đạo sắc phong này đã bị thất lạc. Trải qua thời gian, đình bị hư hỏng rồi đổ nát. Năm 2014 nhân dân trong xóm đóng góp công của xây lại đình khang trang.

Hiện nay trong xã còn có các đình cũ như đình Làng Cả (đình Dị Cả), đình La Đàn, đình làng Hỏa, đình Vân Hòa và một ngôi đình mới là đình xóm Đoàn Lâm. Các ngôi đình này đều tuân theo tục lệ có từ xưa để lại là thờ chung thành hoàng là Cao Sơn Quý Minh và các vị thần hiển linh ở địa phương.

Ở xã Văn Hán có 3 ngôi đền thờ các vị thần có công phò trợ, giúp đỡ nhân dân từ xa xưa truyền lại là đền (nghè) Ngựa Trắng, đền Giao Thủy (ở xóm Văn Hán) và đền Đá Hen (ở xóm Hòa Khê 2)

Đền Ngựa Trắng (còn gọi là nghè Ngựa Trắng): Xưa kia ở suối Ngọn Cát (địa phương thường gọi là Suối Cát) có một vực nước xoáy hút sâu vào trong hang. Có người lấy 3 quả bông (bưởi) thả xuống vực và bị nước hút mất, sau đó thấy một quả nổi lên ở Giếng làng, một quả nổi lên ở mạch nước Đồng Đâm và một quả nổi lên ở Vực Lửa; vì vậy, dân làng gọi hang này là Vực Thần. Tương truyền vào thời xa xưa có một toán quân nổi lên chống lại sự hà hiếp của quan lại nhưng không thành công. Bị vây ráp toán quân này rút về ở trên một quả núi, canh phòng cẩn mật, không cho người dân địa phương qua lại (vì vậy núi này được gọi là Núi Cấm).

Hàng ngày những người lính xuống ao ở chân núi lấy nước hoặc tắm giặt, họ dựa vào bờ rồi mới xuống ao, vì vậy, ao này về sau được dân địa phương gọi là ao Dựa Giáo. Trước sức tấn công của triều đình, toán quân này tan rã; người chết được chôn trên núi, số còn sống tan tác mỗi người mỗi nơi. Riêng con ngựa trắng của thủ lĩnh vì uất quá đã “bay” về đến Vực Lửa thì dừng lại và chết đứng tại đấy. Dân làng cho là ngựa thần bèn tạc một con ngựa trắng, dựng đền thờ ngựa và gọi là đền Ngựa Trắng (hoặc nghề Ngựa Trắng). Vào một đêm mưa gió, sấm, sét, chớp giập đùng đùng, dân làng vẫn nghe thấy tiếng ngựa vừa hí vừa khua vó từ khu Vực Lửa về khu Vực Thần. Sáng dậy, mọi người ra Vực Lửa thì không thấy ngựa thần đâu, lần theo dấu chân, thấy ngựa đứng gần Vực Thần, đầu ngựa vẫn đội tấm gianh lợp nhà. Dân làng đi xem bói, thầy nói: có người Khách⁽¹⁾ bí mật đến giầu của, họ định mượn oai thần của ngựa trông coi, nhưng ngựa quyết bỏ đi không chịu coi của cho người Tàu. Vì vậy dân làng quyết định tạc ngựa gỗ sơn màu trắng và lập đền thờ ngựa tại Vực Thần. Ngựa thần bằng nguyên liệu gỗ đang thờ hiện nay là do cụ Nông Văn Nhân ở xóm Văn Hán tạc từ nửa đầu thế kỷ XX.

Đền Giao Thủy: Thờ thần Thủy Linh Đại vương là bộ phận bảo đảm cung cấp lương thảo cho toán quân trên

⁽¹⁾ Người Khách, người Tàu, người Hoa, người Hán, người Minh Hương là cách gọi trước kia của nhân dân ta đối với những người Trung Quốc di cư sang Việt Nam.

núi Cẩm. Đền Giao Thủy có chung các ngày lễ với đền Ngự Tráng.

Đền Đá Hen: Khi xưa có tên là đền Vai Diễn, đền mới được nhân dân xóm Hòa Khê 2 khôi phục thời gian gần đây.

3. Truyền thống yêu nước

Nhân dân các dân tộc xã Văn Hán có truyền thống yêu nước từ cha ông truyền lại và được phát huy đến ngày nay.

Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhất là từ khi chúng chiếm đóng Thái Nguyên (1884 - 1945), nhân dân các dân tộc trong xã chịu kiếp nô lệ, bị sự áp bức bóc lột nhiều bề, phải đi phu, đi lính và các công việc tạp dịch khác. Với bản chất của người nông dân Việt Nam khảng khái, yêu ghét rõ ràng, nhân dân trong xã bất bình cao độ với chế độ thực dân phong kiến.

Khi Đề Thám phát cờ khởi nghĩa đã lấy núi rừng Yên Thế làm trung tâm kháng chiến đồng thời phát triển sang các địa phương lân cận. Hưởng ứng phong trào Yên Thế, nhân dân các xã Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê đã cùng với nhân dân vùng phía Đông huyện Đồng Hỷ sát cánh cùng nghĩa quân Đề Thám chống quân xâm lược. Thực dân Pháp phải thừa nhận “toàn bộ vùng Nam Thái Nguyên đều quy thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt các nhà cầm quyền Pháp và bản xứ”⁽²⁾. Cuộc kháng chiến hơn 30 năm giữa

⁽²⁾ Lịch sử Việt Nam, tập 2- NXB khoa học xã hội, 1989, trang 79.

núi rừng Bắc Giang - Thái Nguyên của nghĩa quân Đề Thám đã buộc thực dân Pháp phải lúng túng đối phó nhiều năm có phần đóng góp nhất định của nhân dân các dân tộc xã Văn Hán.

Đêm 30, rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cận và Lương Ngọc Quyến, binh lính người Việt đóng ở tỉnh lỵ Thái Nguyên đã nhất tề đứng lên làm binh biến. Quân khởi nghĩa làm chủ thị xã và tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt Quốc hiệu “Đại Hùng”, lấy lá cờ vàng 5 sao đỏ (cờ ngũ tinh) thêu dòng chữ “Nam Bình phục quốc” làm Quốc kỳ⁽¹⁾. Khởi nghĩa Thái Nguyên làm rung chuyển toàn bộ hệ thống cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Chúng hoảng hốt huy động tối đa lực lượng quân sự ở Bắc Kỳ để đàn áp cuộc khởi nghĩa⁽²⁾. Tuy chỉ giữ tỉnh lỵ Thái Nguyên được 6 ngày ngắn ngủi, sau đó nghĩa quân dựa vào

⁽¹⁾ Sách “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại” do Sở Văn hóa TT-TT tỉnh Thái Nguyên và Viện Sử học, xuất bản năm 1997, trang 79 ghi “lấy cờ 5 sao làm Quốc Kỳ”; trang 101 ghi “lấy cờ 5 sao...làm Quân kỳ”. Tác giả đề nghị vẫn giữ nguyên chữ “Quốc kỳ” vì khi đã có “Quốc hiệu” thì có “Quốc kỳ” là hợp lý.

⁽²⁾ Theo sách “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại” do Sở Văn hóa TT-TT và Viện Sử học Việt Nam phát hành năm 1977: Lực lượng nghĩa quân chỉ có khoảng 600 người (khoảng 300 binh lính và 300 tù nhân) nhưng Pháp phải điều động một lực lượng đàn áp khổng lồ gồm: 1.086 sĩ quan binh lính người Âu; 1.626 hạ sĩ quan binh lính người; 1.139 lính tập, lính đồng, lính cơ...được trang bị đầy đủ pháo binh, tàu chiến và toàn bộ hệ thống chính quyền từ cấp làng xã trong 10 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bắc Kạn, Phúc Yên, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên nhưng nghĩa quân đã dựa vào rừng núi chiến đấu đến cùng. Ngày 10/1/1918, quân Pháp tổ chức cuộc càn quét lần cuối vào Núi Pháo (Đại Từ), khởi nghĩa mới chấm dứt.

núi rừng hiểm trở, vừa rút lui, vừa chiến đấu nhằm bảo toàn lực lượng lâu dài. Trên đường vừa rút lui vừa chiến đấu, quân khởi nghĩa Thái Nguyên đã hoạt động trên địa bàn xã Văn Hán theo hướng hành quân từ Phổ Yên lên Bảo Nang, Trảng Xá, Mỏ Nà Lương, Đèo Khế⁽³⁾, Thịnh Đán, Cù Vân⁽⁴⁾. Tại Núi Pháo, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, vào hồi 21 giờ ngày 5 tháng 1 năm 1918, thủ lĩnh nghĩa quân Trịnh Văn Cấn đã tự sát, quyết không chịu sa vào tay giặc. Do nằm trên đường vừa rút lui vừa chiến đấu của nghĩa quân Đội Cấn; vùng đất xã Khe Mo, Văn Hán là nơi nghĩa quân đã hành quân qua nên ít nhiều cũng có những đóng góp nhất định cho binh lính khởi nghĩa Thái Nguyên.

Những thập kỷ tiếp theo và nhất là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc xã Văn Hán được các thế hệ cán bộ và nhân dân ngày càng được phát huy cao độ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân trong xã đã có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, được ghi nhận là xã An toàn khu (ATK).

⁽³⁾ Trước năm 1948, Đèo Khế nằm ở giữa 2 xã thuộc 2 huyện (phía nam đèo là xóm Đèo Khế, xã Phả Lý-từ 1953 đến nay là xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ-phía bắc đèo là xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai).

⁽⁴⁾ Trích trong “Địa bàn hoạt động của nghĩa quân Đội Cấn” do Giáo sư-Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm cung cấp trong sách “Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại” (Sđd trên)

NỘI DUNG 3 BỨC SẮC PHONG TẠI ĐÌNH VĂN HÁN

Bức Sắc phong thứ nhất viết: “Sắc Cao Sơn Quý Minh chi thần nguyên tặng quang diệu đôn tĩnh dịch cát chi thần hộ quốc tỹ dân nãm trứ linh ứng tiết kim bôi cữu. Tỏi mệnh điển niệm thần ma khả gia tặng quang diệu đôn tĩnh dịch cát trác vĩ thượng đẳng thần nhưng chuẩn Đồng Hỷ huyện, Văn Hán xã y cữu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân khâm tai. Tự Đức thất niên thập nguyệt thập nhất nhật”.

Dịch nghĩa là: “Sắc phong cho vị thần Cao Sơn Quý Minh nguyên tặng phong quang diệu tú tĩnh dịch cát có công bảo vệ đất nước che chở cho nhân dân thờ cúng thường linh ứng nay cho phép thờ cúng như cũ. Vị thần tối mệnh gia tặng là Quang diệu đôn tĩnh dịch cát trác vĩ, dự vào hàng Thượng đẳng thần. Chuẩn cho xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ theo y trước mà thờ phụng vị thần

đã che chở cho muôn dân. Thật đáng khâm phục. Ngày 01 tháng 10 Tự Đức thứ 7 ban sắc⁽¹⁾”.

Bức sắc phong thứ 2 viết: “Sắc chỉ Thái Nguyên tỉnh, Đồng Hỷ huyện, Văn Hán xã tòng tiền phụng sự Quang diệu đồn tĩnh địch cát trác vũ Dục bảo trung hưng Cao Sơn Quý Minh thượng đẳng thần tiết kinh ban cấp. Sắc chuẩn kỳ phụng sự Duy Tân nguyên niên phổ quang đại lễ kinh ban chiếu đàm ân lễ long đẳng trật đặc chuẩn y cứu phụng sự dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển khâm tai. Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật”.

Dịch nghĩa là: “Sắc chỉ xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo trước mà được phụng thờ vị thần được tặng là Quang diệu đồn tĩnh địch cát trác vũ cấp cho được thờ là Cao Sơn Quý Minh thượng đẳng thần. Ban cấp sắc phong Chuẩn y cho thờ phụng như cũ năm Duy Tân thứ nhất nhân dịp phổ quang đại lễ ban chiếu báu để thấy sự long trọng, chuẩn y cho thờ cúng như cũ vị thần đã giúp nước được ghi vào tự điển

⁽¹⁾ Ngày 01 tháng 10 năm Tự Đức thứ 7 tức là ngày 20 tháng 11 năm 1854 theo dương lịch.

hãy che chở bảo vệ cho dân ta. Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ ba⁽¹⁾.

Bức Sắc phong thứ ba viết: “Sắc Thái Nguyên tỉnh, Động Hỷ huyện, Văn Hán xã tòng tiên phụng sự Cao Sơn Quý Minh tôn thần nguyên tặg Quang diệu đôn tĩnh địch cát trác vỹ Dực bảo trung hưng thượng đẳng thần hộ quốc ty dân năm trứ linh ứng. Tiết mong: Ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự tứ kim chính trực trăm tứ tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu đảm ân lễ dong đẳng trật đặc chuẩn y cữ phụng sự dụng chỉ quốc khánh nhi thân tự điển khâm tai. Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật”.

Dịch nghĩa: “Sắc cho xã Văn Hán, huyện Động Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo trước mà thờ phụng vị thần Cao Sơn Quý Minh tôn thần nguyên tặg Quang diệu đôn tĩnh địch cát trác vỹ cấp cho được thờ vị Thượng đẳng thần đã bảo vệ đất nước che chở cho dân hàng năm thờ cúng thường có linh ứng. Mong được cấp ban sắc nhân trăm tổ chức lễ mừng thọ 40 tuổi lại ban chiếu báu cho tỏ sự

⁽¹⁾ Theo nội dung ghi trong bức sắc phong năm Duy Tân thứ 3, có thể sẽ còn 1 bức sắc phong vào năm Duy Tân nguyên niên (tức Duy Tân năm thứ nhất 1905). Ngày 11 tháng 8 Duy Tân năm thứ 3 tức ngày 06 tháng 9 năm 1908 dương lịch.

on sâu chuẩn y cho thờ phụng như cũ vị thần đã được ghi vào từ điển thật đáng khâm phục. Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định năm thứ 9⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 tức ngày 28 tháng 8 năm 1924 theo dương lịch.

Chương II

XÃ VĂN HÁN TRONG THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 -1945)

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhưng vì những lý do khách quan và chủ quan, đến cuối năm 1936, tỉnh Thái Nguyên mới có cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên do đồng chí Đặng Tùng tuyên bố thành lập ở xã La Bằng (thuộc huyện Đại Từ). Đầu năm 1937, đồng chí Đặng Tùng tiếp tục phát triển đảng viên và thành lập cơ sở Đảng ở Võ Nhai⁽¹⁾.

Ngay sau khi thành lập, năm 1937-1938, cơ sở Đảng Võ Nhai đã liên tiếp vận động nhân dân Châu lỵ La Hiên và khu vực xung quanh đấu tranh chống bắt phu, bắt lính vào ngày mùa... cấm đánh đập phu, đòi trừng trị bọn ăn chặn thù lao của dân phu... Các cuộc đấu tranh của nhân dân đã giành thắng lợi, tuần phủ Thái Nguyên buộc phải lần lượt đổi 2 tên tri châu Võ Nhai là Đèo Văn Long và Vi Văn Méo đi nơi khác.

Do xóm Đèo Khế (của xã Phả Lý cũ) ở sát với xóm Cây Bòng, thuộc xã La Hiên khi ấy thuộc châu Võ Nhai,

⁽¹⁾ Sách Địa chí Thái Nguyên - NXB Chính trị quốc gia, XB 2009, trang 231, 232 và Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập 1, XB 2003, trang 63.

vì vậy các hoạt động cách mạng ở đây đều có ảnh hưởng đến các xã xung quanh, trong đó có Khe Mo, Phả Lý, Văn Hán. Cán bộ cách mạng thường chọn những khu vực hẻo lánh, an toàn để xây dựng cơ sở cách mạng. Từ năm 1938, đồng chí Mông Quốc Hoa, ở xóm Làng Hỏa, xã Phả Lý đã bí mật tham gia hoạt động cùng các đảng viên ở Võ Nhai⁽²⁾. Từ năm 1939 đến năm 1943, trong xã luôn có cán bộ cách mạng về các gia đình ông Vi Văn Môn, Vi Văn Tình (ở Ao Cả), Mông Văn Tiên, Trần Văn Đạt (ở Làng Hỏa)⁽³⁾ để tuyên truyền vận động nhân dân chống Pháp. Năm 1941, tổ chức đã xây dựng được căn cứ bí mật trong rừng thuộc xóm Đèo Khế và các đồng chí Đinh Phú Hào, Mông Quốc Hoa, Vi Văn Tình (xóm Phả Lý) được giao nhiệm vụ làm giao thông liên lạc từ căn cứ đến các cơ sở cách mạng.

Tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ II nổ ra, Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ, Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ngoài vòng pháp luật. Ở Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp ra lệnh cấm tuyên truyền cộng sản, giải tán các tổ chức chính trị và đóng cửa các tờ báo tiến bộ, khám xét bắt giam hàng nghìn đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Trước sự khùng bố gắt gao của thực dân Pháp, một số đảng viên cộng sản và những người yêu nước đã

⁽²⁾ Từ năm 1947 về trước Võ Nhai gọi là châu Vũ Nhai. Cấp ủy Vũ Nhai năm 1947 gọi là Châu ủy Vũ Nhai. Để thống nhất, tổ biên soạn vẫn ghi là Võ Nhai.

⁽³⁾ Di bút của đồng chí Dương Văn Quyền, cán bộ Tiền khởi nghĩa, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố Thái Nguyên.

phải tạm lánh đến các địa phương khác, trong đó có Thái Nguyên⁽¹⁾ dựa vào rừng núi để bảo toàn lực lượng, chờ bắt liên lạc với tổ chức... (như các đồng chí Vũ Hưng, Tổng Văn Phổ...).

⁽¹⁾ Những người lánh đến Khe Mo, Phả Lý (Văn Hán) có Lâm Đức Thụ và Tổng Văn Phổ.

+ Tại lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên: Tài liệu của mật thám Pháp ghi ngày 28/11/1939, một chỉ điểm viên phát hiện Lâm Đức Thụ (nguyên lãnh tụ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội do Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1925) đến ấp Ao Rôm ở tại nhà chủ ấp tên là Chức, sinh quán ở Nam Định. Lơ - néc (Chánh mật thám Bắc Kỳ) lập tức cử người lên Thái Nguyên chỉ đạo việc vây ráp. Sau đó, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Mô - răng, Phó Chánh mật thám Bắc Kỳ, Công sứ Thái Nguyên đã điều động binh lính của tỉnh, huy động lính đồng ở địa phương căn quét vào các xã Khe Mo, Phả Lý, Hòa Khê, Văn Hán (xã cũ) để truy lùng cộng sản, nhưng Lâm Đức Thụ đã đi khỏi Ao Rôm từ trước nên cuộc căn quét của Pháp không thu được kết quả.

Thực tế thời gian này có chủ ấp Ao Rôm là ông Nguyễn Văn Súc và vợ là bà Lê Thị Túc (có lẽ mật thám ghi nhầm là Chức). Khi ấy, ông Súc bị gọi là đi theo “giặc cỏ” (cách gọi lúc bấy giờ chỉ những người đi theo cách mạng ở Võ Nhai) về sau bị mất tích. Sau sự kiện bị địch căn quét, tra xét, bà Túc bán ấp Ao Rôm cho ông Nguyễn Như Chín rồi đi buôn bán ở các xóm trong xã Khe Mo. Sau ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, bà Lê Thị Túc làm Bí thư Phụ nữ Cứu quốc xã Khe Mo.

+ Đồng chí Tổng Văn Phổ, là Bí thư Ban Tỉnh ủy Đông Dương cộng sản Đảng tỉnh Thái Bình từ tháng 6 năm 1929, những năm khoảng 1932-1933, bị địch bắt, kết án tù. Thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936-1939), đồng chí được ra tù, đến xã Phả Lý, tổng Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên lập ấp Giáo Phổ (nay là xóm Ấp Chè); gần đến ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, đồng chí bị sát hại không rõ nguyên nhân, phần mộ ban đầu đặt ở Làng Hòa. Theo đồng chí Nguyễn Sơn Oanh (nguyên Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ): khi đồng chí còn là Phó Bí thư, được Huyện ủy Đồng Hỷ phân công cùng Tỉnh ủy Thái Bình và gia đình đi tìm phần mộ đồng chí Tổng Văn Phổ, nhưng không thấy. Về sau được biết, ngôi mộ đã được em gái đồng chí Phổ tên là Tổng Thị Nhài (công tác ở Viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên) chuyển từ trước đó.

Ngày 22 tháng 9 năm 1940, quân Nhật từ Hoa Nam (Trung Quốc) tràn qua Biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn⁽²⁾; quân Pháp ở đây hốt hoảng bỏ nhiệm sở tháo chạy. Tranh thủ thời cơ, tối 27 tháng 9 năm 1940, Chi bộ Bắc Sơn phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Nhưng, khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa lúc tình hình trong nước và thế giới không thuận lợi nên bị kẻ thù đàn áp đẫm máu. Để bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và duy trì phong trào cách mạng, nhiều cán bộ đảng viên của Thái Nguyên đã xung phong vào đội du kích chiến đấu chống giặc. Ngày 23 tháng 2 năm 1941, Đội du kích Bắc Sơn đổi tên thành Đội Cứu quốc quân. Đội lấy khu vực Bắc Sơn - Võ Nhai và vùng xung quanh trong đó có các xã Cây Thị, Khe Mo, Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê làm địa bàn hoạt động. Đội có nhiệm vụ vừa chiến đấu, vừa xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng các trạm liên lạc bảo đảm cho tuyến giao thông thông suốt giữa Trung ương với các địa phương khác. Căn cứ bí mật trong rừng Đèo Khế (khi đó thuộc xã Phả Lý) là một điểm trong đường dây liên lạc đưa đón cán bộ cách mạng. Tháng 5 năm 1941, đường dây liên lạc đã góp phần đưa cán bộ của Đảng lên Cao Bằng họp Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa I) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại biểu của Quốc tế cộng sản chủ trì.

⁽²⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I, trang 78.

Sau hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa I), ngày 16 tháng 6 năm 1941, các đồng chí cán bộ Trung ương từ Cao Bằng về đến Bắc Sơn - Võ Nhai. Phát hiện các đồng chí Trường Chinh (Tổng Bí thư), Hoàng Quốc Việt và Hoàng Văn Thụ (Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng) và các đồng chí lãnh đạo khác có mặt ở khu căn cứ; quân Pháp tập trung bao vây càn quét nhằm triệt hạ đầu não lãnh đạo của Đảng ta. Ngày 17 tháng 6 năm 1941, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp tập trung 4.000 quân bao vây căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Do vị trí địa lý của xã Khe Mo, Phả Lý có Quốc lộ 1B nối từ Thái Nguyên đi La Hiên (Võ Nhai) có chiều dài gần 10 km chạy qua. Một con đường nối từ xóm Khe Mo qua Phả Lý, Văn Hán qua đèo Nhâu sang xã Lâu Hạ (nay là xã Liên Minh) đến Tràng Xá (Võ Nhai). Ngã ba Khe Mo đi Phả Lý trở thành điểm tập kết, dừng chân và trung chuyển binh lính địch đi càn quét, đàn áp cách mạng. Các chức dịch, lính đông ở địa phương được huy động tham gia vào việc lùng sục, bao vây những nơi nghỉ ngơi và chặn đường đi lại của cán bộ Việt Minh. Những ngày này, trên đường qua xã có hàng chục xe vận tải, chở đầy binh lính lên bao vây khu căn cứ, đàn áp phong trào cách mạng, lùng bắt cán bộ, khủng bố nhân dân. Các cuộc càn quét, vây ráp khủng bố diễn ra thường xuyên làm đảo lộn đời sống của nhân dân địa phương. Mặt khác địch còn tung một lượng lớn gián điệp vào các xóm Khe Mo, Ao Rôm, Đèo Khế, Long Giàn, Cầu Mai, Văn Hán... chúng còn giả làm

người bán hàng xén, bán muối, bán dầu hỏa (dầu thắp đèn) để dò la tin tức cán bộ cách mạng.

Ngày 15 tháng 9 năm 1941, tại rừng Khuôn Mánh, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, Trung đội Cứu quốc quân II gồm 47 cán bộ chiến sỹ được thành lập do đồng chí Chu Văn Tấn làm Chỉ huy trưởng, Trần Văn Phấn làm Chỉ huy phó và Nguyễn Cao Đàm làm Chính trị Chỉ đạo viên. Nhiệm vụ của đơn vị là phải tích cực đấu tranh chống địch khủng bố, trừ gian, tiêu diệt bọn phản động đầu sỏ, bảo vệ cơ sở cách mạng; không ngừng củng cố và phát triển các đội tự vệ làm nguồn bổ sung cho Cứu quốc quân; củng cố mở rộng địa bàn ra các hướng; duy trì tiếng súng đấu tranh để cổ vũ phong trào cách mạng toàn quốc và thiết thực ủng hộ Liên Xô kháng chiến⁽¹⁾.

Tháng 10 năm 1941, tổ Cứu quốc quân do đồng chí Hoàng Tài phụ trách về vùng Cây Thị, Khe Mo, Văn Hán, Hợp Tiến xây dựng cơ sở cách mạng. Được sự giúp đỡ của nhân dân các xóm Khe Mo, Văn Hán, Làng Hỏa, Cầu Mai...tổ Cứu quốc quân từng bước vận động nhân dân, trước hết là các thanh niên yêu nước tham gia cách mạng. Đồng chí Triệu Khánh Phương tổ chức và giao cho đồng chí Đinh Phú Hào người xóm Long Giàn làm giao thông từ Khe Mo, Văn Hán lên căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Khôn khéo, mưu trí, sáng tạo đồng chí đã hoàn thành xuất sắc

⁽¹⁾ Sách Địa chí Thái Nguyên, NXB Chính trị Quốc gia, XB năm 2009, trang 237.

nhiệm vụ trong tình hình địch vây ráp thường xuyên, mật thám luôn rình rập.

Một tuyến giao thông khác do đồng chí Triệu Khánh Phương tổ chức để đưa đón cán bộ và công văn tài liệu đến các cơ sở được giao cho đồng chí Mông Quốc Hoa (ở Làng Hòa, xã Phả Lý). Nhận nhiệm vụ, đồng chí khôn khéo linh hoạt và luôn thay đổi đường đi và ký ám hiệu bất liên lạc nên đã vượt qua được mạng lưới mật thám dày đặc của địch⁽¹⁾. Từ những thanh niên lớp đầu tiên được giác ngộ cách mạng như các đồng chí Đinh Phú Hào, Vi Văn Tình, Mông Quốc Hoa... đầu năm 1942 tổ chức Thanh niên Cứu quốc ở Khe Mo, Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê được xây dựng và đây cũng là là cơ sở cách mạng đầu tiên của huyện Đồng Hỷ⁽²⁾.

Ngày 15 tháng 2 tháng 1942, địch mở cuộc càn quét lớn vào xã Cây Thị nhằm cắt đứt đường dây liên lạc giữa Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ với khu căn cứ cách mạng Võ Nhai. Một đường tiến quân của địch từ Thái Nguyên lên và một đường khác từ La Hiên xuống, chúng gặp nhau tại

⁽¹⁾ Trích Hồ sơ “về công tác Xây dựng và bảo vệ Đảng từ khi thành lập đến 10/1964” của Ban Bảo vệ Đảng huyện ủy Đồng Hỷ ngày 1/12/1964, trang 3 bản viết tay.

⁽²⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ, XB năm 1997, trang 29, 30 và Hồ sơ “về công tác Xây dựng và bảo vệ Đảng từ khi thành lập đến 10/1964” của Ban Bảo vệ Đảng huyện ủy Đồng Hỷ ngày 1/12/1964, trang 3 bản viết tay. Thực chất ở thời kỳ này chỉ có các đồng chí cán bộ cách mạng về xã xây dựng cơ sở, bí mật vận động thanh niên trong xã tham gia chứ chưa có hình thức tổ chức chính thức như sau này.

ngã ba xóm Khe Mo. Từ đây một bộ phận càn quét theo dọc 2 bên đường, sục sạo vào từng gia đình từ xóm Khe Mo sang làng Hỏa, xóm Cầu Mai, xóm Văn Hán (xã Văn Hán cũ) đến Cây Thị. Tại xóm Cầu Mai, một toán quân địch xộc vào nhà ông Vi Văn Cẩm bắt một số người (trong đó có đồng chí Hoàng Văn Cán là chiến sỹ liên lạc của Cứu quốc quân) mang về La Hiên tra hỏi, nhưng không khai thác được gì; sau đó chúng đành phải thả anh em ra. Một bộ phận lính Pháp khác chia thành các toán nhỏ lượn rùng, sục sạo vào những nơi chúng nghi ngờ dọc suối Đèo Khế, Suối Giường, Suối Cát. Khi đi càn, quân giặc đã đốt nhà, cướp bóc tài sản của nhân dân. Lực lượng Cứu quốc quân nhỏ bé, trang bị vũ khí thô sơ nên bị đẩy vào thế bất lợi và khó khăn nhiều mặt. Trước tình hình khó khăn đó, để bảo toàn lực lượng cho nhiệm vụ chiến đấu lâu dài, ngày 14 tháng 3 năm 1942, Ban Chỉ huy Cứu quốc quân II họp đánh giá tình hình và quyết định tạm rút đơn vị lên biên giới Việt - Trung, chỉ để lại một bộ phận tiếp tục hoạt động tại địa phương.

Đầu năm 1943, Cứu quốc quân II từ bên kia biên giới Việt - Trung trở về căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai để củng cố xây dựng lại lực lượng, đẩy mạnh phong trào cách mạng. Tháng 3/1943, Cứu quốc quân về đến các xã Khe Mo, Văn Hán, Phả Lý, Cây Thị chấp nối các cơ sở cũ, xây dựng các tổ chức Cứu Quốc, mở rộng địa bàn hoạt động sang vùng Yên Thế (Bắc Giang). Từ tháng 6/1943, Cứu quốc quân

đã nối thông đường dây liên lạc từ căn cứ địa bắc Sơn - Võ Nhai với Xứ ủy Bắc Kỳ. Phong trào cách mạng phát triển rộng khắp trong huyện, các địa phương tích cực xây dựng lực lượng, củng cố căn cứ, sắm vũ khí chờ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền.

Để công tác chỉ đạo được kịp thời và sâu sát, tháng 2 năm 1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị cán bộ tại xóm Khuổi Kịch, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang để phổ biến Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương về xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang. Hội nghị quyết định chia chiến khu Hoàng Hoa Thám thành 2 phân khu là Phân khu A ở phía đông và Phân khu B ở phía tây sông Cầu. Theo quyết định này các xã của huyện Đồng Hỷ như Khe Mo, Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê, Linh Nham, Huống Thượng, Nam Kỳ, Cự Na, Bảo Nang, Thanh Huống⁽¹⁾, Hóa Thượng, Hóa Trung... sang đến Võ Nhai được đặt dưới sự lãnh đạo của Phân khu A do đồng chí Triệu Khánh Phương làm Chỉ huy trưởng.

Cũng trong thời gian này, chỉ huy đồn Tràng Xá (Võ Nhai) đã cho bố trí thêm một điểm đóng quân tại làng Vang, đồng thời cho lính càn quét ở các xã Tràng Xá, Lâu Hạ (nay là xã Liên Minh) và càn quét sang cả xã Văn Hán

⁽¹⁾ Xã Nam Kỳ và Cự Na nay là xã Nam Hòa. Xã Thanh Huống và Bảo Nang nay là vùng đất xã Tân Lợi, Cây Thị và thị trấn Trại Cau.

(nay là các xóm Văn Hán, La Đùm, Cầu Mai, Thịnh Đức 1 và Thịnh Đức 2). Đi càn đến đâu chúng đều cướp bóc, bắt gia súc, gia cầm của nhân dân...và bắt dân dồn tập trung về làng Vang, với mục đích tách dân với cán bộ cách mạng. Không chịu khuất phục, các ông Lý Tài (Nguyễn Văn Tài ở Hội đồng Kỳ mục xã) và Lý Dần (Nông Văn Dần là Lý trưởng đương chức) cùng các hương lão xã Văn Hán đã vận động nhân dân đấu tranh, cương quyết không chịu dồn dân và không cho bắt gia súc, gia cầm, đồng thời làm đơn khiếu kiện lên tận Chánh sứ Thái Nguyên, buộc chúng phải bỏ đồn làng Vang và hủy bỏ lệnh dồn dân tập trung về quanh đồn này.

Năm 1944, đồng chí Vi Văn Tình (ở khu vực Ao Cỏ, xã Phả Lý nay thuộc xóm Đèo Khế xã Khe Mo) được giao nhiệm vụ làm liên lạc, đưa đón cán bộ và công văn tài liệu cho Xứ ủy Bắc Kỳ từ xóm Đồng Thu, xã Hóa Trung (xóm Đồng Thu nay thuộc xã Quang Sơn) đi La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá.... Công việc liên lạc lúc này rất khó khăn do địch cài chỉ điểm len lỏi vào các xóm, các đường rừng, giả làm người buôn bán nhằm phát hiện lực lượng của ta. Là người sở tại lại rất thuộc đường mòn, đường tắt trong xã và xã này sang xã khác, nên các lần mang thư, tài liệu hoặc đưa đón cán bộ các đồng chí đều bảo đảm được an toàn. Đồng thời, cùng các đồng chí khác đảm bảo được liên lạc từ Khu căn cứ cách mạng Võ Nhai đến các xã có

phong trào đang phát triển như Cự Na, Nam Ky, Huống Thượng... luôn thông suốt⁽¹⁾. Lúc này lực lượng cách mạng có sự hỗ trợ của Cứu quốc quân nên tổ chức ngay một phát triển lớn mạnh. Cứu quốc quân vừa diệt ác, trừ gian vừa bao vây cô lập quân địch ở đồn Trảng Xá.

Ngày 12 tháng 11 năm 1944, Pháp tiếp tục điều 700 lính khố đỏ từ Thái Nguyên lên tăng viện cho Võ Nhai, vừa hành quân vừa sửa chữa cầu đường để ứng cứu cho đồn Trảng Xá đang bị bao vây⁽²⁾. Tuần phủ Thái Nguyên là Cung Đình Vận phải đích thân lên Võ Nhai kiểm tra tình hình và lên dây cót tinh thần cho binh lính. Ngày 13⁽³⁾ tháng 11 năm 1944, trên đường về đến khu vực gần đồn Long Giàn (thuộc xã Phả Lý-nay thuộc xã Khe Mo), Cung Đình Vận cho bắt một số dân địa phương trong đó có đồng chí Bùi Văn Rương⁽⁴⁾ để khai thác thông tin. Cứu quốc quân phục kích bắn hụt, Cung Đình Vận thoát chết vội vã về Thái Nguyên⁽⁵⁾, tiếp tục điều 500 quân vừa lính lê dương, vừa lính khố xanh, lính khố đỏ từ thị xã

⁽¹⁾ Hồ sơ bảo vệ Đảng huyện Đồng Hỷ ngày 1/12/1964, bản viết tay có ghi "đồng chí Vi Văn Tình làm giao thông từ Đồng Thu đi La Hiên, Đình Cả".

⁽²⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1, trang 128

⁽³⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1, trang 129 ghi ngày 18/11/1944.

⁽⁴⁾ Đến năm 1953 đồng chí Bùi Văn Rương là Quyền Bí thư Chi bộ xã Long Khê.

⁽⁵⁾ Bản tin của Pháp: sáng 13/11/1944, tỉnh trưởng Thái Nguyên Cung Đình Vận đi cùng với 2 tên nữa lên liên lạc với Đình Cả, lúc trở về bị một người mặc quân phục soóc-ka-ki bắn 2 phát, không xảy tai nạn gì (lưu trữ tại ĐVNBQ số 0522, Phòng số 01, Tỉnh ủy Thái Nguyên).

Thái Nguyên lên tăng viện cho đồn Đình Cả để khủng bố cách mạng.

Trước sức mạnh của phong trào đấu tranh cách mạng ở Võ Nhai, một số chức dịch cấp châu hoảng hốt bỏ nhiệm sở vào lẩn tránh trong các đồn binh, nhưng các đồn này đều bị Cứu quốc quân, tự vệ và nhân dân bao vây cô lập, trong đó có đồn Tràng Xá. Lợi dụng đêm tối, Bang tá Võ Nhai tên là Thễ và đồn phó Tràng Xá tên là Giang cùng mấy tên lính bỏ đồn vượt Đèo Nhâu chạy qua Vân Hán để về tỉnh lỵ Thái Nguyên. Phát hiện quân dịch bỏ chạy, nhân dân và các đồng chí trung kiên trong xã đã tổ chức truy đuổi nhưng không bắt được tên nào⁽⁶⁾. Ngay sau đó có 2 tên lính ở đồn Tràng Xá tiếp tục chạy qua Đèo Nhâu, đến cây đa Đồng Lách (xóm Vân Hán) bị ta phục kích bắn hụt, chúng chạy đến cây đa Đồng Đình (xóm Cầu Mai) bị đồng chí Lưu Văn Sen nổ súng tiêu diệt cả 2 tên.

Từ tối 17 tháng 3 năm 1945, Cứu quốc quân bao vây đồn Đình Cả, cô lập quân dịch có trang bị vũ khí mạnh ở đây để ta tập trung lực lượng đánh dịch ở các nơi khác. Tối 20 tháng 3 năm 1945, một trung đội Cứu quốc quân do đồng chí Thái Long chỉ huy từ xã Vân Hán tiến đánh La Hiên (Châu lỵ châu Võ Nhai). Ngày 21 tháng 3 ta giải phóng La Hiên, tổ chức mít tinh tuyên bố xóa bỏ chính quyền dịch, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm

⁽⁶⁾ Di bút của đồng chí Nguyễn Trung Định.

thời châu Võ Nhai. Cùng ngày 21 tháng 3, một đơn vị Cứu quốc quân tiêu diệt đồn Trảng Xá, sau đó tiến ra đánh đồn Đình Cả. Ta vừa đánh vừa gọi hàng; địch dùng kế hoãn binh, mục đích chờ quân tiếp viện ở thị xã Thái Nguyên lên giải vây. Ngày 25 tháng 3 năm 1945, tên đồn trưởng đồn Đình Cả trá hàng, mời ta vào đồn để thỏa thuận việc bàn giao vũ khí cho cách mạng. Hai đồng chí Thái Long (tức Nông Văn Cún) và Nhật Sơn nhận nhiệm vụ vào thuyết phục binh lính trong đồn đầu hàng cách mạng. Xong việc 2 đồng chí quay trở ra và đã bị chúng trở mặt bắn từ phía sau, Thái Long và Nhật Sơn hy sinh ngay tại cổng đồn. Hành động của địch làm dấy lên lòng căm thù cao độ của cán bộ chiến sỹ và đồng bào ta. Cứu quốc quân kiên cường xiết chặt vòng vây làm cho bọn địch ở trong đồn thiếu lương ăn, thiếu nước uống, càng ngày càng thêm nguy khốn. Đêm mùng 9, rạng ngày 10 tháng 4 năm 1945, đơn vị lính khố xanh ở đồn Đình Cả lợi dụng trời tối rút chạy về Thái Nguyên để tránh bị tiêu diệt. Phát hiện địch bỏ đồn tháo chạy, Cứu quốc quân kịp thời tổ chức đội hình truy kích. Trưa ngày 10 tháng 4 năm 1945, bọn địch về đến Đèo Khế (nay thuộc xã Khe Mo) và lọt vào trận địa phục kích của Cứu quốc quân. Bộ phận phục kích nổ súng đánh trực diện quân địch ở đỉnh đèo; đồng thời lực lượng truy kích của Cứu quốc quân cũng vừa đến kịp, nổ súng tiến công từ phía sau. Bị đánh từ hai phía, đơn vị lính khố xanh này bị chết 28 tên, bị thương 43 tên, những tên sống

sốt hoảng hốt chạy toán loạn vào rừng. Ta thu được 2 khẩu súng máy, 23 khẩu súng trường và nhiều đạn, lựu đạn và các loại trang bị khác⁽¹⁾. Góp phần vào chiến công của trận Đèo Khế, có những thanh niên Khe Mo, Phả Lý, Văn Hán trực tiếp chiến đấu cùng Cứu quốc quân. Nhân dân xóm Đèo Khế còn tích cực ủng hộ lương thực, vũ khí cho bộ phận phục kích địch ở trên đèo. Ông Lý Văn Chính ủng hộ 5 nôi, 7 đấu gạo⁽²⁾. Ông Lục Văn Nghiệp ủng hộ 4 nôi gạo tẻ và 2 nôi gạo nếp rang làm lương khô. Ông Thái ủng hộ 1 khẩu súng kíp... Sự ủng hộ của nhân dân cho Cứu quốc quân và tự vệ chiến đấu đã góp phần làm cho chiến thắng Đèo Khế trở thành một nét son trong lịch sử của xã cũng như của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ.

Sau khi chiếm xong Thái Nguyên, từ tháng 4 năm 1945, Bộ chỉ huy Nhật điều quân đi chiếm đóng các đồn lẻ trong tỉnh. Ngày 9 tháng 5 năm 1945, một đơn vị quân Nhật (khoảng 100 tên) hành quân theo đường 1B lên chiếm đồn La Hiên và Đình Cả, chúng vừa đi vừa cướp phá hai bên đường⁽³⁾. Để chặn đường tiến quân của Nhật,

⁽¹⁾ Theo sách Địa chí Thái Nguyên, NXB chính trị Quốc gia-Hà Nội 2009, trang 247. Nhưng sách Lịch sử Cách mạng Tháng Tám huyện Đồng Hỷ do Ban Lịch sử Đảng huyện Đồng Hỷ xuất bản năm 1983, trang 77 ghi ta thu 19 súng trường và 2 súng máy.

⁽²⁾ Đơn vị tính của nhân dân xưa: 1 nôi gạo bằng 10 đấu, mỗi đấu bằng 4 bơ sữa bò, mỗi bơ sữa bò đong được 0,3 kg gạo. Tính ra 1 nôi gạo bằng 12 kg. Như vậy ông Chính ủng hộ 5 nôi 7 đấu sẽ là khoảng 68,4 kg gạo.

⁽³⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai (1930-1954) trang 78.

lực lượng thanh niên tự vệ xã tập hợp cùng hàng chục thanh niên tự vệ của các xã Phả Lý, Văn Hán, Khe Mo, Linh Nham, Huống Thượng, Đồng Bầm, Hóa Thượng, Hóa Trung đã tiến hành ngã những cây lớn dọc 2 bên đường quốc lộ 1B để cản đường quân địch. Cây rừng ngã đổ ra đường tạo thành chướng ngại vật chặn đường xe cơ giới. Quân Nhật vừa di chuyển vừa phải khắc phục vật cản, nên tốc độ hành quân bị chậm lại. Tranh thủ thời gian quân Nhật tập trung giải tỏa cây đổ chắn đường trên suốt chiều dài gần chục cây số⁽¹⁾; ta có thời gian chủ động sơ tán phòng tránh và tìm hiểu, nắm bắt tình hình đối tượng tác chiến mới tiếp xúc lần đầu. Sau một thời gian vất vả nhưng không thể tiến lên chiếm Đình Cả được, quân Nhật quay về đóng ở đồn La Hiên trong thế hoàn toàn bị cô lập, vì chính quyền châu Võ Nhai đã về tay nhân dân. Đường 1B qua các xã Khe Mo, Phả Lý là con đường duy nhất từ La Hiên về Thái Nguyên, nên quân Nhật càng tăng cường hành quân càn quét vào xã. Một ngày tháng 5 năm 1945, quân Nhật bao vây nhà đồng chí Vi Viết Giáo bắt vợ đồng chí Giáo và một số thanh niên mang về La Hiên. Hôm sau, các đồng chí tự vệ Lý Văn Thông và Trần Thị Đắc đến nhà đồng chí Giáo nắm tình hình, bị quân Nhật tập kích, đồng chí Lý Văn Thông hy sinh.

⁽¹⁾ Theo đường 1B cũ, chiều dài đường từ cầu Linh Nham đến đình Đèo Khế là 9,7 km

Thành lập chính quyền nhân dân lâm thời các xã nay thuộc Văn Hán

Ngay sau chiến thắng Đèo Khế, khí thế cách mạng của nhân dân các xã trong tổng Huống Thượng như Khe Mo, Phả Lý, Hòa Khê và Văn Hán, Nam Ky, Linh Nham và các xã xung quanh như Thanh Huống, Cự Na, Bảo Nang⁽²⁾... lên rất cao, với quyết tâm lật đổ chính quyền của thực dân phong kiến. Tháng 4 năm 1945, nhân dân cả 3 xã Văn Hán, Hòa Khê, Phả Lý đồng loạt đấu tranh xóa bỏ chính quyền do đế quốc phong kiến lập ra lâu nay⁽³⁾.

Tại xã Văn Hán, đầu năm 1945, có các đồng chí Cứu quốc quân về vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng. Dưới sự chỉ đạo của Cứu quốc quân xã Văn Hán đã thành lập Ban Mặt trận Việt Minh. Ban Mặt trận Việt Minh xã Văn Hán do ông Lường Quang Chiêu làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Trung Định làm Phó Chủ nhiệm⁽⁴⁾ cùng một số ủy viên đã tích cực tuyên truyền vận động

⁽²⁾ Xã Nam Ky và Cự Na nay là xã Nam Hòa. Xã Linh Nham nay là xã Linh Sơn. Xã Thanh Huống và Bảo Nang nay là xã Cây Thị, Tân Lợi và thị trấn Trại Cau.

⁽³⁾ Thời gian giành chính quyền ở 3 xã Văn Hán, Phả Lý và Hoà Khê được các nhân chứng cung cấp diễn ra ngay sau khi xã Khe Mo lập chính quyền cách mạng khoảng 2 đến 3 ngày nhưng không rõ xã nào trước, xã nào sau (xã Khe Mo thành lập chính quyền ngày 14/4/1945). Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng xã Văn Hán (gồm các xóm Văn Hán, Na Đùm, Cầu Mai, Làng Đầu, Đèo Khế) thành lập Hội cách mạng ngày 1/2/1945 âm lịch (tức ngày 14/3/1945 theo dương lịch).

⁽⁴⁾ Di bút của đồng chí Nguyễn Trung Định ghi đồng chí Lường Quang Chiêu làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Hưng Thịnh.

nhân dân đánh Pháp, đuổi Nhật. Nhiệm vụ trước mắt là tuyên truyền vận động nhân dân chống càn quét của Pháp, Nhật; nuôi giấu, giúp đỡ che chở bảo vệ cán bộ cách mạng và cấp trên, giữ vững đường dây liên lạc luôn thông suốt. Tháng 4 năm 1945 dưới sự chỉ đạo của đồng chí Chấn A và Lương Văn Bằng (tức Bằng Bình, Đội Bình-là cán bộ Cứu quốc quân), Mặt trận Việt Minh xã đã vận động nhân dân đấu tranh, tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, lập chính quyền nhân dân lâm thời. Ông Nông Tiến Thắng (là lý trưởng xã Văn Hán nhưng đã bí mật tham gia hoạt động cách mạng và đang là người đứng đầu Hội nông dân xã - gọi là Tổ trưởng Nông dân) được bầu làm Chánh Hội và ông Vi Viết Giáo làm Phó Hội cách mạng xã Văn Hán. Hội cách mạng thành lập Đội tự vệ chiến đấu của xã gồm có các đồng chí Nông Đình Phú, Nguyễn Trung Tiến, Nguyễn Trung Định, Nông Văn Giang... Sau khi thành lập Chính quyền nhân dân cách mạng lâm thời (gọi là Hội cách mạng) đã quyết định đổi tên xã Văn Hán thành xã Hưng Thịnh.

Tại xã Phả Lý, tháng 3 năm 1945, đồng chí Lương Văn Bằng (tức Đội Bình) và Lâm Thanh là cán bộ Cứu quốc quân về tuyên truyền vận động nhân dân lật đổ chính quyền phong kiến, thành lập Mặt trận Việt Minh. Mặt trận Việt Minh xã Phả Lý bầu ông Chu Viết Thận làm Chủ nhiệm và ông Nguyễn Văn Tiến làm Phó Chủ nhiệm; thành lập đội tự vệ chiến đấu gồm các đồng chí Mông Văn Chiêu, Mông Quốc Hoa (tức Tiềm), Trần Văn Thị, Trần

Văn Lực, Lâm Văn Sắc, Lý Văn Phúc, Trạc Văn Hành, Trạc Văn Độ, đồng chí Đàm và Dương Đình Thúc... Đồng chí Đội Bình giao cho Lâm Thanh và đồng chí Đàm phụ trách đội. Đội có nhiệm vụ canh gác từ Làng Hỏa đi Đèo Khế, Làng Hỏa đi Khe Mo, Làng Hỏa đi Phả Lý. Tháng 4 năm 1945, Mặt trận Việt Minh xã được sự giúp đỡ của các đồng chí Cứu quốc quân là Hoàng Minh Chí, Đội Bình (Lương Văn Bằng ở Bắc Sơn), Trần (ở Đình Cả), Báo (ở La Hiên), Đội Nước (Vi Văn Tình), Trần Văn Thị cùng anh em trong đội tự vệ của xã đã thu bằng triện của các chức dịch trong xã đồng thời tổ chức họp nhân dân tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ và bầu lãnh đạo chính quyền nhân dân lâm thời. Chính quyền nhân dân lâm thời được gọi là Hội cách mạng. Ông Nguyễn Đức Năng được bầu làm Chánh hội. Ông Dương Văn Thịnh⁽¹⁾ làm Phó hội và Trần Văn Thị làm thư ký. Chính quyền nhân dân lâm thời cũng quyết định đổi tên xã Phả Lý thành xã Đồng Quyết. Cùng trong tháng 4 năm 1945, Chi đoàn Thanh niên Cứu quốc xã Đồng Quyết được thành lập do đồng chí Dương Văn Quyền⁽²⁾ (đang là trưởng ban Giao thông xã) làm Bí thư. Đoàn viên thanh niên trong chi đoàn chủ yếu đi cõ

(1) Theo di bút của đồng chí Nguyễn Trung Định, nguyên Bí thư Chi bộ xã thì Phó Hội cách mạng xã Đồng Quyết là ông Nguyễn Văn Bút. Còn theo di bút của đồng chí Trần Văn Thị và Dương Văn Quyền thì Phó Hội cách mạng xã Đồng Quyết là ông Dương Văn Thịnh.

(2) Lý lịch đảng viên của đồng chí Dương Văn Quyền (bản khai ngày 8/4/1975) ghi: Tháng 2/1945 đến 1947 làm Trưởng ban giao thông và Bí thư Thanh niên cứu quốc xã.

động tuyên truyền nhân dân “Hãy theo Việt Minh đánh Tây, đuổi Nhật; An Nam phục quốc”.

Tại làng Hòa Khê và xóm La Đàn, từ tháng 3 năm 1945 các đồng chí cán bộ cách mạng có bí danh là Việt Hồ và Nam Sơn về xã tổ chức đội tự vệ gồm các đồng chí Triệu Văn Suối, Hoàng Văn Phúc, Đàm Ngọc Văn và đồng chí Tập... Đội tự vệ tuyên truyền vận động nhân dân ủng hộ gạo cho Cứu quốc quân và anh em đã bí mật vận chuyển, bàn giao khoảng 80 kg gạo tại nhà ông Phương Hữu Quảng ở xã Khe Mo. Tháng 4 năm 1945, các đồng chí Cứu quốc quân là Lương Văn Bằng (tức Bằng Bình, Đội Bình), Vi Văn Tình, Trần Văn Thị cùng đội tự vệ xã đã thu bằng triệu của Lý trưởng, thu 4 súng Joóp-5 và một số súng kíp trang bị cho tự vệ xã. Các đồng chí Cứu quốc quân triệu tập hội nghị nhân dân tuyên bố xóa bỏ chính quyền phong kiến và thành lập Hội cách mạng xã. Ông Luân Viết Chương (tức Tổng Kiên - nguyên là Tổng đoàn của tổng Huống Thượng) được bầu làm Chánh hội cách mạng, ông Chu Văn Lục làm Phó hội, ông Đàm Ngọc Văn⁽¹⁾ làm thủ quỹ. Hội cách mạng quyết định đổi tên làng Hòa Khê - La Đàn - Bồ Cu thành xã Khánh Hòa⁽²⁾. Như

⁽¹⁾ Di bút của cố đồng chí Đàm Ngọc Văn ghi ông Tổng Kiên (tức Luân Viết Chương) làm Chánh Hội Cách mạng; ông Chu Văn Lục làm Phó Hội cách mạng xã Khánh Hòa.

⁽²⁾ Các văn bản của cố đồng chí Đàm Ngọc Văn đều ghi và đóng dấu xã Khánh Hòa, tổng Văn Minh, huyện Đồng Hỷ, nhưng không rõ tổng này gồm bao nhiêu xã và Chính quyền cách mạng tổng Văn Minh có trụ sở ở đâu và do đồng chí nào đứng đầu.

vậy, trong tháng 4 năm 1945, chính quyền ở các xã cũ là Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê đã về tay nhân dân và được đổi tên xã là Khánh Hòa, Đồng Quyết, Hưng Thịnh nằm trong tổng Văn Minh thuộc huyện Đồng Hỷ⁽³⁾.

Những ngày tháng Tám năm 1945, khí thế cách mạng ở xã Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê diễn ra sôi sục. Chính quyền đã về tay nhân dân, Ủy ban Nhân dân lâm thời tích cực điều hành các nhiệm vụ bước đầu dưới chính quyền cách mạng. Do đường 1B là con đường duy nhất nối Thái Nguyên với La Hiên, Đình Cả (Võ Nhai) vì vậy cùng với Khe Mo, các xóm Long Giàn, Đèo Khế (thuộc xã Phả Lý) đã trở thành nơi giằng co quyết liệt giữa ta và địch. Đối với cách mạng, giành được chính quyền ở xã Khe Mo, Phả Lý, Văn Hán là đã cơ bản chặn được con đường tiếp tế cho quân Nhật từ Thái Nguyên lên La Hiên, đẩy địch vào thế bị động lúng túng. Đối với quân Nhật, chúng quyết tâm giành giữ đường 1B để làm cơ sở tiếp tế cho đơn vị tiền tiêu đóng ở La Hiên. Các trận càn quét của quân Nhật vào xã Khe Mo, Phả Lý, Văn Hán diễn ra liên tục, gây cho ta nhiều khó khăn. Để chặn đường tiến công bằng cơ giới của bọn phát xít Nhật từ Thái Nguyên lên La Hiên, Đình Cả (Võ Nhai), được sự chỉ đạo của lãnh đạo Phân khu A,

⁽³⁾ Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các xã Văn Hán, Phả Lý, Hòa Khê cùng 7 xã Huống Thượng, Huống Trung, Linh Nam, Đồng Bầm, Đồng Giang, Nam Kỳ, Khe Mo đều cùng trong một tổng Huống Thượng. Tổ biên soạn chưa rõ tổng Văn Minh gồm bao nhiêu xã. Sau ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945), huyện Đồng Hỷ đổi tên thành huyện Cộng Hòa.

lực lượng tự vệ chiến đấu 3 xã phối hợp với Cứu quốc quân phá sập cầu Linh Nham và nổ mìn phá cầu Bò Đái⁽¹⁾ (cầu Bò Đái nay được gọi là cầu Khe Mo thuộc xã Khe Mo) và cầu Long Giàn (thuộc xã Phả Lý, nay thuộc xã Khe Mo), tổ chức đào đường ở khu vực Đèo Khế để làm công sự vật cản sẵn sàng chặn đánh địch khi chúng tràn vào xã.

Tại các xã, chính quyền nhân dân lâm thời nhanh chóng củng cố, bổ sung lực lượng tự vệ, sẵn sàng chiến đấu đề phòng quân Nhật tấn công, đồng thời sẵn sàng cơ động tham gia khởi nghĩa khi có lệnh điều động của cấp trên. Từ tháng 4 năm 1945, Cứu quốc quân cử cán bộ về huấn luyện cho 3 tiểu đội tự vệ thuộc 3 xã thời gian trên 10 ngày. Nội dung huấn luyện gồm học tập chính trị, cách đào hầm hào chiến đấu, sử dụng vũ khí, cách gài địa lôi (mìn) và cách đánh du kích. Sau học tập, trình độ chính trị quân sự của anh em được nâng lên rõ rệt; các chiến sỹ phần khởi tin tưởng và sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1945, lực lượng tự vệ chiến đấu của 3 xã tiếp tục được học tập, củng cố huấn luyện và trưởng thành. Tự vệ được trang bị thêm 4 khẩu súng Joóp 5 và một số súng kíp do anh em lính đồng giao nộp cho cách mạng.

⁽¹⁾ Việc phá cầu Bò Đái được giao cho tự vệ xã Khe Mo thực hiện. Tổ tự vệ do đồng chí Trần Dương Xuyên chỉ huy; chiến sỹ tự vệ tên là Dân trực tiếp đặt quả mìn có 10 kg thuốc nổ để phá. Mìn nổ nhưng cầu chỉ bị nghiêng, người đi bộ vẫn có thể đi được nhưng khó khăn, còn xe cộ đều không qua được.

Do liên tiếp bị thất bại trên các chiến trường, phát xít Nhật buộc phải chấp nhận đầu hàng Đồng Minh⁽²⁾ vô điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương như rấn mất đầu, Chính phủ bù nhìn hoang mang, lo sợ. Hưởng ứng chủ trương phát động tổng khởi nghĩa của Trung ương, nhân dân Thái Nguyên đồng loạt nổi dậy giành chính quyền. Ngày 16 tháng 8 năm 1945, một đơn vị Quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào (Tuyên Quang) tiến về đánh Nhật ở tỉnh lỵ Thái Nguyên. Ngày 20 tháng 8 năm 1945, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn giải phóng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố xóa bỏ chính quyền của Nhật và bọn tay sai; tuyên bố thành lập Chính quyền Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, đồng thời chỉ định đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch để lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thực hiện các chính sách của Mặt trận Việt Minh và Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên ra mắt nhân dân các dân tộc tỉnh. Mặt trận Việt Minh, Ủy ban Nhân dân lâm thời

(2) Hồi 4 giờ sáng ngày 12/8/1945, Đài phát thanh Xan Phranxicô của Mỹ loan tin Nhật chấp nhận đầu hàng. Sau nhiều cuộc họp cân nhắc nên hàng hay nên đánh, vào lúc 10 giờ sáng ngày 14/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố trước 14 vị đại thần chấp nhận yêu cầu của Đồng Minh đầu hàng vô điều kiện và qua Đại biện lâm thời Thụy Sĩ thông báo tới tứ cường. 12 giờ ngày 15/8/1945, Đài phát thanh Tôkyô phát đi lời tuyên bố của Nhật hoàng Hirôhitô “chấp nhận bản Tuyên bố chung của các cường quốc”. Lễ ký Hiệp ước đầu hàng không điều kiện được tiến hành trên chiến hạm Mít-su-ri của hải quân Mỹ đậu ở ngoài khơi vịnh Tôkyô ngày 2/9/1945.

xã cùng lực lượng tự vệ khẩn trương bắt tay vào công việc xây dựng chính quyền còn đang rất non trẻ. Giành được chính quyền, nhân dân các dân tộc 3 xã Hưng Thịnh (tức Văn Hán), Phả Lý (tức Đồng Quyết) và Hòa Khê (tức Khánh Hòa) cùng với nhân dân cả nước bước vào kỷ nguyên làm chủ vận mệnh của mình.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đã phá tan xiềng xích, áp bức của thực dân phong kiến đối với nhân dân ta. Đất nước độc lập, tự do mở ra một chân trời mới cho cả nước nói chung và nhân dân các dân tộc xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa nói riêng. Nhiệm vụ xây dựng chính quyền nhân dân gặp rất nhiều khó khăn do chưa có kiến thức về quản lý điều hành; cán bộ phải vừa làm, vừa học tập tích lũy kinh nghiệm để đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài. Thời gian đất nước bị nô lệ, người dân đã thấu hiểu nỗi đau mất nước, văn hóa dân tộc bị vùi dập, các quyền tối thiểu bị tước đoạt. Nay đất nước được độc lập, tự do, quyền dân tộc được khôi phục; niềm tự hào dân tộc được nâng lên gấp bội, dần biết rằng còn rất nhiều khó khăn, nhưng nhân dân các dân tộc 3 xã tin tưởng Việt Minh, đi theo Việt Minh làm Cách mạng tháng Tám thành công. Trong niềm vui, niềm hạnh phúc của người dân lần đầu tiên được sống trong độc lập tự do; nhân dân các dân tộc xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa vững vàng cùng nhân dân cả nước bước vào công cuộc kháng chiến kiến quốc sau này.

Chương III

LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, TRỰC TIẾP KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP(1945 - 1954)

1. Đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1947)

Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đất nước được độc lập tự do, nhưng nhân dân vẫn còn cực khổ do hậu quả của các chính sách bóc lột của Pháp, Nhật và hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến là những khó khăn thử thách từng ngày đặt ra cho chính quyền nhân dân lâm thời các xã như nạn đói, nạn mù chữ, các tàn dư của chế độ cũ để lại. Trong tình hình chung của cả nước, nhân dân các xã Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, bệnh tật. Nạn đói do hậu quả của chính sách vơ vét thóc gạo, nhổ lúa trồng đay của quân phiệt Nhật đang hoành hành ở vùng đồng bằng Bắc Bộ làm hàng triệu người chết, đe dọa ảnh hưởng đến địa phương. Nhiều hộ dân tại 3 xã cũng đang trong cảnh thiếu đói, phải vào rừng đào củ mài, sắn hoang, lấy măng rừng, các loại quả...để làm cái ăn trước mắt. Tất cả những khó khăn phức tạp phát sinh khi xây dựng chế độ mới, chính quyền

mới, đòi hỏi cán bộ và nhân dân phải phấn đấu hết sức mình để bảo vệ nền tự do độc lập non trẻ.

Với phương châm “tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân”, thực hiện lãnh đạo và chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời huyện; chính quyền nhân dân lâm thời 3 xã khẩn trương tổ chức mọi mặt cho cuộc bầu cử. Ngày 23 tháng 12 năm 1945 cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh Thái Nguyên, nhân dân các dân tộc tại 3 xã (Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa) đi bầu cử Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I. Với đa số nhân dân 3 xã, đây là lần đầu trong đời được đi bầu cử, được tự mình lựa chọn những đại biểu xứng đáng đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Vượt lên những khó khăn, do hạn chế về văn hóa, với quyết tâm làm chủ vận mệnh của mình, các cử tri ở xã đã hoàn thành tốt nhiệm vụ góp phần xây dựng chính quyền nhân dân⁽¹⁾. Tại cuộc bầu cử này, tỉnh Thái Nguyên có 3 đại biểu là Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái và Nguyễn Trung Thành

⁽¹⁾ Các cụ cao tuổi kể lại: do đa số nhân dân mù chữ, phong trào bình dân học vụ mới phát động nên các cử tri không thể tự mình viết phiếu bầu được. Cuộc bầu cử được thực hiện bằng cách: nơi bỏ phiếu được dán ảnh ứng cử viên và 1 ống đựng; Ban bầu cử giới thiệu tiểu sử của từng ứng cử viên cho cử tri lựa chọn. Khi cử tri xuất trình thẻ, ban bầu cử sẽ cấp cho cử tri một số hạt (ngô, đỗ hoặc thẻ tre) ứng với số đại biểu được bầu. Cử tri lựa chọn đại biểu nào thì bỏ một hạt (ngô, đỗ hoặc thẻ tre) vào ống của ứng cử viên đó.

được bầu vào Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa đầu tiên⁽²⁾.

Sau khi tổ chức hoàn thành tốt việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa I, nhân dân trong xã lại cùng nhân dân trong tỉnh lại bắt tay vào bầu Hội đồng Nhân dân 2 cấp xã và tỉnh. Chấp hành Nghị định ngày 4 tháng 1 năm 1946 do Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc Bộ⁽³⁾ ban hành về thể lệ bầu cử và ấn định ngày 8 tháng 2 năm 1946 các địa phương tiến hành bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh và xã. Mặt trận cùng với Ủy ban Nhân dân lâm thời xã vừa đã tập trung vào công tác thông tin tuyên truyền vận động nhân dân vừa tập trung làm các công tác chuẩn bị mọi mặt cho cuộc bầu cử. Lúc này tại 3 xã còn rất nhiều rừng, cây cối rậm rạp, đường sá nhỏ hẹp, có nhiều vất rừng, rấn, rết... đi lại rất khó khăn. Tuy nhiên, mỗi cán bộ và nhân viên đã luôn sâu sát đến từng xóm, bản, vào từng nhà vận động nhân dân đi thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân (quyền và nghĩa vụ mà bao lớp cha anh đã hy sinh cho đất

⁽²⁾ Theo Sắc lệnh số 51/SL, ngày 17/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ, cuộc bầu cử Quốc hội được tiến hành vào ngày 23/12/1945; nhưng để chuẩn bị cho chu đáo, ngày 18/12/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76/SL quyết định lùi ngày bầu cử đến ngày 6/1/1946. Tỉnh Thái Nguyên không nhận được tin hoãn nên vẫn tổ chức bầu cử theo kế hoạch cũ.

⁽³⁾ Lúc này có 2 từ "Bộ" do chính quyền đặt ra. Chính phủ có các Bộ theo ngành. Về lãnh thổ, nước ta được chia làm 3 Bộ là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Dưới Bộ là cấp tỉnh rồi xuống đến huyện, xã. Nghị định ngày 4/1/1946 do ông Nguyễn Xiển, Chủ tịch Ủy ban Hành chính Bắc Bộ ký, nhưng bản in Nghị định này tại Công báo năm 1946 không thấy ghi số của Nghị định.

nước mới có được); mỗi người đều tin tưởng, phấn khởi tận tâm tận lực để cuộc bầu cử được chuẩn bị chu đáo. Kết quả, đúng ngày 8 tháng 2 năm 1946 cuộc bầu cử được tiến hành và thành công tốt đẹp.

Chính quyền nhân dân lâm thời 3 xã đã được bầu từ tháng 4 năm 1945, nhưng chủ yếu tập trung vào việc vận động, sơ tán nhân dân, lãnh đạo tự vệ chiến đấu chống càn quét, khủng bố của địch. Vì vậy, tuy có thời gian hoạt động lâu hơn những nơi khác trong huyện nhưng chính quyền xã chưa có phương pháp và kinh nghiệm trong giải quyết các công việc trước mắt cũng như lâu dài. Mọi công việc đều theo hệ thống chính quyền từ huyện chuyển xuống xã để tổ chức thực hiện. Trong khi đó, số dân cả ba xã (Đồng Quyết, Hưng Thịnh, Khánh Hòa) chưa đến 200 hộ; trình độ học vấn của cán bộ và nhân dân rất thấp, các xã đều rất thiếu cán bộ. Lúc này yêu cầu nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc lớn, nhiều công việc cần tập trung để xây dựng chính quyền nhân dân non trẻ. Một địa phương ít nhân lực lại thiếu cán bộ nên càng gặp khó khăn khi tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cần nhiều nhân công cũng như cán bộ điều hành.

Ngày 23 tháng 3 năm 1946 (tức 20 tháng 2 năm Bính Tuất)⁽¹⁾, cấp trên tổ chức sáp nhập 3 xã Hưng Thịnh, Đồng

⁽¹⁾ Theo di bút của cố đồng chí Trần Văn Thị. Theo lý lịch của các đồng chí đảng viên lớp đầu tiên ở xã Khe Mo, Văn Hán cũng ghi mỗi người mỗi khác;

Quyết, Khánh Hòa thành một xã lớn hơn, với tên gọi xã Vân Hòa. Khi thành lập xã Vân Hòa, địa phương đã tập trung được nhiều hơn những người có trình độ văn hóa nên việc bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ được đầy đủ hơn. Ủy ban Hành chính xã Vân Hòa do ông Nguyễn Đức Năng làm Chủ tịch, ông Trần Văn Thị làm Thư ký và 1 ông làm Phó Chủ tịch⁽²⁾,

Các đoàn thể nhân dân xã Vân Hòa gồm: ông Đàm Ngọc Văn làm Chủ nhiệm Việt Minh⁽³⁾. Hội Nông dân Cứu quốc do ông Trần Văn Thị làm Hội trưởng, ông Hà Văn Lợi làm Phó Hội trưởng. Đoàn Thanh niên Cứu quốc do anh Dương Văn Quyền làm Bí thư và Nguyễn Trung Định làm Phó Bí thư. Hội Phụ nữ Cứu quốc do bà Hoàng Thị Bách làm Bí thư, bà Nông Thị Mùi làm Phó Bí thư.

Do đa số nhân dân trong xã mù chữ, trong đó có cả cán bộ đang đảm nhiệm các nhiệm vụ của địa phương nên trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ gặp rất nhiều khó khăn. Thực hiện nhiệm vụ thứ 2 mà Hồ Chủ tịch nêu ra

Tổ biên soạn căn cứ vào các tài liệu ghi khi sáp nhập xã rồi mới bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa I (nhiệm kỳ 1946 - 1949)

⁽²⁾ Chưa xác định được ai làm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã Vân Hòa, vì di bút của đồng chí Nguyễn Trung Định ghi ông Trần Văn Chính làm Phó Chủ tịch, nhưng di bút của đồng chí Trần Văn Thị lại ghi ông Vi Văn Môn làm Phó Chủ tịch.

⁽³⁾ Theo lý lịch đảng viên của 3 đồng chí Đàm Ngọc Văn, Nguyễn Văn Ngộ và Lương Quang Chiêu đều khai làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Vân Hòa thời kỳ này. Tổ biên soạn căn cứ vào xác nhận của đồng chí Hoàng Minh Chí, là cán bộ lão thành cách mạng, là người tham gia chỉ đạo thành lập chính quyền lâm thời xã.

trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ “Mở ngay một phong trào chống nạn mù chữ do bọn thực dân Pháp gây ra đối với đồng bào ta”, tháng 11 năm 1946, xã Văn Hòa thành lập Ban Bình dân học vụ do ông Nông Đình Phú làm Trưởng ban, ông Nguyễn Văn Ngộ làm Phó ban để thực hiện nhiệm vụ xóa nạn mù chữ cho nhân dân. Ở các xóm trong xã có các tổ bình dân học vụ. Với phương châm người biết chữ dạy cho người không biết chữ nên tất cả những người biết chữ đều được huy động làm giáo viên. Do địa bàn xã rộng, các nhà dân ở xa nhau nên các xóm tổ chức học tập cho nhân dân cũng rất linh hoạt. Bằng nhiều biện pháp quyết liệt của chính quyền như lập “Cổng mù” cho người không biết chữ đi qua và “Cổng sáng” cho những người biết đọc chữ đi qua ở những nơi đông người qua lại đã tạo ra phong trào học tập của nhân dân toàn xã. Thời gian năm 1946, 1947 phong trào học tập văn hóa của nhân dân các xóm trong xã diễn ra rất sôi nổi; cơ bản nhân dân trong xã đều đã biết đọc, biết viết. Mục tiêu xóa nạn mù chữ cho nhân dân đã đạt được kết quả bước đầu. Đến cuối năm 1947 (khi quân Pháp mở cuộc hành quân Xanh-tuya lên Thái Nguyên) mỗi người dân đã tự viết, tự đọc được. Tuy nhiên, do bà con nông dân chỉ tập trung lao động trên nương rẫy, đồng ruộng, không có điều kiện để được đọc và viết thường xuyên; mặt khác, địa phương lại tập trung cho các công việc phục vụ chiến đấu, chi viện cho chiến trường, lo đời sống vật chất cho nhân

dân nên chỉ đạo công tác bình dân học vụ có phần sao nhãng. Đối với người nông dân, gặp lúc thiếu lương thực, phải lo cái ăn, cái mặc là chính, do vậy đi học không đều, nên một thời gian sau số người bị tái mù chữ khá nhiều.

Xã Văn Hòa có nhiều thành phần dân tộc khác nhau sinh sống như Kinh, Tày, Nùng, Hoa, Sán Chay..., bên cạnh những nét đẹp văn hóa của từng thành phần dân tộc cũng có nhiều hủ tục lạc hậu, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Việc tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Việt Minh và chính quyền nhân dân được vận dụng khá linh hoạt. Những ngày này cán bộ thường xuyên đến từng xóm, vào từng gia đình nói rõ những nhiệm vụ trước mắt để nhân dân hiểu và đồng tình ủng hộ chính quyền nhân dân.

Nhiệm vụ cấp bách mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra ngay trong buổi giao ban đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó nhiệm vụ thứ nhất là lo chống đói cho nhân dân. Chính quyền xã tập trung vận động nhân dân một mặt vào rừng lấy những thứ ăn ngay được như sắn, củ mỡ, củ mài..., một mặt tích cực trồng các loại cây ngắn ngày như khoai lang, ngô vụ đông... Cùng với việc tổ chức cho nhân dân chủ động chống đói, chính quyền động viên những gia đình có điều kiện kinh tế khá hơn chia sẻ giúp đỡ những gia đình đang rất thiếu lương thực.

Một thời gian sau khi bầu Chủ tịch Ủy ban Hành chính, theo chỉ đạo của trên, xã Văn Hòa chỉ định Ủy ban bảo vệ. Theo cơ cấu, Ủy ban bảo vệ cấp xã gồm 1 đại biểu Ủy ban Hành chính, 1 đại biểu Hội đồng Nhân dân và 1 đại biểu là Ủy viên quân sự trong Hội đồng Nhân dân xã làm Ủy viên⁽¹⁾. Thực hiện Chỉ thị số 15-NV, ngày 31 tháng 12 năm 1946 của Bộ Nội vụ, từ đầu năm 1947, Ủy ban bảo vệ xã đổi thành Ủy ban kháng chiến. Chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hay còn được gọi ngắn gọn hơn là Chủ tịch Kháng chiến, có nhiệm vụ điều hành các công việc mang tính quân sự để bảo vệ chính quyền nhân dân. Lúc này xã Văn Hòa thành lập được một Đại đội tự vệ gồm 3 trung đội ở 3 xã cũ (Hưng Thịnh, Đồng Quyết, Khánh Hòa) do đồng chí Nông Tiến Thắng làm cán bộ đại đội⁽²⁾. Đại đội tự vệ được học tập chính trị, quân sự, học tập các khoa mục sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương và làm các nhiệm vụ được cấp trên phân công.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám, chính quyền nhân dân non trẻ gặp rất nhiều khó khăn trên tất cả các mặt. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc⁽³⁾ với danh nghĩa Đồng Minh vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật

⁽¹⁾ Chưa xác định được ông bà nào là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Ủy ban kháng chiến xã Văn Hòa.

⁽²⁾ Đồng chí Nông Tiến Thắng chỉ ghi là cán bộ đại đội, không rõ chức trưởng hay phó. Di bút của đồng chí Trần Văn Thị ghi đại đội trưởng là đồng chí Vi Văn Tình nhưng lại không ghi rõ đơn vị nào.

⁽³⁾ Thời kỳ này, nhân dân ta thường gọi quân đội Trung Hoa Dân quốc là quân Tàu Tưởng hay ngắn gọn hơn là quân Tưởng.

nhưng thực chất là âm mưu “Diệt Cộng, cầm Hồ” để xóa bỏ chính quyền của ta. Tại Thái Nguyên, chúng lập ra tổ chức “Nam Dương Hoa kiều Hội” để lôi kéo, xúi giục bà con Hoa kiều, người Ngái, người Nùng... không chấp hành các chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng. Ở xã Khe Mo - Vân Hòa cũng đã lập ra tổ chức “Nam Dương Hoa kiều Hội”, bầu ông Luân Kim Hải làm Chủ nhiệm, ông Triệu Vân làm Phó Chủ nhiệm và đặt trụ sở tại nhà ông Lăng Viết Thiều ở xóm La Đàn. Về hoạt động chưa có gì nhiều, mới thấy họ tổ chức chụp ảnh cho nhân dân, tuyên truyền vào “Nam Dương Hoa kiều Hội” không phải đóng thuế, không phải đi phu, đi lính làm cho hơn 20 hộ đi theo chúng và gây ra một vài khó khăn cho chính quyền. Trước sự vận động, đấu tranh khéo léo kiên quyết của chính quyền cách mạng và đến khi quân Trung Hoa Dân quốc rút về nước thì tổ chức này cũng tự giải tán.

Giữa năm 1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập nhằm tập hợp quảng đại quần chúng nhân dân các ngành nghề, các giới; không phân biệt độ tuổi, dân tộc, tôn giáo để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ngày 1 tháng 8 năm 1946 (tức 5 tháng 7 theo âm lịch), xã Vân Hòa thành lập Hội Liên Việt, ông Lường Quang Chiêu được cử làm Chủ tịch. Như vậy, từ nửa cuối năm 1947, xã Vân Hòa có 2 tổ chức mặt trận là Mặt trận Việt Minh do ông Đàm Ngọc Văn làm Chủ nhiệm và Hội Liên Việt do ông Lường Quang Chiêu làm Chủ tịch.

Sau Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946⁽¹⁾, quân Trung Hoa Dân quốc (thường gọi là quân Tưởng) rút về nước nhường cho quân đội Pháp tiếp quản địa bàn Bắc Việt Nam. Sẵn có âm mưu cướp nước ta một lần nữa, nên chúng liên tục khiêu khích, gây hấn ở khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam; đồng thời chúng xúi giục, kích động bọn phản động trong nước gây ra các vụ bạo động, cướp bóc, chém giết cán bộ và đồng bào ta; đỉnh điểm là chúng ngang ngược ra tối hậu thư đòi tước khí giới của quân đội ta, buộc chúng ta phải cầm vũ khí chiến đấu.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến với lời hiệu triệu “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước nhất tề đứng dậy làm cuộc kháng chiến với vũ khí trang bị thô sơ và lòng quyết tâm bảo vệ độc lập tự do. Trong điều kiện khó khăn đó, toàn quân, toàn dân đều chung một ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền độc lập tự do mà bao lớp người cách mạng phải hy sinh xương máu mới có được. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh rút về “An toàn khu” (ATK) Thái Nguyên, Tuyên Quang. Vùng đồng bằng và các thành phố thị xã hầu hết nằm trong vùng kiểm soát của địch. Thái Nguyên trở thành một phần của Thủ đô kháng chiến - một địa bàn

⁽¹⁾ Do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp

nhất định quân Pháp phải tiến đánh nếu chúng muốn giành thắng lợi để kết thúc chiến tranh. Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, đến thượng tuần tháng 10 năm 1947, chiến sự vẫn chưa lan đến Thái Nguyên.

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng vạn bà con nhân dân ở các thành phố, thị xã, các vùng bị địch tạm chiếm, thực hiện “vườn không, nhà trống”, đã bỏ lại ruộng vườn, nhà cửa, công việc đang làm để đưa gia đình đi tản cư theo kháng chiến, chấp nhận cuộc chiến đấu, đấu biết rằng sẽ rất lâu dài và gian khổ. Quyết tâm của Chính phủ “vô luận thế nào, các cấp chính quyền cũng không được bỏ dân bơ vơ”⁽²⁾. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho nhân dân đi tản cư, sơ tán; ngày 31 tháng 12 năm 1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 5-SL, thành lập “Ủy ban tản cư, tiếp cư” (gọi tắt là Ban di-tản cư). Thực hiện chủ trương của trên và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Cộng Hòa, xã Văn Hòa thành lập Ban tiếp cư⁽³⁾. Xã Văn Hòa có diện tích rộng, nhiều rừng, đất đai tốt là điều kiện thuận lợi để sắp xếp nơi ở cho đồng bào sơ tán. Rừng Văn Hòa nhiều gỗ, tre, nứa, lá, giang, mây... Ủy ban xã dành cho các hộ sơ tán khai thác vật liệu để làm nhà, làm lều quán; bên cạnh

⁽²⁾ Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

⁽³⁾ Gọi đúng là Ban Tiếp cư, nhưng các tài liệu vẫn ghi Ban Di-tản cư; nhân sự Trưởng, phó ban Ban tiếp cư còn chưa có sự cung cấp thống nhất vì vậy chưa xác định được đồng chí nào làm Trưởng ban, Phó ban.

đó còn vận động nhân địa phương giúp đỡ công sức làm nhà để bà con nhanh chóng có nơi ở chắc chắn... Việc bố trí công việc để bà con sớm ổn định cuộc sống được chính quyền xã quan tâm, những gia đình buôn bán được ở khu vực Hòa Khê và Phả Lý; các hộ làm nông nghiệp được sắp xếp ở xen vào các xóm. Được sự giúp đỡ của chính quyền, nhân dân địa phương và quyết tâm của mỗi gia đình, đồng bào sơ tán về Văn Hòa thực sự như đang được sinh sống trên quê hương mình. Tuy nhiên, do là vùng rừng núi rậm rạp, lại xa đường giao thông, đi lại khó khăn nên số hộ tản cư đến Văn Hòa không nhiều (chỉ có khoảng dưới 100 hộ).

Cùng với việc tiếp đón nhân dân các tỉnh bạn tản cư về địa phương, xã còn có các đơn vị quân đội đóng quân, các cơ quan sơ tán về như lãnh đạo Khu ủy khu I⁽¹⁾ đóng ở xóm Cầu Mai; Đoàn an dưỡng 99 đóng ở xóm Phả Lý. Tại

⁽¹⁾ Theo Lịch sử Đảng bộ Quân khu I, NXB QĐND, XB năm 2009, trang 46 đến trang 55 và sách: Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945 - 1975), NXB Giáo dục, XB 2002, trang 36: Từ tháng 11/1946, cả nước chia thành 12 khu hành chính và quân sự. Mỗi khu có Khu ủy, Ủy ban kháng chiến, Khu trưởng phụ trách quân đội. Khu I gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phúc Yên. Khu X gồm các tỉnh Lao Cai, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Vĩnh Yên. Khu XII gồm các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hồng Gai, Quảng Yên. Khu XI là Hà Nội.

Trang 51 (sách đã dẫn) Sắc lệnh số 120/SL, ngày 25/1/1948, sát nhập Khu I và Khu XII thành Liên khu I. Khu X và Khu XI sát nhập thành Liên khu X. Sắc lệnh số 127/SL, ngày 4/11/1949 hợp nhất Liên khu I và Liên khu X thành Liên khu Việt Bắc và lập Ủy ban KCHC khu Việt Bắc (Sách đã dẫn trang 68). Từ 7/1952 là Khu Việt Bắc... nên khi nói và viết các đồng chí ở địa phương chỉ nhớ tên về sau này. Đúng thời gian phải là Khu ủy khu I.

nhà đồng chí Nguyễn Trung Định (khi đó ở chân Đèo Nhâu) là nơi ở của cơ quan Trung ương Hội Liên Việt⁽²⁾, tại đây còn tiếp đón nhiều lãnh đạo và cán bộ các ngành đến làm việc và đi công tác qua.

Năm 1947, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ an toàn cho các cơ quan và nhân dân lúc này trở nên phức tạp và nặng nề hơn đối với chính quyền xã. Để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao, đại đội tự vệ chiến đấu của xã được tổ chức thành đại đội du kích. Đại đội du kích chủ yếu làm nhiệm vụ sẵn sàng đánh địch, đặt dưới sự chỉ huy điều hành của trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến. Cùng với đại đội du kích⁽³⁾, xã thành lập 1 đại đội dân quân để làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ an toàn cho cơ quan và nhân dân. Từ giữa năm 1947, theo chỉ đạo của Huyện đội Đồng Hỷ, xã Văn Hòa thành lập Ban Chỉ huy Xã đội bộ dân quân; Ban Chỉ huy Xã đội bộ dân quân gồm đồng chí Ủy viên quân sự trong Hội đồng Nhân dân xã và thành viên Ủy ban Kháng chiến làm Xã đội trưởng⁽⁴⁾.

⁽²⁾ Di bút của đồng chí Nguyễn Trung Định, nguyên Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã từ năm 1946 đến 1948, làm việc tại cơ quan Trung ương Hội Liên Việt ở xóm Văn Hán có các đồng chí Vũ Quang, Vũ Anh, Mạnh Hà và nữ đồng chí Lý.

⁽³⁾ Thời kỳ này phân ra 2 lực lượng dân quân và du kích đặt dưới sự chỉ huy của Ban Chỉ huy Xã đội bộ dân quân. Du kích là lực lượng nòng cốt gồm những người nhanh nhẹn, khỏe mạnh, dũng cảm chủ yếu làm nhiệm vụ chiến đấu. Dân quân gồm những người có hoàn cảnh khó khăn hơn... chủ yếu làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ.

⁽⁴⁾ Hiện nay tổ sưu tầm và biên soạn chưa biết đồng chí nào làm Xã đội trưởng xã Văn Hòa đầu tiên.

Giúp việc cho Xã đội trưởng là 2 Xã đội phó, một đồng chí phụ trách huấn luyện, chỉ huy du kích và một đồng chí huấn luyện, chỉ huy dân quân.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ trong lãnh đạo kháng chiến, có một nhiệm vụ cũng rất quan trọng là “nếu quân địch đến, chúng ta phải triệt để làm cho chúng đói, mù, què, câm”⁽¹⁾. Từ nửa đầu năm 1947, theo chỉ đạo của Ủy ban Hành chính huyện; Ủy ban Hành chính xã Văn Hòa thành lập “Ban phá hoại, tiêu thổ kháng chiến”, thường gọi tắt là “Ban phá hoại”. Ban phá hoại của xã cùng với Ban phá hoại xã Khe Mo khẩn trương tổ chức cho dân quân du kích phá hỏng cầu Long Giàn⁽²⁾ và các cầu Linh Nham, Bò Đái; tổ chức đào các hố cá nhân, các đoạn giao thông hào dích dắc trên đường 1B (thực chất đã cắt đứt đường) để chặn xe cơ giới của địch nhưng không làm ảnh hưởng nhiều đến người đi bộ.

Xác định trước sau gì quân Pháp cũng sẽ tấn công lên Thái Nguyên nhằm mục đích tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến. Căn cứ vào chỉ thị của trên, Ban Chỉ huy xã đội tổ chức huấn luyện cho du kích, dân quân về khoa mục đánh địch bằng gài mìn (địa lôi), phục kích trên đường giao thông.

⁽¹⁾ Trích nội dung thực hiện tiêu thổ kháng chiến của Trung ương.

⁽²⁾ Các cầu này đã bị phá sập để chặn quân Nhật từ trước tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Sau Cách mạng ta đã bắc cầu tạm bằng cây rừng và sau làm cầu treo để cho nhân dân đi lại.

2. Trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, củng cố kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân và thành lập Chi bộ Đảng (1947-1950)

Cuối năm 1947, công tác xây dựng củng cố chính quyền, các đoàn thể cứu quốc đã cơ bản đi vào nề nếp; đời sống nhân dân đã dần dần ổn định. Lực lượng dân quân du kích của xã được tổ chức lại, đã có bước trưởng thành. Đúng vào lúc ấy, quân Pháp mở cuộc hành quân tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt Chính phủ kháng chiến và để kết thúc chiến tranh. Kế hoạch cuộc hành quân của bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp được chia làm 2 bước, bước 1 mang mật danh Lê-a (Léa), bước 2 mang mật danh Xanh-tuya. Cuộc chiến đấu chống lại cuộc hành quân Lê-a và Xanh-tuya của quân và dân ta được gọi là Chiến dịch phản công Việt Bắc thu - đông 1947.

Cuộc hành quân mang mật danh Lê-a (Léa) với kế hoạch là đánh chiếm khu tam giác thị xã Bắc Kạn - Chợ Đồn - Chợ Mới. Mục tiêu của quân Pháp là “Diệt và bắt cơ quan đầu não của Việt Minh, tìm diệt chủ lực, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, bịt kín, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn không cho Việt Minh tiếp xúc với Trung Quốc và loại trừ mọi chi viện từ bên ngoài vào. Truy lùng Việt Minh đến tận sào huyệt, đánh cho tan tác mọi tiềm lực kháng chiến của họ...”⁽³⁾. Thực hiện mục tiêu kế hoạch

⁽³⁾ Kế hoạch cuộc hành quân Lê-a của Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương.

đề ra, quân Pháp tiến công lên Việt Bắc theo 3 hướng thủy, bộ và trên không. Trên không, ngày 7 tháng 10 năm 1947 quân Pháp thả 800 quân dù đánh chiếm thị xã Bắc Kạn và 200 quân đánh chiếm thị trấn huyện Chợ Mới; ngày 8 tháng 10 năm 1947, chúng tiếp tục thả 200 quân dù chiếm đóng Chợ Đồn. Cùng thời gian 2 hướng thủy bộ cũng xuất phát tiến công nhằm bao vây, khóa chặt Việt Bắc. Thủy quân Pháp ngược sông Lô, sông Gâm; ngày 12 tháng 10 chiếm được huyện lỵ Đoan Hùng, ngày 13 tháng 10 chiếm thị xã Tuyên Quang và Chiêm Hóa, hình thành thế bao vây chiến khu Việt Bắc từ phía tây. Bộ binh địch từ Lạng Sơn theo Quốc lộ số 4, chiếm Thất Khê, Đông Khê, thị xã Cao Bằng và ngày 12 tháng 10 từ thị xã Cao Bằng theo Quốc lộ số 3 đánh xuống Bắc Kạn để bao vây chiến khu Việt Bắc từ phía đông.

Ngày 14 tháng 10 năm 1947, Thường vụ Trung ương Đảng ta họp và thông qua chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp”. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, trên khắp các mặt trận, quân và dân ta chiến đấu anh dũng, ngăn chặn và đẩy lùi các bước tiến quân của quân Pháp, đặc biệt là trận đánh tàu chiến của địch trên sông Lô và trận đánh bộ binh cơ giới địch ở đèo Bông Lau... Vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân ta, cuộc tiến công của quân địch diễn ra không thuận lợi; hai mũi tiến công thủy-bộ đã không hợp vây được với quân nhảy dù. Quân ta chủ động bao vây, chia cắt đội hình và

liên tiếp tiến công quân Pháp mọi lúc, mọi nơi, đặt chúng vào thế thua, buộc phải rút lui cục bộ. Kế hoạch Lê-a bị phá vỡ hoàn toàn.

Trước âm mưu tấn công của địch lên Việt Bắc tìm diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến của ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng cơ quan đã di chuyển từ ATK Đình Hóa sang ATK Võ Nhai. Trên đường đi từ La Hiên qua Vân Hòa, Người dừng chân thắp hương tại đền Long Giàn, sau đó qua nơi làm việc của Trung ương Hội Liên Việt⁽¹⁾ thuộc xóm Văn Hán, rồi vượt Đèo Nhâu. Ngày 15 tháng 10 năm 1947, Người đến nơi làm việc tại Làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai. Chuyến di chuyển của Chủ tịch Hồ Chí Minh được giữ tuyệt đối bí mật và an toàn có một phần đóng góp của nhân dân các dân tộc trong xã.

Sau hơn 1 tháng tung lực lượng quân sự lớn lên Việt Bắc, cuộc hành quân Lê-a (bước 1 trong chiến dịch tiến công lên Việt Bắc thu-đông năm 1947 của thực dân Pháp) bị thất bại. Phán đoán các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đóng ở vùng núi đá Võ Nhai (Thái Nguyên), Bộ chỉ huy quân Pháp quyết định kết hợp việc rút lui khỏi Việt Bắc chuyển sang cuộc hành binh mới mang tên Xanh-tuya. Ngày 20 tháng 11 năm 1947, chúng bắt đầu cuộc hành quân mang mật danh Xanh-tuya (vành đai xiết chặt) càn quét vùng tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên -

⁽¹⁾ Theo di bút của đồng chí Nguyễn Trung Đình, Phó Chủ nhiệm Việt Minh xã từ 1946 - 1948.

Phủ Lạng Thương - Việt Trì với mục tiêu “lùng kỳ được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bằng được lực lượng chủ lực Việt Minh, phá nát căn cứ địa”⁽¹⁾.

Sáng ngày 26 tháng 11 năm 1947, quân Pháp dùng 23 máy bay (gồm 11 chiếc Ju52 và 12 chiếc Dakota) ném bom bắn phá ác liệt để dọn bãi, sau đó thả 500 quân dù xuống chiếm đóng thị trấn La Hiên; đến trưa, chúng tiếp tục dùng 14 máy bay (8 chiếc Ju52 và 6 chiếc Dakota) thả 200 quân dù đánh chiếm Tràng Xá thuộc huyện Võ Nhai⁽²⁾. Cũng trong buổi chiều cùng ngày, chúng tiếp tục dùng 15 máy bay thả 400 quân xuống cánh đồng Làng Ngò xã An Khánh và Ba Gò thuộc xã Cù Vân huyện Đại Từ.

Quân Pháp nhảy dù xuống xã La Hiên và xã Tràng Xá lập tức làm sân bay dã chiến và triển khai càn quét, đánh phá các xã xung quanh, trong đó có xã Vân Hòa. Một toán địch từ La Hiên vượt qua Đèo Khế càn vào Vân Hòa (qua 2 xóm Đèo Khế và Long Giàn) để sang Khe Mo rồi quay lại La Hiên.

Ngày 1 tháng 12 năm 1947, toàn bộ 200 quân địch nhảy dù xuống xã Tràng Xá (có tên cự Chu đoàn Võ Nhai dẫn đường) càn quét dọc đường qua xã Lâu Hạ (nay

(1) Mục tiêu cuộc hành quân của quân đội Pháp.

(2) Trích Báo cáo đặc biệt của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên: Ngày 26/11/1947, từ 8 giờ địch huy động 24 máy bay ném bom bắn phá và thả 1 tiểu đoàn (khoảng 500 quân dù) xuống đánh chiếm xã La Hiên. 12 giờ trưa chúng tiếp tục huy động tiếp 17 máy bay đến oanh tạc và thả khoảng 200 quân dù xuống đánh chiếm xã Tràng Xá (huyện Võ Nhai).

là Liên Minh, huyện Võ Nhai) sau đó vượt Đèo Nhâu vào xóm Văn Hán, Cầu Mai. Tại xã Văn Hòa, trung đội du kích đã bố trí 2 trạm gác để phát hiện địch; một trạm ở cây đa Đồng Lách (xóm Văn Hán) và một trạm ở Cây Trôi (xóm Cầu Mai). Phát hiện quân địch vào xã, đồng chí Nông Văn Thân (ở trạm Đồng Lách) vừa chạy vừa hô hoán báo động; quân địch nổ súng, đồng chí anh dũng hy sinh. Đến trạm Cây Trôi địch bắn đồng chí Nông Thị Ninh bị thương nặng. Tuy vậy trung đội du kích vẫn tiếp tục bám địch, nổ súng đánh quấy rối, sau đó nhanh chóng rút vào rừng, tạo cho địch tâm lý bị động đối phó. Sau khi càn qua xóm Cầu Mai, quân địch đi qua La Phước rồi sang đóng quân ở La Hiên⁽³⁾.

Ngày 8 tháng 12 năm 1947, quân địch từ La Hiên tiếp tục càn vào xã Khe Mo, Văn Hòa, chúng đốt phá nhà cửa của dân trên đường đi khu Cây Hồng, khu Núc Nác, chợ Khe Mo, đình Khê Mo, đền Ao Rôm, sau đó chúng theo đường 1B về Linh Nham và rút hoàn toàn ra khỏi xã.

Khi quân Pháp mở cuộc hành quân Xanh-tuya vào xã, việc lãnh đạo chiến đấu chống càn do Chi bộ Đảng xã Dân Chủ đảm nhiệm, Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính xã Văn Hòa tổ chức lực lượng chiến đấu và bố trí cho nhân dân sơ tán bảo đảm an toàn, nên đã hạn chế được thiệt hại do địch gây ra.

⁽³⁾ Báo cáo đặc biệt của UBND tỉnh Thái Nguyên từ 1945-5/1948, trang 20, 21.

Sau khi cuộc hành quân Xanh-tuya của Pháp kết thúc, tổ chức chính quyền ở xã Vân Hòa có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thống nhất từ trên xuống. Thực hiện Sắc lệnh số 91/SL ngày 1 tháng 10 năm 1947 về việc hợp nhất 2 Ủy ban kháng chiến và Ủy ban Hành chính từ cấp tỉnh trở xuống thành Ủy ban Kháng chiến - Hành chính (UBKCHC)⁽¹⁾, đầu năm 1948, Ủy ban KCHC xã Vân Hòa được kiện toàn, ông Nguyễn Đức Năng làm Chủ tịch, ông Vi Văn Môn⁽²⁾ làm Phó Chủ tịch, ông Trần Văn Thị làm Thư ký Ủy ban KCHC xã.

Công tác bảo đảm an ninh trật tự ở xã Vân Hòa từ khi thành lập chính quyền do đội tự vệ chiến đấu của xã đảm nhiệm, vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu vừa làm nhiệm vụ tuần tra canh gác bảo đảm an toàn. Từ khi có Ban Chỉ huy Xã đội bộ dân quân (giữa năm 1947), công tác an ninh trật tự được giao cho trung đội dân quân đảm nhiệm. Thực hiện Thông tư số 113-NV/CT, ngày 9 tháng 3 năm 1948 của Bộ Nội vụ và theo chỉ đạo của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện (KCHC), giữa năm 1948 xã Vân Hòa thành lập Tổ trật tự để chuyên làm công tác an ninh. Tổ trật tự gồm có Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC xã, các trưởng thôn (là tiền thân của công an xã Văn Hán về sau này).

⁽¹⁾ Ban đầu là Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính, về sau mới đổi thành Ủy ban Kháng chiến-Hành chính.

⁽²⁾ Theo di bút của cố đồng chí Trần Văn Thị

Năm 1948⁽³⁾, cấp trên quyết định sáp nhập xã Văn Hòa với xã Khe Mo thành một đại xã và đặt tên là xã Long Khê. Xã Long Khê gồm có 3 thôn là thôn Văn Hoà, thôn Khe Mo, thôn Phúc Thành. Lãnh đạo Ủy ban Kháng chiến - Hành chính gồm: Ông Đinh Phú Hào làm Chủ tịch, ông Lương Quang Chiêu làm Phó Chủ tịch, các ông Trần Văn Thị, Nông Tiến Thắng làm Ủy viên và ông Dương Đình Thức⁽⁴⁾ làm Ủy viên thư ký.

Về các ngành, đoàn thể: Ông Lê Văn Tương làm Xã đội trưởng. Ông Mông Quốc Hoa phụ trách Đội Trật tự. Ông Trần Văn Sáng làm Chủ nhiệm Việt Minh. Ông Trần Văn Thị làm Bí thư Hội Nông dân. Anh Dương Văn Quyền làm Bí thư Chi đoàn Thanh niên. Bà Ninh Thị Hàn làm Bí thư Phụ nữ Cứu quốc xã.

⁽³⁾Tổ biên soạn lấy ngày sáp nhập 2 xã Khe Mo và Văn Hòa thành xã Long Khê theo di bút của cổ đồng chí Trần Văn Thị là ngày 20/3 âm (tức 28/4/1948) và Di chúc của ông Nguyễn Mạnh Hiền viết “Làng Cháy, xã Long Khê ngày 15/10/1949”; Con dấu UBKCHC xã Long Khê do đồng chí Đinh Phú Hào (Chủ tịch UBKCHC xã Long Khê, nguyên là công dân xã Văn Hòa cũ) ký giấy giới thiệu ngày 9/3/1950 cho đồng chí Đàm Ngọc Văn (cũng là công dân xã Văn Hòa trước khi sáp nhập) đi công tác.

Tuy nhiên, thời gian này Tổ biên soạn cũng sưu tầm được những văn bản không thống nhất về lúc sáp nhập 2 xã. Ví dụ Quyết định số 129/P3, ngày 31/7/1950; Quyết định số 38/P3 ngày 7/8/1950 của UBKHHC tỉnh Thái Nguyên hoặc lý lịch của các đảng viên như Dương Đình Thức, Dương Văn Quyền, Nông Tiến Thắng, Đàm Ngọc Văn... đều ghi không trùng nhau về thời gian hợp nhất Khe Mo với Văn Hòa.

⁽⁴⁾ Đến năm 1949, Ủy viên Thư ký UBKCHC xã Long Khê có thêm đồng chí Đào Văn Nguyên tức Nguyễn Trần Tự (1919-14/11/1973) là người quê ở Hải Phòng đến hoạt động tại xã Long Khê và Trưởng ban thuế nông nghiệp Nguyễn Mạnh Hiền.

Khi sáp nhập xã, xã Long Khê chưa có Chi bộ Đảng, chỉ có các đảng viên người xã Khe Mo, Vân Hòa (cũ) sinh hoạt ghép tại Chi bộ Đảng xã Dân Chủ do đồng chí Lý Văn Khâm làm Bí thư. Thực chất, thời gian này Chi bộ Đảng xã Dân Chủ lãnh đạo bao gồm cả xã Long Khê. Vì vậy công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ gặp nhiều khó khăn, nhất là trong điều kiện Đảng đang trong thời kỳ hoạt động bí mật. Trước tình hình trên, Huyện ủy cử đồng chí Đỗ Chi Phương về xã xây dựng tổ trung kiên, tiến tới thành lập Chi bộ Đảng. Đến tháng 9 năm 1948, đã có các đảng viên người xã Long Khê đang sinh hoạt ghép tại Chi bộ Đảng xã Dân Chủ là Đinh Phú Hào, Hoàng Hữu Thông, Vũ Văn Tiến.

Ngày 26 tháng 9 năm 1948, tại trụ sở Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã Long Khê đặt tại xóm Khe Mo, Chi bộ Đảng xã Dân Chủ tiếp tục tuyên bố kết nạp các đồng chí Nông Tiến Thắng, La Văn Mao và Trần Văn Thị vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau lễ kết nạp đảng viên, đồng chí Đỗ Chi Phương thay mặt Huyện ủy tuyên bố thành lập Chi bộ xã Long Khê gồm 9 đảng viên⁽¹⁾. Đồng chí Đỗ Chi Phương trực tiếp làm Bí thư, chủ yếu để hướng dẫn công tác lãnh đạo cho các đảng viên trong Chi bộ;

⁽¹⁾ Di bút của các đồng chí Trần Văn Thị ghi khi thành lập Chi bộ có 9 đảng viên, nhưng đến nay tổ biên soạn mới chỉ tìm thấy danh sách 6 đồng chí có tên trên và đồng chí Đỗ Chi Phương. Để bảo đảm khách quan tổ biên soạn vẫn ghi khi thành lập Chi bộ có 9 đảng viên.

đồng chí Hoàng Hữu Thông được cử làm Phó Bí thư. Ngay trong năm 1948, Chi bộ kết nạp thêm các đảng viên Bùi Văn Rương, Trần Văn Cừ, Lường Quang Chiêu, Dương Đình Thúc... Khi công việc đã ổn định, đồng chí Đỗ Chi Phương trở về huyện. Ngày 16 tháng 1 năm 1949, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ nhất và bầu đồng chí Hoàng Hữu Thông làm Bí thư⁽²⁾; đồng chí Nông Tiến Thắng làm Phó Bí thư⁽³⁾; đồng chí Đinh Phú Hào là Thường vụ Chi ủy.

Chi bộ xã Long Khê được thành lập là một sự kiện chính trị quan trọng của nhân dân các dân tộc trong xã. Từ đây, tại địa phương đã có tổ chức Đảng lãnh đạo trực tiếp gần dân, hiểu dân, cùng nhân dân trong xã thực hiện các nhiệm vụ mà Đảng đề ra.

Căn cứ vào Thông tư số 814-NV/PC của Bộ Nội vụ, ấn định ngày 24 tháng 4 năm 1949, tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân 2 cấp xã và tỉnh khóa II. Chi ủy, Chi bộ lãnh đạo Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt xã hiệp thương và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân xã Long Khê khóa đầu tiên sau ngày hợp nhất và kết quả bầu cử đã thành công tốt đẹp. Tháng 5 năm 1949, Hội đồng Nhân dân xã Long Khê (khóa 1949 - 1951) đã họp phiên

⁽²⁾ Lý lịch của đồng chí Hoàng Hữu Thông, bản khai ngày 26/11/1951

⁽³⁾ Sau đó đồng chí Dương Đình Thúc làm Phó Bí thư Chi bộ; đồng chí Nông Tiến Thắng làm Chủ tịch Liên Việt xã.

đầu tiên để bầu các chức danh lãnh đạo Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã, đồng chí Đinh Phú Hào được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Lường Quang Chiêu và Mông Quốc Hoa làm Phó Chủ tịch Ủy ban KCHC xã.

Về công tác lãnh đạo, lúc này Chi bộ Đảng xã Long Khê là đầu mối trực thuộc Huyện ủy Đồng Hỷ; có nhiệm vụ lãnh đạo trực tiếp mọi mặt công tác trong xã nên có điều kiện tập trung hơn so với khi còn sinh hoạt tại Chi bộ ghép. Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở Đảng lãnh đạo toàn diện công tác ở địa phương, Chi bộ khẩn trương ổn định các tổ chức chính quyền, đoàn thể để nhanh chóng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ. Trong năm 1949, Chi bộ tiếp tục kết nạp được các đảng viên Nguyễn Văn Mười, Nông Văn Giang, Nguyễn Đức Năng, Trần Văn Tùy, Mông Quốc Hoa, Trần Văn Sáng, Trương Văn Chức, Bùi Văn Tòng... tăng cường đáng kể sức lãnh đạo của Chi bộ.

Tháng 5 năm 1950, Đại hội lần thứ nhất đoàn Phụ nữ Cứu quốc Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã quyết định thống nhất các tổ chức phụ nữ trong toàn quốc thành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Cuối năm 1950, Hội Phụ nữ Cứu quốc xã đổi tên thành Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Long Khê do đồng chí Ninh Thị Hàn làm Hội trưởng và đồng chí Nông Thị Sùng làm Hội phó; ở các thôn và một số xóm có ủy viên Ban chấp hành trực tiếp làm chi hội trưởng, phân chi trưởng.

Chi bộ, Chính quyền, các đoàn thể mà trực tiếp là Hội Nông dân vận động nhân dân tích cực khai hoang trồng lúa nước, phát rẫy trồng lúa nương; tổng cộng cả 2 diện tích được 53 mẫu 6 sào 12 thước. Tuy nhiên năng suất và sản lượng lương thực trong sản xuất nông nghiệp của xã còn rất thấp. Nguyên nhân do các thửa ruộng cấy lúa nước, tra lúa nương đều gần rừng nên bị chim và thú rừng phá hoại, thu nhập chỉ đạt trên dưới 30 kg/sào. Về trồng sắn, trồng ngô cũng trong cảnh tương tự, do bị nhím, lợn rừng, khỉ, đào bễ từ khi còn non. Chính quyền xã tổ chức cho nhân dân làm các chòi canh nương, làm bù nhìn rơm để dọa đuổi chim và thú rừng bảo vệ mùa màng, nhưng cũng chỉ hạn chế được sự thất thoát một phần.

Do các cầu Linh Nham, Bò Đái và Long Giàn đã bị phá huỷ từ năm 1945, đến năm 1947 lại tiếp tục phá các cầu tạm trong dịp ta thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Để đáp ứng yêu cầu đi lại của nhân dân, được sự chi viện của bộ đội, nhân dân xã Long Khê phối hợp làm 3 cây cầu treo. Các cầu treo Linh Nham, Bò Đái và Long Giàn tuy chỉ đơn giản được treo bằng các sợi dây cáp kết hợp với dây song⁽¹⁾, nhưng đã phục vụ kịp thời cho nhu cầu qua sông của người đi bộ, người gánh hàng hoặc xe đạp thồ. Các loại hàng hoá nặng phải dùng ngựa thồ hoặc phải

⁽¹⁾ Dây song thuộc họ mây, nhưng sợi dây song có thể to bằng cổ tay người lớn nên có độ bền, dai chắc. Ba sợi dây song chập lại với 1 dây cáp làm dây treo cầu sẽ rất chắc chắn.

dùng xe kéo, xe quét hoặc nhiều người đẩy... đã có lối xuống để lợi qua ngầm⁽¹⁾ để sang sông.

Cùng với việc huy động nhân lực phục vụ kháng chiến tại địa phương, xã còn tập trung nhân lực chi viện cho các chiến trường. Từ năm 1948 đến 1949 mỗi năm xã đều tổ chức trung bình khoảng 10 đợt huy động nhân lực đi dân công, mỗi đợt từ 10 đến 30 người đi phục vụ làm đường, vận tải lương thực và kéo phà...theo sự điều động của UBND huyện. Các công việc được giao xã đều chấp hành nghiêm túc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hơn 2 năm sau ngày sáp nhập, các mặt công tác của xã Long Khê đã ổn định. Chi bộ, Chính quyền, các đoàn thể đã từng bước được kiện toàn bổ sung và hoạt động có hiệu quả. Cuối năm 1950, quân Pháp mở trận càn mang tên Phô-cơ (tức Hải Cầu) đánh lên Thái Nguyên, trong đó có xã Long Khê. Mục đích của Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp mở trận càn Phô - cơ nhằm phá hoại các cơ sở kháng chiến của ta và giải nguy cho 2 binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sác-tông từ biên giới Việt-Trung rút chạy về đồng bằng.

Ngày 29 tháng 9 năm 1950, địch cho 3.000 quân có máy bay yểm trợ theo 3 hướng hành quân trên bộ và một hướng đổ bộ đường không đánh lên Thái Nguyên.

⁽¹⁾ Ngầm lợi hoặc lợi ngầm là cách gọi trước đây chỉ những đoạn đường, những bến vượt thường xuyên bị ngập nước nhưng có độ ngập sâu đủ cho người và các loại xe qua được.

Được tin quân Pháp cần lên Thái Nguyên, nhân dân còn lại ở thị xã và lân cận đi sơ tán vào rừng núi, trong số này có nhiều gia đình chọn xã Long Khê làm nơi chạy càn⁽²⁾. Sáng ngày 1 tháng 10 năm 1950, có một đoàn khoảng 300 người dân đi sơ tán từ Linh Nham vào Khe Mo. Khi đoàn người vừa qua cầu Bò Đái thì bị 2 máy bay B-ving-six (B26) lao tới bắn đạn xối xả làm chết và bị thương rất nhiều người⁽³⁾.

Chiều ngày 1 tháng 10 năm 1950, quân Pháp cho 27 máy bay ném bom đánh phá dọn bãi sau đó thả 200 quân dù xuống sân bay Đồng Bẩm. Khi tiếp đất, đội quân dù lập tức tổ chức càn quét các vùng xung quanh.

Tại xã Long Khê, trung đội du kích được lệnh tổ chức phục kích trên đường 1B tại cầu Bò Đái. Trưa ngày 6 tháng 10 năm 1950, khoảng 1 trung đội địch hành quân từ Linh Nham lên và lọt vào trận địa của ta. Nhưng đúng lúc này trung đội du kích của xã làm nhiệm vụ phục kích lại về ăn cơm trưa, nên bỏ lỡ cơ hội diệt địch. Không bị lực

⁽²⁾ Chạy càn là cách gọi tắt khi lánh đi tránh gặp quân Pháp đi càn.

⁽³⁾ Theo di ngôn của cụ Lê Thị Tá được con trai là Nguyễn Long Tiền ghi lại thì hôm đó là ngày 20/8 âm lịch năm Nhâm Thìn; số người chết và bị thương do máy bay Pháp bắn khoảng 200 người. Ngay đêm 1/10/1952 cấp trên điều 1 đại đội thuộc Đoàn an dưỡng khu Việt Bắc (đóng ở xóm La Đường) và 1 đại đội thuộc Đoàn an dưỡng 99 (đóng ở Làng Hòa) ra thu dọn và chôn cất. Tuy nhiên do đêm tối và địch đã nhảy dù xuống Đồng Bẩm nên việc chôn cất sơ sài, sau đó hồ, kỳ đà đào bới làm cho mùi hôi thối bốc lên rất khó chịu trong một thời gian.

lượng nào đánh chặn hoặc quấy rối, bọn địch tách 1 toán càn dọc đường từ cầu Bò Đái đến xóm Khe Mo, đốt đèn Ao Rôm; một toán càn theo đường vào xóm La Nura (nay là khu vực xóm Hải Hà). Sau đó quân địch quay trở lại và rút ra khỏi địa phương, cuộc càn quét của binh lính Pháp vào xã lần thứ 2 kết thúc.

Khi địch càn vào xã, đi đến đâu quân Pháp cũng đốt phá nhà cửa của nhân dân, bị tổn thất nhiều nhất là các hộ ở ven đường như phố Khe Mo, phố Ao Rôm, phố Linh Nham. Do có rừng núi rậm rạp, xã tổ chức nhân dân và đồng bào tản cư triệt để sơ tán lánh vào rừng nên không có tổn thất về người.

3. Lãnh đạo xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến và thực hiện cách mạng ruộng đất (1951 - 1954)

Sau khi quân Pháp rút lui, Chi bộ, Ủy ban KCHC xã Long Khê khẩn trương tổ chức nhân dân về làng cũ, tích cực tăng gia sản xuất, ổn định đời sống. Chi ủy Chi bộ và chính quyền lãnh đạo nhân dân vừa tích cực trồng lúa nước, tra lúa nương và trồng ngô, trồng sắn, khoai lang, khoai sọ... Mặt khác còn tổ chức nhân dân ở từng khu đồng, khu rẫy tổ chức người trông coi để đuổi thú rừng và chim rừng phá hoại. Nhờ vậy việc thu hoạch lương thực bảo đảm đời sống nhân dân và đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ, kịp thời.

Khoảng cuối năm 1950, đầu năm 1951, tên xã Long Khê được đổi thành xã Khe Mo⁽¹⁾; trong xã Khe Mo vẫn gồm 3 thôn là Khe Mo, Văn Hòa và Phúc Thành. Chi bộ xã Khe Mo do đồng chí Hoàng Hữu Thông làm Bí thư. Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Khe Mo do đồng chí Đinh Phú Hào, Ủy viên Thường vụ Chi ủy làm Chủ tịch.

Đến năm 1953 toàn xã có 1.723 khẩu, trong đó có 318 người tham gia Nông hội. Ngày 8 tháng 12 năm 1953⁽²⁾ Ủy ban KCHC xã và Ban Chấp hành Hội Nông dân họp hội nghị bàn về việc củng cố các tổ đổi công và thành lập tổ giao lương vận chuyển thóc thuế nhanh gọn kịp thời. Trước đó, từ ngày 25 tháng 5 đến ngày 7 tháng 6 năm 1953, xã Khe Mo đóng thuế đợt 1 được 29.597 kg thóc. Từ ngày 24 tháng 12 năm 1953 đến ngày 2 tháng 1

⁽¹⁾ Thời gian sáp nhập xã Văn Hòa với Khe Mo thành xã Long Khê được căn cứ vào di bút của các cố đồng chí Lương Quang Chiêu, Trần Văn Thị là năm sáp nhập là 1948. Di bút của ông Nguyễn Mạnh Hiền viết ngày 15/10/1949 ghi tên xã là Long Khê.

Thời gian đổi tên xã Long Khê thành xã Khe Mo không xác định được. Tổ biên soạn chỉ ghi khoảng cuối năm 1950, đầu năm 1951, do căn cứ vào văn bản do Chủ tịch xã Đinh Phú Hào ký năm 1950 viết tên xã và con dấu Ủy ban KCHC xã Long Khê trùng nhau. Văn bản do Chủ tịch xã Đinh Phú Hào ký năm 1951 trở về sau viết tên xã là Ủy ban KCHC xã Khe Mo và con dấu lại là Ủy ban KCHC xã Long Khê. Một Văn bản lưu của UBHC tỉnh Thái Nguyên sau CCRĐ (tại Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh) ghi trước Giám tô là xã Khe Mo, sau Giám tô xã Khe Mo tách thành xã Khe Mo và Đoàn Kết.

Từ đó xác định được tên xã đã được đổi thành Khe Mo nhưng không (hoặc chưa) đổi dấu, mà vẫn dùng dấu cũ là UBKCHC xã Long Khê. Tương tự như vành ngoài con dấu UBHC cấp xã vẫn ghi tỉnh Thái Nguyên cho đến năm 1977, mặc dù từ năm 1965 đã sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

⁽²⁾ Bút tích của cố đồng chí Lý Văn Học xóm Đèo Khế.

năm 1954, xã Khe Mo đóng thuế lương thực được 12.915 kg thóc, hoàn thành chỉ tiêu trên giao. Ngoài ra, Ủy ban xã còn vận động nhân dân bán thóc cho Nhà nước được 4.536 kg, lãnh đạo củng cố được 8 tổ đổi công ở các xóm để hỗ trợ nhau sản xuất và giúp đỡ các gia đình neo đơn, gia đình có người đi bộ đội, đi dân công dài ngày và du kích tập trung để anh chị em yên tâm làm nhiệm vụ.

Thực hiện Quyết định số 438-NV/TTC, ngày 10 tháng 10 năm 1950 về việc thành lập Ban Công an xã thay thế cho tổ trật tự, cuối năm 1950 đầu năm 1951, Chi bộ và Ủy ban phân công đồng chí Mông Quốc Hoa (nguyên là tổ trưởng tổ trật tự) làm Trưởng Ban Công an xã Khe Mo. Ban Công an gồm 1 trưởng ban, 1 phó ban, và các ủy viên là các tổ trưởng công an ở các xóm. Ngay sau khi thành lập, Ban Công an xã đã nhanh chóng lập kế hoạch triển khai nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, bảo đảm an toàn cho nhân dân, các cơ sở của xã và cấp trên đứng chân trên địa bàn. Tình hình trật tự trị an trong xã luôn ổn định.

Lãnh đạo nhiệm vụ động viên thanh niên tòng quân xây dựng quân đội và phục vụ cho chiến trường ngày một nặng nề. Chi bộ, Ủy ban, Mặt trận và các ban ngành đoàn thể xã tích cực vận động thanh niên vào bộ đội, đi dân công và đi thanh niên xung phong. Công tác vận động thanh niên tòng quân xây dựng quân đội là nhiệm vụ xuyên suốt từ khi thành lập chính quyền đến những năm tiếp sau. Thời kỳ này chưa có luật hoặc pháp lệnh về việc

gọi thanh niên nhập ngũ, vì vậy công tác động viên, vận động, thuyết phục của Chi bộ, chính quyền, các đoàn thể đóng vai trò quan trọng. Cấp ủy, Chính quyền luôn tuyên truyền, động viên làm cho thanh niên nhận thức được ý thức trách nhiệm, lòng yêu nước, căm thù giặc, tình nguyện xung phong lên đường đi chiến đấu. Trong 3 năm 1949 - 1951, toàn xã có 33 đồng chí tình nguyện nhập ngũ. Một số đồng chí vào các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Tổng Tư lệnh đi chiến đấu ở các chiến trường, một số đồng chí vào Đại đội 223 bộ đội địa phương huyện Đông Hỷ chiến đấu bảo vệ quê hương (Trong số thanh niên thôn Văn Hòa tình nguyện đi chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp, có đồng chí đã anh dũng hy sinh).

Từ năm 1950, xã Long Khê thành lập Văn phòng huy động dân công do đồng chí Trần Văn Thị (Chấp ủy viên⁽¹⁾) phụ trách, thành phần có đồng chí Lương Đình Công (Phó Chủ tịch UBND xã), đồng chí Lê Văn Tương (Xã đội trưởng), các ủy nhiệm thôn và đại biểu các ngành các giới⁽²⁾. Văn phòng huy động dân công đã thường xuyên bám sát nhiệm vụ, huy động trực tiếp nhân lực, đảm bảo đủ chỉ tiêu trên giao. Từ tháng 1 đến tháng 9

(1) Sau gọi là Thường vụ chi ủy.

(2) Theo quy định Văn phòng huy động dân công thành phần gồm: 1 Chi ủy viên, 1 Phó Chủ tịch hoặc ủy viên Ủy ban KCHC xã; 1 xã đội, các ủy nhiệm thôn (sau gọi là trưởng thôn) và đại biểu các ngành các giới. Khi đồng chí trong thành phần thay đổi nhiệm vụ thì đồng chí đảm nhiệm chức danh tương ứng thay thế cho đủ thành phần.

năm 1951, xã Long Khê có 276 người đi làm đường, 783 lượt người đi tiếp lương và 642 lượt người đi dân công phục vụ chiến dịch và phục vụ tại các cơ quan hoặc cơ sở của Nhà nước⁽¹⁾.

Ngày 3 tháng 3 năm 1951, Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức ra mắt Quốc dân với tên gọi là Đảng Lao động Việt Nam, công khai lãnh đạo kháng chiến toàn quốc. Chi bộ Đảng Lao động Việt Nam xã Khe Mo ra hoạt động công khai gồm 35 đảng viên do đồng chí Hoàng Hữu Thông làm Bí thư; đồng chí Nông Tiến Thắng làm Phó Bí thư và đồng chí Đinh Phú Hào là Thường vụ Chi ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã. Từ tháng 5 năm 1951, đồng chí Bùi Văn Rương được cử làm Phó Bí thư. Tháng 8 năm 1951, đồng chí Hoàng Hữu Thông kiêm Ủy viên Ủy ban KCHC xã và đến tháng 5 năm 1952 đi nhận công tác tại Hội đồng cung cấp Liên khu Việt Bắc. Đồng chí Đào Quốc Nhã được bầu làm Bí thư Chi bộ⁽²⁾.

Từ ngày 3 đến 7 tháng 3 năm 1951, Đại hội hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành một tổ chức thống nhất lấy tên là Mặt trận Liên Việt. Theo chỉ đạo của Mặt trận Liên Việt huyện Đồng Hỷ, xã Khe Mo thống nhất 2 tổ chức mặt trận thành Mặt trận Liên Việt và bầu đồng chí Nông Tiến Thắng làm Chủ tịch. Mặt trận Liên Việt xã Khe

⁽¹⁾ Báo cáo số 71 BC/TN lưu tại ĐVBQ 15 phòng số 1 Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

⁽²⁾ Theo di bút của các cố đồng chí Hoàng Bằng, Trương Văn Chức.

Mo đã nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề của xã miền núi có nhiều dân tộc sinh sống.

Ngày 1 tháng 5 năm 1951, tại đình xóm Văn Hán thuộc thôn Văn Hòa, Trung ương tổ chức hội nghị bàn về chính sách thuế nông nghiệp do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng chủ trì. Tham dự hội nghị có ông Lê Văn Hiến (Bộ trưởng Bộ Tài chính), ông Lê Trung Đình (Chủ tịch Ủy ban KCHC tỉnh Thái Nguyên) và các đại biểu các tỉnh trong cả nước. Trước khi hội nghị diễn ra, cấp ủy, chính quyền xã Khe Mo chỉ được biết có hội nghị quan trọng của cấp trên; địa phương được giao nhiệm vụ tổ chức lực lượng du kích canh gác bảo vệ vòng ngoài. Cấp ủy Chi bộ xã Khe Mo phân công đồng chí Lường Quang Chiêu, Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã tham gia Ban tổ chức cuộc họp. Xác định tốt trách nhiệm bảo đảm an toàn cho cuộc họp của cấp trên, cấp ủy, chính quyền xã đã bố trí lực lượng du kích bảo vệ góp phần vào thành công của hội nghị quan trọng của Trung ương Đảng.

Ngày 10 tháng 6 năm 1951, Hội đồng Nhân dân xã Khe Mo⁽³⁾, nhiệm kỳ 1951 - 1953 họp tại trụ sở Ủy ban

⁽³⁾ Quyết định số 77-P3, ngày 8/8/1951, của Ủy ban KCHC tỉnh Thái Nguyên công nhận UBND xã Khe Mo. Từ đây trên các văn bản ghi là xã Khe Mo nhưng vẫn dùng dấu Ủy ban KCHC xã Long Khê. Năm 1950, các văn bản ghi tên và dấu trùng nhau là Ủy ban KCHC xã Long Khê. Ở đây đã có việc đổi tên từ xã Long Khê thành xã Khe Mo trong khoảng thời gian bầu HĐND xã khóa III (năm 1951) nhưng không đổi dấu.

Kháng chiến - Hành chính xã và bầu các chức danh lãnh đạo của Ủy ban xã. Đồng chí Đinh Phú Hào, Thường vụ Chi ủy được bầu làm Chủ tịch; đồng chí Lường Quang Chiêu được bầu làm Phó Chủ tịch; ông Nguyễn Văn Cân, Ủy viên phụ trách Văn phòng Ủy ban; các ông Phương Hữu Quảng, Hoàng Hữu Thông, Nguyễn Đức Năng làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã.

Giai đoạn này, xã luôn bảo đảm đủ số lượng người đi dân công phục vụ chiến đấu như vận chuyển vũ khí từ Đồng Đăng (Lạng Sơn) về Tuyên Quang, phục vụ chiến dịch Tây Bắc - Thượng Lào... Chấp hành Thông tư⁽¹⁾ số 84 của Huyện ủy Đồng Hỷ về sự cần thiết của công tác cầu đường, ngầm, phà, ngày 14 tháng 7 năm 1953, Chấp ủy (chi ủy) xã Khe Mo ra Quyết nghị số 18-CB.X phân công các đồng chí đảng viên Nông Đình Phú, Nông Văn Giang (ở tổ đảng Văn Hán); Trần Bảo Thạch (ở tổ đảng Phả Lý); Trần Văn Sáng (ở tổ đảng Làng Cháy); Lý Văn Học (ở tổ đảng Long Giản) lên công trường làm công tác lãnh đạo dân công một đợt thời gian 2 tháng. Đúng 12 giờ ngày 17 tháng 7 năm 1953, các đảng viên được phân công nhiệm vụ có mặt tại trụ sở Ủy ban KCHC xã sẵn sàng lên đường; mỗi đồng chí phải tự túc 7 ngày lương

⁽¹⁾ Trích nguyên văn tiêu đề văn bản là "Thông tư" do gia đình cố đồng chí Lý Văn Học đang lưu giữ.

thực và sổ tay bút mực làm việc, nhưng tất cả đều nghiêm chỉnh chấp hành và hoàn thành nhiệm vụ⁽²⁾.

Do xã Khe Mo (Long Khê) có nhiều đồng bào quê ở các tỉnh bạn tản cư đến và các cơ quan đơn vị sơ tán về đông, nên nhu cầu học tập cho con em nhân dân là đòi hỏi cấp bách. Được sự giúp đỡ của trên, ngay sau trận càn Phô-cơ (1950), Ủy ban xã mở lớp học võ lòng ở đền Long Giàn. Năm 1952 xã mở trường học ở khu Cây Sấu gần nhà ông Trạc Văn Nam (xóm Khe Mo), nhưng chỉ có 1 lớp 1 do cô giáo Lê Thị Hoàng Hà trực tiếp dạy. Năm học 1953-1954, tuy đã chia xã nhưng học sinh vẫn học chung; trường có 1 lớp 1; 1 lớp 2; 1 lớp 3 và 1 lớp 4. Giáo viên gồm 3 thầy (cô) là Hiệu trưởng Ma Văn Bách, thầy giáo Nguyễn Văn Xuân (thường gọi Nguyễn Xuân) và cô giáo Lê Thị Hoàng Hà cùng đứng lớp dạy học như nhau.

Thực hiện Sắc lệnh số 26/SL, ngày 15 tháng 2 năm 1950, thành lập Ban Giảm tô cấp xã về chủ trương phát động nhân dân đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức. Theo sự điều động của cấp trên, ngày 15 tháng 4 năm 1953⁽³⁾, Đội giảm tô do ông Nông Quốc Chấn⁽⁴⁾ làm Đội trưởng, các

(2) Trích Quyết nghị số 18-CB.X ngày 14/7/1953 của Thường vụ Chi ủy xã do Chấp ủy viên Trần Văn Thị ký. Tài liệu gốc này do gia đình đồng chí Lý Văn Học cung cấp.

(3) Tức ngày 12/3 theo âm lịch

(4) Tức nhà thơ Nông Quốc Chấn, sau này làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Khi tiến hành giảm tô vẫn là xã Khe Mo (Long Khê), sau giảm tô mới chia thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết.

đội phó là Lê Văn Liên, Lý Văn Sửu, cùng các đội viên về xã Khe Mo phát động quần chúng đấu tranh đòi giảm tô, tức. Đội giảm tô lấy Ban Chấp hành Nông hội làm nòng cốt phát động nông dân đấu tranh. Được sự hỗ trợ của Đội giảm tô và uy thế của nông dân, sau nhiều ngày vừa tuyên truyền vận động vừa kiên trì đấu tranh, mức giảm địa tô 25% được các hộ phát canh, thu tô chấp nhận. Qua giảm tô đã phân định thành phần giai cấp của các gia đình ở xã Khe Mo. Đội quy thành phần 4 gia đình là địa chủ⁽¹⁾, 9 hộ bị quy thành phần phú nông⁽²⁾. Đồng thời Đội giảm tô cũng đình chỉ sinh hoạt đảng và hạ tâng công tác các đảng viên gồm Hoàng Hữu Thông, Bí thư Chi bộ; Đinh Phú Hào, Thường vụ Chi ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã. Đồng chí Bùi Văn Rương được cử làm Quyền Bí thư Chi bộ và đồng chí Lê Văn Tương được cử làm Chủ tịch Ủy ban KCHC xã Khe Mo (Long Khê).

Ngày 25 tháng 5 năm 1953, các đại biểu Chi ủy, Ủy ban KCHC và Hội nông dân Cứu quốc xã đi dự đấu tố địa chủ Nguyễn Thị Năm ở xã Đồng Bẩm. Ngày 1 tháng 6 năm 1953, Tòa án nhân dân đặc biệt huyện Đồng Hỷ xử địa chủ cường hào tại xã Đồng Bẩm, xã Khe Mo cử 8 đại biểu đi dự. Tại phiên tòa đã tuyên án tử hình đối với địa

⁽¹⁾ Các hộ bị quy thành phần địa chủ là: Lý Thị Sùng, Lê Công Thịnh, Nguyễn Như Chín, Lý Bùi Cơ.

⁽²⁾ Các hộ bị quy thành phần phú nông là: Phạm Văn Tiến, Trương Văn Nho, Lý Văn Chính, Đàm Văn Định, Luân Viết Chương, Đàm Văn Bảo, Dương Văn Thịnh, Đàm Văn Bầu (tức Ly) về sau thêm hộ Lê Văn Tương.

chủ Nguyễn Thị Năm (tức Cát Hanh Long). Trở về xã các quần chúng bắt tay vào đấu tranh theo chỉ đạo của Đội giảm tô, cuộc đấu tranh có lúc diễn ra gay gắt quyết liệt. Được sự chỉ đạo của trên, xã Khe Mo cùng các xã khác⁽³⁾ trong huyện Đồng Hỷ không tiến hành cải cách ruộng đất mà thực hiện phân định thành phần giai cấp quy định từ khi tiến hành giảm tô.

Ngày 6 tháng 11 năm 1953⁽⁴⁾, Đại hội đại biểu hội Nông dân xã (gọi tắt là Nông hội) được tổ chức tại trụ sở Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã Khe Mo (Long Khê), có tổng số 76 đại biểu tham dự. Đại hội bàn việc thực hiện quyết định của trên chia xã Khe Mo (Long Khê) thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết. Đại hội bầu Ban Chấp hành Nông hội xã gồm 7 người; ông Trần Văn Biên được bầu làm Bí thư Nông hội; ông Lương Đình Phẩm làm Phó Bí thư; các Ủy viên Ban Chấp hành gồm ông Trần Hữu Tuệ (phụ trách dân sinh-kinh tế), ông Nông Văn Nhục (thủ quỹ), ông Lê Văn Thành (phụ trách Thanh niên), bà Trần Thị Nội (phụ trách Phụ nữ) và ông Trần Văn Đạt (phụ trách Văn phòng Nông hội).

Sau khi tiến hành công tác giảm tô, thực hiện chỉ đạo của trên, các địa phương tiến hành công tác củng cố tổ

⁽³⁾ Các xã trong huyện Đồng Hỷ không cải cách ruộng đất là: Khe Mo, Đoàn Kết (Văn Hán), Quang Trung (Nam Hòa), Tân Lợi, Hòa Bình (Cây Thị), Linh Sơn.

⁽⁴⁾ Tài liệu ghi ngày 27/10/1953 theo âm lịch, được tính ra ngày dương lịch là 6/11/1953.

chức, trong đó có nội dung chia các xã lớn thành các xã nhỏ hơn. Xã Khe Mo được chia thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết. Xã Đoàn Kết được thành lập trên cơ sở 3 xã có trước tổng khởi nghĩa năm 1945 nhưng cắt 3 xóm Ao Cả, Đèo Khế, Long Giàn về thuộc xã Khe Mo mới. Ngày 7 tháng 12 năm 1953⁽¹⁾, Hội nghị bàn giao công tác của Ủy ban KCHC xã Khe Mo thành 2 Ủy ban KCHC xã Khe Mo và xã Đoàn kết được tiến hành có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban KCHC huyện Đồng Hỷ. Hoàn thành việc phân định ranh giới, xã Đoàn Kết có 7 xóm là Làng Hòa, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Làng Đầu (sau đó được đổi thành xóm Thịnh Đức), Hòa Khê, La Đàn. Toàn xã có 605 mẫu ruộng cấy được lúa mùa, 80 mẫu đất trồng màu, 15 mẫu nương rẫy.

Tại thời điểm chia xã, Chi bộ Khe Mo có 34 đảng viên được tách ra thành 2 Chi bộ là Chi bộ Khe Mo và Chi bộ Đoàn Kết, các đảng viên sinh sống ở xã mới nào về sinh hoạt Chi bộ theo xã đó⁽²⁾. Chi bộ xã Đoàn Kết gồm có 18 đảng viên. Chi ủy gồm 5 đồng chí là Nông Tiến Thắng làm Bí thư; Trần Bảo Thạch làm Phó Bí thư; Lường Quang Chiêu, Ủy viên Thường vụ; các Chi ủy viên Dương Đình Thúc (phụ trách công tác nội chính) và Trần Văn Thị (phụ trách công tác giao thông).

⁽¹⁾ Tài liệu ghi ngày 2/11/1953 theo âm lịch, được tính ra ngày dương lịch là 7/12/1953.

⁽²⁾ Theo một bản thống kê lưu trữ, Chi bộ xã Khe Mo có 16 đảng viên, Chi bộ xã Đoàn Kết có 18 đảng viên.

Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã Đoàn Kết sau khi chia tách đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Ngọ làm Chủ tịch, đồng chí Mông Quốc Hoa làm Phó Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Văn Thơm làm Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Công an xã.

Để các hộ nông dân giúp đỡ nhau trong sản xuất, đặc biệt là giúp đỡ những hộ neo đơn, hộ có người đi bộ đội, đi dân công yên tâm làm nhiệm vụ, từ năm 1952, Chi ủy Chi bộ và Ủy ban Kháng chiến-Hành chính xã Khe Mo đã chỉ đạo thành lập được 12 tổ đổi công ở tất cả các xóm đặt dưới sự chỉ đạo điều hành của Ban Chấp hành Hội Nông dân. Thời gian đầu hoạt động của tổ đổi công khá tốt, bà con nông dân tự giác thực hiện nội quy của từng tổ. Nhưng từ sau khi chia xã, các tổ đổi công hoạt động cảm chừng, thậm chí coi như đã giải tán. Trước tình hình sản xuất của các tổ đổi công bị trì trệ như vậy, Chi ủy và Ủy ban xã chỉ đạo khôi phục củng cố các tổ đổi công để duy trì hoạt động theo đúng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước. Ban Chấp hành Hội Nông dân liên xã tích cực, kiên trì vận động nhân dân các xóm tham gia tổ đổi công để giúp đỡ nhau, trong sản xuất, làm yên lòng những người đi dân công, đi chiến đấu trên các chiến trường. Sau nhiều ngày kiên trì vận động, các tổ đổi công dần dần hoạt động trở lại và đã có sự chuyển biến tốt hơn trước, như tổ làng Hòa, Văn Hán, Phả Lý.

Tháng 5 năm 1954, Đại hội đại biểu Hội Nông dân liên xã (gồm xã Khe Mo và xã Đoàn Kết và xóm Phúc Thành, thường gọi tắt là Nông hội) được tổ chức “Có 80 đại biểu gồm đủ các dân tộc Kinh, Thổ, Trại; thành phần giai cấp bản nông, cổ nông, trung nông thay mặt cho 355 hội viên. Các đại biểu đến dự có Liên - Việt khu Việt Bắc, Sở Mậu dịch và bộ đội đóng quân ở địa phương. Đại hội tập trung vào nhiệm vụ đấu tranh của giai cấp của tầng lớp nông dân nghèo (bản nông, cổ nông) nhằm hạ uy thế của địa chủ cường hào. Trong cuộc đấu tranh này nông dân được sự hậu thuẫn giúp đỡ của bộ đội và các cơ quan Nhà nước đứng chân trên địa bàn xã”⁽¹⁾. Đại hội bầu Ban Chấp hành Nông hội liên xã gồm các ông bà Nguyễn Văn Thom, Phương Văn Thị (ở xóm Hòa Khê); Trần Thị Đắc, Lâm Văn Lả (ở xóm Văn Hán); Lý Văn Đăng, Nguyễn Văn Ngộ và Lâm Văn Song (ở xóm Phả Lý); Trần Văn Biên, Lê Văn Thành (ở xóm Phúc Thành); Trạc Thị Xìn (ở xóm Khe Mo); Nông Văn Nhục (ở xóm Đèo Khê).

Ngày 6 tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Từ khi chuẩn bị chiến dịch, công tác bảo đảm đã được tiến hành hết sức khẩn trương như mở đường giao thông, xây dựng kho tàng, vận chuyển hàng hóa hậu cần...đều cần rất nhiều nhân lực. Theo điều động của Ủy ban KCHC huyện

⁽¹⁾ Trích nguyên văn từ Sổ tay ghi chép năm 1953-1954 của đồng chí cán bộ có tên là Nguyễn Xuân Trường, trang này ghi ngày 27/5/1954.

Đồng Hỷ về huy động dân công phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, Ủy ban KCHC xã Đoàn Kết điều 1 trung đội dân công và phân công một đồng chí chỉ ủy viên phụ trách chung. Chấp hành sự điều động của cấp trên, anh, chị em dân công xã Đoàn Kết đã tập trung tại Ủy ban huyện đúng thời gian quy định. Sau khi nhận hàng, anh chị em trong tổ gánh gạo, tổ gánh đạn đi bộ từ Thịnh Đán qua đường Đèo Khế sang Tuyên Quang, Nghĩa Lộ đến khu vực chiến trường giao đầy đủ cho hậu cần mặt trận. Tại chiến trường, các dân công người xã Đoàn Kết được phân công đến các đơn vị chiến đấu vừa tiếp đạn, vừa tải thương, tham gia phục vụ cứu chữa thương binh đã góp phần vào chiến thắng Điện Biên Phủ vẻ vang của dân tộc.

Kể từ khi thành lập chính quyền ở xã, trải qua thời gian hơn 9 năm chiến đấu lâu dài và gian khổ, nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết kiên cường đóng góp công sức cùng nhân dân cả nước giành thắng lợi rất vẻ vang. Trong những năm tháng khó khăn ấy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân đều tận tâm, tận lực đóng góp công sức, của cải cho sự nghiệp cách mạng; không có ai theo Pháp hoặc làm việc cho Pháp làm hại đến Tổ quốc và nhân dân.

Chương IV

LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT(1954 - 1965)

1. Lãnh đạo khôi phục kinh tế sau hòa bình (7/1954 - 1957) và thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958 - 1960)

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, cùng với nhân dân miền Bắc; nhân dân xã Đoàn Kết vui mừng được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, không còn phải lo bom rơi, đạn nổ, giặc càn quét bắn phá. Sau 8 năm được đón đồng bào các địa phương khác, các cơ quan của Nhà nước tản cư, sơ tán về; các đơn vị quân đội đóng quân tại xã đã tạo cho Đoàn Kết trở thành một vùng quê đông dân nhộn nhịp, ruộng, rẫy trù phú, nay hầu hết số đồng bào này trở về quê cũ, các cơ quan di chuyển đi, xã Đoàn Kết trở nên trống vắng hơn do dân số giảm khá nhiều⁽¹⁾. Lúc này toàn xã có

⁽¹⁾ Theo Thống kê tình hình hộ và dân tộc các xã sau CCRĐ của UBHC tỉnh Thái Nguyên, xã Đoàn Kết có 201 hộ và 790 nhân khẩu; theo sổ ghi chép của cố đồng chí Trần Văn Thị, khi chia xã, xã Đoàn Kết có 227 hộ, 1.253 khẩu; sự chênh lệch này có thể là do thời gian ghi không trùng ngày. Nhưng trước đó có khoảng 100 hộ nhân dân tản cư về xã cùng hàng trăm khẩu của các cơ quan, đơn vị bộ đội về đứng chân tại xã. Vì vậy sau năm 1954 bà con về quê cũ nên có thể nói dân số xã Đoàn Kết lúc này giảm đến 50%.

trên 200 hộ với gần 800 nhân khẩu, đông hơn là người thuộc các dân tộc Kinh, Nùng, Cao Lan, Sán Chí.

Chi bộ xã Đoàn Kết có 18 đảng viên do đồng chí Nông Tiến Thắng là Bí thư và Ủy ban Hành chính xã do đồng chí Nguyễn Văn Ngọ làm Chủ tịch có nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khôi phục kinh tế sau chiến tranh ở địa phương. Nhiệm vụ lúc này của Chi bộ, Chính quyền tập trung lãnh đạo nhân dân tổ chức lại và phát triển hình thức sản xuất tập thể đơn giản trong nông nghiệp nhằm khắc phục tình trạng ruộng đất bỏ hoang do thiếu lao động canh tác. Xã tập trung củng cố và xây dựng ở 7 xóm được 7 tổ đổi công để giúp đỡ nhau trong từng loại công việc nhằm tăng năng suất và hiệu quả sản xuất. Để đảm bảo đời sống nhân dân, Cấp ủy, Chính quyền tập trung vào lãnh đạo sản xuất lương thực; biện pháp thực hiện được tập trung vào gieo trồng trên những thửa ruộng, những cánh đồng dễ canh tác, khả năng cho thu hoạch đạt năng suất cao.

Chi bộ, Ủy ban Hành chính phối hợp chặt chẽ với Công an huyện, chỉ đạo Công an xã thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh trật tự trong toàn xã, trọng tâm là công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật. Phát hiện, xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm nên những năm này an ninh được bảo đảm tốt, trong xã không có tình trạng trộm cắp hoặc gây mất trật tự. Thóc

thu hoạch xong nhiều gia đình để ngay tại chòi canh rẫy; trâu⁽¹⁾, bò, lợn thả rông ngoài vườn hoặc trong rừng, các nhà sàn không có khóa cửa nhưng không xảy ra tình trạng trộm cắp, mất mát.

Về huy động nhân lực đi làm các nhiệm vụ do cấp trên điều động, Chi ủy Chi bộ và Chính quyền xã Đoàn Kết đều chấp hành nghiêm túc, đồng thời lãnh đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, miền Bắc được sống trong hòa bình, một số người đã nảy sinh tư tưởng nghỉ ngơi sau nhiều năm tham gia chiến đấu vất vả. Tư tưởng ngại tham gia các nhiệm vụ chung, nhất là tiếp tục đi dân công khôi phục các công trình phục vụ cho nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Trước diễn biến tư tưởng của nhân dân và yêu cầu nhiệm vụ khôi phục giao thông, thủy lợi sau chiến tranh; Chi bộ và Ủy ban tập trung phổ biến tuyên truyền, giáo dục nhận thức nhiệm vụ góp phần xây dựng đất nước sau hòa bình; đối tượng tập trung trước hết là cho cán bộ đảng viên, đoàn viên thanh niên, du kích và dân quân...Hiểu được mục đích ý nghĩa của công việc góp công sức khôi phục kinh tế, xây dựng đất nước nên mọi người đều đồng tình. Ngay trong đợt

⁽¹⁾ Thời kỳ này đa phần các gia đình ở Đoàn Kết đều có vài con trâu; trâu thường thả rông trong rừng, mỗi gia đình đều chọn con đầu đàn treo dưới cổ chiếc mõ gỗ, khi trâu đi hoặc khi gặm cỏ tạo nên những tiếng lóc cóc vang xa trong rừng sâu là tín hiệu để trâu tìm nhau và chủ nhà đi tìm trâu được dễ dàng.

dân công đầu tiên sau hòa bình, xã điều động Trung đội du kích đi dân công sửa chữa đường sá, thời gian làm việc 10 ngày không kể ngày đi ngày về, mỗi người phải tự túc 6 bát gạo và 600 đồng; dụng cụ mang theo xoong nồi nấu ăn, bát đĩa, chăn màn; dụng cụ gồm dao, rìu... Chấp hành điều động của huyện, sáng ngày 30 tháng 7 năm 1954, các đồng chí du kích đã có mặt tập trung đầy đủ tại trụ sở Ủy ban KCHC xã nhận nhiệm vụ⁽²⁾. Sau đợt huy động dân công ngày 30 tháng 7 năm 1954, là các đợt đi dân công làm đường, khơi kênh ở Vạn Giã, Sông Máng... lần huy động nào cán bộ chiến sỹ du kích xã Đoàn Kết được đi dân công đều chấp hành nghiêm sự phân công của lãnh đạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm 1955, xã Đoàn Kết cùng các xã Khe Mo, Quang Trung, Linh Sơn, Hòa Bình, Tân Lợi tiến hành cải cách dân chủ (CCDC); nội dung là vận động quần chúng làm áp lực đối với số đối tượng thuộc thành phần giai cấp bóc lột chưa thực sự cải tạo, xóa bỏ hình thức thu tô, tức. Trong quá trình cải cách dân chủ ở xã Đoàn Kết vẫn tiếp tục đấu tranh để quy thành phần, vận động nhường tài sản cho dân nghèo; không quy chụp đầu tở, không thu hồi hoặc trưng thu, trưng mua tài sản của các hộ thuộc thành phần giai cấp địa chủ, phú nông. Kết quả, những người dân nghèo được chia ruộng từ những thửa ruộng được

⁽²⁾ Lệnh điều động dân công ngày 28 tháng 7 năm 1954.

hiến hoặc vô chủ và được bãi bỏ các khoản nợ vô lý trước đây. Thành quả của CCDC đã đem lại cho nhân dân niềm tin, phấn khởi vào sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện chính sách “Người cày có ruộng”, góp phần vào thành công chung của chiến lược ruộng đất do Đảng đề xướng, hiện thực hóa ước mơ có ruộng của những nông dân nghèo khổ.

Từ ngày 14 tháng 6 năm 1956, theo chỉ đạo của Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ, Ủy ban Hành chính xã Đoàn Kết tổ chức cho nhân dân các dân tộc trong xã học tập mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc. Nhân dân trong xã tham gia học tập với số lượng đạt trên 70%. Ngày 18 tháng 6 năm 1956, nhân dân xã Đoàn Kết đi bầu cử để lựa chọn 4 đại biểu đại diện cho nhân dân các dân tộc huyện Đồng Hỷ vào Hội đồng Nhân dân Khu Tự trị Việt Bắc khóa 1. Cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân Khu đã thành công tốt đẹp, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong xã⁽¹⁾.

Tuy nhiên trong khi phát động nhân dân giảm tô và đặc biệt trong thời kỳ tiến hành cải cách ruộng đất, các đội cải cách trong tỉnh cũng như các địa phương khác đã có những khuyết điểm trầm trọng, gây oan sai cho nhiều gia đình và tổn thất cho Đảng. Để sửa chữa những sai lầm

⁽¹⁾ Bản lưu tại Phòng 1. mục lục 1, ĐVBQ số 1311 Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.

khuyết điểm trong cải cách ruộng đất, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (tháng 9 năm 1956) khẳng định: “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”. Tiếp theo, tháng 10 năm 1956, Trung ương tiếp tục chỉ thị cho các địa phương tập trung lãnh đạo sửa sai theo phương châm “Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”.

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 12 năm 1956, các xã trong huyện Đồng Hỷ tiến hành thực hiện công tác sửa sai. Trong quá trình phát động nhân dân thực hiện chính sách giảm tô và CCRĐ, ở các xã, đã tiến hành phân định thành phần giai cấp là địa chủ cường hào gian ác, địa chủ thường, phú nông, bóc lột... Sau khi phân định thành phần đã tổ chức đấu tố, tịch thu, trưng thu, trưng mua tài sản của từng trường hợp cụ thể. Đoàn Kết cùng các xã Quang Trung, Linh Sơn, Khe Mo, Tân Lợi chỉ làm công tác giảm tô và cải cách dân chủ (CCDC) nhưng vẫn tiến hành làm công tác sửa sai; rà soát, nếu có sai lầm phải kiên quyết sửa chữa, khôi phục quyền lợi cho những người bị oan sai.

Trong thời kỳ giảm tô và cải cách dân chủ, các đảng viên có thành phần là bần cố nông đã hăng hái đấu tranh để hạ uy thế của giai cấp địa chủ, phú nông giành quyền làm chủ ruộng đất cho mình. Nay lại cho rằng trong giảm

tô, cải cách đã có sai lầm nghiêm trọng, phải kiên quyết sửa chữa nên nhiều người có biểu hiện hoang mang, dao động thậm chí không muốn tiếp tục làm việc. Lúc này Chi bộ Đoàn Kết cũng nằm trong tình trạng như vậy. Chi bộ có 19 đảng viên, nhưng không tổ chức sinh hoạt được. Các đảng viên có biểu hiện chán nản, mệt mỏi, giảm sút ý chí trách nhiệm, có đồng chí đi bói toán, đánh bạc. Huyện ủy cử đồng chí Đồng Đức Chính làm Đội trưởng đội sửa sai và đồng chí Dương Đình Thúc về xã nắm diễn biến tình hình tư tưởng; giải thích, vận động, động viên các đảng viên và củng cố lại tổ chức Chi bộ, các hoạt động mới dần ổn định trở lại. Xã Đoàn Kết có diện tích rộng, nhiều rừng núi, đường sá đi lại khó khăn, cơ sở vật chất còn nghèo nàn; phụ cấp cho cán bộ cấp xã rất thấp, trong khi kinh tế gia đình luôn trong tình trạng túng thiếu. Trong cán bộ đảng viên ở Đoàn Kết lại phát sinh thêm tư tưởng không thích làm cán bộ xã, chỉ muốn làm cán bộ ở thôn, xóm ; vì làm cán bộ xã, có đồng chí phải đi bộ từ nhà đến Ủy ban mất đến hơn 2 giờ, toàn đi đường rừng, phải đi trực thường xuyên, đường đến các xóm bản đều rất khó đi; phụ cấp ít và không giúp đỡ được gì cho gia đình. Những nguyên nhân trên đã dẫn đến tình trạng các mặt hoạt động của xã chững lại và có chiều hướng đi xuống. Sau nhiều lần kiên trì vận động, thuyết phục, phân tích có lý có tình của những cán bộ Huyện phụ trách địa bàn, đã làm cho đảng viên hiểu được những nguyên nhân khuyết điểm gặp

phải trong quá trình thực hiện giảm tô. Làm cách mạng cũng có lúc sai lầm khuyết điểm, nhưng càng sai lầm khuyết điểm hơn nếu như ta thấy sai mà không sửa, mức độ sai lầm sẽ trầm trọng hơn, từ đó các đảng viên trong Chi bộ đã nhận thức được trách nhiệm và bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ sửa sai. Thận trọng, công tâm vô tư, Chi ủy, Chi bộ đã từng bước xem xét các quyết định do Đội giảm tô đưa ra trước đây và nhận thấy những quyết định trên đều có phần chưa thấu đáo hoặc có những sai lầm. Những sai lầm của Đội giảm tô làm tổn hại đến nhân phẩm và danh dự công dân cũng như danh dự của người đảng viên. Họ là những người đã trải qua quá trình hoạt động cách mạng từ những ngày còn bí mật; đã từng nuôi dưỡng, che giấu cán bộ, tự mình dấn thân vào cuộc đấu tranh bất chấp sinh mạng cá nhân bị đe dọa, người thân và tài sản gia đình có thể bị kẻ địch tàn sát, đốt phá. Vì vậy, Chi bộ đã đề nghị cấp trên minh oan và khôi phục quyền lợi cho những người bị oan sai trong thời gian tiến hành giảm tô. Trong thời gian tiến hành giảm tô (khi còn là xã Long Khê), đội giảm tô đã quy thành phần 4 gia đình là địa chủ (về sau đều thuộc xã Khe Mo) và 9 hộ là phú nông (có 5 hộ về sau thuộc xã Đoàn Kết). Theo đề nghị của Chi ủy Chi bộ và Ủy ban xã, ngày 16 tháng 9 năm 1957, đồng chí Đặng Đức Thái, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Thái Nguyên ký các quyết định hạ thành phần từ phú nông xuống trung nông cho 5 hộ nông dân thuộc xã Đoàn Kết,

huyện Đồng Hỷ⁽¹⁾. Những kết quả của công tác sửa sai đã tạo cho nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết thêm tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn toàn vì nhân dân và để phục vụ nhân dân. Tuy có những hạn chế khuyết điểm, nhưng chiến lược ruộng đất của Đảng ta đã hoàn thành, mục tiêu người cày có ruộng đã được thực hiện ở trong cả nước nói chung và xã Đoàn Kết nói riêng.

Thời gian này, Lâm trường huyện Đồng Hỷ được thành lập để khai thác tài nguyên rừng, tu bổ rừng phục vụ cho các yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và các nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Tại xã Đoàn Kết có cơ quan Lâm trường bộ và Đội 4 của Lâm trường đứng chân. Để phục vụ cho khai thác và vận chuyển lâm sản, Lâm trường tiến hành mở đường ô tô từ Ngã 3 chợ Khe Mo qua làng Hỏa, xóm Phả Lý, xóm Cầu Mai, xóm Văn Hán và dẫn đến tất cả các xóm trong xã Đoàn Kết và đến các khu vực khai thác (khai trường). Đường ô tô được mở qua xã để thực

⁽¹⁾ Quyết định số 1246 NC, hạ thành phần gia đình ông Đàm Văn Định từ phú nông xuống trung nông;

Quyết định số 1247 NC, hạ thành phần gia đình ông Đàm Văn Bảo từ phú nông xuống trung nông;

Quyết định số 1248 NC, hạ thành phần gia đình ông Dương Văn Thịnh từ phú nông xuống trung nông;

Quyết định số 1249 NC, hạ thành phần gia đình ông Luân Viết Chương từ Phú nông xuống trung nông;

Quyết định số 1250 NC, hạ thành phần gia đình ông Đàm Văn Bầu (tức Ly) từ phú nông xuống trung nông.

hiện nhiệm vụ của Lâm trường, nhưng cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân địa phương trong việc đi lại giao thương, phát triển kinh tế. Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của chung 2 đơn vị, Chi bộ và Ủy ban Hành chính xã Đoàn Kết thường xuyên phối hợp với Lâm trường trong việc huy động nhân dân cùng tham gia mở đường, phối hợp khai thác, bảo vệ, giữ gìn trật tự trị an.

Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 24 tháng 10 năm 1958, Chi bộ xã tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1958 - 1959. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được của Chi bộ trong nhiệm kỳ vừa qua, đáng chú ý nhất là đã hoàn thành công tác sửa sai trong thực hiện chính sách giảm tô và cải cách dân chủ. Đã củng cố kiện toàn đủ số lượng Ban Chi ủy và phục hồi sinh hoạt cho tất cả đảng viên bị đình chỉ trong thời kỳ giảm tô. Trong lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế đã củng cố được 7 tổ đổi công ở 7 xóm. Cây được trên 400 mẫu lúa mùa, năng suất đạt 310 kg/mẫu, sản lượng vụ mùa đạt 127 tấn. Tích cực vận động nhân dân cấy lúa chiêm, khai khẩn ruộng hoang hóa, phát nương trồng sắn, tra lúa rẫy...Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí là Dương Đình Thức, Trần Văn Thị, Nguyễn Trung Định, Linh Viết Giang, Hoàng Văn Cán, Nông Kim Thuần và Trần Văn Tùy. Đồng chí Dương Đình Thức được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Thị làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Trung Định

làm Thường vụ Chi ủy⁽¹⁾. Đại hội đề ra chủ trương biện pháp lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958 - 1960).

Sau đại hội, Chi bộ tiến hành củng cố bổ sung lãnh đạo chính quyền và các ban ngành đoàn thể của xã. Đồng chí Trần Văn Thị, Quyền Chủ tịch Ủy ban xã (thay thế đồng chí Nguyễn Văn Ngộ từ tháng 3/1958) được chính thức bầu làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã từ tháng 1/1959. Đồng chí Nông Tiến Thắng làm Trưởng ban Mặt trận, đồng chí Lâm Văn Đa làm Bí thư Đoàn xã, bà Hoàng Thị Thành làm Bí thư Phụ nữ...

Tháng 7/1959, đồng chí Dương Đình Thúc, Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết được bầu làm Ủy viên Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ. Đồng chí Trần Bảo Thạch được bầu bổ sung vào Chi ủy và làm Bí thư Chi bộ.

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên về xây dựng các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, Chi bộ, Ủy ban Hành chính xã tập trung tổ chức nhân dân sản xuất kinh tế theo hướng tập thể. Đến năm 1959, Ủy ban Hành chính xã thành lập Ban công tác nông thôn; đồng chí Nguyễn Đức Năng, chi ủy viên được chỉ định làm Trưởng ban. Ban công tác nông thôn vận động được nhân dân tất cả 7 xóm vào hợp tác xã

⁽¹⁾ Quyết định số 296QN/TN ngày 14/11/1958 của Tỉnh ủy Thái Nguyên do Bí thư Phan Văn Tinh ký.

nông nghiệp. Chi bộ lãnh đạo nhân dân các xóm ngăn phai, chặn dòng lấy nước vào ruộng; làm các cọn để đưa nước lên các thửa ruộng chân cao để góp phần chủ động tưới tiêu, tăng được diện tích cấy lúa nước. Các hợp tác xã được cán bộ kỹ thuật của huyện về hướng dẫn kỹ thuật ủ phân chuồng, làm phân xanh, kỹ thuật trồng sắn có đánh luống, trồng khoai lang ụ, làm vườn rau gia đình; kỹ thuật gieo mạ, kỹ thuật cấy lúa nước. Mỗi HTX có từ 3 đến 4 cái xoảng (loảng) để đập lúa tại ruộng. Trong thời gian này, HTX Làng Hỏa đã học tập HTX Làng Cháy (xã Khe Mo) xây dựng HTX bậc cao, đưa vào áp dụng tại xã miền núi kiểu sản xuất đại tập trung theo mô hình công xã. Tuy nhiên, mô hình đại tập trung bao cấp là hình thức phát triển quá sớm, không phù hợp với quan hệ sản xuất nên không tồn tại được lâu. Ngay sau đó ít lâu mô hình HTX nông nghiệp bậc cao Làng Hỏa, Làng Cháy phải điều chỉnh quay về mô hình HTX nông nghiệp bậc thấp theo Điều lệ HTX nông nghiệp năm 1959.

Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng năng suất lương thực không tăng được bao nhiêu. Vụ mùa năm 1960, kế hoạch đề ra thu hoạch trung bình 320 kg thóc/mẫu lúa cấy, nhưng thực tế đến khi thu hoạch chưa được 300 kg/mẫu. Lúa nương, lúa rẫy còn đạt năng suất thấp hơn. Lương thực quy thóc sau khi đã đóng thuế đạt trung bình 120 kg/người/năm. Vì vậy, xã tiếp tục chỉ đạo nhân dân tích

cực khai hoang mở rộng diện tích cấy lúa và trồng ngô, trồng sắn được trên 30 mẫu (trong số diện tích này có đến 26,5 mẫu là phát nương làm rẫy).

Năm 1952, xã Khe Mo (Long Khê) mở trường học cho con em nhân dân tại khu Cây Sấu gần nhà ông Trạc Văn Nam (ở xóm Khe Mo); tuy nhiên, do là địa phương miền núi, diện tích rộng, rừng cây rậm rạp, đường sá đi lại khó khăn nên việc học tập rất hạn chế. Sau khi chia xã, nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục, Chi ủy Chi bộ và Ủy ban Hành chính xã đề nghị cấp trên và được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất xây dựng trường lớp, cử giáo viên về dạy học. Năm học 1954 - 1955, trường phổ thông cấp I của xã Đoàn Kết chính thức được thành lập. Thầy giáo trẻ Ngô Mạnh Chí (người xã Đồng Tiến, nay là xã Huông Thượng) được điều từ trường Phổ thông cấp I xã Liên Minh, huyện Võ Nhai về làm Hiệu trưởng. Buổi đầu của việc dạy và học tại xã miền núi với biết bao khó khăn chồng chất đã được thầy trò nhà trường từng bước khắc phục và vượt qua.

Để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tháng 10/1955, xã Đoàn Kết cử 5 người là Nông Đình Phú (xóm Văn Hán), Nguyễn Văn Lễ (xóm Phả Lý), Lăng Văn Phan (xóm La Đàn), Lý Ngọc Hiệp (xóm Thịnh Đức) và Trạc Văn Độ (xóm Làng Hỏa) đi học lớp y tế 3 tháng do phòng Y tế huyện Đồng Hỷ mở tại xã Thịnh Đán. Sau khi các cán bộ đi học lớp y tế về, xã thành lập Ban Y tế do đồng

chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã làm Trưởng ban, đồng chí Nông Đình Phú làm Phó ban. Các cán bộ y tế ở xóm nào làm việc chăm sóc sức khỏe nhân dân tại xóm đó. Nhiệm vụ của các y tá chủ yếu là tuyên truyền nhân dân vệ sinh phòng bệnh, chủng đậu phòng bệnh đậu mùa...Căn cứ vào thông tư số 414 YT/TT, ngày 2 tháng 5 năm 1958 của Bộ Y tế và Công văn số 365 P/B của Sở Y tế Khu tự trị Việt Bắc; ngày 27 tháng 2 năm 1959, Ủy ban Hành chính xã Đoàn Kết thành lập Trạm xá hộ sinh xã. Trạm xá hộ sinh xã Đoàn Kết đặt trên đồi làng Dị (Phả Lý) làm việc chung nhà với Ủy ban Hành chính xã do đồng chí Nông Đình Phú, phó Ban Y tế xã kiêm Trạm trưởng. Trạm có 1 Trạm trưởng cùng một nữ hộ sinh và một số vệ sinh viên để khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên do địa điểm làm việc chung, chật chội, cơ sở vật chất cũng hầu như không có, cán bộ nhân viên được thù lao ít ỏi nên khi làm, khi nghỉ, hiệu quả rất hạn chế.

Sau hơn 6 năm kể từ ngày ký hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954), cùng nhân dân cả nước thực hiện nhiệm vụ 3 năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1955-1957) và 3 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1958-1960); Chi bộ và chính quyền xã vừa củng cố tổ chức, vừa lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa xã hội thời kỳ đầu sau hòa bình đã có những bước tiến đáng kể. Chi bộ đã lãnh đạo và giao cho Chi đoàn Thanh niên làm lực lượng xung kích trên

các phong trào của địa phương. Chi đoàn phối hợp cùng cán bộ của cấp trên (như cán bộ y tế, văn hóa của huyện, của tỉnh) về xã vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện nếp sống mới như đào giếng lấy nước ăn, không uống nước suối hoặc nước lã; ăn chín, uống sôi, ăn đũa 2 đầu, vệ sinh cá nhân, đánh răng hàng ngày, mỗi người có khăn rửa mặt riêng... Công tác vệ sinh phòng bệnh, chống sốt rét được thực hiện tích cực; tuyên truyền vận động nhân dân không nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm sàn mà làm chuồng riêng và làm hố xí xa nhà ở. Định kỳ, đội vệ sinh phòng bệnh của huyện về xã phun thuốc DDT, thuốc 666 để diệt trừ muỗi; vận động nhân dân khi ngủ phải nằm màn... Chi ủy Chi bộ và Ủy ban Hành chính xã vận động nhân dân bài trừ mê tín và các hủ tục cũ để lại. Người dân ốm đau đã đi khám bệnh và cắt thuốc đông y, không cúng bái trừ ma...

Giai đoạn này, kinh tế đất nước có sự phát triển với tốc độ khá nhanh. Cùng với sự phục hồi kinh tế chung của đất nước, nhân dân xã Đoàn Kết đã kiên cường vượt qua thử thách. Mức sống của nhân dân thời điểm năm 1960 đã tiến bộ rất nhiều so với trước đây và được nâng cao rõ rệt⁽¹⁾. Những thành tựu đó đã tạo niềm tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng và Chính phủ mà trực tiếp là Chi bộ và chính quyền nhân dân.

⁽¹⁾ Năm 1959, 1960 giá gạo 0,33 đồng/1 kg, trong khi đó 1 gánh củi bán được 3 đồng.

2. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965)⁽²⁾

Ngày 18 tháng 6 năm 1961, cùng với nhân dân các xã trong huyện Đồng Hỷ, nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết đã đi bầu đại biểu Hội đồng Nhân dân xã. Lúc này toàn xã có 821 cử tri (trong đó có 64 cử tri đang công tác tại Lâm trường huyện Đồng Hỷ cư trú trên địa bàn xã). Trong ngày bầu cử có 778 cử tri đi bỏ phiếu, chiếm 94,76% (trong đó có 380 cử tri nam và 398 cử tri nữ). Kết quả đã bầu được 25 đại biểu Hội đồng nhân dân xã (gồm 22 đại biểu nam và 3 đại biểu nữ). Theo địa bàn công tác, xóm Làng Hỏa có 3 đại biểu, xóm Phả Lý có 4 đại biểu, xóm Cầu Mai có 3 đại biểu, xóm Văn Hán có 4 đại biểu, xóm Thịnh Đức có 4 đại biểu, xóm Hòa Khê có 3 đại biểu, xóm La Đàn có 2 đại biểu, Lâm trường có 1 đại biểu và nhà trường có 1 đại biểu. Trong tổng số đại biểu Hội đồng Nhân dân xã có 14 đại biểu là người dân tộc Kinh, 8 đại biểu là người dân tộc Nùng và 3 đại biểu là người dân tộc Sán Chay (Cao Lan). Trong 2 ngày 26 và 27 tháng 6 năm 1961, Hội đồng Nhân dân xã khóa 4 (nhiệm kỳ 1961-1963) đã họp kỳ thứ nhất và bầu Ủy ban Hành chính xã gồm 7 ủy viên là: Đồng chí Trần Văn Thị làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã; đồng chí Nguyễn Văn Ngộ làm Phó

⁽²⁾ Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất xây dựng từ năm 1961 đến năm 1965, nhưng do chiến tranh phá hoại của Mỹ từ ngày 5/8/1964 nên kế hoạch phải điều chỉnh. Từ 1965 thực hiện nhiệm vụ “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.”

Chủ tịch Thường trực phụ trách Tư pháp và Nông thôn; đồng chí Dương Công Khiên làm Xã đội trưởng; đồng chí Trần Văn Tùy làm Trưởng Công an; đồng chí Đàm Ngọc Văn, phụ trách Lâm nghiệp, Thống kê và Sản xuất; đồng chí Vi Văn Xường, phụ trách Tài chính, Thuế, Thu mua; bà Hoàng Thị Toan, phụ trách Văn hóa - Xã hội.

Từ tháng 3 năm 1961, ở xã không còn Ban lãnh đạo Hội nông dân mà thay thế bằng Ban công tác nông thôn. Ban Công tác nông thôn xã Đoàn Kết do đồng chí Nguyễn Văn Ngộ, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã làm Trưởng ban, có trách nhiệm chỉ đạo điều hành công tác sản xuất nông nghiệp thông qua Ban Quản trị các hợp tác xã (HTX)

Bước vào thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Chi bộ xã Đoàn Kết tập trung lãnh đạo chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế tập thể, nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Là xã nông nghiệp có nguồn tài nguyên rừng phong phú để nhân dân khai thác sử dụng phục vụ đời sống dân sinh. Tuy nhiên công tác khai thác rừng lúc này còn tùy tiện, mạnh ai nấy làm. Từ khi Lâm trường huyện Đồng Hỷ thành lập và đứng chân trên địa bàn xã, Chi ủy, Chính quyền thường xuyên phối hợp với Chi bộ, ban giám đốc lâm trường trong bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên rừng có kế hoạch; những gia đình có nhu cầu xây dựng chính đáng đều phải có đơn đề nghị khai thác và chỉ khai thác khi được Ủy ban Hành chính xã

cho phép. Tuy vậy việc thực hiện quản lý rừng vẫn chưa được chặt chẽ, hiện tượng chặt phá bừa bãi hoặc khai thác quá mức đã làm giảm dần diện tích rừng tại xã Đoàn Kết.

Chấp hành chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 28 tháng 3 năm 1962, Chi bộ xã Đoàn Kết tổ chức Đại hội tại trụ sở HTX nông nghiệp xóm Thịnh Đức. Đại hội diễn ra trong bối cảnh xã đang tập trung cao độ xây dựng kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Bí thư Chi bộ báo cáo kiểm điểm đánh giá tình hình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội và xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ. Đại hội đề ra chủ trương trọng tâm là bảo đảm cho công tác sản xuất lương thực đạt kết quả cao. Một số chỉ tiêu sản xuất được đại hội biểu quyết, cụ thể là: Lúa Ba Giăng, cấy 28 mẫu, năng suất 250 kg/mẫu. Lúa Chiêm, cấy 135 mẫu, năng suất 300 kg/mẫu. Lúa Nam Ninh, cấy 7 mẫu, năng suất 350 kg/mẫu. Lúa mùa cấy 645 mẫu, năng suất 650 kg/mẫu. Mía rẫy tra 17 mẫu, năng suất 300kg/mẫu. Ngô trồng 15 mẫu, năng suất 200 kg hạt khô/mẫu. Trồng khoai lang 10 mẫu, năng suất 1000 kg/mẫu. Trồng sắn 50 mẫu, năng suất 800 kg/mẫu. Trồng khoai sọ 25 mẫu, năng suất 1500kg/mẫu. Lạc, đỗ các loại trồng 25 mẫu, năng suất 160 kg/mẫu. Rau xanh trồng 5 mẫu, năng suất 3.500 kg/mẫu. Vỡ hoang 33 mẫu. Phấn đấu đến năm 1964 lương thực bình quân đầu người đạt 140 kg. Công tác văn hóa xã hội có bước phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân lên một bước.

Về bầu Chi ủy Chi bộ, Đại hội giới thiệu đề cử 14 đồng chí để bầu 9 đồng chí. Kết quả các đồng chí Lường Quang Chiêu, Trần Văn Thị, Nguyễn Trung Định, Nông Văn Thèn, Nông Đình Phú, Vi Văn Xường, Dương Công Khiên, Hứa Văn Kim và Trần Văn Tùy trúng cử vào Ban Chấp hành. Đồng chí Lường Quang Chiêu được bầu làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Trần Văn Thị được bầu làm Phó Bí thư và làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã; đồng chí Nguyễn Trung Định là Ủy viên Thường vụ Chi ủy.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Chi bộ, chấp hành Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng tháng 6 năm 1962, về phát động cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ “4 tốt”⁽¹⁾. Căn cứ vào 4 nhiệm vụ của cuộc vận động, Chi bộ đã triển khai quán triệt, học tập các nội dung của cuộc vận động đến toàn thể cán bộ đảng viên. Kết quả học tập quán triệt được thể hiện bằng việc mọi đảng viên trong chi bộ đều nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Thời điểm tháng 4 năm 1962, xã Đoàn Kết có 7 xóm là Làng Hòa, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức, Hòa Khê và La Đàn với tổng số 247 hộ và 1.533 nhân khẩu.

⁽¹⁾ Tóm tắt nội dung cuộc vận động xây dựng Chi bộ, đảng bộ “4 tốt” theo chỉ thị tháng 6/1962 của Ban Bí thư Trung ương Đảng là:

- Lãnh đạo sản xuất tốt.
- Lãnh đạo tốt việc chấp hành chính sách và pháp luật Nhà nước.
- Quan tâm đến đời sống của quần chúng, làm tốt công tác vận động quần chúng.
- Làm tốt công tác củng cố và phát triển đảng.

Cấp ủy, Chi bộ, Ủy ban Hành chính xã đã xây dựng được 9 HTX nông nghiệp là:

Xóm Làng Hòa xây dựng 1 HTX nông nghiệp mang tên Làng Hòa có 23 hộ, 153 nhân khẩu. Làng Hòa là xóm duy nhất tại thời điểm này không có hộ làm ăn cá thể.

Xóm Phả Lý xây dựng được 1 HTX nông nghiệp mang tên Phả Lý gồm 28 hộ, 181 khẩu; ngoài ra xóm Phả Lý còn 11 hộ, 57 khẩu làm ăn cá thể.

Xóm Cầu Mai xây dựng được 1 HTX nông nghiệp mang tên Cầu Mai gồm 25 hộ, 182 khẩu, ngoài ra còn có 9 hộ, 54 khẩu làm ăn cá thể.

Toàn xóm Văn Hán xây dựng 1 HTX nông nghiệp mang tên Văn Hán gồm 29 hộ, 158 khẩu; ngoài ra còn có 1 hộ, 9 khẩu làm ăn cá thể.

Xóm Thịnh Đức xây dựng được 2 HTX nông nghiệp là Thịnh Đức và La Sát. HTX Thịnh Đức có 19 hộ, 103 khẩu. HTX La Sát có 13 hộ, 83 khẩu. Ngoài ra xóm Thịnh Đức còn 2 hộ, 9 khẩu làm ăn cá thể.

Xóm Hòa Khê xây dựng được 2 HTX là Ba Quả và Làng Ảng. HTX nông nghiệp Ba Quả có 10 hộ, 92 khẩu. HTX Làng Ảng có 19 hộ, 119 khẩu. Ngoài ra, xóm Hòa Khê còn 23 hộ, 146 khẩu chưa vào HTX.

Xóm La Đàn xây dựng được 1 HTX nông nghiệp mang tên La Đàn gồm 21 hộ, 156 khẩu; ngoài ra còn 7 hộ, 31 khẩu chưa vào HTX.

Ủy ban Hành chính xã giao chỉ tiêu sản xuất và đã ký hợp đồng với từng xóm, cụ thể như sau:

Xóm Làng Hỏa: Diện tích lúa mùa là 70 mẫu 3 sào 1 thước, năng suất 650 kg/mẫu, sản lượng 45,5 tấn. Ngoài ra xóm còn được giao cấy 8 mẫu lúa chiêm.

Xóm Phả Lý: Diện tích cấy lúa mùa là 122 mẫu 2 sào 8 thước, năng suất 700 kg/mẫu, sản lượng 85,5 tấn. Chưa kể đầu năm, toàn xóm Phả Lý đã cấy được 40 mẫu lúa chiêm.

Xóm Cầu Mai: diện tích cấy lúa mùa là 117 mẫu 5 sào, năng suất bình quân 700 kg/ 1 mẫu, sản lượng 82,2 tấn. Trước đó xóm đã cấy được 08 mẫu lúa chiêm.

Xóm Vân Hán: Diện tích cấy lúa mùa là 85 mẫu 9 sào 7 thước, năng suất 650 kg/mẫu, sản lượng 55,8 tấn. Ngoài ra xóm còn được giao cấy 20 mẫu lúa chiêm.

Xóm Thịnh Đức: Diện tích cấy lúa mùa là 59 mẫu 8 sào 10 thước, năng suất bình quân 700 kg/mẫu, sản lượng 42 tấn. Chưa kể đầu năm đã cấy được 23,5 mẫu lúa chiêm (HTX Thịnh Đức cấy được 15,5 mẫu và HTX La Sát cấy được 8 mẫu).

Xóm Hòa Khê: Diện tích cấy lúa mùa 99 mẫu 7 sào 2 thước, năng suất 650 kg/mẫu, sản lượng 64,8 tấn. Ngoài ra xóm Hòa Khê còn cấy 15 mẫu lúa chiêm (gồm hộ cá thể 6 mẫu, HTX Ba Quả 6 mẫu và HTX Làng Ảng 3 mẫu).

Xóm La Đàn: Diện tích cấy lúa mùa là 89 mẫu 0 sào 2 thước, năng suất 650 kg/mẫu, sản lượng 57,8 tấn và cấy 15,5 mẫu lúa chiêm.

Như vậy tổng diện tích phải cấy lúa năm 1962 của xã Đoàn Kết gồm 644 mẫu 6 sào 8 thước lúa mùa, sản lượng 433,6 tấn và 135 mẫu lúa chiêm. Tuy nhiên do những khó khăn của thời tiết cũng như nhận thức của cán bộ và nhân dân về việc cấy lúa chiêm chưa được đầy đủ nên chỉ tiêu diện tích lúa chiêm năm 1962 là 123,5 mẫu, nhưng chỉ cấy được 90 mẫu.

Nhiệm vụ giao nộp lương thực cho Nhà nước đến ngày 5 tháng 12 năm 1962 đạt được như sau: Đã nộp thuế được 35.853 kg, so với chỉ tiêu huyện giao 36.000 kg, đạt 99,6%. Thu mua lương thực được 49.112 kg, so với chỉ tiêu trên giao 50.000 kg, đạt 98%. Trong đó có 9/9 HTX hoàn thành chỉ tiêu giao nộp thuế nông nghiệp và 7/9 hợp tác xã hoàn thành chỉ tiêu thu mua⁽¹⁾. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, xã Đoàn Kết gặp khó khăn về công tác vận chuyển thóc nhập kho. Theo quy định, Huyện tiếp nhận thóc của xã tại kho Mỏ Bạch (ở gần cầu Mỏ Bạch thuộc phường Quang Vinh hiện nay); với chỉ tiêu gần 100 tấn thóc, xã gặp rất nhiều khó khăn bởi

⁽¹⁾ Trích báo cáo công tác nông nghiệp năm 1962 của Huyện ủy huyện Đồng Hỷ. Bản lưu tại Phòng lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên. Lúc này xã Đoàn Kết có 9 HTX nông nghiệp.

đường xa, huy động nhân lực lớn và thời gian kéo dài⁽¹⁾. Chi bộ và Ủy ban Hành chính xã báo cáo và được huyện điều chỉnh địa điểm giao nộp thuế của xã về các kho Trại Cau và La Hiên; đồng thời liên hệ nhờ Đoàn Dạy nghề 382 (ở xã Dân Chủ, nay là xã Hóa Thượng, tại khu vực Trung đoàn Vận tải 651 của Quân khu I) giúp được 1 chuyến xe vận chuyển thóc về kho. Sau hơn 1 tháng thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, xã Đoàn Kết đã hoàn thành nghĩa vụ lương thực năm 1962 với Nhà nước.

Do đất ruộng ở xã Đoàn Kết không bằng phẳng, độ chênh giữa các thửa ruộng lớn nên việc bảo đảm nước cấy khó khăn; vụ lúa chiêm thường thiếu nước nên thời gian đầu diện tích bỏ hoang nhiều. Cũng do độ dốc của đồi núi lớn nên vào mùa mưa, chỉ qua một trận lũ là các bờ của khu ruộng thấp bị phá hủy hoàn toàn, lúa màu bị bùn, đất, đá vùi lấp. Chính vì vậy sản xuất nông nghiệp ở xã Đoàn Kết giai đoạn này rất bấp bênh, phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết khí hậu thủy văn của năm đó. Chi bộ, Chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã đắp đập ngăn phai (vai) tại các suối và lợi dụng địa hình để làm mương, làm máng dẫn nước vào các ruộng bậc thang cao. Đồng thời tổ

⁽¹⁾ Từ xóm gần nhất của xã Đoàn Kết đến kho Mỏ Bạch khoảng 17 km, xóm xa nhất khoảng 28 km (tốc độ của người đi bộ trung bình 4 km/giờ). Từ ngày 4/11/1962 xã bắt đầu huy động nhân lực gánh thóc nhập vào kho Mỏ Bạch, sau 5 ngày huy động 261 công mới gánh nhập kho được 9.120 kg. Nếu cứ nhập kho Mỏ Bạch xã sẽ phải huy động đến khoảng 2.600 công. Vì vậy xã cho dừng chuyển thóc và đề nghị điều chuyển địa điểm giao nộp hợp lý.

chức nhân dân làm thêm các cọn nước bên bờ các con suối để lấy nước vào ruộng. Nơi không làm được cọn nước, hợp tác xã tổ chức làm guồng nước đạp chân hoặc đánh các bậc (sòng) để dùng gầu giai, gầu sòng tát nước. Cùng công tác thủy lợi bảo đảm nước cấy cho các khu ruộng chân cao, để tăng diện tích canh tác, các hợp tác xã tích cực áp dụng các cải tiến kỹ thuật trong sản xuất. Các cải tiến được áp dụng như từng bước thay thế cày chìa vôi lưỡi nhỏ (diệp thẳng) bằng cày cải tiến 51 lưỡi to (diệp vắn) để úp đất, xếp luống gọn, làm ải được tốt hơn. Chỉ đạo nhân dân cấy lúa có độ dày hợp lý với các mật độ như: 15 x 15 cm; 15 x 20 cm và 20 x 20 cm/1 khóm lúa tùy theo từng loại ruộng tốt, xấu khác nhau. Cùng với việc áp dụng kỹ thuật và làm thủy lợi, xã còn vận động nhân dân sử dụng phân chuồng đã được ủ và lấy các loại lá cây (như lá xoan, cây lạc, muồng muồng, chó đẻ, cứt lợn...) làm phân xanh bón ruộng. Từ năm 1962, các HTX đều đã sử dụng phân chuồng dùng bón cho lúa, màu; tuy nhiên do thói quen cấy chay⁽²⁾ từ lâu đời, nên việc dùng phân chuồng chưa được nhiều.

Mặc dầu đã tích cực trong việc thâm canh chăm sóc và bảo vệ cây lúa, nhưng do nhiều sâu bệnh và chim chóc phá hoại, nên đến cuối năm 1963 đầu năm 1964, năng suất lúa bình quân mới đạt 395 kg/mẫu; sản lượng đạt 182 tấn

⁽²⁾ Cấy chay là cách gọi những ruộng cấy lúa không được bón bất cứ loại phân nào.

870 kg⁽¹⁾; sau khi nộp thuế cho Nhà nước, số thóc bình quân đầu người ước đạt 130 kg/năm. Tuy đã có bước tiến bộ trong sản xuất lương thực, nhưng nhân dân vẫn thiếu ăn trung bình 2 đến 3 tháng, có gia đình thiếu ăn 4 đến 5 tháng. Bữa ăn hàng ngày của nhân dân vẫn còn đạm bạc, một số gia đình vẫn phải độn ngô, khoai, sắn.

Đến ngày 1 tháng 10 năm 1964, xã Đoàn Kết có đàn trâu gồm 544 con, trong đó có 134 trâu đực, 410 trâu cái; trâu cày có 298 con và 131 con trâu dùng kéo gỗ, kéo xe quệt. Đàn lợn có 315 con do các gia đình xã viên nuôi. Các hộ nhân dân đều nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng để lấy thịt, lấy trứng. Do mỗi gia đình thường ở riêng một quả đồi nên có điều kiện nuôi gia cầm với số lượng lớn; nhà ít cũng có từ 20-30 con, nhà nhiều nuôi hàng trăm con. Chăn nuôi gia cầm đã đóng góp một tỷ trọng đáng kể trong việc bảo đảm bữa ăn của gia đình xã viên, góp phần bảo đảm sức khỏe của đồng bào các dân tộc trong xã.

Hoạt động của HTX mua bán có bước phát triển khá, riêng năm 1962, cửa hàng thu mua và bán cho Nhà nước 100 tấn sắn tươi, 4 tấn lợn hơi, 30 con trâu (thành 7,5 tấn), 100 kg hạt vùng, 2000 quả trứng gà, trứng vịt; 2 tấn hạt trấu, hạt sỏ để ép dầu; 100 tấn củ nâu và 20.000 cây vầu; hàng ngàn mét dây cóc làm thiếu cây bừa, dây nâu làm chạc để phục vụ cho cày kéo và chăn nuôi trâu

⁽¹⁾ Diện tích trồng cây lúa gồm 462 mẫu 9 sào 9 thước.

bò. Đồng thời mua của ngành Thương nghiệp và Vật liệu (sau đổi thành Vật tư) mang về xã bán cho nhân dân được 6.772 mét vải (đạt trung bình 4 mét/khẩu), 70 lõi chăn bông, 7250 lít nước mắm (đạt trung bình 4,25 lít/người/năm), dầu hỏa 5.568 lít (đạt trung bình 22,5 lít/hộ/năm); 60.798 kg muối hạt (trung bình 35,9 kg/khẩu/năm), 1 tấn phân hóa học, 10 tấn vôi cục, 20 tấn vôi bột, 10 chiếc bừa sắt, 160 mũi cày, 100 diệp cày, 130 cuốc bàn, 100 đồng đánh cày, 741 kg cá khô, 150 kg mắm tôm, 3 xe đạp và 2 bộ xăm lớp xe đạp.

Sau hơn 3 năm xây dựng HTX nông nghiệp (từ năm 1959); phong trào hợp tác hóa phát triển nhanh với 192 hộ, 1.120 khẩu, chiếm đến 95% số hộ nông nghiệp. Từ giữa năm 1963 đến nửa đầu năm 1964 đã xảy ra tình trạng các hộ xã viên xin ra HTX. Ban đầu các hộ ra còn nhỏ lẻ, về sau số hộ xin ra HTX ngày càng đông, trong đó có cả gia đình đảng viên. Từ chỗ có 9 HTX (ở 7 xóm) năm 1962 đến năm 1964, xã Đoàn Kết chỉ còn lại 3 HTX nông nghiệp và 2 HTX khai hoang mới thành lập. Số hộ ở HTX còn 67 hộ, 420 khẩu chiếm 25,65% dân số toàn xã và 2 HTX khai hoang mới thành lập là Đoàn Lâm và Đoàn Hồng có tất cả 23 hộ, 295 khẩu. Về ruộng đất, ruộng HTX có 158 mẫu (chỉ chiếm 24,6%) và ruộng cá thể có 484 mẫu (chiếm 75,4%). Thu hoạch vụ Chiêm xuân năm 1964 cho năng suất và sản lượng cao. Diện tích lúa Chiêm cấy được 161 mẫu (vượt so với năm 1962, 1963 đến 71 mẫu);

năng suất đạt 421 kg/mẫu tăng 125 kg/mẫu, so với năm 1962 chỉ đạt 295 kg/mẫu. Sản lượng lúa Chiêm năm 1964 đạt 76.820 kg. Sản lượng ngô đạt 3.200 kg. Trong 12 chỉ tiêu sản xuất vụ xuân, có 5 chỉ tiêu vượt là diện tích sắn, khoai sọ, khoai lang, rau xanh, lúa chiêm; 5 chỉ tiêu đạt là diện tích mía, chè, vùng, lạc, bông; 2 chỉ tiêu không đạt là diện tích cây lúa Nam Ninh và đỗ các loại. Đàn trâu tăng 39 con, đàn lợn tăng 130 con⁽¹⁾.

Trên địa bàn xã có Lâm trường Đồng Hỷ đứng chân để làm nhiệm vụ khai thác tài nguyên rừng phục vụ cho huyện và tỉnh. Cùng với khai thác là nhiệm vụ bảo vệ, tu bổ và trồng rừng, làm đường giao thông đến các khu vực khai thác vận chuyển lâm sản... Chi bộ, chính quyền xã thường xuyên tổ chức các hội nghị, các buổi gặp gỡ trao đổi công việc, phối hợp cùng bảo đảm giữ gìn trật tự và an toàn địa bàn. Ngày 2 tháng 2 năm 1964 tại cuộc họp giữa lãnh đạo xã và lãnh đạo lâm trường thống nhất thành lập 2 trung đội dân quân tự vệ giữa lâm trường với HTX Đoàn Hồng và HTX Đoàn Lâm đặt dưới sự chỉ huy chung của Ban Chỉ huy Xã đội. Nhờ có sự phối hợp, thường xuyên trao đổi tình hình mọi mặt giữa Lâm trường và xã nên tình hình trật tự trị an trên địa bàn xã luôn được bảo đảm.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, sự chỉ đạo của phòng Giáo dục huyện, trường Phổ thông cấp I của xã đã có bước

⁽¹⁾ Trích báo cáo tình hình sản xuất năm 1964 do Bí thư Chi bộ Lương Quang Chiêu ký.

chuyển biến tiến bộ hơn so với thời kỳ 1958 - 1960 và đang từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Ngày 14 tháng 9 năm 1964, trường Phổ thông cấp I xã Đoàn Kết làm lễ khai giảng năm học 1964 - 1965 với tổng số 86 học sinh theo học trong 4 khối; trong đó khối lớp 1 có 23 em, khối lớp 2 có 16 em, khối lớp 3 có 22 em và khối lớp 4 có 15 em. Do địa bàn xã rộng, đường sá đi lại khó khăn, học sinh nhỏ tuổi nên xã bố trí các lớp học về từng khu vực để các em đến lớp được dễ dàng⁽²⁾.

Trạm Y tế dân lập xã Đoàn Kết được thành lập từ năm 1959, nhưng do trang bị vật chất đơn sơ, thiếu thuốc men và tập tục của nhân dân tự chữa bệnh bằng thuốc nam và cúng ma, nên trạm xá hoạt động cảm chừng, kém hiệu quả. Ngày 17 tháng 9 năm 1964, Ban Mặt trận xã đã họp bàn và vận động nhân dân ủng hộ kinh phí và vật chất xây dựng Trạm xá xã và được cán bộ, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng⁽³⁾. Đến ngày 26 tháng 9 năm 1964, trạm xá đã có được những tài sản đơn giản phục vụ cho việc khám

⁽²⁾ Cụ thể ở xóm Thịnh Đức có 2 lớp (lớp 1 gồm 12 em, lớp 2 có 8 em) do thầy Dương Văn Năm đảm nhiệm; xóm Văn Hán có 1 lớp 2 gồm 18 em do cô Sinh đứng lớp. Số còn lại học tại trường chung của xã do các thầy cô đứng dạy các lớp là thầy Lạng dạy lớp 1, thầy Phòng dạy lớp 2, thầy Long dạy lớp 3 và thầy Dương Văn Công dạy lớp 4.

⁽³⁾ Ban Mặt trận xã đã ủng hộ cho trạm 2 cái giường, 2 cái bàn con, 2 cái xoong và 1 cái chảo; cá nhân ông Dương Văn Thịnh (Trưởng ban Mặt trận xã), ông Học ủng hộ thêm mỗi người 1 chiếc giường. Ông Nguyễn Văn Nhâm ủng hộ 1 cái nhiệt kế. Tổ Mặt trận các xóm ủng hộ cho trạm được 59,5 đồng để mua sắm thuốc và dụng cụ phục vụ khám chữa bệnh.

chữa bệnh cho nhân dân⁽¹⁾. Xã có nhiều cố gắng trong việc quan tâm chăm lo cho đời sống của y tá và nữ hộ sinh; đầu năm 1964, xã mới trả thù lao năm 1963 bằng thóc cho 3 cán bộ, nhân viên trạm xá xã là Lý Ngọc Hiệp, Phạm Ngọc Chung và Lê Thị Tám được 250 kg/người/năm. Đến cuối năm 1964, trạm xá xã còn lại 2 người. Số thóc thu theo đầu mẫu để trả thù lao cho cán bộ y tế xã được 1.287 kg. Xã chi trả lương bằng thóc cả năm trạm trưởng Lý Ngọc Hiệp 700 kg và nữ hộ sinh Lê Thị Tám 350 kg⁽²⁾. Được sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, sự điều hành của chính quyền và sự đồng thuận ủng hộ của nhân dân nên công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân của trạm y tế xã có sự tiến bộ đáng kể; điều đó thật sự có ý nghĩa nhất là đối với một địa phương ở vùng rừng núi, giao thông đi lại khó khăn như xã Đoàn Kết.

Trước tình hình khó khăn của Chi bộ trong việc lãnh đạo, ngày 2 tháng 3 năm 1963, đồng chí Dương Văn Thơ, Bí thư Huyện ủy ký Quyết định số 63/NQ-DH, điều động chí Nguyễn Văn Lương, cán bộ Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ về xã Đoàn Kết và bổ sung vào Ban Thường vụ Chi ủy xã. Ngày 7 tháng 4 năm 1963, Chi bộ tiến hành đại hội và bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí là Lương Quang Chiêu, Trần Văn Thị, Nguyễn Trung Định, Nông

⁽¹⁾ Cụ thể có 4 chiếc giường nằm, 3 chiếc chiếu một, 3 nôi xoong, 1 tủ đựng thuốc, 1 nhiệt kế, 1 ống nghe...

⁽²⁾ Sổ ghi chép của đồng chí Lương Quang Chiêu ngày 1/1/1965.

Văn Thèn, Mông Quốc Hoa, Vi Văn Xường, Trạc Văn Hành, Trần Văn Ngạch, Nguyễn Văn Bút⁽³⁾. Đồng chí Lường Quang Chiêu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Thị làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Trung Định làm Ủy viên Thường vụ, Thường trực Đảng.

Đại hội kiểm điểm công tác sản xuất trong năm, trong đó nhân mạnh, năm qua đã có bước phát triển khá tốt về sản xuất lương thực. Cây lúa chiêm đạt 150 mẫu trên chỉ tiêu 123,5 mẫu. Lúa Ba Giăng được 8,5 mẫu; phân chuồng bón bình quân đạt 280 kg/sào. Kết quả toàn xã đã cấy được 179 mẫu 7 sào, dự kiến năng suất đạt kế hoạch. Đồng thời Đại hội thảo luận nhất trí với chỉ đạo của Huyện ủy huyện Đồng Hỷ về thu mỗi mẫu 3 kg thóc để trả công cho giáo viên dân lập, cán bộ trạm xá, cán bộ cửa hàng HTX mua bán và cán bộ chủ chốt của xã⁽⁴⁾.

Theo chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 15 tháng 12 năm 1964, Chi bộ xã Đoàn Kết tổ chức Đại hội toàn thể đảng viên nhiệm kỳ 1964 – 1965 tại trụ sở Ủy ban Hành chính xã.

Đại hội kiểm điểm kết quả lãnh đạo trong nhiệm kỳ 1963-1964. Trong thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, chỉ tiêu huyện giao cho xã bán nghĩa vụ là 24.750 kg thóc, đến thời điểm này mới đạt 21.050 kg, còn thiếu 3.700 kg.

⁽³⁾ Quyết nghị số 02/NQ-ĐH, ngày 9/5/1963 do Bí thư Huyện ủy Lý Văn Khâm ký.

⁽⁴⁾ Tài liệu mang ký hiệu DSC03145 lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã

Về nghĩa vụ thực phẩm, toàn xã đã bán cho ngành Thương nghiệp gồm: lợn 156 con (4,6 tấn), gà 750 con, trâu già 32 con, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu trên giao. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 9 đồng chí. Ban Chấp hành họp và phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí: Đồng chí Lương Quang Chiêu, được bầu làm Bí thư Chi bộ phụ trách chung và kiêm khối sản xuất. Đồng chí Trần Văn Thị, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã kiêm Trưởng ban Kế hoạch và Trưởng ban Kinh tế - Tài chính. Đồng chí Nguyễn Trung Định, Ủy viên Thường vụ Chi ủy, kiêm Chủ tịch HTX mua bán và Chủ tịch HTX tín dụng. Đồng chí Trần Văn Ngạch, Chi ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban phụ trách khối Nội chính. Đồng chí Nông Văn Giang, Chi ủy viên phụ trách Tuyên huấn và Phó ban Thông tin. Đồng chí Đàm Ngọc Văn phụ trách công tác Tổ chức kiêm Thống kê, Thủ quỹ. Đồng chí Vi Văn Xường phụ trách Nghiệp vụ thuê và sản xuất. Đồng chí Lưu Văn Phòn, Chi ủy viên, Chính trị viên Xã đội. Đồng chí Mông Quốc Hoa, Chi ủy viên, Trưởng ban Kiểm tra Đảng và Khai hoang. Về phân công chuyên trách xã: Đồng chí Lương Quang Chiêu làm Bí thư chi bộ. Đồng chí Trần Văn Thị làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Đồng chí Nguyễn Trung Định làm Ủy viên Thường vụ Thường trực Đảng. Đồng chí Nguyễn Văn Ngộ, phụ trách Văn phòng chung⁽¹⁾ kiêm Thống kê quyết toán tài chính xã.

⁽¹⁾ Văn phòng chung là cả Chi ủy và Ủy ban Hành chính xã.

Đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân thời kỳ này còn thiếu thốn, xã không có loa đài, thỉnh thoảng mới có một vài tờ báo. Ban đầu cả xã chỉ vài hộ có Radiô và máy hát chạy bằng dầu hỏa lúc nghe lúc hỏng; về sau mới có radiô chạy pin lác đác ở một vài gia đình. Mỗi tháng đội chiếu bóng (chiếu phim) lưu động của huyện (do xe bò hoặc xe trâu kéo máy móc và 2-3 người thợ vận hành) về xã phục vụ nhân dân 1 đến 2 tối; Ủy ban Hành chính xã phân chia đội chiếu phim luân phiên đến các cụm xóm để nhân dân tiện đường đi xem.

Thời kỳ này ở xã Đoàn Kết có một thực tế là trình độ văn hóa của cán bộ xã đều rất thấp. Đa số cán bộ đảng viên chỉ có trình độ văn hóa từ biết đọc biết viết đến lớp 1, lớp 2. Vấn đề nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, làm cơ sở để tiếp thu các kiến thức chung là một yêu cầu cần thiết. Cán bộ, đảng viên nếu chỉ bằng nhiệt tình trách nhiệm mà thiếu kiến thức sẽ hạn chế sự tiếp thu đường lối, chủ trương của Đảng, Pháp luật Nhà nước dẫn đến hiệu quả công việc không cao. Chi bộ xác định học tập nâng cao trình độ cho cán bộ đảng viên là nhiệm vụ mọi người phải nghiêm túc chấp hành. Thực hiện Công văn số 299/CV, ngày 15 tháng 11 năm 1962 và Công văn số 96/CV-ĐH, ngày 8 tháng 2 năm 1963 của Huyện ủy Đồng Hỷ về tổ chức học văn hóa, Chi bộ đã sắp xếp cho các đồng chí đảng viên, cán bộ từ xóm đến xã được học bổ túc văn hóa. Do đặc điểm là xã vùng sâu, vùng xa nên xã tổ

chức học tập tại địa phương. Người dạy chính là những giáo viên dạy phổ thông cấp I, cấp II tại xã. Nhận thức được việc học tập để làm việc tốt hơn nên các đồng chí đảng viên đều khắc phục khó khăn, thu xếp công việc đến lớp đều đặn. Đến cuối năm 1964, những đồng chí này đã có trình độ lớp 2, lớp 3 bổ túc văn hóa (BTVH); một vài đồng chí tốt nghiệp cấp I (tốt nghiệp lớp 4/10).

Quý II năm 1963, Chi bộ tập trung lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân 4 cấp gồm xã, huyện, tỉnh và Khu Tự trị Việt Bắc lần đầu tiên diễn ra trong cùng một ngày. Đây là một nhiệm vụ khó khăn phức tạp vì từ trước đến giờ tại địa phương mới chỉ diễn ra các cuộc bầu cử 2 cấp trong cùng một ngày. Chi ủy Chi bộ xác định dù khó khăn cũng phải quyết tâm lãnh đạo thành công cuộc bầu cử. Được sự chỉ đạo giúp đỡ của Ủy ban Bầu cử huyện Đồng Hỷ, xã thành lập Ủy ban Bầu cử do đồng chí Lương Quang Chiêu, Bí thư Chi bộ làm Trưởng ban; đồng chí Trần Văn Thị, Phó Bí thư Chi bộ - Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã làm Phó ban; ông Dương Văn Thịnh, Trưởng ban Mặt trận Tổ quốc xã làm Phó ban Thường trực. Các đồng chí Chi ủy viên, các trưởng ban ngành đoàn thể và chủ nhiệm các HTX làm ủy viên. Do địa bàn rộng, xã tổ chức 7 tổ bầu cử tại 7 HTX nông nghiệp và chỉ định đồng chí Tổ trưởng Đảng hoặc Trưởng xóm làm Trưởng ban. Ủy ban Bầu cử xã và Ban bầu cử các xóm tuyên truyền phổ biến cho cử tri nội dung bầu cử, cách thức gạch phiếu và

bỏ từng loại phiếu cụ thể. Ngày 21 tháng 4 năm 1963, cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân 4 cấp diễn ra tại xã Đoàn Kết đã thành công. Sau bầu cử, tháng 5 năm 1963, Hội đồng nhân dân xã họp kỳ thứ nhất và bầu đồng chí Trần Văn Thị làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã; đồng chí Trần Văn Ngạch làm Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an. Đồng chí Lâm Văn Thê làm Xã đội trưởng.

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ dùng máy bay đánh phá tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh từ khu IV trở vào. Nhân dân cả nước sôi sục căm thù giặc Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc. Ở địa phương thanh niên hăng hái đăng ký lên đường chiến đấu trả thù cho đồng bào bị bom đạn Mỹ sát hại. Trên ruộng đồng nhân dân tích cực thâm canh tăng năng suất để góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong tình hình chung của đất nước và điều kiện cụ thể của địa phương; Xã đề ra chỉ tiêu năng suất lúa đạt trung bình 600 kg/mẫu, sản lượng đạt từ 230 đến 250 tấn; đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ kịp thời. Về biện pháp tổ chức thực hiện, phân đầu mỗi mẫu ruộng có 1 đầu lợn (cả tập thể và gia đình, trong đó lợn tập thể đạt 1 con/1 ha). Giữ vững đàn trâu từ 450 đến 500 con, có 300 trâu cày và 120 đến 130 trâu kéo gỗ. Về công tác tuyển quân, phân đầu đảm bảo đạt chỉ tiêu quân số trên giao; thực hiện khẩu hiệu “Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”. Tích cực tuyên truyền phổ biến cho nhân dân về ý thức giữ bí mật, phòng gian, tham gia giữ gìn an ninh trật tự ở

địa phương. Chủ động tổ chức đào các hầm tập thể, hố cá nhân, giao thông hào ở từng gia đình, nơi tập trung đông người như chợ, trường học, trạm xá để phòng tránh khi máy bay Mỹ đánh phá.

Xã có trường phổ thông cấp I, đã được phân tán thành các điểm trường ở xóm Văn Hán, Cầu Mai, Thịnh Đức, Hòa Khê. Để bảo đảm an toàn xã tiếp tục có phương án chia thành các lớp cách xa nhau, mục đích đề phòng nếu bị máy bay Mỹ ném bom bắn phá sẽ hạn chế được tổn thất.

Tổ chức chính quyền, đoàn thể năm 1964 gồm có: Đồng chí Trần Văn Thị làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Đồng chí Trần Văn Ngạch làm Phó Chủ tịch Ủy ban kiêm Trưởng Công an. Ông Dương Văn Thịnh làm Trưởng ban Mặt trận. Đồng chí Lưu Văn Phòn làm Xã đội trưởng; đồng chí Lăng Chí Thơ làm Chính trị viên xã đội. Đồng chí Lâm Văn Đa làm Bí thư Chi đoàn. Đồng chí Lô Thị Chét làm Hội trưởng Hội Phụ nữ. Đồng chí Lê Quốc Phòng làm Hiệu trưởng trường phổ thông cấp I. Đồng chí Lý Ngọc Hiệp làm Trạm trưởng trạm Y tế xã.

Chi bộ chú trọng trong công tác xây dựng và bảo vệ Đảng, làm cho Đảng phát triển vững chắc, quan tâm giáo dục nhận thức, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho các quần chúng ưu tú và kết nạp được 29 đồng chí vào Đảng⁽¹⁾; Cụ thể năm 1962 kết nạp 9; năm 1963 kết nạp 9;

⁽¹⁾ Năm 1962 kết nạp các đồng chí: Trần Văn Lục (Phó CN HTX Làng Hòa), Lăng Văn Thơ (Bí thư Chi đoàn Phả Lý), Nông Đình Tích (Chủ nhiệm

năm 1964 kết nạp 4 và năm 1965 kết nạp 7 đồng chí, tăng cường đáng kể sức lãnh đạo của Chi bộ.

Chi bộ cũng chú trọng làm tốt công tác quản lý rèn luyện đảng viên và kiểm tra kỷ luật Đảng; những việc làm của cán bộ đảng viên được Chi bộ kiểm tra, nhân dân giám sát, vì vậy, phẩm chất đạo đức, tư cách của người đảng viên được coi trọng. Tuy nhiên, thời kỳ này ở trong Chi bộ xuất hiện một vài đảng viên hàng ngày vẫn tích cực công tác, làm việc có hiệu quả nhưng đến tối lại lợi dụng công việc để đi đánh bạc. Chi bộ kịp thời nhắc nhở, phê bình, kiểm điểm trách nhiệm của từng người. Trong số những đảng viên vi phạm, đa số đã nhận thức được khuyết điểm và kịp thời sửa chữa, nhưng cũng có một số đồng chí vẫn tái phạm nhiều lần, phải xử lý kỷ luật. Ngày 31 tháng 1 năm 1962, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

HTX Văn Hán), Nguyễn Văn Túc (UVBCH Đoàn xã), Lý Ngọc Hiệp (Phó Bí thư Đoàn xã), Dương Văn Hành (Kế toán HTX Thịnh Đức), Đàm Ngọc Văn (Ủy viên Ủy ban Hành chính xã), Hoàng Văn Thèn (Phó Công an xã), Hoàng Đình Túc (Kế toán HTX La Đàn).

Năm 1963 kết nạp các đồng chí: Nguyễn Văn Thơm (Trưởng xóm Hòa Khê), Dương Văn Bách (Xã đội phó), Luân Văn Trạch (Công an xóm La Đàn), Nguyễn Văn Phòng, Hoàng Ngọc Sang (Dân quân xóm Cầu Mai), Nông Văn Dũng (Dân quân xóm Văn Hán), Hoàng Văn Bảo (Bí thư Đoàn Thanh niên); Nguyễn Văn Xung, Lê Thị Chết.

Năm 1964 kết nạp các đồng chí: Lưu Văn Phụng hay Phương (Dân quân xóm Cầu Mai), Lưu Văn Khang (Dân quân xóm La Đàn), Đàm Văn Giang (Bí thư Chi đoàn La Đàn), Nông Văn Giã (Trung đội dân quân xóm Phả Lý).

Năm 1965 kết nạp các đồng chí: Hứa Văn Lầu (Bí thư Chi đoàn xóm Thịnh Đức), Nông Văn Con (Chấp hành Đoàn xóm Phả Lý), Lô Văn Cai, Bùi Văn Bình, Phạm Ngọc Thu, Nguyễn Văn Hồ, Nguyễn Thị Riệu.

đã mở phiên tòa xét xử đánh bạc tại xã Đoàn kết, truy tố 8 người, trong số này có 4 đảng viên và một người nguyên là Bí thư Chi bộ. Trong 3 năm 1962-1964, Chi bộ đã kỷ luật khiển trách 3 đảng viên, cảnh cáo 4 đảng viên và khai trừ ra khỏi Đảng 3 người.

Đồng thời với tăng cường công tác quản lý, rèn luyện đảng viên gắn với xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, Chi bộ tổ chức thực hiện nghiêm túc phong trào “3 xây, 3 chống”⁽¹⁾ trong nông nghiệp, góp phần vào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của xã. Thực hiện các nhiệm vụ trong “3 xây”, các đồng chí cán bộ lãnh đạo HTX Làng Hỏa, Phả Lý, Văn Hán được cử đi làm công tác “Cải tiến HTX nông nghiệp”⁽²⁾ vòng 1 và vòng 2 ở các xã bạn trong huyện. Thực chất đây là công việc vừa làm vừa học hỏi trao đổi kinh nghiệm về xây dựng và quản lý HTX. Xác

⁽¹⁾ Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa III, ra ngày 26/4/1962. Đến ngày 06/5/1962 Hội đồng Chính phủ chính thức phát động cuộc vận động “3 xây, 3 chống”, nội dung chủ yếu như sau:

+ “3 xây” là: 1- Bồi dưỡng nâng cao giác ngộ XHCN và quan điểm quản lý kinh tế XHCN; 2- Tăng cường cải tiến tổ chức quản lý và nhiệm vụ quản lý; 3- Cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất.

+ “3 chống” là: 1- chống tham ô; 2- chống lãng phí; 3- chống quan liêu.

⁽²⁾ Ngày 19/2/1963, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về cuộc vận động “Cải tiến HTX, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc”. Thời gian cuộc vận động này là 3 năm (1963-1965) nhằm đạt 3 yêu cầu:

- 1- Cải tiến công tác quản lý HTX.
- 2- Cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho HTX.
- 3- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp và HTX sản xuất nông nghiệp.

định tốt trách nhiệm được phân công, các đồng chí cán bộ được cử đi làm công tác “Cải tiến HTX nông nghiệp” đều cố gắng hoàn thành nhiệm vụ và trưởng thành hơn khi trở về đảm nhận công việc ở địa phương.

Cũng từ năm 1963 đến năm 1964, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đưa nhân dân vùng đồng bằng Bắc Bộ đi khai hoang ở các vùng đất rộng, người thừa để phát triển kinh tế. Tháng 9 năm 1963, nhân dân xã Lê Hồng Phong, Huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên được đại diện Chi ủy, Ủy ban Hành chính, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xã Đoàn Kết về tận xã (Lê Hồng Phong) đón bà con lên khai hoang. Số người khai hoang đợt đầu được bà con nhân dân xóm Làng Hỏa nhường nhà, cất đất canh tác ở khu 7 sào, Ao Nai, Ngòi Xóm, Ao Cả và bố trí nơi ăn chốn ở khá chu đáo. Số hộ nhân dân khai hoang từ xã Lê Hồng Phong lập ra Hợp tác xã nông nghiệp Đoàn Hồng (lấy chữ Đoàn từ Đoàn Kết và chữ Hồng trong Lê Hồng Phong). Hợp tác xã nông nghiệp Đoàn Hồng có 56 khẩu chia làm 5 nhóm lao động. Ngày 13/11/1963 đồng chí Huỳnh Hữu Ích, Phó Bí thư Huyện ủy thay mặt lãnh đạo Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện Đông Hỷ đã về thăm, kiểm tra nơi ăn chốn ở và động viên bà con. Phần khởi với sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương, HTX Đoàn Hồng do đồng chí Nối làm Chủ nhiệm, đồng chí Phan làm Kế toán đã vươn lên là một HTX nông nghiệp mạnh của xã Đoàn Kết

Tiếp theo, tháng 11 năm 1963, xã lại tiếp nhận 120 khẩu (52 nam và 68 nữ) có 10 đảng viên thuộc xã Huỳnh Thúc Kháng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Đoàn khai hoang đợt này có 51 lao động chính, 7 lao động phụ và 51 cháu bé. Xã tổ chức đoàn cán bộ gồm đại diện Chi ủy, UBHC, các ngành do đồng chí Trần Văn Thị, Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch UBHC xã dẫn đầu về tận xã Huỳnh Thúc Kháng thăm và đón bà con về định cư tại khu vực xóm Thịnh Đức⁽¹⁾. Xã quyết định mỗi HTX giúp bà con 10 kg gạo. Kết quả HTX Phả Lý ủng hộ 17 kg gạo và 17 đồng, HTX Làng Hòa ủng hộ 20 kg gạo và 5 đồng; các HTX Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức, Hòa Khê, La Đàn mỗi HTX ủng hộ 10 kg gạo và 10 đồng; Các HTX La Sát, Ba Quả, Làng Ảng mỗi cơ sở ủng hộ 10 kg gạo và 5 đồng⁽²⁾. Số tiền và gạo tuy không nhiều nhưng thể hiện tấm lòng của nhân dân sở tại đối với đồng bào mới đến. Ngày 20/11/1963, tại cuộc họp ở nhà đồng chí Lương Quang Chiêu, đồng bào khai hoang đã nhất trí đề nghị đặt tên khu vực định cư mới của mình là Đoàn Lâm (lấy chữ Đoàn

⁽¹⁾ Số bà con xã Huỳnh Thúc Kháng đi khai hoang đăcắt khẩu tại địa phương ngày 6/11/1963, ngày 11/11/1963 bàn giao danh sách cho xã Đoàn Kết. Đoàn đại biểu xã Đoàn Kết đi thăm và đón bà con gồm có các đồng chí Trần Văn Thị (Chủ tịch UBHC xã), Hoàng Văn Cán (Chủ nhiệm HTX), Lý Văn Chân (Trưởng xóm), Đoàn Ngọc Nghiệp tức Thiện (Mặt trận), Lưu Bảo Thông, Lý A Phà, Lâm Văn Đa (Phó BT Chi đoàn), Lô Thị Chết (Bí thư Phụ nữ), Chu Thị Mai (Phó Bí thư Phụ nữ), Mông Quốc Hoa (Chi ủy viên). Bản lưu ký hiệu DSC02636 đến 02638 tại Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

⁽²⁾ Thời kỳ này giá gạo 0,4 đồng 1 kg.

trong Đoàn Kết và chữ Lâm từ 2 thôn cũ của bà con từ xã Huỳnh Thúc Kháng). Lúc này Đoàn Lâm thành 1 HTX nông nghiệp thuộc quản lý của xóm Thịnh Đức.

Ngoài ra còn có một số hộ quê ở đồng bằng Bắc Bộ như Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên thông qua anh em họ hàng, người đi trước dẫn người đi sau đến khu vực xóm Phả Lý khai hoang. Được sự giúp đỡ của chính quyền xã, 12 hộ khai hoang ban đầu được bố trí vừa làm ruộng trong HTX Phả Lý, vừa khai thác lâm sản, trồng sắn, trồng chè... Cùng thời gian này có 3 hộ từ Hưng Yên lên khai hoang tại khu La Bó (xóm Hòa Khê) cũng được nhân dân xóm Hòa Khê giúp đỡ tận tình.

Đến giữa năm 1964, dân số của xã Đoàn Kết có 268 hộ, 1.638 khẩu, gồm 4 thành phần dân tộc. Đông nhất là người Nùng có 140 hộ, 940 khẩu, chiếm 57,42% dân số toàn xã; đông thứ 2 là người Kinh có 101 hộ; 523 khẩu, chiếm 31,42% dân số; người dân tộc Sán Chay có 26 hộ, 168 khẩu, chiếm 10,25% dân số (trong đó chi Cao Lan có 24 hộ, 151 khẩu; chi Sán Chí có 2 hộ, 17 khẩu); người Dao có 1 hộ, 6 khẩu, chiếm 0,366%⁽³⁾.

Do liên tiếp bị thất bại ở miền Nam những năm 1964 - 1965, đế quốc Mỹ chuyển từ chiến lược Chiến tranh Đặc

⁽³⁾ Trích số liệu hộ và dân tộc xã Đoàn Kết tháng 6 năm 1964 của cố đồng chí Trần Văn Thị, cố Chủ tịch Ủy ban Hành chí xã Đoàn Kết sau khi tiếp nhận nhân dân đến khai hoang tại xã.

biệt sang chiến lược Chiến tranh Cục bộ. Chúng đưa quân Mỹ vào miền Nam trực tiếp tham chiến và tạo có để dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc. Sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ”, ngày 5 tháng 8 năm 1964, để quốc Mỹ cho máy bay đánh phá ác liệt tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh thuộc Khu 4, bị quân và dân ta giáng trả đích đáng; bắn rơi 8 máy bay, bắt sống giặc lái. Không cam chịu thất bại, từ ngày 7 đến ngày 11 tháng 2 năm 1965, chúng bắt đầu mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân và hải quân. Cũng từ năm 1965, máy bay Mỹ tăng cường trinh sát trên bầu trời Thái Nguyên. Ngày 17 tháng 10 năm 1965, máy bay Mỹ ném bom đánh phá Thành phố Thái Nguyên, làm sập cầu Gia Bảy và chết nhiều đồng bào ta. Cuộc chiến đấu chống máy bay Mỹ của nhân dân tỉnh Bắc Thái trong đó có nhân dân xã Đoàn Kết bắt đầu và kéo dài đến cuối năm 1972.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Hành chính huyện Đồng Hỷ, Chi bộ lãnh đạo thành lập Ban Phòng không Nhân dân do đồng chí Trần Văn Thị, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã làm Trưởng ban; đồng chí Trần Văn Ngạch, Phó Chủ tịch, Trưởng Công an xã và đồng chí Lưu Văn Phòn, Xã đội trưởng làm phó ban. Các đồng chí trưởng ban, ngành, đoàn thể xã, các Chủ nhiệm HTX và trưởng xóm làm ủy viên. Ban Phòng không Nhân dân chỉ đạo mỗi gia đình đào từ 1 đến 2 hầm trú ẩn có nắp che. Những nơi đông người như ở chợ xã, trường học được đào

các hầm có khoảng cách hợp lý, hai bên đường đi cũng được đào các hố cá nhân; nhân dân, học sinh được phổ biến phương pháp sơ tán, phòng tránh, ẩn nấp mỗi khi có báo động. Mỗi người khi đi làm ngoài ruộng hoặc trên nương rẫy, đều mang mũ rơm hoặc nui rơm để chống mảnh đạn từ trên trời rơi xuống⁽¹⁾. Mỗi học sinh đi học có 1 mũ rơm, 1 cuộn bông băng cá nhân... Công tác sản xuất ngoài ruộng, rẫy cũng phải được tổ chức lại cho phù hợp, đảm bảo an toàn cho nhân dân. Xã chỉ đạo việc tổ chức nhân dân ra ruộng, rẫy làm việc theo những khoảng thời gian có xác suất an toàn cao nhất. Cụ thể, trong điều kiện thời tiết bình thường, buổi sáng đi làm từ 3 hoặc 4 giờ, đến 7 hoặc 8 giờ phải nghỉ việc để về; buổi chiều làm từ 16 giờ đến tối để tránh giờ cao điểm⁽²⁾. Bằng các biện pháp tổ chức sản xuất và sẵn sàng chiến đấu phù hợp, Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết thực hiện được mục tiêu “chắc tay cày, tay súng” và hoàn thành các nhiệm vụ thời chiến đề ra.

⁽¹⁾ Khi bộ đội ta dùng pháo cao xạ bắn máy bay, có loại đầu đạn nổ tọa độ và loại đạn nổ do tự hủy; khi đầu đạn nổ làm văng ra hàng ngàn mảnh trên bầu trời. Bên cạnh đó còn các loại đạn súng bắn lên, nếu không trúng mục tiêu, hết tầm đạn sẽ rơi xuống đất. Khi máy bay địch đã bay qua, các mảnh đạn này trước khi rơi xuống đất tạo thành những tiếng réo rít như đàn ong rất lớn bay qua. Đội mũ rơm để nếu không may mảnh đạn rơi trúng sẽ hạn chế được thương vong cho người.

⁽²⁾ Giờ cao điểm là cách gọi khi máy bay Mỹ đánh phá có quy luật từ khoảng 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều trong ngày. Nhân dân đi làm ngoài giờ ấy, độ an toàn sẽ cao hơn.

Chương V

LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI VÀ CHI VIỆN SỨC NGƯỜI SỨC CỦA CHỖ CHIẾN TRƯỜNG (1965 - 1975)

1. Vừa sản xuất vừa chiến đấu, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ (1965 - 1972)

Trước âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, ngày 10 tháng 4 năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ban hành luật nghĩa vụ quân sự thời chiến, kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của quân nhân theo yêu cầu. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện đội Đồng Hỷ, Chi bộ lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân, du kích của xã làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu. Các trung đội dân quân của xã được trang bị súng trường K44, súng trường Trung Chính tham gia trực chiến bắn máy bay bay thấp. Nhằm đón lõng máy bay Mỹ thường bay bám 2 bên Quốc lộ 1B khi vào đánh phá thành phố Thái Nguyên; được sự chỉ đạo của Huyện đội Đồng Hỷ, dân quân xã đã bố trí một tổ trực chiến bắn máy bay bay thấp trên đỉnh núi Đèo Bông. Ở phía Nam xã, trung đội dân quân Hòa Khê, La Đàn cũng bố trí một tổ trực chiến cơ động. Vũ khí trang bị của 2 trung đội này gồm súng trung liên Brenno, súng trường

Trung Chính, súng trường K44. Nhiệm vụ của các đơn vị là phát hiện máy bay, báo động và nổ súng chiến đấu khi có thời cơ diệt địch. Xác định tốt trách nhiệm tham gia trực sẵn sàng chiến đấu, là góp phần trực tiếp bảo vệ quê hương, lớn hơn nữa là góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược nên các đồng chí dân quân được phân công trực chiến đều yên tâm với nhiệm vụ được giao. Tuy vậy, trong công tác quân sự cũng còn khuyết điểm là huấn luyện có lúc chưa sâu, học tập còn chưa hết thời gian, cá biệt có những đồng chí không tham gia huấn luyện. Trong tuyển quân thực hiện nghĩa vụ thời chiến còn có người trốn tránh lệnh gọi nhập ngũ gây ảnh hưởng không tốt tới địa phương.

Khi máy bay Mỹ đánh phá miền Bắc, Thái Nguyên cũng trở thành một trọng điểm bị oanh tạc ác liệt. Để bảo đảm an toàn, trước đó chính quyền đã tổ chức cho nhân dân và các cơ quan, công trường, xí nghiệp, bệnh viện, trường học đi sơ tán ra xa các địa điểm được coi là mục tiêu bắn phá của địch. Xã Đoàn Kết có nhiều rừng rậm lại không gần đường giao thông nên số cơ quan đơn vị sơ tán về không nhiều. Trong những năm chống Mỹ chỉ có Trường Đại học Y khoa miền núi (nay là Đại học Y-Dược thuộc Đại học Thái Nguyên) ở Đá Kê, Hang Hon; Trường Trung cấp của Khu tự trị Việt Bắc; Công an khu Việt Bắc, Trường Đảng Hoàng Văn Thụ (ở xóm Cầu Mai), Văn công khu Việt bắc ở xóm Văn Hán, Lâm trường ở xóm

Phả Lý, Xưởng cưa Gang Thép ở Đồng Mon... Để giữ gìn an ninh trật tự và bảo đảm an toàn cho các cơ quan đơn vị và nhân dân; Chi bộ có nghị quyết lãnh đạo về công tác an ninh và trật tự trị an thời chiến. Nghị quyết được phổ biến đến các tổ đảng và các hợp tác xã và đến từng người dân, để nhân dân giữ bí mật và bảo vệ cho các cơ sở này. Các hợp tác xã, các xóm có các bức bình phong (bảng tin bằng đất hoặc toóc xi⁽¹⁾) nhắc nhở nhân dân về giữ bí mật với khẩu hiệu như: “Toàn dân bảo vệ trị an làng xóm”; và “Không nghe, không biết, không nói, theo dõi người lạ mặt, thực hiện nội quy xóm, xã”... Vì vậy, các cơ quan đơn vị sơ tán đứng chân ở xã Đoàn Kết đều an toàn.

Năm học 1965-1966, trường cấp I xã Đoàn Kết có 9 giáo viên⁽²⁾ và 168 học sinh chia thành 7 lớp ở 3 điểm trường Văn Hán, Thịnh Đức và trung tâm xã; năm học 1966-1967, toàn trường có gần 200 học sinh, nhưng số đi học ổn định có 168 em. Cơ sở vật chất của nhà trường còn nhiều khó khăn, xã tiếp tục vận động nhân dân xây dựng trường để con em có chỗ ngồi học. Được sự giúp đỡ của

(1) Trát toóc xi: Trước đây rất ít tường xây, khi làm nhà nhân dân thường trát vách bằng đất trộn kỹ với rom hoặc rạ. Để viết lên các bức vách như vậy rất khó nên người ta dùng hỗn hợp vôi, cát hoặc hỗn hợp vôi, cát, xi măng trát như trát tường xây bây giờ để lấy độ phẳng nhẵn để viết bằng tin. Ban đầu các bảng tin được gọi là các tấm bình phong.

(2) Là các thầy (cô) Trần Xuân Long, Dương Văn Công, Nguyễn Văn Sứ (Cầu Mai), Lộc Thị Ái (Văn Hán), Dương Văn Năm, Liễu Hoài Kim (Hòa Khê), Nguyễn Khắc Học, Trương Thị Oanh (Phả Lý) và Đặng Đình Phác (giáo viên dạy bổ túc)

Trường Trung học Khu tự trị Việt Bắc, trong năm 1966 đã dựng được 3 nhà làm phòng học cho học sinh, với tổng kinh phí 960 đồng

Xã có trường phổ thông cấp II mang tên Trần Phú đặt tại Làng Hỏa, dạy cho học sinh 2 xã Đoàn Kết và Khe Mo. Năm học 1966 - 1967, trường có 5 giáo viên⁽³⁾ và 116 học sinh, học ở 3 lớp; lớp 5 có 47 em, lớp 6 có 42 em và lớp 7 có 27 em. Ngày 24 tháng 9 năm 1966, Chi ủy, Ủy ban xã tổ chức họp với Hội đồng nhà trường thông qua kế hoạch năm học 1966-1967. Chi ủy cử đồng chí Lâm Văn Đa làm giáo viên danh dự Trường cấp II Trần Phú xã Đoàn Kết. Ngày thứ 5 hàng tuần hoặc các ngày sinh hoạt của học sinh, xã cử cán bộ đến trường phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đang thi hành tại xã⁽⁴⁾.

Ở các xóm có lớp học vỡ lòng do giáo viên dân lập được hợp tác xã cử ra để dạy cho các em trước khi vào lớp 1 như tập tô (viết tô), tập đọc... và chủ yếu để các em quen dần với nếp sống tập thể.

Trạm y tế dân lập xã Đoàn Kết thành lập từ năm 1959, nhưng cơ sở vật chất thiếu thốn, cán bộ nhân viên có trình độ hạn chế nên làm việc cầm chừng, hiệu quả thấp. Để từng bước nâng cao trình độ cho cán bộ nhân

⁽³⁾ Là Hiệu trưởng Triệu Quang Vinh và các thầy (cô) là Văn Thái, Văn Kim, Thu Thuận và cô Yên.

⁽⁴⁾ Từ tài liệu có ký hiệu DSC03163 và DSC03171 tại Văn phòng Đảng ủy xã.

viên và tạo mạng lưới y tế rộng khắp, ngày 20 tháng 8 năm 1966, được sự giúp đỡ của Bệnh viện Khu (gọi tắt của Bệnh viện khu Tự trị Việt Bắc), xã đã khai giảng lớp nữ hộ sinh gồm 9 người⁽¹⁾. Sau 2 tháng học tập, với sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của Bác sỹ Bái, Y sỹ Phận, Y tá Ngọc, Y tá Vinh, ngày 19 tháng 10 năm 1966, lớp học bế mạc với kết quả 100% đạt yêu cầu (trong đó có 77,7% đạt khá, giỏi) đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân trong xã⁽²⁾.

Trong 2 ngày 19 và 20 tháng 4 năm 1965, Chi bộ xã Đoàn kết đã tổ chức Đại hội với sự có mặt của 61 đảng viên (52 chính thức và 9 dự bị) trên tổng số 68 đảng viên của Chi bộ. Đại hội kiểm điểm, đánh giá công tác lãnh đạo trong nhiệm kỳ. Đại hội bầu Chi ủy mới gồm 9 đồng chí là Lường Quang Chiêu, Trần văn Thị, Nguyễn Trung Định, Vi Văn Xường, Lãng Chí Thơ, Mông Quốc Hoa, Đàm Ngọc Văn, Lâm Văn Đa... Ngày 22 tháng 4 năm 1965, Chi ủy mới đã họp bầu và phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí như sau: Đồng chí Lường Quang Chiêu, Bí thư Chi bộ phụ trách chung. Đồng chí Trần Văn Thị, Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Đồng chí Nguyễn Trung Định, Thường vụ Chi ủy phụ trách Tuyên

⁽¹⁾ Các học viên là Lường Thị Hội (ở xóm Thịnh Đức), Nguyễn Thị Phong (tức Huệ), Lý Thị Phương (ở xóm Cầu Mai), Nông Thị Toàn (ở xóm Văn Hán), Lý Thị Nam, Trần Thị Hồ (xóm Hòa Khê), Dương Thị Quán, Trần Thị Ích (Làng Hòa).... Trong danh sách chỉ có tên 8 người, còn thiếu tên 1 người.

⁽²⁾ Từ tài liệu có ký hiệu DSC03167 và DSC03175 tại Văn phòng Đảng ủy xã.

huấn. Đồng chí Trần Văn Ngạch, phụ trách khối nội chính. Đồng chí Vi Văn Xường làm Chủ tịch HTX mua bán. Đồng chí Lâm Văn Đa phụ trách công tác Tổ chức và Đoàn Thanh niên. Đồng chí Lăng Chí Thơ làm Chính trị viên Xã đội. Đồng chí Đàm Ngọc Văn phụ trách công tác Thống kê - Kế hoạch. Đồng chí Mông Quốc Hoa làm Trưởng ban Mặt trận và công tác Kiểm tra Đảng.

Sau Đại hội năm 1965, Chính quyền xã được củng cố và kiện toàn. Đồng chí Trần Văn Thị, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã, phụ trách công tác Kế hoạch. Đồng chí Trần Văn Ngạch, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã phụ trách Nội chính, làm Trưởng Công an xã. Đồng chí Lương Văn Vượng làm Xã đội trưởng. Đồng chí Nguyễn Trung Định là Ủy viên Ủy ban Hành chính xã phụ trách Văn hóa - Xã hội. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọ làm Văn phòng Ủy ban xã. Đồng chí Lăng Văn Phan, Ủy viên Ủy ban phụ trách Lâm nghiệp. Đồng chí Đàm Ngọc Văn làm Thủ quỹ.

Tháng 2 năm 1965, Trung ương Đoàn phát động trong cả nước phong trào “Thanh niên Ba sẵn sàng”⁽³⁾. Nội dung của phong trào “Ba sẵn sàng” là “Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm; Sẵn sàng gia nhập lực lượng vũ trang; sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì

⁽³⁾ Ngày 9 tháng 8 năm 1964, Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam thành phố Hà Nội phát động phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng”. Đến tháng 2 năm 1965 được Trung ương Đoàn phát động trong cả nước. Nội dung phong trào “3 sẵn sàng” trích từ sách “Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945-1975)” NXB Giáo dục năm 2002.

khi Tổ quốc cần”. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh Đoàn Thái Nguyên và tiếp theo là Tỉnh Đoàn Bắc Thái⁽¹⁾, Chi đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam xã Đoàn Kết đã phát động phong trào “Ba sẵn sàng” trong toàn xã. Hưởng ứng phong trào do Đoàn phát động, đoàn viên thanh niên trong toàn xã hăng hái xung phong đi khám sức khỏe để được nhập ngũ chiến đấu. Năm 1965, toàn xã có 3 đợt nhập ngũ (tháng 2, tháng 5 và đợt tháng 8) với tổng số 11 đồng chí vào bộ đội. Tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố lệnh động viên cục bộ; động viên 1 bộ phận sỹ quan, hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị nhưng chưa phục vụ tại ngũ để tăng cường lực lượng quốc phòng. Đồng thời Người ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa; Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố xí nghiệp có thể bị tàn phá, nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do!⁽²⁾”. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thanh niên Đoàn Kết tích cực xung phong nhập ngũ, để được lên đường đi chiến đấu. Chỉ riêng năm 1968 có 2 đợt tuyển quân chính, tổng số 75 đồng chí nhập ngũ (tháng 4 có 38 đồng chí; đợt

⁽¹⁾ Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa III, quyết định sáp nhập 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Tỉnh Bắc Thái làm việc từ ngày 1/7/1965. Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX, quyết định tách tỉnh Bắc Thái thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Thời gian 2 tỉnh bắt đầu làm việc độc lập từ 1/1/1997.

⁽²⁾ Lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17/7/1966.

tháng 6 có 37 đồng chí); đây là đợt gọi nhập ngũ những người có độ tuổi cao nhất (đến 37 tuổi); nhiều đồng chí đã có vợ con và đã có 4, 5 con nhỏ vẫn sẵn sàng lên đường... Tổng cộng từ năm 1965 đến hết năm 1972, xã Đoàn Kết có 18 lần giao quân với tổng số hơn 200 đồng chí.

Bên cạnh việc xung phong ghi tên tòng quân lên đường đi chiến đấu, có những thanh niên xã Đoàn Kết do vóc người nhỏ, sức khỏe có hạn vẫn tình nguyện vào lực lượng Thanh niên xung phong (TNXP) làm nhiệm vụ bốc xếp hàng hóa, giải tỏa các bến, bãi, kho hàng, nhà ga; bảo đảm giao thông ở những nơi khó khăn, bom đạn địch đánh phá ác liệt như đường 16B Trại Cau-ga Hợp Tiến, ga Lư Xá, ga Lương Sơn, ga Quán Triều, ngầm Đa Phúc, ngầm Bến Tượng...Dù ở bất cứ nhiệm vụ gì anh chị em TNXP là con em xã Đoàn Kết đều phấn đấu cống hiến hết sức mình để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Cùng với lãnh đạo công tác tuyển quân và phục vụ chiến đấu, Chi bộ và chính quyền xã còn tập trung huy động dân công nghĩa vụ thời chiến theo lệnh điều động của huyện. Mỗi đợt đi dân công, anh chị em thường phải tự túc lương thực và dụng cụ. Để thực hiện nhiệm vụ được chu đáo, Ủy ban xã chỉ đạo các HTX chủ động, bảo đảm lương thực, thực phẩm và chuẩn bị dụng cụ đầy đủ cho số người tham gia. Chính nhờ có công tác chuẩn bị chu đáo từ Ủy ban xã đến Ban Chủ nhiệm các hợp tác xã và trách nhiệm của từng người được đề cao, nên các đợt đi dân

công phục vụ nhiệm vụ thời chiến của xã Đoàn Kết đều hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trước âm mưu của đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh ra cả nước, ngày 19 tháng 3 năm 1965, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động cuộc vận động “3 đảm nhiệm”⁽¹⁾. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đoàn Kết do đồng chí Lô Thị Liên làm Hội trưởng đã vận động chị em hưởng ứng tích cực phong trào. Trong chiến tranh, phần đông nam giới lên đường đi chiến đấu, ở hậu phương đa phần là phụ nữ, người già và trẻ nhỏ; vì vậy, các công việc ở quê nhà từ cày, bừa... đến trực chiến bắn máy bay, chị em phụ nữ xã Đoàn Kết đều tự tay làm được. Nhiều chị có chồng, con chiến đấu ở chiến trường xa, nhiều năm không có tin tức, nhưng vẫn thủy chung son sắt, tần tảo lo toan nuôi dạy con cái, chăm sóc cha mẹ chồng già yếu và tích cực tham gia công tác tại địa phương.

Ngày 3 tháng 10 năm 1966, Chi ủy họp hội nghị mở rộng đến các đồng chí tổ trưởng đảng với sự có mặt của 13 đồng chí. Hội nghị thảo luận và đi đến thống nhất 5 nội dung sau:

⁽¹⁾ Theo Chỉ thị số 03/CT ngày 19/3/1965 của Ban Thường trực Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Nội dung của phong trào “Ba đảm nhiệm” là: 1- Đảm nhiệm sản xuất công tác, thay thế cho nam giới đi chiến đấu; 2- Đảm nhiệm gia đình, khuyến khích chồng con yên tâm chiến đấu; 3- Đảm nhiệm phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Sau đó phong trào được Chủ tịch Hồ Chí Minh đổi thành phong trào “Ba đảm đang”. Tr 270 sách “Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945-1975)” NXB Giáo dục năm 2002.

Một là: Tổ chức học tập chính trị cho đảng viên vào 3 ngày 13, 14, 15 tháng 10 năm 1966 để nâng cao nhận thức về tình hình nhiệm vụ của Đảng và của địa phương trong giai đoạn thực hiện nhiệm vụ chiến lược “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Hai là: Thống nhất chỉ đạo chống hạn cho lúa mùa một cách chủ động và tích cực hơn. Bàn tổ chức lao động, sản xuất trong điều kiện máy bay Mỹ thường xuyên hoạt động, từng khu vực phải có người canh gác để báo động phòng không cho nhân dân đi làm trên đồng ruộng.

Ba là: Bàn về công tác thu hoạch vụ mùa năm 1966. Do ở trong tình hình chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, vì vậy khi thu hoạch xong, thóc phải được chia ra từng phần nhỏ, để ở ngoài nhà. Mục đích là đề phòng trường hợp không may bị bom Mỹ ném trúng hoặc bị hỏa hoạn sẽ hạn chế được thiệt hại.

Bốn là: Tổ chức việc học văn hóa cho học sinh phải đặt mục tiêu hàng đầu là bảo đảm an toàn. Xã chỉ đạo nhà trường sắp xếp các lớp cấp II học từ 6 giờ đến 9 giờ sáng, các lớp cấp I học từ 6 giờ đến 8 giờ 30 để bảo đảm an toàn cho các cháu. Tại các lớp học phải đào các hầm trú ẩn xa nhau hợp lý, các hầm được nối thông với nhau bằng giao thông hào từ lớp học ra để các cháu được an toàn hơn.

Năm là: Bàn và đề nghị đổi tên xã. Do trong xã có xóm Văn Hán và để tránh trùng lặp nên hội nghị nhất trí

đề nghị lên cấp trên cho đổi tên xã Đoàn Kết thành xã Văn Hán⁽¹⁾.

Sáng, ngày 2 tháng 12 năm 1966, một máy bay Mỹ bị pháo cao xạ của ta bắn, rơi xuống khu vực Đá Trắng, xã Hòa Bình (nay là xã Cậy Thị). Hai phi công nhảy dù, 1 tên nhảy dù xuống Suối Găng, 1 tên xuống rừng Máng Lợn thuộc xã Hòa Bình giáp ranh với núi Ba Khe xóm Đoàn Lâm, dân quân xã Đoàn Kết đã nhanh chóng cơ động, phối hợp với dân quân xã Hòa Bình lùng sục và bắt sống tên phi công này giao cho cấp trên.

Theo thỏa thuận giữa Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1966, các đơn vị Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc (trong đó có Chi đội 62) đến Thái Nguyên giúp ta chống Mỹ. Đơn vị 602 thuộc Chi đội 62 Trung Quốc (thường gọi là Bạn) về đóng quân tại Đèo Đá (xóm Phả Lý) sau đó chuyển đến xóm Cầu Mai và xóm Văn Hán. Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Đoàn Kết luôn phối hợp chặt chẽ với Bạn trong bảo đảm và sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trật tự trị an. Tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân xã Đoàn Kết với bộ đội đơn vị của Bạn lúc này thật đậm đà.

⁽¹⁾ Biên bản cuộc họp ngày 3 tháng 10 năm 1966, bút tích của cố đồng chí Lương Quang Chiêu (Tài liệu mang mã hiệu DSC03164 tại Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán)

Trong thời kỳ này, chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ trên miền Bắc nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng diễn ra ngày càng ác liệt. Để bảo đảm an toàn cho người và tài sản, cấp ủy Chi bộ, chính quyền luôn chỉ đạo điều hành quyết liệt công tác phòng không, sơ tán, nguy trang các cơ sở kho tàng trong xã. Buổi chiều ngày 8 tháng 9 năm 1967, máy bay Mỹ xâm phạm vùng trời địa phương, chúng ném 5 quả bom phá xuống xóm Làng Hòa; bom nổ, khoét thành 5 hố sâu, hố bom gần nhất cách kho thóc của Nhà nước khoảng 300 mét nên không gây thiệt hại về người, nhà kho và thóc trong kho. Qua sự việc bị ném bom xuống khu vực kho thóc, lãnh đạo địa phương càng tăng cường giáo dục nhân dân công tác phòng gian, giữ bí mật. Các bình phong (bảng tin) luôn có khẩu hiệu tuyên truyền, để nhắc nhở nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ bí mật các cơ sở kinh tế của địa phương cũng như địa điểm các cơ quan đơn vị của trên sơ tán về xã.

Trong 4 ngày từ 27 đến 30 tháng 1 năm 1967, Đại hội Chi bộ xã Đoàn Kết được tiến hành tại trụ sở Ủy ban Hành chính xã (đặt tại xóm Phả Lý). Ngày thứ nhất Đại hội tiến hành thảo luận 10 nhiệm vụ xây dựng Đảng. Ngày thứ hai thảo luận bài của đồng chí Lê Đức Thọ về công tác xây dựng Đảng. Ngày thứ ba tham gia vào phương hướng công tác của Huyện ủy Đồng Hỷ. Ngày cuối cùng bầu Chi ủy và đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Hỷ. Đại hội Bầu Ban Chấp hành gồm các đồng chí

Lường Quang Chiêu, Trần Văn Thị, Nguyễn Trung Định, Lăng Chí Thơ, Đàm Ngọc Văn, Lâm Văn Đa, Vi Văn Xường, Trần Văn Ngạch, Nguyễn Văn Ngo⁽¹⁾. Đồng chí Lường Quang Chiêu tiếp tục được bầu làm Bí thư; đồng chí Trần Văn Thị làm Phó Bí thư và là Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã; đồng chí Nguyễn Trung Định làm Thường vụ chi ủy.

Thời điểm năm 1967, toàn xã có 405 hộ, 2539 khẩu (bao gồm 1229 khẩu nam và 1310 khẩu nữ). Chỉ tiêu giao nộp lương thực năm 1967 huyện giao cho xã là 90 tấn thóc, bao gồm nộp thuế 25 tấn, bán nghĩa vụ 45 tấn, bán khuyến khích 20 tấn⁽²⁾. Chi bộ, Ủy ban Hành chính xã đã lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng chỉ tiêu được giao.

Trong 2 ngày 24 và 25 tháng 4 năm 1968, Chi bộ xã Đoàn Kết tổ chức Đại hội lần thứ XIII⁽³⁾ (nhiệm kỳ 1968 - 1969) tại trụ sở Ủy ban Hành chính xã. Trong bối cảnh không quân Mỹ ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra là điều kiện thuận lợi để địa phương tập trung nhân lực thực hiện các nhiệm vụ. Đại hội quyết nghị “...Quyết tâm lãnh đạo nhân dân bám ruộng, bám đồng, diệt sâu, chống hạn để phát triển sản xuất; phải coi sản

⁽¹⁾ Tài liệu ký hiệu DSC 03241 Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

⁽²⁾ Tài liệu ký hiệu DSC03242 Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

⁽³⁾ Từ Đại hội chi bộ lần thứ XIII (năm 1968) mới đánh số kỳ đại hội trong các tài liệu lưu.

xuất lương thực, thực phẩm là nhiệm vụ then chốt của Chi bộ, Chính quyền, các HTX và toàn thể nhân dân. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do huyện giao; đặc biệt là hoàn thành nhanh, gọn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước; hoàn thành nghĩa vụ với tiền tuyến lớn theo khẩu hiệu “Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”...

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí là Lâm Văn Đa, Trần Văn Thị, Vi Văn Xường, Đàm Ngọc Văn, Lăng Chí Thơ, Dương Ngọc Nam, Trần Văn Ngạch, Lô Thị Liên, Nông Văn Giang, Lý Văn Tụ, Bùi Văn Bính. Chi ủy bầu Ban Thường vụ do đồng chí Lâm Văn Đa làm Bí thư, Trần Văn Thị làm Phó Bí thư và đồng chí Vi Văn Xường làm Ủy viên Thường vụ⁽⁴⁾.

Ngày 24 tháng 10 năm 1968, Ban Thường vụ Chi ủy xã đã họp về lãnh đạo xây dựng định suất lương thực trong nhân dân theo Nghị quyết số 179 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hướng dẫn số 190 ngày 10 tháng 10 năm 1968 của Tỉnh ủy và Ban Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái về việc phân phối lương thực theo định suất. Chi ủy lãnh đạo thực hiện chia thành 5 loại định suất theo lao động chính, lao động phụ và theo lứa tuổi. Đối với các hộ cá thể, Chi ủy giao nhiệm vụ cho cán bộ thuế đề xuất tính toán bảo đảm lương thực cũng theo định suất. Ủy ban

⁽⁴⁾ Tại Quyết nghị số 17/QN/ĐH, ngày 9/5/1968 do Phó Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ là Phạm Công Chức ký.

Hành chính xã tiếp tục quản lý số thóc quy định thu theo đầu mẫu để trả công cho cán bộ trạm xá, để mỗi người được 25 kg thóc và 13 đồng/tháng.

Cửa hàng HTX mua bán xã đưa thêm vào danh mục quản lý các máy may quần áo; giao cho các HTX nông nghiệp cân đối, điều hòa lương thực để nhân viên bán hàng được hưởng 25 kg thóc/tháng. Được sự nhất trí của Chi ủy và Ủy ban Hành chính xã, Ban Chủ nhiệm HTX mua bán quyết định mở thêm 2 quầy hàng cơ sở để nhân dân mua bán được dễ dàng. Một quầy hàng tại xóm Cầu Mai để phục vụ cho nhân dân 2 xóm Văn Hán, Cầu Mai và 1 quầy đặt tại xóm Thịnh Đức để phục vụ cho nhân dân các HTX La Sát, Thịnh Đức và Đoàn Lâm. Các quầy hàng của HTX mua bán trong xã đã phát huy tốt tác dụng phục vụ nhân dân, góp phần hình thành mạng lưới phân phối lưu thông giữa Nhà nước và nhân dân.

Tổng diện tích cấy lúa của toàn xã theo kế hoạch vụ mùa năm 1968 là 802 mẫu, thực tế chỉ cấy được 700 mẫu, gồm các HTX nông nghiệp cấy được 516,9 mẫu, các hộ cá thể cấy được 183,1 mẫu. Lúc này toàn xã có 10 HTX nông nghiệp, bao gồm 222 hộ và 1.530 khẩu; quản lý 516,9 mẫu ruộng, dự kiến năng suất lúa thu hoạch bình quân đạt 610 kg/mẫu, sản lượng khoảng 316 tấn; nhưng thực tế thu hoạch vụ mùa đạt 302.791 kg, thấp hơn kế hoạch 13 tấn (giảm 4,4% so với kế hoạch). Kết quả cụ thể ở từng HTX

đạt như sau: HTX Phả Lý có 30 hộ, 214 khẩu, quản lý và cấy được 50,7 mẫu, năng suất dự kiến 650 kg/mẫu, thực tế đạt 728,4 kg/mẫu, sản lượng đạt 36.929 kg, vượt kế hoạch 2.974 kg. HTX Hòa Khê có 27 hộ, 168 khẩu, quản lý và cấy được 50,3 mẫu, năng suất dự kiến 600 kg/mẫu, thực tế đạt 604,4 kg/mẫu, sản lượng đạt 30.407 kg, vượt kế hoạch được 227 kg. HTX Cầu Mai có 34 hộ, 262 khẩu, quản lý 108,5 mẫu ruộng, kế hoạch đạt 650kg/mẫu, nhưng thực tế đạt 611 kg/mẫu, sản lượng đạt 66.284 kg, thấp hơn dự kiến 3.971 kg. HTX Đoàn Lâm gồm có 17 hộ, 78 khẩu, chỉ có 2,8 mẫu ruộng, kế hoạch và thực thu đều đạt 500 kg/mẫu, sản lượng đạt 1.400 kg. HTX La Sát gồm có 15 hộ, 99 khẩu, quản lý và cấy được 25,8 mẫu, năng suất dự kiến đạt 600 kg/mẫu, nhưng thực tế đạt 598 kg, sản lượng đạt 15.430 kg. HTX Thịnh Đức có 22 hộ, 141 khẩu, quản lý và cấy được 52,1 mẫu ruộng; năng suất dự kiến 600 kg/mẫu, thực tế đạt 568 kg/mẫu, sản lượng 29.592 kg, thấp hơn kế hoạch 1.668 kg. HTX Văn Hán gồm 28 hộ, 192 khẩu, quản lý và cấy được 99 mẫu ruộng, năng suất dự kiến đạt 600 kg/mẫu, thực tế đạt 564,4 kg/mẫu, sản lượng đạt 55.880 kg, thấp hơn kế hoạch 3.520 kg. HTX Làng Hòa còn có 5 hộ, 49 khẩu, quản lý và cấy được 17 mẫu ruộng, năng suất theo kế hoạch là 600 kg/mẫu, nhưng thực tế đạt 560 kg/mẫu, sản lượng đạt 9.552 kg, thấp hơn kế hoạch 680 kg. HTX La Đàn gồm 28 hộ, 197 khẩu, quản lý và cấy được 62,7 mẫu ruộng, năng suất theo kế hoạch

đạt 570 kg/mẫu, thực tế chỉ đạt 480 kg/mẫu, sản lượng đạt 30.096 kg, thấp hơn dự kiến 5.643 kg.

Đàn trâu của xã đến cuối năm 1968 có 697 con (gồm 108 trâu mộng, 307 trâu cái đẻ, 282 trâu nhỡ và nghé); riêng trâu cày kéo có 467 con. Thời kỳ này, trâu chỉ dùng vào việc làm sức kéo cho HTX và gia đình; cá nhân cũng như tập thể không được giết thịt. Đàn ngựa có 20 con và cả xã chỉ có 1 con bò; đàn lợn có 342 con gồm lợn nái 99 con, lợn thịt 243 con, nuôi tại các gia đình. Xã giao chỉ tiêu bán lợn nghĩa vụ hằng năm cho các gia đình; chỉ tiêu được tính theo số khẩu trong từng hộ. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ bán lợn hơi cho Nhà nước, được sự đồng ý của xã, những hộ này mới được giết mổ và phải nộp thuế sát sinh theo quy định. Các gia đình có đàn gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) luôn ở mức trung bình 10 đến 15 con/khẩu. Gia cầm nhân dân nuôi được tự do giết thịt và địa phương động viên bán khuyến khích cho cửa hàng thực phẩm, để cung cấp cho cán bộ, bộ đội và công nhân viên chức mua theo tem phiếu.

Ngày 23 tháng 11 năm 1968, Ủy ban Hành chính huyện đã giao chỉ tiêu cho xã Đoàn Kết đảm bảo lương thực năm 1968 cho Nhà nước là 100 tấn thóc, bao gồm thóc thuế 40 tấn, thóc bán nghĩa vụ 40 tấn và bán khuyến khích 20 tấn. Với những kết quả đạt được trong sản xuất lương thực năm 1968, xã Đoàn Kết đã hoàn thành 100% chỉ tiêu nộp thuế, 98,6% chỉ tiêu bán nghĩa vụ và bán

khuyến khích. Kết quả thực hiện nghĩa vụ lương thực với Nhà nước là sự phấn đấu liên tục của Chi bộ, Chính quyền và nhân dân xã Đoàn Kết, góp phần vào mục tiêu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” của toàn Đảng, toàn dân ta.

Ngày 5 tháng 11 năm 1968, Chi ủy họp để giải quyết các khuyết điểm của đồng chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã như chấp hành đường lối xây dựng HTX chưa tốt, đánh bạc và chứa người đánh bạc trong nhà, thịt lợn thu tiền theo giá nghĩa vụ nhưng lại sử dụng riêng, không triển khai 6 lệnh gọi nghĩa vụ quân sự. Tiếp theo, ngày 6 tháng 11 năm 1968, Chi bộ đã họp với sự có mặt của 47 đảng viên để xem xét kỷ luật đối với các khuyết điểm của đồng chí Chủ tịch UBHC xã. Đại biểu cấp trên về dự với chi bộ có đồng chí Trần Đức Thượng (Bí thư Huyện ủy), đồng chí Dương Văn Cốc (Phó Chủ tịch UBHC huyện), đồng chí Hoàng Hữu (UBKT Huyện ủy), đồng chí Sơn (Công an huyện). Sau khi phân tích các khuyết điểm của cá nhân, Chi bộ đã biểu quyết đề nghị khai trừ lưu đảng 6 tháng đối với đồng chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã với sự tán thành của 38/47 đảng viên.

Ngày 7 tháng 12 năm 1968, Hội đồng Nhân dân xã họp tại nhà đồng chí Trần Văn Tùy (xóm Phả Lý) với sự có mặt của 15/28 ủy viên để xem xét kiện toàn nhân sự Ủy ban Hành chính xã. Đồng chí Dương Văn Cốc, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBHC huyện về

dự và chỉ đạo hội nghị. Tại hội nghị, đồng chí Trần Văn Thị xin thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBHC xã và được Hội đồng Nhân dân tán thành. Hội đồng đã bầu đồng chí Lăng Chí Thơ làm Chủ tịch UBHC xã; đồng chí Trần Trung Đại (đại biểu HĐND xã) được bầu làm Ủy viên UBHC xã và làm Thư ký Ủy ban.

Cuối năm 1968, phong trào xây dựng HTX nông nghiệp ở xã Đoàn Kết lại gặp khó khăn, do có nhiều xã viên trong các HTX đòi ra làm ăn riêng lẻ. Từ năm 1960 - 1963, HTX Làng Hỏa là một đơn vị điển hình với 100% số hộ trong xóm vào làm ăn tập thể (gồm 25 hộ, 153 khẩu), nhưng đến 11 năm 1968 chỉ còn lại 5 hộ, với 49 khẩu; các HTX khác cũng trong hoàn cảnh tương tự. Chi ủy, Chi bộ và Chính quyền xã đã liên tục tập trung cán bộ vận động củng cố, nhưng các HTX vẫn ở trong tình trạng xã viên xin vào, rồi lại xin ra thất thường. Ngày 5 tháng 1 năm 1969, đồng chí Trần Đức Thượng (Bí thư Huyện ủy) và đồng chí Trần Văn Thân (cán bộ Huyện ủy) cùng các đồng chí trong Chi ủy dự họp cùng tổ Đảng Làng Hỏa nhằm tháo gỡ vướng mắc, để củng cố HTX. Hội nghị tổ đảng phân tích nguyên nhân chủ yếu vẫn là do đảng viên thiếu gương mẫu, lời nói chưa đi đôi với việc làm, chưa thực sự nhất quán với chủ trương làm ăn tập thể là góp phần đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Những đảng viên đang làm ăn cá thể phải nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm và khắc phục ngay. Bằng nhiều biện pháp kiên

quyết, có lý, có tình nên ở Làng Hòa nói riêng cũng như cả xã, các HTX được củng cố dần dần.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân ta ở miền Nam, Mỹ - Ngụy liên tiếp bị thất bại trên chiến trường. Ở nước Mỹ và trên thế giới phong trào phản đối chiến tranh ngày càng quyết liệt, buộc đế quốc Mỹ phải ngừng leo thang chiến tranh ở miền Bắc. Ngày 31 tháng 3 năm 1968, tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 (Thanh Hóa) trở ra và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán tại Pari. Tranh thủ thời gian tạm thời yên bình, Chi bộ và chính quyền xã lãnh đạo nhân dân tập trung vào sản xuất lương thực, thực phẩm, nông sản đóng góp cho Nhà nước, ổn định cuộc sống của nhân dân. Mặt khác Cấp ủy, Chính quyền lãnh đạo nhân dân không ngừng nâng cao cảnh giác, đề phòng địch đánh phá trở lại.

Căn cứ vào Quyết định số 200-CP, ngày 23 tháng 12 năm 1968 do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị ký, ấn định thời gian bầu cử Hội đồng Nhân dân huyện xã và tương đương (nhiệm kỳ 1969 - 1971) là ngày 30 tháng 4 năm 1969. Chi ủy, Chi bộ và chính quyền xã khẩn trương làm công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử theo đúng hướng dẫn của trên. Xã thành lập Ủy ban Bầu cử do đồng chí Lâm Văn Đa, Bí thư Chi bộ làm Trưởng ban; đồng chí Lăng Chí Thơ, Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã làm Phó ban và đồng chí Mông Quốc Hoa, Chủ tịch Mặt trận xã làm Phó

ban Thường trực. Các ông bà Trưởng ban, ngành, đoàn thể xã, các Chủ nhiệm HTX, các đồng chí Tổ trưởng Đảng làm Ủy viên. Ngày 27 tháng 4 năm 1969⁽¹⁾ nhân dân xã Đoàn Kết đi bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp huyện và cấp xã với sự tham gia của 1.295 cử tri và 1.286 phiếu bầu hợp lệ (chiếm 99,3%). Kết quả bầu Hội đồng Nhân dân xã Đoàn Kết được 32 đại biểu đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong xã. Cơ cấu, thành phần đại biểu Hội đồng Nhân dân xã Đoàn Kết gồm có 15 đại biểu là người dân tộc Nùng, 12 đại biểu là người dân tộc Kinh, 5 đại biểu dân tộc Sán Chay (4 Cao Lan và 1 Sán Chí); có 21 đại biểu nam giới và 11 đại biểu là nữ giới; có 12 đại biểu là đảng viên, trong đó có 4 đại biểu là Chi ủy viên. Đại biểu trên 30 tuổi có 24 và 8 đại biểu dưới 30 tuổi. Về đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện ứng cử tại xã gồm 4 người, có 3 người trúng cử là các đồng chí Dương Đình Thúc, Vi Văn Xường và Ngô Văn Điền.

Ngày 22 tháng 5 năm 1969, Hội đồng Nhân dân xã Đoàn Kết (khóa VI) họp kỳ thứ nhất với sự có mặt của 28/32 đại biểu để thông qua kế hoạch nhiệm kỳ và bầu các chức danh của Ủy ban Hành chính xã. Hội đồng Nhân dân đã bầu Ủy viên Ủy ban xã gồm 7 người, với cơ cấu 6 đảng viên, 1 quần chúng; có 3 người dân tộc Nùng, 2 người dân

⁽¹⁾ Quyết định số 200-CP ngày 23/12/1968, ấn định thời gian bầu cử Hội đồng nhân dân huyện xã và tương đương (nhiệm kỳ 1969 - 1971) là ngày 30/4/1969, nhưng theo chỉ đạo của trên, xã Đoàn Kết bầu cử trước.

tộc Kinh, 2 người dân tộc Sán Chay (1 Cao Lan và 1 Sán Chí). Các chức danh lãnh đạo Ủy ban Hành chính xã gồm đồng chí Lăng Chí Thơ làm Chủ tịch; đồng chí Trần Trung Đại làm Phó Chủ tịch phụ trách Trưởng Công an và Tư pháp; đồng chí Nông Văn Cận làm Phó Chủ tịch Thường trực, phụ trách Tài chính, Thương nghiệp, Địa chính, Văn hóa - Xã hội; đồng chí Lương Văn Vượng là Ủy viên Ủy ban, Xã đội trưởng, Nhân lực; đồng chí Đàm Ngọc Văn là Ủy viên Ủy ban phụ trách Thống kê và Thuế; đồng chí Trần Thị Hoàn là Ủy viên Ủy ban phụ trách Thủ quỹ, Ngân sách, Chăn nuôi và là Phó Ban Văn hóa Thông tin; ông Trần Bảo Thạch là Ủy viên Ủy ban phụ trách Giao thông, Thủy lợi, Lâm nghiệp.

Xã Đoàn Kết có hàng trăm thanh niên nhập ngũ, và đã ra chiến trường chiến đấu, đến năm 1969, có một số đồng chí hy sinh ở các mặt trận đã được báo tử về địa phương. Chi bộ, Chính quyền thường xuyên làm tốt công tác chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sỹ. Hàng năm vào ngày thương binh liệt sỹ (27/7) xã đều tổ chức mít tinh kỷ niệm, ghi nhận và tỏ lòng biết ơn công lao to lớn của các anh hùng liệt sỹ, thương binh. Tổ chức các đoàn đến tận gia đình thăm hỏi và cảm ơn các gia đình liệt sỹ, thương binh đã đóng góp máu, xương, công sức cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cấp ủy, chính quyền sẽ làm hết sức mình để voi bớt khó

khăn cho các thân nhân liệt liệt sỹ và thương binh, gia đình bộ đội tại ngũ.

Buổi sáng ngày 3 tháng 9 năm 1969, Đài Tiếng nói Việt Nam phát bản tin thông báo về tình hình sức khỏe của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁽¹⁾. Chiều ngày thứ Năm (4 tháng 9 năm 1969), Thông cáo đặc biệt về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, đây là một tổn thất lớn cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Chi ủy triệu tập phiên họp bất thường dưới sự chủ tọa của đồng chí Bí thư Chi bộ Lâm Văn Đa để thông báo với cán bộ, đảng viên, nhân dân trong xã về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Lễ Quốc tang cấp xã và triển khai một số nhiệm vụ trước mắt với khẩu hiệu “Biến đau thương thành hành động cách mạng”. Sáng ngày 10 tháng 9 năm 1969, lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức tại Ủy ban Hành chính xã. Trong không khí hương trầm và nước mắt xúc động của nhân dân và các em học sinh dự lễ, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết kính cẩn nghiêng mình trước anh linh Người. Đồng chí Lâm Văn Đa, Bí thư Chi bộ, đọc lời điều của Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết. Nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết vô cùng xúc động, tiếc thương vị lãnh tụ kính yêu, quyết tâm đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, góp phần đánh thắng hoàn toàn giặc

⁽¹⁾ Gồm 2 bản tin thông báo: 1 bản lúc 4 giờ sáng và 1 bản lúc 8 giờ sáng ngày 3/9/1969.

Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm của buổi lễ đã được Chi bộ lãnh đạo “Biến đau thương thành hành động cách mạng”, tích cực tăng gia sản xuất, hoàn thành nhanh gọn chỉ tiêu nghĩa vụ với Nhà nước và bảo đảm đời sống nhân dân.

Từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 9 năm 1972, Chi bộ xã Đoàn Kết tổ chức Đại hội nhiệm kỳ lần thứ XIV với sự có mặt của 69/85 đảng viên. Đại hội vinh dự được đón đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái; đồng chí Huỳnh Hữu Ích, Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ và đồng chí Lương Đình Công, Huyện ủy viên về dự và chỉ đạo đại hội. Kết quả lãnh đạo của Chi bộ trong qua (nhiệm kỳ khóa XIII) khá đều và tiến bộ vững chắc. Điểm nhấn trong nhiệm kỳ là đã lãnh đạo nhân dân ở các xóm ngăn suối, đắp được 17 đập nhỏ, lấy nước cấy thêm được 97 mẫu lúa Chiêm⁽²⁾. Điểm hạn chế lớn nhất trong nhiệm kỳ qua là tình trạng các HTX bị vỡ, địa phương đã tập trung nhiều thời gian, công sức để củng cố nhưng tình hình chuyển biến rất chậm. Đại hội yêu cầu Chi ủy mới cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và có các biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế yếu kém đã xảy ra và thực hiện bằng được lối làm ăn tập thể.

⁽²⁾ Cụ thể xóm Văn Hán đắp 2 đập, tưới cho 25 mẫu; xóm Cầu Mai đắp được 2 đập, tưới cho 10 mẫu; xóm Thịnh Đức đắp 2 đập, tưới cho 15 mẫu; xóm Phả Lý đắp được 5 đập, tưới cho 25 mẫu; các xóm Đoàn Lâm, Hòa Khê, La Đàn, Làng Hòa, mỗi xóm đắp được 2 đập, mỗi đập tưới trung bình được 2,5 mẫu.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Chi bộ gồm 11 đồng chí. Ban Chấp hành họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ do đồng chí Trần Văn Thị làm Bí thư, đồng chí Nông Văn Giang làm Phó Bí thư và đồng chí Lăng Chí Thơ làm Ủy viên Thường vụ⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết số 25, ngày 25 tháng 9 năm 1972 và Kế hoạch ngày 1 tháng 10 năm 1972 của Huyện ủy Đồng Hỷ về việc củng cố các HTX nông nghiệp, Huyện cử đoàn công tác gồm các đồng chí Lương Đình Công, Vũ Duy Nha, Hoàng Hiên Chí, Ôn Văn Thái, Hoàng Minh Chính, Vũ Văn Đàm về xã, cùng cấp ủy Chi bộ xã Đoàn Kết củng cố các HTX nông nghiệp bị tan vỡ. Ngày 16 tháng 10 năm 1972, Đoàn công tác làm việc với Ban Thường vụ Chi ủy bàn các biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ củng cố HTX. Chiều ngày 17 tháng 10 năm 1972, đồng chí Huỳnh Hữu Ích, Bí thư Huyện ủy về xã và cùng đoàn công tác làm việc với Chi ủy, Ủy ban xã và các tổ đảng có HTX bị vỡ. Hội nghị quyết định thành lập Ban vận động củng cố HTX xong trước ngày 20 tháng 11 năm 1972 và phân công các thành viên đoàn công tác xuống các xóm. Đồng chí Lương Đình Công phụ trách xóm Làng Hỏa. Đồng chí Hoàng Hiên Chí phụ trách xóm Phả Lý. Đồng chí Hoàng Minh Chính phụ trách xóm Cầu Mai. Đồng chí Ôn Văn Thái, phụ trách xóm Văn Hán. Đồng chí

⁽¹⁾ Quyết nghị số 60/QN/ĐH, ngày 16/11/1972 do Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ là Huỳnh Hữu Ích ký.

Vũ Duy Nha phụ trách xóm Thịnh Đức. Đồng chí Vũ Văn Đàm, phụ trách 2 xóm Hòa Khê và La Đàn. Sau một thời gian vận động, ngày 24 tháng 11 năm 1972, đồng chí Huỳnh Hữu Ích, Bí thư Huyện ủy về kiểm tra đánh giá đợt công tác của cán bộ tăng cường. Kết quả các tổ Đảng đều họp và triển khai thực hiện theo tiến độ. Riêng tổ Phả Lý triệu tập hội nghị 2 lần không thành; tổ Ba Quả đã triệu tập họp, nhưng do nguyên nhân khách quan (có đám tang) nên cũng không thành. Đồng chí Bí thư Huyện ủy kết luận các việc chưa đạt được là do cấp ủy, đảng viên chưa làm hết trách nhiệm, chưa sâu sát. Hội nghị nhất trí tiếp tục vận động theo đúng kế hoạch, trước mắt tập trung lãnh đạo công tác thu thuế, thu mua lương thực, thực phẩm, nông sản, hoàn thành chỉ tiêu trên giao.

Trường phổ thông cấp I do thầy giáo Đặng Đình Phác làm Hiệu trưởng đã chủ động từ nguồn kinh phí hạn hẹp và sự ủng hộ của nhân dân để mua sắm các trang thiết bị dùng cho dạy học và sinh hoạt⁽²⁾; góp phần giảm bớt một phần khó khăn cho học sinh và cán bộ, giáo viên của nhà trường, trong thực hiện nhiệm vụ “trồng người”.

Trường cấp II Trần Phú đặt tại Làng Hỏa do thầy giáo Nguyễn Đình Sơn làm Hiệu trưởng đã chủ động cho các em học sinh lao động tu sửa lớp học và hầm hào để

⁽²⁾ Trường cấp I đã đóng cho các lớp học được 30 bộ bàn ghế, 2 bảng đen; trang bị thêm 1 tủ sách (loại có 2 cánh) cho văn phòng nhà trường và 2 chiếc giường cho giáo viên.

học sinh yên tâm học tập. Tuy cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học còn thiếu, các phòng học đơn sơ, nhưng thầy trò 2 nhà trường đều quyết tâm thực hiện dạy tốt, học tốt. Tỷ lệ học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp cấp I, cấp II đạt từ 95 đến 98%. Ngày 30 tháng 9 năm 1972, Chi ủy xã Đoàn Kết và Hội đồng Nhà trường cấp II Trần Phú đã mời lãnh đạo 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết họp tại nhà trường để bàn về việc “tổ chức các lớp học sơ tán” cho học sinh, phòng tránh được máy bay địch mà vẫn thực hiện được nhiệm vụ dạy tốt, học tốt. Hội nghị thống nhất giao cho mỗi xã dựng một ngôi nhà nửa nổi, nửa chìm ở nơi kín đáo làm phòng học; địa điểm và quy cách do lãnh đạo nhà trường hướng dẫn. Được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân 2 xã, ngày 15 tháng 10 năm 1972, các phòng học được xây dựng đúng quy cách, có hào giao thông từ lớp học đến các hầm trú ẩn đã được làm xong để con em yên tâm học tập.

Các lớp học vỡ lòng vẫn tổ chức tại nhà kho các hợp tác xã như cũ, để cho con em xã viên và nhân dân học tập làm quen với bạn bè, tạo sự tự tin trong sinh hoạt ở môi trường tập thể. Các em được học múa, học hát và tập tô, tập viết, tập đọc quen dần với bút mực, vở...

Giữa năm 1972, lực lượng dân quân, du kích toàn xã có 179 người (gồm 116 nam và 63 nữ). Ban chỉ huy Xã đội đã biên chế dân quân thành 5 trung đội (gọi tắt là 5B) và một tiểu đội cơ động gồm 10 đồng chí. Về quân số: dân

quân gồm 100 đồng chí, du kích 79 đồng chí. Vũ khí trang bị có 19 khẩu súng các loại là súng trường Mỹ, súng trường Trung Chính, súng trường K44 và tiểu liên Thomson⁽¹⁾. Tuy vũ khí trang bị thô sơ, nhưng Chi ủy Chi bộ, Ủy ban Hành chính xã lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy Xã đội xây dựng kế hoạch tác chiến, phối hợp với cơ quan Lâm trường Đồng Hỷ, trường Đại học Y khoa miền núi, trường Hoàng Văn Thụ, trường Trung cấp Khu và Xưởng cưa (thuộc Xí nghiệp Gang thép)... sơ tán đóng ở xã cùng phối hợp luyện tập các phương án tác chiến để tránh bị động khi tình huống thật sự xảy ra.

Sau 4 năm ngừng ném bom miền Bắc từ Thanh Hóa trở ra để dồn sức chống đỡ các cuộc tiến công của Quân giải phóng miền Nam trên các chiến trường, nhưng vẫn liên tiếp bị thất bại nặng nề; để cứu vãn tình hình, ngày 6 tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ tuyên bố tiếp tục leo thang chiến tranh phá hoại ra toàn miền Bắc lần thứ 2 bằng máy bay và tàu chiến. Ngày 24 tháng 5 năm 1972, máy bay Mỹ ném bom nhà máy điện Cao Ngạn (tức nhà máy điện Thái Nguyên). Hồi 10 giờ 30 phút ngày 9 tháng 9 năm 1972, máy bay Mỹ ném bom vào xóm Làng Hỏa và xóm Phả Lý làm chết và bị thương 17 người, 6 con trâu bị chết, sập đổ

⁽¹⁾ Gồm 6 khẩu súng trường Trung Chính bắn đạn 7,9 ly có 200 viên đạn; súng trường K44 có 9 khẩu và 300 viên đạn; súng tiểu liên 9 ly (Thomson) có 1 khẩu và 1 băng đạn; súng trường Mỹ có 3 khẩu và 70 viên đạn (trong số này có 5 khẩu hư hỏng phải gửi cấp trên sửa chữa gồm 2 khẩu trường Mỹ, 2 khẩu Trung Chính và 1 khẩu K44)

6 nhà. Ngay sau vụ oanh tạc xảy ra, xã đã mời công binh của Tỉnh đội Bắc Thái về xác minh và kết luận không có bom nổ chậm. Hậu quả bom Mỹ làm chết 8 người và bị thương 7 người trong đó xóm Phả Lý và Làng Hòa mỗi xóm chết 4 người⁽¹⁾. Khi vừa dứt tiếng bom, các đồng chí lãnh đạo Chi bộ, Ủy ban Hành chính xã, đã nhanh chóng có mặt tại hiện trường chỉ huy, chỉ đạo Ban chỉ huy Xã đội, Công an xã đã điều động dân quân, thanh niên và nhân dân cùng tham gia đào bới, tìm kiếm, cấp cứu những người bị thương và tổ chức mai táng chu đáo cho những người bị chết. Cùng với việc tổ chức giải quyết thiệt hại về người do trận ném bom của không quân Mỹ gây ra, Chi ủy, Ủy ban Hành chính xã tập trung chỉ đạo việc giúp đỡ ổn định đời sống cho những gia đình bị nạn như dựng lại nhà, đào hầm trú ẩn, thu dọn, tẩy uế khu vực bị bom... đồng thời đôn đốc, kiên quyết nhắc nhở các xóm tổ chức đào thêm các hố cá nhân, làm thêm các hầm kéo và đào nhiều đoạn giao thông hào để nhân dân có nơi ẩn nấp thuận tiện.

⁽¹⁾ Theo báo cáo có 17 người chết và bị thương, nhưng thống kê chỉ ghi được tên 15 người. Trong số 8 người chết, xóm Phả lý có 4 người (là Lưu Thị Thái 45 tuổi, Nguyễn Văn Hùng 11 tuổi, Lưu Thị Loan 2 tuổi, Trần Văn Vui 12 tuổi) và 4 người chết tại xóm Làng Hòa (là Lê Văn Bình 10 tuổi-người sơ tán, Lê Văn Thành 4 tuổi-người sơ tán, Bà Hiền ở Khe Mo và chị Ban ở Đồng Bầm). Trong số bị thương có 4 người ở xóm Phả Lý (là Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị Tập, Nguyễn Văn Ốc, Nguyễn Thị Sơn) và 3 người ở xóm Làng Hòa (là Lê Thị Hòa 6 tuổi, Phạm Thị Minh 74 tuổi và Nguyễn Văn Du)

Ngày 11 tháng 10 năm 1972, máy bay Mỹ ném 8 quả bom phát quang xuống khu vực Đồng Môn thuộc HTX Văn Hán nơi có Xưởng Cưa của Khu Gang Thép sơ tán và Đội khai thác gỗ của Lâm trường Đồng Hỷ nhưng không gây thiệt hại về người và của.

Trong chiến tranh phá hoại, máy bay Mỹ còn một lần ném bom bi xuống khu vực nhà ông Lê Tín (xóm Làng Hỏa), một lần ném bom bi xuống Đèo Trám (xóm La Dùm) nhưng không gây thiệt hại về người và tài sản.

Ngày 18 tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay chiến lược B52 đánh phá các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên. Hồi 23 giờ 30 phút ngày 29 tháng 12 năm 1972, máy bay B52 của Mỹ ném bom rải thảm xuống khu vực đập Đồng Chốc, có 11 quả bom tấn rơi xuống khu La Bông, xóm Hòa Khê làm sập hầm và chết 4 người, bị thương 2 người là công dân xã Đồng Tiến đi sơ tán⁽²⁾. Trong những ngày tháng 12 rực lửa, quân và dân Bắc Thái chia lửa cùng quân và dân Hà Nội, Hải Phòng trong Chiến dịch “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”⁽³⁾ bằng lưới lửa phòng không nhân dân dày đặc, khiến Nhà

⁽²⁾ 4 người chết là Hoàng Văn Tiến 45 tuổi, Đặng Thị Nho 42 tuổi, Hoàng Thị Hà 8 tuổi, Trần Thị Chính 2 tuổi; 2 người bị thương là Vũ Thị Diễm 33 tuổi, Hoàng Thị Lan 12 tuổi.

⁽³⁾ Cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B52 (năm 1972) và Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên...phía Mỹ gọi là Chiến dịch Lai-nơ-bê-cơ II; Phía ta gọi là Chiến dịch “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”.

Trắng và Lầu năm góc choáng váng. Toàn chiến dịch, ta đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 “siêu Pháo đài bay B52”- thần tượng bất khả chiến bại của không lực Hoa Kỳ bị hạ bệ trên bầu trời miền Bắc. Góp công cùng cả nước, quân và dân Bắc Thái đã dùng pháo Cao xạ 100 ly bắn rơi 2 máy bay B52 vào đêm 24 và 26 tháng 12 năm 1972. Thất bại quá nặng nề, trưa ngày 30 tháng 12 năm 1972, tổng thống Mỹ R.Nixon buộc phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và mời phái đoàn ngoại giao của ta trở lại Hội nghị Pari tiếp tục đàm phán.

2. Lãnh đạo nhiệm vụ kinh tế - xã hội, tiếp tục chi viện cho chiến trường giành toàn thắng (1973 - 1975)

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta. Hiệp định đã mở đường cho quân Mỹ rút về nước, thực hiện được một bước quan trọng trong chiến lược sách lược chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta là “Đánh cho Mỹ cút...”. Từ đây, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa tiến công với nổi dậy, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trước thời cơ và vận hội mới của đất nước, nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết phấn khởi, tin tưởng vào những sách lược, bước đi của Đảng. Quyết tâm của Chi bộ Đảng, Chính quyền là tổ chức thực hiện thắng

lợi đường lối cũng như mọi chủ trương chính sách do Đảng và Nhà nước đề ra.

Ngày 29 tháng 4 năm 1973, cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện, xã Đoàn Kết tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân 2 cấp xã và huyện. Toàn xã có 1.465 cử tri được chia thành 5 khu vực bỏ phiếu, có 1.454 cử tri đi bầu, đạt 99,25%. Kết quả bầu được 31 đại biểu Hội đồng Nhân dân xã và 3 đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện. Ba đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện là ông Nông Văn Hộ, đạt 93,81% phiếu bầu; tương tự, ông Lăng Chí Thợ, đạt 92,16% và ông Lê Nghi đạt 93,12%.

Theo thống kê ngày 30 tháng 12 năm 1973, toàn xã có 7 xóm, gồm 463 hộ, 3.021 khẩu (1422 khẩu nam và 1.599 khẩu nữ). Trong đó: xóm Làng Hỏa có 64 hộ, 427 khẩu (206 nam và 221 nữ); xóm Phả Lý có 107 hộ, 650 khẩu (309 nam và 341 nữ); xóm Cầu Mai có 70 hộ, 496 khẩu (235 nam và 261 nữ); xóm Văn Hán có 40 hộ, 259 khẩu (118 nam và 141 nữ); xóm Thịnh Đức có 65 hộ, 430 khẩu (199 nam và 231 nữ); xóm Hòa Khê có 75 hộ, 468 khẩu (215 nam và 253 nữ); xóm La Đàn có 42 hộ, 291 khẩu (138 nam và 153 nữ). Ngoài ra trong xã còn có 28 hộ, 99 khẩu là những người đi sơ tán máy bay Mỹ vẫn đang tạm trú tại xã, nên toàn xã có tổng số 491 hộ, 3120 khẩu. Các thành phần các dân tộc gồm người Nùng có 1.373 khẩu, chiếm 45,44%; người Kinh có 1.371 khẩu, chiếm 45,38%; dân tộc Sán Chay có 273 khẩu, chiếm

9,03% (gồm 224 Sán Chí và 224 Cao Lan); dân tộc Dao có 4 khẩu, chiếm 0,13%.

Chi bộ xã Đoàn Kết có 84 đảng viên (16 nữ) do đồng chí Trần Văn Thị làm Bí thư, đồng chí Nông Văn Giang làm Phó Bí thư; có 41 đồng chí là người dân tộc Kinh, 33 đồng chí dân tộc Nùng, 9 đồng chí dân tộc Sán Chay (7 Cao Lan và 2 Sán Chí). Chi bộ được phân thành 8 tổ Đảng là Làng Hỏa (15 đảng viên), Phả Lý (11 đảng viên), Cầu Mai (12 đảng viên), Văn Hán (12 đảng viên), Thịnh Đức (14 đảng viên), Ba Quả (7 đảng viên), Hòa Khê (8 đảng viên), La Đàn (5 đảng viên). Qua phân loại có 24 đồng chí đạt khá, 44 đồng chí trung bình và 15 đồng chí kém. Chi bộ có 8 tổ đảng, phân loại có 2 tổ khá, 2 tổ trung bình và 4 tổ kém⁽¹⁾. Đánh giá 6 tháng đầu năm 1973, Chi bộ đạt danh hiệu “4 tốt”.

Chỉ tiêu sản xuất kinh tế năm 1973 huyện giao cho xã: Lúa Chiêm cấy 150 mẫu, năng suất 650 kg/mẫu, sản lượng 97 tấn; kết quả cấy được 161 mẫu, năng suất 438 kg/mẫu, sản lượng 70,5 tấn. Lúa Ba Giăng chỉ tiêu giao 50 mẫu, năng suất 390 kg/mẫu, sản lượng 19 tấn; chỉ thực hiện cấy được 4,3 mẫu, năng suất 280 kg, sản lượng 1,2 tấn. Lúa mùa, chỉ tiêu cấy 802 mẫu, năng suất 600

⁽¹⁾ Báo cáo số 16, ngày 25/7/1973 của Chi bộ xã Đoàn Kết do Bí thư Trần Văn Thị ký, trong báo cáo ghi 83 đảng viên nhưng cộng theo danh sách đảng viên ở từng tổ đảng lại thì là 84 đồng chí. Vì vậy số phân loại còn thiếu 1 đồng chí

kg/mẫu, sản lượng 480 tấn; thực cấy được 800 mẫu, năng suất 774 kg/mẫu, sản lượng 619,2 tấn. Tuy sản lượng lúa Chiêm và lúa Ba Giăng không đạt chỉ tiêu, nhưng nhờ tăng năng suất vụ mùa, nên tổng sản lượng thóc cả năm 1973 vẫn vượt chỉ tiêu 95 tấn.

Tuy nhiên trong trồng màu còn chưa đạt chỉ tiêu như khoai lang chỉ đạt 65 mẫu/ kế hoạch 90 mẫu, sản lượng thu hoạch 97,5 tấn. Ngô trồng được 12/ kế hoạch 90 mẫu, sản lượng thu hoạch 3,75 tấn. Sắn trồng 36/80 mẫu, sản lượng thu hoạch 122 tấn. Khoai sọ trồng 10/15 mẫu, năng suất thu hoạch 18 tấn. Lạc cho thu hoạch 1,4 tấn, chỉ đạt 12,7% kế hoạch. Rau xanh đạt 15 tấn.

Năm 1973, toàn xã có đàn trâu 1.060 con (vượt kế hoạch 60 con), trong đó có 748 trâu cày kéo, 417 trâu cái. Đàn ngựa có 20 con và chỉ có 1 con bò. Đàn lợn có 1.010 con (tăng so với chỉ tiêu 110 con và không kể lợn sữa dưới 2 tháng tuổi). Đàn gia cầm có 8.700 con.

Chỉ tiêu giao nộp và bán cho Nhà nước năm 1973 của xã Đoàn Kết được huyện giao gồm: Hạt có dầu (trầu, sỏ) bằng 5 tấn. Lương thực 95 tấn (có 8 tấn thóc nếp) gồm đóng thuế 48.843 kg, bán nghĩa vụ và khuyến khích 46.157 kg. Bán thực phẩm cho Nhà nước gồm: lợn hơi 9.000 kg (trong đó có 2.400 kg mua giá cao); trâu hơi 2.500 kg; gia cầm 2.500 kg; chè khô 150 kg.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước và để giống, quỹ..., số thóc chia bình quân đầu người đạt 12

kg/tháng⁽¹⁾. Sản lượng mầu quy thóc chia bình quân đầu người đạt 2,2 kg/tháng; tổng bình quân lương thực đạt 16,2 kg/người/tháng.

Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất do huyện giao, Chi ủy Chi bộ, UBHC xã lãnh đạo, chỉ đạo các HTX nông nghiệp đưa các giống lúa có khả năng chống sâu bệnh, chịu hạn tốt, cho năng suất cao vào cấy đại trà như Bao thai lùn, Bao thai hồng, Chân trâu lùn, X1... thay thế cho các giống lúa truyền thống như Nam Ninh, Mố rầy, Ba Giăng... và thay thế cả các loại lúa trước đây có chất lượng cao như Tám thơm, Dục, Câu... nhưng lúc này đã bị thoái hóa. Mặt khác xã thành lập mỗi HTX một tổ kỹ thuật, có nhiệm vụ chỉ đạo và thực hiện các công việc như ngâm thóc giống theo công thức “3 sôi, 2 lạnh”⁽²⁾; tổ làm phân, làm bèo hoa dâu; tổ phun thuốc trừ sâu. Các năm 1973 đến 1975, trung bình mỗi sào lúa ở xã Đoàn Kết được bón 320 đến 350 kg phân chuồng, 300 kg phân xanh 1,2 kg phân hóa học (đạm), bên cạnh đó các HTX còn dùng các loại phân như Ka-li, Phốt phát, vôi để tăng độ phì của đất và khử chua...

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc không còn bị không quân Mỹ đánh phá, nhưng nhân dân ta vẫn tăng cường cảnh giác, đề phòng những âm mưu thủ đoạn

⁽¹⁾ Thời điểm cuối năm 1973, xã có 3.021 khẩu.

⁽²⁾ Do không đủ nhiệt kế nên các đội giống thường pha nước ngâm thóc mạ bằng cách lấy 3 phần nước sôi với 2 phần nước lạnh tự nhiên.

mới của địch. Chi ủy Chi bộ, Chính quyền xã lãnh đạo tổ chức tốt các đợt gọi thanh niên nhập ngũ, chi viện cho chiến trường. Năm 1973 có 2 đợt tuyển quân, đợt 1 có 6 đồng chí; đợt 2 vào ngày 20 tháng 4 năm 1973 có 10 đồng chí trúng tuyển. Năm 1974 có 2 đợt tuyển quân tháng 6 và tháng 10, toàn xã có 12 đồng chí được gọi. Năm 1975 có 2 đợt ngày 18 tháng 2 và ngày 30 tháng 3 với tổng số 17 đồng chí.

Tuy nhiên, chiến tranh ngày càng kéo dài và ác liệt, một số quân nhân giảm sút ý chí chiến đấu, đào bỏ ngũ về nhà; một số thanh niên trốn tránh nhiệm vụ. Hành động của những người này đã gây cho địa phương những khó khăn trong giữ gìn an ninh trật tự, động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường. Chi bộ, Ủy ban, Ban Chỉ huy Xã đội đã động viên số quân nhân này trở lại tiểu đoàn huấn luyện “quân tự giác tái ngũ” của Tỉnh đội Bắc Thái. Những trường hợp cố tình trốn tránh, được đưa vào “Công trường 73” giáo dục cải tạo lao động bắt buộc quân nhân đào lạc ngũ không trở lại quân đội của Tỉnh đội Bắc Thái. Kết quả đã giảm được tình trạng đào bỏ ngũ về địa phương, tình hình an ninh, chính trị xã hội ở xã được giữ vững. Từ đó công tác động viên tuyển quân chi viện cho chiến trường của xã có chuyển biến tích cực, số thanh niên xung phong nhập ngũ ngày càng đông.

Cấp ủy Chi bộ, Chính quyền, Chi đoàn Thanh niên và các đoàn thể nhân dân tích cực vận động, động viên

anh em lên đường nhận nhiệm vụ. Kết quả năm nào xã Đoàn Kết cũng hoàn thành chỉ tiêu giao quân. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, xã Đoàn Kết hoàn thành tốt khẩu hiệu “Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu một người”⁽¹⁾. Có được những kết quả to lớn trong công tác tuyên quân, giao quân; có sự đóng góp của công tác “Hậu phương Quân đội”. Trong thời gian này công tác bảo đảm chi trả chế độ cho các đối tượng chính sách như thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và gia đình có người đi chiến đấu ở chiến trường B, C, K⁽²⁾ luôn bảo đảm tốt, không có hiện tượng bớt xén hoặc chi trả sai chế độ.

Trong 3 ngày 16 đến 18 tháng 6 năm 1974, Chi bộ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ khóa XV tại Ủy ban Hành chính xã với sự tham gia của 62 trên 84 đảng viên toàn Chi bộ. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Lương Đình Công, Huyện ủy viên. Đại hội nhấn mạnh, đây là khoảng thời gian sau Hiệp định Pari nên miền Bắc không bị máy bay địch bắn phá. Tranh thủ thời gian thuận lợi này, Chi bộ Đảng,

⁽¹⁾ Báo cáo số 06/BC/ĐH, ngày 28/5/1972 của Huyện ủy Đồng Hỷ.

⁽²⁾ Thời kỳ chống Mỹ: Người đi chiến đấu ở miền Nam gọi là chiến trường B hay “đi B”. Đi chiến đấu ở chiến trường Lào gọi là “đi C”. Đi chiến đấu ở chiến trường Campuchia chia gọi là “đi K”. Những người đi chiến đấu mà ở nhà có cha mẹ già hết tuổi lao động và con chưa thành niên được Nhà nước trợ cấp tiền hàng tháng theo “Sổ trợ cấp”. Người đi bộ đội đóng quân ở miền Bắc (chiến trường A) không được hưởng trợ cấp. Tuy nhiên có một số đơn vị đóng ở miền Bắc (chiến trường A) nhưng lại vượt sông Bến Hải chiến đấu, gọi nôm na là “com Bắc, giặc Nam”, nên đôi khi có trường hợp chi trả bị nhầm lẫn.

Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết đã phấn đấu lao động bền bỉ, kiên cường vượt qua mọi khó khăn thử thách; đạt được những thành tựu đáng kể ở tất cả các mặt xây dựng phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng và an ninh. Chi bộ Đảng, Chính quyền và các đoàn thể được củng cố, có bản lĩnh chính trị vững vàng đủ năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; chính vì vậy, kinh tế có bước phát triển, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh được bảo đảm.

Về phương hướng nhiệm vụ năm 1974 - 1975, Đại hội đề ra chỉ tiêu cụ thể: cây lúa 744 mẫu 8 sào, năng suất vụ mùa đạt 700 kg/mẫu, năng suất vụ chiêm đạt 500 kg/mẫu. Trồng các cây màu gồm 20 mẫu ngô, 70 mẫu khoai lang, 80 mẫu khoai sọ và 80 mẫu sắn. Về chăn nuôi bình quân mỗi hộ có 2 con trâu, 3 con lợn, 30 con gà vịt. Về làm nghĩa vụ với Nhà nước đảm bảo đủ và đúng thời gian 105 tấn thóc toàn xã; một năm, mỗi hộ bán nghĩa vụ cho Nhà nước 2kg gà, 30 kg lợn hơi và 0,5 kg chè. Trong xã thực hiện khẩu hiệu “3 có” và “3 không”. Nội dung của 3 có là: Xóm có Hợp tác xã; Có lương thực, thực phẩm, nông sản đủ chỉ tiêu cho Nhà nước; Có con em đi bộ đội và gia đình ở trong hợp tác xã. Ba không là: Không đánh bạc, không nghiện hút; Không lãng phí, xâm phạm của công; Không phá rừng làm nương bừa bãi.

Đại hội bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành là Nông Văn Giang, Lăng Chí Thơ, Trần Trung Đại, Lưu Bảo

Thông, Lưu Văn Phòn, Trần Thị Hoàn, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Văn Ngộ, Lăng Văn Phan, Lâm Văn Đa và Lý Văn Tụ. Chi ủy đã bầu đồng chí Nông Văn Giang nguyên là Phó Bí thư Chi bộ khóa XIV làm Bí thư, đồng chí Lăng Chí Thơ làm Phó Bí thư và đồng chí Trần Trung Đại làm Ủy viên Thường vụ Chi ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII (nhiệm kỳ 1974 - 1977) gồm các đồng chí Lương Đình Công, Nông Văn Giang, Lăng Chí Thơ và Trần Thị Hoàn.

Phấn khởi trước những thắng lợi của quân và dân ta trên các chiến trường cùng với niềm vui miền Bắc được hưởng hòa bình. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết hăng hái lao động làm ra nhiều sản phẩm để phục vụ đời sống và chi viện cho chiến trường. Một mặt khác Chi bộ tích cực lãnh đạo tập trung củng cố các HTX mà trong thời gian qua quản lý còn lỏng lẻo; tình trạng xóm “trắng” HTX đã từng bước có những chuyển biến và đạt được kết quả nhất định.

Tiếp tục thực hiện mục tiêu “...đánh cho Ngụy nhào” tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, tháng 3 năm 1975 quân và dân ta mở Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sau 55 ngày đêm chiến đấu anh dũng, mưu trí, sáng tạo với phương châm “*Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn*”

nữa, tranh thủ từng giờ từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”⁽¹⁾, 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 4 năm 1975 lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, chế độ ngụy quyền miền Nam sụp đổ hoàn toàn. Chiến thắng lịch sử ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên non sông liền một dải, nhân dân được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc.

Cùng với niềm vui trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc mùa xuân năm 1975, Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Đoàn Kết bước vào thời kỳ mới, thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất, cùng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

⁽¹⁾ Mệnh lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (tại Điện báo số 450/ĐB ngày 7/4/1975).

Chương VI

LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC KINH TẾ, XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1975 - 1986)

1. Cùng cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; tiếp tục chi viện sức người, sức của cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975-1980)

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975 với đỉnh cao là thắng lợi trọn vẹn của Chiến dịch Hồ Chí Minh đã trở thành mốc son sáng ngời trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Chiến thắng lịch sử ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đưa đất nước ta bước vào thời kỳ mới. Thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất bước vào giai đoạn quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội; với hai nhiệm vụ chiến lược “Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Trong không khí vui mừng phấn khởi của ngày hội thống nhất non sông, cùng với đồng bào và chiến sỹ cả nước, Chi bộ và nhân dân xã Đoàn Kết tự hào đã đạt được những thành tích to lớn trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng quê hương. Đồng thời

Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã cũng tự hào vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, chi viện sức người sức của cho chiến trường trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Chi bộ Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc trong xã Đoàn Kết nguyện phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương chiến khu xưa, quyết tâm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quán triệt và chấp hành nghiêm túc nghị quyết, chỉ thị của Đảng từ Trung ương đến tỉnh, huyện, cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã tranh thủ thời cơ, vượt qua mọi khó khăn trở ngại, tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với mục tiêu xây dựng xã ngày càng tiến bộ văn minh.

Cũng trong năm 1975, xã Đoàn Kết được đổi tên thành xã Văn Hán theo Quyết định số 136-NV, ngày 7 tháng 4 năm 1967 của Bộ Nội vụ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁽¹⁾. Giữa năm 1975, Chi bộ xã Văn Hán có 86 đảng viên, qua phân loại đảng viên 6 tháng đầu năm

⁽¹⁾ Tổ Biên soạn chưa lý giải được tại sao quyết định ký từ năm 1967 nhưng mãi đến năm 1975 mới thực hiện. Tuy nhiên trong khoảng thời gian từ năm 1975 đến 1977 trên các văn bản đã viết tên xã là Văn Hán nhưng con dấu chính quyền vẫn ghi "Ủy ban Hành chính xã Đoàn Kết" có dạng hình chữ nhật, dùng mực dấu màu tím than như cũ. Từ ngày 30 tháng 10 năm 1977 mới chuyển sang dấu có tên "Ủy ban nhân dân xã Văn Hán" hình tròn bên trong có hình Quốc huy và mực dấu màu đỏ như hiện nay.

có 28 đảng viên tích cực và 58 đảng viên trung bình. Cấp ủy Chi bộ xã khóa XVI do đồng chí Lăng Chí Thơ làm Bí thư; đồng chí Nông Văn Giang làm Phó Bí thư và là Chủ tịch Ủy ban Hành chính xã. Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-TU, ngày 5 tháng 5 năm 1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái phát động phong trào thi đua “Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng”. Chi ủy Chi bộ xã Văn Hán đã tổ chức cho nhân dân thực hiện phong trào gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Hỷ lần thứ XIII. Cụ thể là thực hiện 7 nội dung do đại hội đề ra là “Lao động giỏi, năng suất tăng, sản lượng nhiều, chăn nuôi vượt, hợp tác xã vững, chấp hành đường lối chính sách tốt, đời sống cao”. Là xã miền núi, Văn Hán còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của việc tập trung chủ yếu cho chiến đấu, những tập tục cũ lạc hậu vẫn còn. Nhiều việc cần quản lý, điều hành nhưng không được thi hành nghiêm túc, còn tình trạng dễ dãi bỏ qua. Trong lúc cùng nhân dân cả nước dồn sức khắc phục khó khăn do hậu quả của chiến tranh, ở xã Văn Hán đã bộc lộ những hạn chế bất cập. Tình trạng hợp tác xã yếu kém, phát triển không đồng đều; số hộ không vào hoặc ra hợp tác xã chiếm tỷ lệ khá cao, cá biệt có cả đảng viên. Để khắc phục những khuyết điểm trên, Chi bộ tập trung lãnh đạo sinh hoạt phê bình và tự phê bình gắn với công tác tổ chức, kiểm tra. Kiểm điểm, phê bình những đảng viên không nghiêm túc thực hiện nghị quyết của Đảng, thiếu gương mẫu trước nhân dân. Qua đợt sinh

hoạt và kiểm điểm, có 7 đảng viên đã xin vào hợp tác xã, 4 đồng chí bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo. Từ đó phong trào hợp tác xã ở Đoàn Kết đã được củng cố hơn, tuy nhiên cũng còn rất nhiều khó khăn cần tiếp tục tập trung giải quyết.

Trong các ngày từ 22 đến 27 tháng 5 năm 1975, tại Hà Nội diễn ra kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa V nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Quốc hội phê chuẩn kết quả Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc. Ngày 24 tháng 4 năm 1976, nhân dân các dân tộc xã Văn Hán cùng nhân dân cả nước phấn khởi đi bầu cử Quốc hội khóa VI (Quốc hội chung của cả nước). Cuộc bầu cử tại xã diễn ra đúng kế hoạch và thành công tốt đẹp. Từ ngày 24 tháng 6 đến ngày 3 tháng 7 năm 1976, Quốc hội triệu tập kỳ họp lịch sử thống nhất đất nước và quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cùng với việc đổi tên nước, tên Ủy ban Hành chính từ tỉnh, huyện, xã được đổi thành Ủy ban Nhân dân.

Thành lập Đảng bộ xã Văn Hán

Năm 1976, Chi bộ xã Văn Hán có 85 đảng viên; phân loại 6 tháng đầu năm, số tích cực có 17 đồng chí, chiếm 20%; số đảng viên trung bình có 68 đồng chí, chiếm 41,1%. Cũng năm 1976, Chi bộ xã Văn Hán được cấp trên chuẩn y cho thành lập Đảng bộ cơ sở và thành

lập 7 Chi bộ trực thuộc Đảng ủy ở 7 xóm⁽¹⁾ là Làng Hòa, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức, Hòa Khê, La Đàn. Ban Chấp hành Chi bộ do Đại hội bầu năm 1975 được Huyện ủy chỉ định thành Đảng ủy xã.

Cuối năm 1976⁽²⁾ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV được triệu tập tại thủ đô Hà Nội. Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và xác định đường lối chiến lược cơ bản của cách mạng Việt Nam là “Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ

⁽¹⁾ Đến nay tổ sưu tầm biên soạn chưa tìm được quyết định thành lập Đảng bộ. Việc xác định năm thành lập Đảng bộ và Bí thư Đảng ủy đầu tiên được căn cứ vào các tài liệu sau:

- Theo “Báo cáo số liệu về công tác tổ chức cơ sở Đảng, công tác đảng viên, công tác cán bộ năm 1976” của Ban Tổ chức Huyện ủy Đồng Hỷ ký ngày 23/12/1976, ghi “năm 1976 thành lập Đảng ủy 4 xã là Văn Hán, Hòa Trung, Phúc Hà, Phúc Triu” (nguyên văn trong báo cáo vẫn ghi là Đoàn Kết và Lương Sơn)

- Theo Bản lý lịch của đồng chí Lăng Chí Thơ khai ngày 26/4/1993 đang lưu tại Huyện ủy Đồng Hỷ thì từ 7/1975 đến 6/1977 đồng chí Thơ làm Bí thư Đảng ủy xã.

- Theo 2 bản lý lịch đảng viên của đồng chí Nông Văn Giang đều khai từ 6/1974 đến 4/1975 làm Bí thư Chi bộ xã. Từ 4/75 đến 1977 là Chi ủy viên. Từ 2/8/1977 đến 20/5/1979 làm Bí thư Đảng ủy, sau đó nghỉ hưu.

- Báo cáo phân loại đảng viên Chi bộ Văn Hán năm 1975 do đồng chí Lăng Chí Thơ ký ngày 12/1/1976 trên cương vị là Bí thư Chi bộ.

- Theo biên bản Đại hội Mặt trận Tổ quốc xã Văn Hán họp ngày 1/10/1976 do đồng chí Lý Văn Tựu làm thư ký ghi (hiện gia đình đồng chí Nông Văn Thực, là con đồng chí Nông Văn Giang đang lưu giữ). Trong đại hội này đoàn Chủ tịch có mời đồng chí Thơ là Bí thư Đảng bộ lên phát biểu. Cũng tại đại hội này đồng chí Nông Văn Giang được bầu làm Chủ tịch Mặt trận thay cho đồng chí Mông Quốc Hoa.

⁽²⁾ Đại hội diễn ra từ ngày 14/12 đến ngày 20 tháng 12 năm 1976 tại Thủ đô Hà Nội. Có 1.008 đại biểu thay mặt cho 1.550.000 đảng viên cả nước tham dự.

vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời Đại hội cũng quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), nhằm mục tiêu cơ bản và cấp bách là: “Xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ sở công - nông nghiệp. Trên cơ sở đó cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động...” Đây là kế hoạch 5 năm lần đầu được thực hiện trong phạm vi cả nước, có ý nghĩa vô cùng to lớn về kinh tế xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán xác định quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết mà đại hội Đảng đề ra.

Giữa năm 1977, Đảng bộ xã Văn Hán có 91 đảng viên, 14 nữ, 54 đảng viên thuộc dân tộc ít người; đảng viên tích cực có 15, đảng viên trung bình có 57; để lại xem xét 19. Đảng bộ phân thành 7 Chi bộ, 14 tổ đảng.

Phân loại 6 tháng đầu năm 1977 có Chi bộ Làng Hòa đạt loại khá; 5 Chi bộ đạt mức trung bình là Phả Lý, Văn Hán, Hòa Khê, Thịnh Đức, La Đàn; Chi bộ Cầu Mai xếp loại kém.

Có 14/14 tổ đảng trong toàn Đảng bộ tham dự bình xét; kết quả có 3 tổ xếp loại khá, 8 tổ xếp loại trung bình và 3 tổ xếp loại kém⁽³⁾. Từ việc phân loại tổ chức Đảng

⁽³⁾ Kết quả bình xét có 3 tổ xếp loại khá là: tổ 1 (thuộc Chi bộ Làng Hòa), tổ 1 (thuộc Chi bộ Văn Hán) và tổ 1 (thuộc Chi bộ Thịnh Đức).

nghiêm túc đã chỉ rõ những điểm mạnh, điểm yếu để các tổ đảng, các chi bộ không ngừng phấn đấu vươn lên hoàn thành các nhiệm vụ được nhân dân các dân tộc trong xã tin tưởng giao phó.

Ngày 15 tháng 5 năm 1977, Đảng ủy xã đã lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân xã, nhiệm kỳ 1977-1979. Trong 2 ngày 25 và 26 tháng 6 năm 1977, Hội đồng Nhân dân xã Văn Hán đã họp thông qua các chỉ tiêu nhiệm vụ trong thời gian tới và bầu các thành viên Ủy ban Nhân dân xã nhiệm kỳ 1977-1979. Hội đồng Nhân dân xã đã bầu 7 đồng chí làm Ủy viên Ủy ban xã; đồng chí Trần Văn Thị được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân; đồng chí Lý Văn Tụ làm Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an; đồng chí Vi Văn Xường làm Ủy viên thư ký và các Ủy viên Ủy ban Nhân dân xã gồm Hứa Văn Lầu, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Xuân Kiểm và Dương Văn Bách⁽¹⁾.

Tháng 8 năm 1977⁽²⁾, Đại hội Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1977-1979) diễn ra tại trụ sở Ủy

+ 8 tổ xếp loại trung bình là: tổ 2 (thuộc Chi bộ Làng Hòa), tổ 2 (thuộc Chi bộ Văn Hán), tổ Phả Lý và Ba Quả (thuộc Chi bộ Phả Lý), tổ Hòa Khê và Làng Áng (thuộc Chi bộ Hòa Khê), tổ 1 và 2 (thuộc Chi bộ La Đàn).

+ 3 tổ xếp loại kém là: tổ La Sát, Đoàn Lâm (thuộc Chi bộ Thịnh Đức) và tổ Cầu Mai (thuộc Chi bộ Cầu Mai)

⁽¹⁾ Quyết định số 04/QĐ-UB, ngày 2/8/1977, do đồng chí Dương Văn Cốc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ ký phê chuẩn các chức danh Ủy ban Nhân dân xã Văn Hán, nhiệm kỳ 1977 - 1979.

⁽²⁾ Tại 2 bản Lịch lịch đảng viên của đồng chí Nông Văn Giang (nguyên Bí thư Đảng ủy khóa I) ghi 2 lần khác nhau về 1 ngày đại hội là 20/8/1977 và 2/8/1977 nên tổ biên soạn chưa xác định được chính xác ngày đại hội Đảng bộ lần thứ nhất là ngày nào trong 2 ngày trên.

ban nhân dân xã. Đây là Đại hội toàn thể đảng viên lần đầu tiên kể từ khi cấp trên ra quyết định thành lập Đảng bộ xã. Đại hội bầu Ban Chấp hành và Ban Chấp hành bầu đồng chí Nông Văn Giang làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Lãng Chí Thơ làm Phó Bí thư; đồng chí Trần Văn Thị làm Ủy viên Thường vụ.

Tiếp tục công tác xây dựng, củng cố trạm xá xã để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, ngày 30 tháng 11 năm 1977, Ủy ban Nhân dân xã Văn Hán ra Quyết định số 60 phân công công tác cho cán bộ nhân viên Trạm y tế xã. Đồng chí Lý Ngọc Hiệp tiếp tục được cử làm Trạm trưởng; các đồng chí Nguyễn Minh Tâm và Lê Thị Tám là nhân viên. Từ đó trạm xây dựng nội quy, nề nếp làm việc, chế độ trực khám chữa bệnh được duy trì tốt, chất lượng điều trị được nâng lên đáng kể.

Từ năm 1975 đến năm 1977, Huyện ủy Đồng Hỷ xếp xã Văn Hán là đơn vị có phong trào HTX loại C (là loại yếu) do sản xuất không phát triển, thóc nghĩa vụ chỉ đạt từ 51.8 đến 70%⁽³⁾. Nguyên nhân do công tác giáo dục và rèn luyện đảng viên chưa tốt, một số đảng viên thiếu gương mẫu, thậm chí còn có người còn ra làm ăn cá thể. Đảng ủy quyết tâm khắc phục khuyết điểm yếu kém bằng cách tổ chức lại sản xuất và chấn chỉnh đội ngũ đảng viên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, ngày 3 tháng 3 năm 1978, đã

⁽³⁾ Báo cáo số 01/BC/ĐH, ngày 20/11/1976 của Huyện ủy Đồng Hỷ.

sáp nhập 2 HTX Thịnh Đức và La Sát thành 1 HTX lấy tên là Thịnh Đức. Sáp nhập HTX Hòa Khê và Làng Ảng thành 1 HTX mang tên Hòa Khê. Đến ngày 2 tháng 4 năm 1978, công việc sáp nhập 2 HTX Thịnh Đức và Hòa Khê đã được thực hiện xong. Tuy nhiên trong xã vẫn còn 3 HTX là Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán đang bị vỡ, Đảng ủy quyết định tập trung lãnh đạo củng cố để các HTX này hoạt động trở lại. Lúc này số đảng viên trong toàn Đảng bộ có 89 đồng chí, nhưng vẫn còn 18 đồng chí chưa vào HTX. Thực hiện Thông tri số 22/BBT của Ban Bí thư Trung ương Đảng, về việc đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng (gọi tắt là Thông tri 22); ngày 16 tháng 10 năm 1978, Đảng ủy xã đã họp xem xét và đề nghị Huyện ủy xử lý 37 đảng viên bằng các hình thức từ vận động ra Đảng, xóa tên đến kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, khai trừ lưu Đảng và khai trừ vĩnh viễn. Đảng ủy đã biểu quyết đề nghị Huyện ủy thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách đồng chí Bí thư Đảng ủy đương nhiệm; đề nghị cách chức Ủy viên Thường vụ Đảng ủy và chức vụ chính quyền đối với đồng chí Chủ tịch UBND xã. Qua đợt sinh hoạt phê bình và tự phê bình thực hiện Thông tri 22, tình hình củng cố các HTX của xã đã có chuyển biến tiến bộ; thực hiện chỉ tiêu giao nộp lương thực năm 1978, xã Văn Hán đạt 111,8%, được Huyện ủy biểu dương.

Tiếp tục xây dựng lực lượng dân quân đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; đến ngày

20 tháng 2 năm 1978, xã có 2 đại đội dân quân do Ban Chỉ huy quân sự xã trực tiếp quản lý điều hành. Đại đội 1 có 120 đồng chí được biên chế thành 4 trung đội, 11 tiểu đội; đại đội có 8 đảng viên, khi cần cơ động sẽ lâm thời thành lập Chi bộ. Đại đội 2 có 127 người, biên chế thành 3 trung đội, 10 tiểu đội. Các đơn vị dân quân của xã thường xuyên luyện tập theo chương trình huấn luyện của Huyện đội Đồng Hỷ. Qua luyện tập, dân quân xã đã thành thục hơn trong vận dụng các bài tập kỹ thuật, chiến thuật sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Trong giai đoạn này, đất nước ta mới vừa ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm, hậu quả hết sức nặng nề, rất cần có thời gian tập trung sức lực để khắc phục hậu quả chiến tranh, đưa kinh tế đất nước phát triển đi lên. Nhưng, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế câu kết với nhau, âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta. Thông qua bọn tay sai phản động Pôn Pôt-lêngXari đang cầm quyền chế độ diệt chủng ở Cam-pu-chia, ra sức đẩy mạnh các hành động lấn chiếm và tàn sát dã man đồng bào ta ở dọc tuyến biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Ở phía Bắc chúng kích động, lấn chiếm gây tình hình căng thẳng trên toàn tuyến biên giới.

Tình hình trên đã đặt dân tộc ta trước một thử thách mới hết sức nghiêm trọng; vì độc lập tự do, vì chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì tính mạng và tài sản của nhân dân, buộc dân tộc ta một lần

nữa phải cầm súng kiên quyết đánh trả kẻ thù xâm lược. Chiến tranh nổ ra ở Biên giới Tây Nam (năm 1977)⁽¹⁾, Biên giới phía Bắc (17/2/1979) làm cho các hoạt động trong xã hội bị đảo lộn. Thực hiện lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến để tập trung cho nhiệm vụ trọng tâm là bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của đất nước, thanh niên Văn Hán lại cầm súng lên đường chiến đấu chống quân xâm lược. Chỉ riêng năm 1979, xã Văn Hán có 3 đợt gọi nhập ngũ, có những đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Mỹ, nay lại tái ngũ lên đường ra mặt trận.

Ở hậu phương, Đảng ủy lãnh đạo tổ chức tổ chức củng cố lại các HTX; nhân dân xã Văn Hán thi đua sản xuất làm ra lương thực, thực phẩm chi viện cho chiến trường. Tháng 11 năm 1979, ở xã Văn Hán có 6 Hợp tác xã nông nghiệp. Hợp tác xã Làng Hòa có 41 hộ, 286 khẩu được chia làm 2 đội sản xuất, diện tích canh tác 74 mẫu. Hợp tác xã Phả Lý - Ba Quả có 122 hộ, 716 khẩu, chia làm 6 đội sản xuất, diện tích đất canh tác 146 mẫu. Hợp tác xã Cầu Mai có 78 hộ, 522 khẩu, diện tích đất canh tác 116 mẫu. Hợp tác xã Văn Hán có 38 hộ, 282 khẩu, diện tích đất canh tác 76 mẫu. Hợp tác xã Thịnh Đức có 45 hộ,

⁽¹⁾ Lịch sử Sư đoàn 31 Lam Hồng (1974 -1999), NXB Quân đội nhân dân, năm 2002, trang 157.

335 khẩu, diện tích đất canh tác 72 mẫu. Hợp tác xã Hòa Khê có 80 hộ, 491 khẩu, chia làm 4 đội sản xuất, diện tích đất canh tác 107 mẫu. Đây là kết quả của sự kiên trì thuyết phục, vận động nhân dân vào làm ăn tập thể của cán bộ đảng viên trong xã và đặc biệt là có sự tham gia tích cực của những đồng chí cán bộ huyện về tăng cường, giúp cho xã hoàn thành được các nhiệm vụ rất khó khăn.

Cuối năm 1978, đầu năm 1979 trong xã lại xảy ra tình trạng thời tiết cực đoan khắc nghiệt; rét đậm, rét hại kéo dài làm mạ gieo chết hàng loạt; thiếu thóc giống, thiếu mạ, nhiều diện tích không cấy được. Trồng ngô, trồng sắn cũng bị ảnh hưởng của giá rét nên chậm phát triển. Mặt khác xã lại thiếu nhân lực, do lực lượng trẻ khỏe hầu hết đã ra chiến trường, trong khi đòi hỏi chung của xã hội ngày một cao.

Thời tiết, thiên tai, địch họa có tác động không nhỏ đến tư tưởng, đời sống kinh tế, xã hội của địa phương. Trước tình hình trên, Chi bộ đã tập trung lãnh đạo với phương châm “Khắc phục khó khăn, khơi dậy truyền thống”; “Giáo dục cho cán bộ đảng viên và nhân dân hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của các thế lực phản động, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa xã Văn Hán phát triển đi lên”. Một lần nữa khí thế cách mạng của nhân dân các dân tộc xã Văn Hán được khơi dậy, lại vẫn với khẩu hiệu “Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu

1 người”, “Tất cả vì các tỉnh biên giới, vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”. Nhân dân các dân tộc xã Văn Hán lại kiên cường, dũng cảm bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, song song với cuộc chiến đấu chống đói nghèo cũng không kém phần gian nan vất vả. Trong cuộc chiến đấu này chúng ta có đất nước thống nhất, độc lập, tự do; có Đảng Cộng sản giàu kinh nghiệm lãnh đạo và nhân dân vững vàng niềm tin vào sự lãnh đạo Đảng nên nhất định sẽ thành công. Ngày 18 tháng 2 năm 1979, Ban Chỉ huy quân sự xã thành lập 1 trung đội dân quân do đồng chí Đàm Thanh Minh chỉ huy, trung đội được biên chế trong đội hình tiểu đoàn dân quân cơ động của huyện Đồng Hỷ lên biên giới làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Ngày 19 tháng 2 năm 1979, Huyện đội điều 1 đại đội dân quân xã Khe Mo vào đóng quân ở khu Cỏ Bông và khu Đồng Lách (xóm Văn Hán) làm nhiệm vụ đào hào xây dựng tuyến phòng thủ ở núi Đèo Bông. Cũng ngày này, đại đội dân quân xã Văn Hán do đồng chí Dương Ngọc Nam làm Đại đội trưởng, Nguyễn Thanh Giao làm Chính trị viên và đồng chí Nguyễn Xuân Kiểm làm Đại đội phó hành quân sang xã Liên Minh (Võ Nhai) cùng xây dựng tuyến phòng thủ ở núi Đèo Bông. Trong 5 ngày (từ 19 đến 23/2/1979) 2 đại đội dân quân của 2 xã Khe Mo và Văn Hán đã đào hoàn thành 2 tuyến hào phòng thủ tại núi Đèo Bông với tổng chiều dài 3 km.

Công tác quân sự sẵn sàng chiến đấu được quan tâm lãnh đạo. Các hợp tác xã có trung đội, đội sản xuất có tiểu đội dân quân đặt dưới sự chỉ huy của Ban Chỉ huy xã đội. Lực lượng dân quân của xã được huấn luyện theo chương trình của Huyện đội Đồng Hỷ, sẵn sàng cơ động làm nhiệm vụ chiến đấu khi có yêu cầu; phối hợp cùng lực lượng công an tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy mặc dù tình hình diễn biến phức tạp, bọn phản động, những kẻ xấu, phần tử cơ hội ra sức tuyên truyền kích động, phá hoại nhưng tình hình chính trị - xã hội ở xã Văn Hán luôn ổn định.

Để khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ theo yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới, Đảng bộ, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ an ninh quốc phòng với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Một mặt nhanh chóng tổ chức lại sản xuất, thực hiện các Nghị quyết 23, 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 45, 46 của Tỉnh ủy Bắc Thái và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Hỷ khóa XIV với tinh thần: “Ra sức sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng chuyên canh, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đưa năng suất lúa lên đạt 4

tấn/1 ha/2vụ⁽¹⁾”. Đảng ủy, Ủy ban xã có sự giúp đỡ của các đồng chí cán bộ huyện về tăng cường cơ sở đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo vừa củng cố các hợp tác xã vừa vận động nhân dân gieo cấy hết diện tích, đúng thời vụ đồng thời triển khai trồng thêm ngô, khoai, sắn và tăng diện tích vụ đông để khắc phục tình trạng thiếu hụt lương thực.

Cùng với việc tổ chức sản xuất nông nghiệp bằng cây lúa nước, trồng lúa nương, trồng ngô, trồng sắn, trồng khoai...để đảm bảo đời sống nhân dân, Đảng bộ và Chính quyền xã quan tâm lãnh đạo phát triển kinh tế đồi rừng, trồng cây công nghiệp để tăng thu nhập cho nhân dân. Thiên nhiên ưu đãi cho Văn Hán có diện tích đồi rừng lớn, nhưng những năm trước đây, rừng đã bị khai thác quá mức nên cạn kiệt. Để khai thác diện tích đất đã bị mất rừng, nhân dân Văn Hán đã trồng các cây công nghiệp như cây Bồ đề, Mỡ, Thông... và có một phần diện tích được sử dụng để trồng chè. Ban đầu việc trồng chè chỉ đơn thuần để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của mỗi gia đình, khi sản phẩm thừa mới đem bán nên giá trị kinh tế hầu như không có. Nguyên nhân là do thời gian này công tác quản lý thị trường vẫn còn chặt chẽ, hàng hóa không được tự do lưu thông, vì vậy diện tích trồng chè vẫn rất cầm chừng. Thời kỳ này, diện tích đất trồng chè tập trung chủ yếu ở 2 hợp

⁽¹⁾ Tương đương với năng suất 72 kg/sào Bắc bộ (720 kg/mẫu)

tác xã Thái Hưng và Đoàn Lâm, nơi tập trung các hộ từ miền xuôi đến Văn Hán khai hoang, do có ít ruộng, nhiều rừng nên đa số bà con tập trung vào nghề sơn tràng⁽²⁾ và trồng chè. Do lợi ích của người trồng chè chưa được bảo đảm, nên giai đoạn này mặc dù xã đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nhưng việc phát triển diện tích và sản lượng chè ở xã Văn Hán có tăng nhưng không đáng kể.

Đến ngày 2 tháng 3 năm 1979, toàn xã Văn Hán có 554 hộ, 3.824 lao động vào HTX. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Trần Văn Thị đã ký kết hợp đồng bán nghĩa vụ cho Nhà nước năm 1979 gồm: thóc là 95.754 kg với giá ấn định 0,5 đồng/1 kg; sắn lát khô 108.500 kg, giá 0,55 đồng/1 kg; gia cầm 1.644 kg và lợn hơi là 24.200 kg với giá 3 đồng/1 kg; trâu thịt 9 con, giá 2,6 đồng/1 kg; trứng 5.540 quả, giá 1,2 đồng/kg; đỗ các loại 1.050 kg, giá 1,2 đồng/1 kg. Các loại như hạt có dầu 4.000 kg; tre vườn 6.800 cây; gỗ xoan 200 m³ theo giá thỏa thuận.

Trong 2 ngày 19 và 20/5/1979, Đại hội toàn thể đảng viên xã khóa II (nhiệm kỳ 1979 - 1982) với sự có mặt của 71/76 đảng viên của Đảng bộ. Tại Đại hội, các đại biểu đã biểu quyết phân đấu cây lúa mùa đạt năng suất 700

⁽²⁾ Tên gọi những người dân làm nghề khai thác lâm sản thời kỳ những năm 1950 - 1960 để phân biệt với công nhân lâm nghiệp

kg/mẫu, lúa chiêm đạt năng suất 500 kg/mẫu. Phối hợp cùng với đội cán bộ tăng cường của huyện về xã tập trung củng cố các HTX nông nghiệp. Nguyên nhân là phong trào xây dựng hợp tác xã ở Văn Hán đang gặp nhiều khó khăn do trong bối cảnh chung của đất nước. Hàng hóa vật tư nói chung và vật tư nông nghiệp nói riêng đều rất khan hiếm. Công tác tổ chức quản lý điều hành và phân phối sản phẩm của các hợp tác xã nông nghiệp ở Văn Hán bộc lộ những yếu kém bất cập; dẫn đến các hợp tác xã hoạt động không đồng đều, lúc lên, lúc xuống thất thường. Nguyên nhân do thời kỳ này chúng ta đề cao khẩu hiệu “hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ” nhưng thực chất, tài sản tập thể ở Văn Hán đã trở thành không có chủ. Tình trạng quản lý hợp tác xã không chặt chẽ, kế hoạch sản xuất không sát thực và đặc biệt là tình trạng “tính ngày ghi công” không kể gì đến năng suất, chất lượng đã diễn ra thường xuyên và mỗi ngày một trầm trọng hơn. Xã viên đi làm theo hiệu lệnh keng, về theo hiệu lệnh keng, công điểm tính theo thời gian có mặt ở nơi làm việc; người làm việc tích cực, người dựa dẫm lười biếng đều được tính công điểm như nhau. Vì vậy, làm việc không có năng suất và hiệu quả, dẫn đến sản lượng thóc không tăng, thậm chí mức thu lương thực bình quân đầu người còn giảm (do dân số tăng), cá biệt có năm mỗi công lao động đạt chưa đầy 1kg thóc, không đủ nuôi sống chính người lao động,

chưa nói đến nuôi cha mẹ già yếu, con nhỏ. Từ thực tế này, nhiều người sinh ra chán nản. Những đảng viên, những người có tâm huyết trong lao động thật sự thấy xót xa, đấu tranh không có kết quả, nên có một số xin ra hợp tác, thực chất cũng chỉ mong cho gia đình được no đủ. Tình trạng trên được Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện Đồng Hỷ quan tâm lãnh đạo tổ chức củng cố nhiều lần, nhưng cũng chỉ ổn định được một thời gian ngắn⁽¹⁾. Tất cả những nguyên nhân yếu kém là do cán bộ đảng viên chưa gương mẫu, lời nói không đi đôi với việc làm; có một số gia đình đảng viên không vào HTX. Để phấn đấu đạt được những mục tiêu do đại hội đề ra, phải tập trung xây dựng bản lĩnh lãnh đạo của Chi bộ và sức chiến đấu của đảng viên; không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi, rèn luyện phẩm chất đạo đức của mỗi đảng viên, đưa đảng viên về đúng vị trí. Đại hội nhất trí quyết nghị tất cả đảng viên và gia đình đảng viên đều gương mẫu vào HTX để thực hiện đường lối xây dựng kinh tế tập thể của Đảng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí do đồng chí Trần Trung Đại làm Bí thư, đồng chí Lâm Trung Định

⁽¹⁾ Phong trào xây dựng HTX nông nghiệp ở Văn Hán giai đoạn này gặp nhiều khó khăn. Các đoàn cán bộ củng cố HTX rút về huyện được một thời gian là HTX lại sa sút.

làm Phó Bí thư và đồng chí Vi Văn Xường là Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.

Tiếp theo, Đảng ủy lãnh đạo kiện toàn chính quyền xã. Tháng 5 năm 1979, Hội đồng Nhân dân xã khóa 14 đã họp và bầu đồng chí Lâm Trung Định, Phó Bí thư Đảng ủy làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân. Đồng chí Lý Văn Tụ, Chi ủy viên được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban kiêm Trưởng Công an xã. Đồng chí Hứa Văn Lầu, Ủy viên UBND làm Xã đội trưởng và đồng chí Lăng Chí Thơ làm Thường trực Ủy ban Nhân dân xã. Ngày 4 tháng 6 năm 1979 đã tiến hành công tác bàn giao giữa 2 đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã cũ và mới⁽¹⁾.

Công tác giáo dục phổ thông của xã có thay đổi về tổ chức và nhân sự. Từ năm học 1978 - 1979, Trường phổ thông cấp I và Trường phổ thông cấp II xã Văn Hán được sáp nhập thành một, gọi là “Trường phổ thông cấp I+II xã Văn Hán”. Trường do thầy giáo Cao Xuân Mai làm Hiệu trưởng. Một thời gian sau tên gọi của trường lại được đổi là Trường phổ thông cơ sở xã Văn Hán. Trường tổ chức dạy và học trong bối cảnh cơ sở vật chất đều rất thiếu thốn và hết sức khó khăn. Các phòng học của học sinh đều được làm nhanh và tạm bợ, nên cũng nhanh hư hỏng, năm nào cũng phải làm lại toàn bộ, tốn rất nhiều công sức của

⁽¹⁾ Tài liệu ký hiệu DSC02479 lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã

cán bộ giáo viên và phụ huynh học sinh⁽²⁾. Nhà ở của giáo viên cũng trong cảnh tạm bợ như vậy, mỗi gian nhà được ngăn làm 2 phòng, mỗi phòng chỉ kê 1 giường để 2 giáo viên cùng giới ở. Mặc dù điều kiện vật chất khó khăn nhưng phong trào thi đua dạy tốt học tốt vẫn được duy trì thường xuyên, chất lượng dạy và học trong nhà trường được đảm bảo. Từ khi có Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, đội ngũ giáo viên của nhà trường được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới. Các giáo viên của nhà trường luôn nêu cao vai trò trách nhiệm, khắc phục khó khăn, tâm huyết, gắn bó với nghề; chính vì vậy hàng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp phổ thông cơ sở thường đạt trên 80%. Học sinh có hạnh kiểm tốt và khá đạt trên 95%.

Sau Đại hội Đảng bộ xã lần thứ II, Đảng bộ tiếp tục vận động củng cố được 6 HTX nông nghiệp, với 70% số hộ toàn xã. Tuy nhiên, ngay sau đó có nhiều hộ ở 4 HTX

⁽²⁾ Thời kỳ này, năm nào cũng vậy, đến hè, giáo viên và học sinh về nghỉ, trâu bò, giò lóc làm tắt cả các lớp học sập đổ. Bước vào năm học mới, nhà trường tổ chức lễ khai giảng trên sân trường rồi cho học sinh về nghỉ. Ngay ngày hôm sau Chi hội phụ huynh học sinh từng lớp họp và phân công nhau mang cây, cột, gianh lợp, lá, nứa tự dựng lớp học, chỉ vài ngày là có nhà cho các cháu học. Nhưng do làm nhanh nên cây tươi, gianh lợp, lá đều tươi nên chỉ ít ngày sau, gianh lợp ngót đi lại trông thấy trời. Mỗi một ăn chân cột nên mỗi nhà chỉ tồn tại được một năm học mà thôi.

lại đòi ra làm ăn riêng lẻ, chỉ còn lại 2 HTX Làng Hỏa và Văn Hán vẫn hoạt động. Theo đề nghị của Đảng ủy xã, tháng 7 năm 1979, Huyện ủy Đồng Hỷ cử Đội tăng cường xây dựng xã Văn Hán do đồng chí Đồng Thế Thề, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện làm Tổ trưởng. Các thành viên của đội là Trần Văn Thuận cán bộ Công an huyện; Diệp Văn Phú, cán bộ Mặt trận Tổ quốc huyện; Nguyễn Thị Huệ, cán bộ Hội phụ nữ huyện; đến tháng 8 năm 1979, đội được tăng cường thêm đồng chí Nguyễn Kim Nghiêm, cán bộ Huyện Đoàn.

Ngày 29 tháng 9 năm 1979, Đảng ủy xã họp với sự có mặt của 11/11 đảng ủy viên; tham dự cuộc họp có đồng chí Đồng Thế Thề, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện, Tổ trưởng tổ tăng cường xây dựng xã Văn Hán. Tại Hội nghị, có 100% đảng ủy viên đã nhất trí đề nghị thành lập Chi bộ Trường Phổ thông cơ sở gồm 3 đảng viên (2 nữ, 1 nam). Ngày 15 tháng 10 năm 1979, Thường vụ Huyện ủy Huyện Đồng Hỷ đã quyết định thành lập Chi bộ trường Phổ thông cơ sở xã Văn Hán.

Thực hiện Thông tri số 22/BBT của Ban Bí thư Trung ương "Tiếp tục đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng" và Chỉ thị số 73/BBT của Ban Bí thư Trung ương về việc phát thẻ đảng viên, Đảng ủy đã triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong khi địa phương đang có nhiều khó khăn do suy giảm kinh tế, làm cho

nhân dân và cán bộ có biểu hiện bi quan chán nản. Chi bộ xác định đây là dịp mỗi đảng viên tự soi rọi lại mình, để xứng đáng với vai trò vị trí của người đảng viên. Mỗi đợt phát thẻ đảng viên được Chi bộ phát động thành một đợt sinh hoạt chính trị nâng cao trách nhiệm, đưa đảng viên về vị trí.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng PônPôt-Iêngxari, quý III năm 1979, Sư đoàn 31/Quân đoàn 3 được Bộ Quốc phòng điều ra đóng quân dọc 2 bên Quốc lộ 1B. Một đơn vị của Sư đoàn 31 là Trung đoàn bộ binh 922 đóng quân tại xóm Thống Nhất, xã Khe Mo sang đến đất Văn Hán. Thực hiện phong trào “Quân với Dân một ý chí”, Trung đoàn và xã Văn Hán tổ chức lễ kết nghĩa quân dân. Các hoạt động kết nghĩa giữa trung đoàn và địa phương đã tăng cường các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn xã. Bộ đội giúp đỡ nhân dân, nhân dân giúp đỡ bộ đội thật hiệu quả và thiết thực. Trong những năm này bộ đội trung đoàn 922 đã làm cho Trường Phổ thông cơ sở xã 3 ngôi nhà gỗ làm 3 phòng học (mỗi nhà 3 gian) tại vị trí là trường Trung học cơ sở hiện nay và làm 1 ngôi nhà gỗ cho Trạm y tế xã ngay cạnh trường phổ thông cơ sở. Trung đoàn còn khai thác gỗ làm giúp xã 1 nhà cửa hàng mua bán (đặt tại vị trí trạm y tế xã hiện nay) và 1 bảng tin tại ngã ba Phả Lý.

Những hoạt động thăm thiết tình quân dân vẫn còn sâu đậm lâu dài. Khi Sư đoàn 31 trở lại địa bàn Tây Nguyên, nhiều cán bộ chiến sỹ của Sư đoàn đã chọn Văn Hán làm nơi lập nghiệp và góp công sức nhỏ bé vào xây dựng quê hương mới như các đồng chí Vi Văn Hiệu, nguyên Đảng ủy viên, nguyên Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Khuyến học; đồng chí Nguyễn Nhân Quang, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã...

2. Lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương mới của Đảng, từng bước vượt qua khó khăn thử thách (1981 - 1986)

Trước những khó khăn kéo dài của cả nước trong xây dựng HTX nông nghiệp, sản xuất không phát triển, đời sống của nhân dân mỗi ngày một khó khăn. Ngày 13 tháng 1 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW, “Về cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” (gọi tắt là “Chỉ thị 100” hay “Khoán 100”. Đây là bước đi ban đầu quan trọng của Đảng ta về đổi mới tư duy trong lãnh đạo tìm hướng đi cho kinh tế nông nghiệp, và cải cách mô hình hợp tác xã. “Chỉ thị 100” đã tạo ra luồng sinh khí mới làm hồi sinh các hợp tác xã vốn đang gặp rất nhiều khó khăn. Chi bộ chỉ đạo các hợp tác xã rà soát kiểm tra nắm chắc diện tích đất nông nghiệp của từng đội sản xuất trên từng cánh

đồng, từng hạng đất cho năng suất, sản lượng khác nhau để lập kế hoạch giao khoán.

Đầu tháng 10 năm 1982, Đảng bộ Văn Hán có 79 đảng viên (76 chính thức, 3 dự bị), trong đó có 41 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Chấp hành lãnh đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, ngày 10 tháng 10 năm 1982, Đảng bộ tổ chức Đại hội toàn thể đảng viên lần thứ III, (nhiệm kỳ 1982 - 1984). Đại hội Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ III diễn ra trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn do chính sách bao vây cấm vận của Mỹ. Tình hình xung đột ở biên giới phía Bắc vẫn phức tạp. Sản xuất tại địa phương không những không phát triển được mà còn có xu thế trì trệ. Tuy nhiên, Đại hội phấn khởi đón Chỉ thị 100-CT/TW của Trung ương. Chỉ thị 100 đã tạo ra một luồng gió mới trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chính sách mới của Đảng đã tạo niềm tin tưởng, phấn khởi cho Đảng bộ bước vào thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, dẫu biết rằng vẫn còn nhiều khó khăn thử thách ở phía trước. Trong niềm tin tưởng vào chủ trương, chính sách mới của Đảng đối với HTX nông nghiệp, Đại hội đã bầu BCH Đảng bộ xã khóa III gồm 11 đồng chí. Đảng ủy đã bầu đồng chí Lãng Chí Thơ làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Lý Văn Tụ làm Phó Bí thư; đồng chí Trần Trung Đại làm Ủy viên Thường vụ. Sau Đại hội Đảng bộ khóa III, Hội đồng Nhân dân xã đã bầu đồng chí Lý Văn Tụ, Phó Bí thư Đảng ủy làm Chủ

tịch UBND; đồng chí Trần Trung Đại, Ủy viên Thường vụ làm Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Công an; đồng chí Nguyễn Thanh Giao làm Xã đội trưởng; đồng chí Hoàng Ngọc Sang làm Thường trực UBND xã.

Ngày 20 tháng 6 năm 1983, các HTX đồng loạt họp đại hội xã viên để bàn biện pháp điều chỉnh ruộng đất theo Chỉ thị 100 và thống nhất chỉ tiêu giao khoán. Khi thực hiện hình thức giao khoán theo “Chỉ thị 100”, mọi người từ đồng chí Bí thư Đảng ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, các Chủ nhiệm hợp tác xã đến từng người dân đều tính toán lo toan thực hiện bằng được hình thức quản lý kinh tế mới. Việc trả công lao động gắn liền với trách nhiệm và quyền lợi của xã viên. Theo sự thống nhất của đại hội xã viên các HTX, mỗi gia đình bán cho Nhà nước 1 kg chè, 2 con gà (2 kg), mỗi mẫu ruộng thu 10 kg thóc; cứ mỗi mẫu ruộng nhận khoán, hộ gia đình phải nuôi 1 con lợn trong chuồng. Từ đó kế hoạch sản xuất được chủ động hơn, đất đai, sức lao động được tận dụng, diện tích đất đai bị hoang hóa giảm hẳn. Các khâu trung gian trong điều hành sản xuất được bố trí hợp lý. Trách nhiệm của đội ngũ cán bộ đảng viên được đề cao. Trên cơ sở hợp tác xã bảo đảm giống lúa có năng suất cao, nước tưới, điều hành sức cày kéo, thuốc bảo vệ thực vật. Đến kỳ thu hoạch, xã viên nộp sản phẩm cho hợp tác xã theo kế hoạch đã nhận khoán, số còn lại xã viên được hưởng. Chính vì

quyền lợi của người lao động được bảo đảm nên trong 2 năm đầu thực hiện “Khoán 100” (1981-1982) diện tích, năng suất và sản lượng lương thực của hợp tác xã tăng lên đến 30%. Lương thực bình quân đầu người năm 1982 đạt gần 15 kg/tháng và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Ngay trong năm, số hộ xin vào HTX tăng lên⁽¹⁾.

Cùng với khoán trong nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết số 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính”, Đảng ủy đã lãnh đạo đẩy mạnh việc chăn nuôi gia súc, gia cầm. Xã Văn Hán là địa bàn miền núi, nên hình thức chăn nuôi tự cung, tự cấp phát triển mạnh; gia đình nào cũng nuôi trâu cày, trâu kéo gỗ, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng... Năm 1983, xã Văn Hán có đàn trâu 1640 con (tăng 300 con so với năm 1982); đàn lợn 2.460 con (tăng 450 con so với năm 1982); đàn gia cầm có 12.300 con (tăng gần gấp đôi so với năm 1982)⁽²⁾. Hợp tác xã cũng thực hiện việc khoán chỉ tiêu cho từng gia đình. Khi đã hoàn thành chỉ tiêu giao khoán cho hộ; cứ mỗi kilôgam lợn hơi vượt tiêu chuẩn bán cho hợp tác xã, người nhận khoán được hợp tác xã bán cho số thóc theo quy định hàng năm. Cách làm trên đã tạo cho nhân dân phấn khởi tích cực chăn nuôi để có thực phẩm

⁽¹⁾ Năm 1983 có 19 hộ xin vào HTX, tài liệu ký hiệu DSC02747 lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

⁽²⁾ Tài liệu ký hiệu DSC 03370 lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

như thịt, trứng, cá bán cho Nhà nước thông qua hợp tác xã. Với cách làm này, người dân nhận khoán cũng như tập thể đều được hưởng lợi, mọi gia đình đều cố gắng chăn nuôi để góp phần tăng thu nhập, giải quyết khó khăn. Sản phẩm chăn nuôi đã góp phần đáng kể vào tỷ trọng thu nhập của mỗi nhà, nâng cao đời sống của nhân dân trong xã.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 73/BBT của Ban Bí thư Trung ương về việc phát Thẻ đảng viên, đến tháng 12 năm 1983 đã có 66 trên tổng số 84 đảng viên được phát Thẻ Đảng; ngày 16 tháng 1 năm 1984, Đảng ủy xét và đề nghị cấp trên tiếp tục phát Thẻ cho 10 đảng viên nữa. Mỗi lần phát Thẻ, Đảng ủy đều chỉ đạo kiểm điểm rà soát tư cách của từng đảng viên, có kết luận cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, những đồng chí được nhận Thẻ Đảng đều ý thức được vinh dự, niềm tự hào và trách nhiệm của mình trong việc phấn đấu xây dựng quê hương Văn Hán ngày càng tiến bộ.

Năm 1986, Đảng bộ xã Văn Hán có 99 đảng viên, trong đó đảng viên chính thức có 95 và 4 đảng viên dự bị. Đảng viên nam có 92 và 7 đảng viên nữ, 37 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Trong 2 ngày 19 và 20/3/1986, Đảng bộ xã Văn Hán tiến hành Đại hội khóa IV (nhiệm kỳ 1986-1988). Đại hội bàn nhiều về nội dung và phương pháp lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn thử thách hiện tại như sản xuất không phát triển, tình trạng các HTX

nông nghiệp tan vỡ chưa được khắc phục. “Việc khoán sản phẩm theo nhóm và người lao động theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Chỉ thị 20 của Tỉnh ủy Bắc Thái về sửa khoán ở các hợp tác xã nông nghiệp chưa làm được. Toàn xã mới có 2 HTX là Thịnh Đức và Ba Quả thực hiện được, các HTX khác vẫn còn nhiều vướng mắc”⁽¹⁾. Về biện pháp trước mắt tập trung lãnh đạo khôi phục HTX và động viên nhân dân tích cực sản xuất, từng bước ổn định đời sống. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí. Tại phiên họp Ban chấp hành ngày 20 tháng 3 và ngày 1 tháng 4 đã bầu đồng chí Lăng Chí Thơ làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Thanh Giao làm Phó Bí thư, đồng chí Trần Trung Đại làm Ủy viên Thường vụ; đồng chí Lý Văn Tựu, Đảng ủy viên được phân công làm Thường trực Đảng. Đảng ủy bầu Ban Kiểm tra gồm 3 đồng chí là Lý Văn Tựu làm Trưởng ban, các đồng chí Dương Văn Quyền và Trần Văn Thị làm Ủy viên⁽²⁾.

Từ những năm 1965 đến 1970 có 12 hộ quê ở các tỉnh Thái Bình, Hải Hưng (nay là Hải Dương và Hưng Yên) đến khai hoang tại xóm Phả Lý. Năm 1980, số bà con các vùng quê trên, đến xóm Phả Lý khai hoang tăng

⁽¹⁾ Báo cáo sau Đại hội IV của Đảng ủy xã Văn Hán ngày 25/7/1986 do Bí thư Lăng Chí Thơ ký. Tuy nhiên đã có sự trùng với kỳ đại hội lần thứ IV năm 1984.

⁽²⁾ Tại Nghị quyết số 54/NQ/ĐH, ngày 26/4/1986 và Nghị quyết số 69/NQ/ĐH ngày 23/5/1986 do đồng chí Nguyễn Sơn Oanh, Bí thư Huyện ủy Đồng Hỷ ký.

lên đến khoảng bốn chục hộ. Số đông đồng bào khai hoang sinh sống bằng các nghề như khai thác lâm sản, trồng chè, trồng mía.... Theo đề nghị của nhân dân, được sự đồng ý của UBND huyện, năm 1982 xã đã tách số hộ khai hoang ở xóm Phả Lý để thành lập một xóm mới lấy tên là Thái Hưng. Xóm Thái Hưng do ông Nguyễn Huy Cự làm Trưởng xóm đầu tiên. Tiếp theo đến năm 1986, UBND huyện chuẩn y tách xóm Thịnh Đức thành 2 xóm là Thịnh Đức và Đoàn Lâm. Như vậy, đến năm 1986, xã Văn Hán có 10 xóm là Làng Hỏa, Thái Hưng, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức, Đoàn Lâm, Ba Quả, Hòa Khê, La Đàn. Đảng bộ xã Văn Hán có 9 Chi bộ là Làng Hỏa, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức, Ba Quả, Hòa Khê, La Đàn và Giáo dục - Y tế.

Từ ngày 15 đến 18 tháng 12 năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội. Đây là kỳ Đại hội có dấu ấn lịch sử sâu sắc và đặc biệt quan trọng. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, coi đó là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán phấn khởi bước vào giai đoạn thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Trước mắt là tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1987-1989, kết quả đã bầu được 31 đại biểu.

Hội đồng Nhân dân bầu đồng chí Nguyễn Thanh Giao, Phó Bí thư Đảng ủy làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã.

Với những kết quả đạt được trong lãnh đạo thực hiện “Khoán 100” đã từng bước tạo ra cho Đảng bộ và nhân dân Văn Hán tháo gỡ những khó khăn trước mắt. Những kết quả đạt được cũng như những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện “Khoán 100” là bài học kinh nghiệm quý giá cho Đảng bộ bước vào thời kỳ mới - Thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đảng bộ xã Văn Hán quyết tâm lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ tiếp theo để đưa nhân dân thoát khỏi đói nghèo lạc hậu.

Chương VII

ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 2015)

1. Đảng bộ xã Văn Hán lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn thử thách những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1990)

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương “Đổi mới toàn diện đất nước, đưa nước ta thoát khỏi bị bao vây cấm vận của các thế lực thù địch”, đã tạo cho toàn Đảng, toàn dân một luồng sinh khí mới. Tuy nhiên trong những năm đầu của công cuộc đổi mới, tình hình mọi mặt vẫn còn rất nhiều khó khăn thử thách. Trong nước sản xuất chưa phát triển, vật tư hàng hóa khan hiếm, lạm phát tăng cao. Đời sống của nhân dân cả nước vẫn thiếu thốn, nhất là lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Trong nông nghiệp, sau 7 năm thực hiện, “Khoán 100” đã bộc lộ những bất cập. Lợi ích của người lao động không tương xứng với công sức bỏ ra; vì vậy, những xã viên trong hợp tác xã làm việc cầm chừng, sản phẩm làm ra không đủ đảm bảo đời sống tối thiểu, nhiều hộ xin ra HTX. Trong Đảng bộ và từng Chi bộ đã có sự đấu tranh giữa 2 luồng tư tưởng. Một là cứ chấp hành các văn bản, chỉ thị của Đảng nhưng

để nhân dân đói và khó khăn như hiện tại. Hai là chủ trương đường lối đổi mới đã có, nhưng các văn bản chỉ thị chưa đồng bộ nên cứ mạnh dạn xé rào, chịu trách nhiệm trước Đảng, tuy có vi phạm quy định hiện hành nhưng sẽ làm cho dân bớt được đói khổ. Ai cũng hiểu, các chủ trương, chính sách lúc này đã lỗi thời cần phải thay đổi, nhưng cũng có rất nhiều sự trăn trở, băn khoăn trước sự đúng, sai chưa rõ ràng. Chưa có sự chỉ đạo thống nhất của trên, nhưng trước những khó khăn về đời sống của nhân dân, nên ở Văn Hán, một số hợp tác xã chỉ còn tồn tại về hình thức; thực tế, nhân dân đã tự làm, tự thu hoạch...và chấp nhận việc làm không đúng với các quy định của Nhà nước. Những cán bộ đảng viên suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng, trăn trở, day dứt vì đang làm việc không đúng với chủ trương, chính sách hiện hành của Đảng. Nhưng trước những đòi hỏi cấp thiết cho bữa ăn hàng ngày của nhân dân, trong đó có cả bản thân và gia đình mình, nên buộc phải chấp nhận việc làm riêng lẻ, không đúng với những quy định đang được thực hiện. Những ngày này, mỗi cán bộ, đảng viên đều chung một suy nghĩ; làm thế nào và bằng cách gì để kinh tế địa phương phát triển, giảm khó khăn, khổ cực cho nhân dân?

Ngày 5 tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (gọi tắt là “Khoán 10”). Ngày 20 tháng 4 năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị

số 67/HĐBT, cụ thể hoá nội dung đề Nghị quyết này của Bộ Chính trị để sớm được thực hiện trong cuộc sống.

Đầu năm 1988, Đảng bộ xã có 104 đảng viên, sinh hoạt trong 9 chi bộ, có 27 đồng chí tuổi cao, sức yếu được miễn sinh hoạt. Kết quả phân loại cuối năm 1987 của Đảng bộ có: số vi phạm phải xử lý kỷ luật nhưng chưa đến mức phải khai trừ là 14 đồng chí; số vi phạm phải cân nhắc giữa kỷ luật và khai trừ là 3 người; số vi phạm không đủ tư cách đảng viên phải đưa ngay ra khỏi Đảng là 4 người; còn lại 56 đồng chí đủ tư cách. Trong 56 đồng chí đảng viên đủ tư cách có 14 đồng chí phát huy tốt vai trò trách nhiệm đảng viên. Về tập thể có 1 chi bộ khá (chiếm 11,11%); 3 chi bộ trung bình (chiếm 33,33%); 5 chi bộ yếu (chiếm 55,46%). Đảng bộ xếp loại yếu.

Phấn khởi, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, theo chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, trong 2 ngày 25 và 26 tháng 12 năm 1988, Đại hội toàn thể đảng viên Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ V (nhiệm kỳ 1988 -1990) được tiến hành tại trụ sở UBND xã với sự có mặt của 70 trên 99 đảng viên. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa V gồm 11 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm đồng chí Lăng Chí Thơ (Bí thư Đảng ủy) Nguyễn Thanh Giao (Phó Bí thư) và Lâm Thanh Dân (Ủy viên Thường vụ). Ủy Ban Kiểm tra Đảng ủy khóa V gồm 3 đồng chí là Dương Văn Quyền (Trưởng ban), Nguyễn Chí Tình (Thư ký), Trần Trung Đại (Ủy viên). Đại hội bầu

đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng Huyện Đồng Hỷ gồm 6 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.

Trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ đã được cấp trên chuẩn y thành lập thêm 2 chi bộ mới là Đoàn Lâm, Thái Hưng. Cụ thể, năm 1986, Huyện ủy Đồng Hỷ phê chuẩn đề nghị của Đảng ủy tách Chi bộ Thịnh Đức thành 2 chi bộ Thịnh Đức và Đoàn Lâm. Khi thành lập, Chi bộ Đoàn Lâm có 5 đảng viên do đồng chí Nguyễn Thanh Giao làm Bí thư. Ngày 29 tháng 6 năm 1987, Chi bộ xóm Phả Lý họp và đề nghị tách thành 2 chi bộ Phả Lý và Thái Hưng. Theo đề nghị của Đảng ủy xã, tháng 10 năm 1987, Huyện ủy Đồng Hỷ chuẩn y thành lập Chi bộ Phả Lý và Thái Hưng. Chi bộ Thái Hưng có 4 đảng viên chính thức là Nguyễn Thanh Nhân, Phạm Ngọc Thu, Phạm Văn Phòng, Nguyễn Trọng Vân, do đồng chí Nguyễn Thanh Nhân làm Bí thư. Chi bộ xóm Phả Lý mới có 8 đảng viên (5 chính thức, 3 dự bị) phân làm 2 tổ đảng, mỗi tổ 4 đảng viên; đồng chí Nguyễn Xuân Kiệm làm Tổ trưởng Tổ đảng 1; đồng chí Trần Ngọc Hợp làm Bí thư Chi bộ kiêm Tổ trưởng Tổ đảng 2.

Đại hội quyết nghị các chỉ tiêu thực hiện trong khóa V (nhiệm kỳ 1988 - 1991) gồm: Sản xuất lương thực dự thu 1.485,6 tấn/năm; trong đó lúa mùa có 1.217 mẫu, năng suất 1000kg/mẫu, sản lượng 1.217 tấn; lúa chiêm cấy 312 mẫu, năng suất 800 kg/mẫu, sản lượng 253,6 tấn; tra lúa đò (nuơng, rẫy) được 50 mẫu, năng suất 300 kg/mẫu, sản

lượng 15 tấn. Trồng 81 mẫu ngô, năng suất 300 kg/mẫu, sản lượng 24,3 tấn. Thu hoạch sản được 1.416,5 tấn củ tươi, quy ra thóc đạt 472,166 tấn (3 kg sản tươi tương đương 1 kg thóc). Sau khi hoàn thành đóng thuế, bán nghĩa vụ và để làm quỹ, làm giống; lương thực bình quân đầu người đạt 15 kg/tháng. Trồng lạc 30 ha, trồng mía 10 ha, trồng chè 30 ha, trồng khoai các loại 20 ha, trồng đỗ 30 ha. Trồng mới 100 ha rừng, hoàn thành phủ kín đất trống đồi trọc. Chăn nuôi đàn trâu 1.220 con, đàn lợn 3.222 con, đàn gia cầm 322.000 con. Đắp 1 đập nước tưới. Về văn hóa giáo dục phần đầu tỷ lệ học sinh lên lớp 80%. Tích cực chăm sóc sức khỏe nhân dân, khôi phục nghề thuốc gia truyền và cổ truyền; hạ tỷ lệ sinh còn 1,77%.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ V, Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo toàn diện, đạt và vượt các chỉ tiêu do Đại hội đề ra. Sản lượng lương thực đạt 1.900 tấn, trong đó mùa quy ra thóc đạt hơn 480 tấn; bình quân đạt 15 kg/người/tháng, hoàn thành chỉ tiêu lương thực do Nghị quyết Đại hội đề ra; chăn nuôi trên 1600 con trâu, đàn lợn, đàn gia cầm đều đạt kế hoạch...

Tháng 11/1989, xã Văn Hán tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân xã khóa XV (nhiệm kỳ 1990 - 1994); kết quả bầu đủ 27 đại biểu, gồm xóm Làng Hòa 3 đại biểu, Thái Hưng 2, Phả Lý 3, Cầu Mai 3, Văn Hán 3, Thịnh Đức 3, Ba Quả 3, Hòa Khê 3, La Đàn 3 và 1 đại biểu là giáo viên (sau đó đại biểu này chuyển trường sang xã Hóa

Thượng). Ngày 20 tháng 12 năm 1989 Hội đồng Nhân dân xã họp kỳ thứ nhất bầu các chức danh lãnh đạo; đồng chí Trần Ngọc Hợp được bầu làm Chủ tịch UBND xã; các đồng chí Hoàng Ngọc Sang và Lâm Thanh Dân được bầu làm Phó Chủ tịch UBND xã.

Thực hiện việc sắp xếp các cơ sở làm việc, ngày 17 tháng 10 năm 1990, tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân xã (khóa XV) quyết định chuyển Trạm y tế của xã (từ khu vực Ủy ban Nhân dân xã hiện nay) xuống khu vực Đội 4 Lâm trường Đồng Hỷ (là vị trí của trạm hiện nay tại xóm Phả Lý) và chuyển trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND sang vị trí trạm xá (chỗ làm việc hiện nay) và giao địa điểm làm việc của xã cho trường học (nay là trường THCS).

Ngày 22 và 23 tháng 3 năm 1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Văn Hán khóa VI (vòng 1). Tới dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Nguyễn Văn Khiêm, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện gồm 5 đồng chí là Trần Văn Vinh, Lãng Chí Thơ, Trần Ngọc Hợp, Nguyễn Văn Chính, Đàm Văn Giang.

2. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm, từng bước cải thiện đời sống nhân dân (1991 - 1995)

Từ ngày 24 đến 27 tháng 6 năm 1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 1991-1995 là: “Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định, phát

triển và nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Để thực hiện mục tiêu trên, cần phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh Ba chương trình kinh tế⁽¹⁾ với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hóa”.

Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, trong 2 ngày 19 và 20 tháng 12 năm 1991, Đảng bộ xã Văn Hán tổ chức Đại hội lần thứ VI (vòng 2) với sự có mặt của 68 trên tổng số 109 đảng viên. Đại hội Đảng bộ xã diễn ra trong bối cảnh sự nghiệp đổi mới của Đảng đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng khó khăn thử thách còn rất nặng nề, do chính sách bao vây cấm vận của các thế lực thù địch; lạm phát tăng cao, hàng hóa khan hiếm. Ở địa phương sản xuất kém phát triển do giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đều thiếu. Đại hội đánh giá trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 1988-1991, Đảng bộ đã có nhiều cố gắng lãnh đạo nhân dân tích cực tăng diện tích sản xuất, chủ động chăm sóc nhằm tăng năng suất lúa; tăng diện tích trồng màu như ngô, khoai, sắn để hạn chế khó khăn về lương thực. Tuy nhiên, lúc này trong xã vẫn còn 39 hộ gồm 213 khẩu thiếu đói cần được đặc biệt quan

⁽¹⁾ Ba Chương trình kinh tế do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra là: Sản xuất lương thực, thực phẩm; Sản xuất hàng tiêu dùng và Sản xuất hàng xuất khẩu.

tâm; Đảng ủy, UBND xã đề nghị cấp trên cứu tế và huy động các nguồn lực của địa phương để giúp bà con vượt qua khó khăn lúc giáp hạt.

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng mà cụ thể là “Khoán 10” của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã đi đúng vào tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tạo nên một luồng sinh khí mới, động lực mới để Đảng bộ và nhân dân xã Văn Hán nhanh chóng tháo gỡ khó khăn vướng mắc, vững tin thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới mà Đảng đề ra.

Đại hội bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành khóa VI. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm đồng chí Lăng Chí Thor làm Bí thư, đồng chí Trần Ngọc Hợp làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Chính làm Ủy viên Thường vụ; bầu Ban Kiểm tra gồm các đồng chí Nguyễn Văn Chính (Trưởng ban) và các Ủy viên là Trần Trung Đại và Lương Quang Xuyên.

Ngày 6 tháng 12 năm 1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VI) quyết định thành lập Hội Cựu Chiến binh Việt Nam. Theo chỉ đạo của Huyện ủy và Hội Cựu Chiến binh Đồng Hỷ, ngày 22 tháng 7 năm 1991, Đảng ủy xã quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh. Đảng ủy chỉ định Ban Chấp hành lâm thời gồm 3 đồng chí; đồng chí Trần Quang Trọng làm Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Minh Lĩnh làm Phó Chủ

tịch và đồng chí Lương Văn Kim làm ủy viên để vận động tập hợp Cựu Chiến binh (CCB) vào hội. Ngày 19 tháng 8 năm 1992, Hội Cựu Chiến binh xã Văn Hán tổ chức Đại hội lần thứ nhất với sự có mặt của 29 hội viên ở 10 xóm. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 5 đồng chí. Đồng chí Trần Quang Trọng làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Thanh Giao làm Phó Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Chí Tình làm Thư ký hội, các đồng chí Trần Văn Thị và Lâm Văn Vân làm Ủy viên Ban chấp hành.

Những năm đầu thập kỷ 1990, xã Văn Hán nhận được chương trình trồng rừng (gọi tắt là PAM) được nhân dân hưởng ứng vì mang lại lợi ích thiết thực cho địa phương. Tháng 6/1990, chương trình trồng rừng PAM được triển khai tại Làng Hòa có 23 hộ tham gia và trồng được 28,45 ha. Từ gần 30 ha rừng trồng ban đầu, đến những năm sau có thêm các chương trình trồng rừng khác đã góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc ở xã Văn Hán. Tỷ lệ che phủ của rừng trồng không ngừng tăng đã hạn chế được rất nhiều sự xói mòn của đất. Rừng trồng mang lại môi trường trong lành ở địa phương và nguồn lợi lớn cho nhân dân trong xã về giải quyết việc làm và cho thu nhập kinh tế. Mặt khác những hộ nông dân nghèo có nhu cầu sản xuất nhưng thiếu phương tiện và vốn được cấp ủy, chính quyền phối hợp với Ban quản lý dự án và Ngân hàng phục vụ người nghèo hỗ trợ lương thực và cho vay vốn sản xuất. Sự vào cuộc kịp thời của các cấp các

ngành đã tạo cho nhân dân Văn Hán có đà phát triển kinh tế, thu nhập của các gia đình ngày một tăng lên.

Trên đà phục hồi kinh tế của địa phương ngày một khởi sắc, trong 2 ngày 4 và 5 tháng 5 năm 1994, Đại hội Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ VII (nhiệm kỳ 1994-1996). Đại hội bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành, đồng chí Lăng Chí Thơ tiếp tục được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Chính làm Phó Bí thư, đồng chí Lương Quang Xuyên là Ủy viên Thường vụ - Thường trực Đảng.

3. Lãnh đạo nhiệm vụ 10 năm đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996 - 2005)

Từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 1 tháng 7 năm 1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết đánh giá, kiểm điểm 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đề ra chủ trương biện pháp nhằm kế thừa phát huy những thành tựu ưu điểm đã đạt được và nhận định Việt Nam đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nhân mạnh nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Lãnh đạo Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Văn Hán bước đầu thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện

đại hóa nông nghiệp nông thôn theo nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII là Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa VIII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) do Đại hội bầu ngày 21 tháng 1 năm 1996 gồm các đồng chí Lăng Chí Thơ, Bí thư Đảng ủy; Nguyễn Văn Chính, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân; Lương Quang Xuyên, Ủy viên Thường vụ - Thường trực Đảng và các Ủy viên Ban Chấp hành là Nguyễn Tiến Thu, Bùi Văn Tuất, Lâm Văn Vần, Vi Ngọc Thi, Hoàng Kim Đình, Nguyễn Thanh Giao, Đàm Văn Giang và Lâm Thanh Vạn.

Tháng 4 năm 1998, đồng chí Lăng Chí Thơ từ trần đột ngột, đồng chí Nguyễn Văn Chính được cử làm Quyền Bí thư, đến tháng 8/1998, Đảng ủy bầu đồng chí Đàm Văn Giang làm Bí thư Đảng ủy. Cuối năm 1999, đồng chí Đàm Văn Giang xin nghỉ công tác để đi chữa bệnh. Tháng 2/2000 Đảng ủy bầu đồng chí Nguyễn Văn Chính làm Bí thư, đồng chí Vi Ngọc Thi làm Phó Bí thư và được Hội đồng Nhân dân bầu làm Chủ tịch UBND xã.

Ngày 25 tháng 3 năm 1998, UBND xã có tờ trình đề nghị cấp trên cho chia nhỏ một số xóm để thuận tiện cho công tác quản lý và sản xuất. Ngày 9 tháng 12 năm 1998, đồng chí Nguyễn Viết Tại, Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ ký Quyết định số 289/QĐ-UB phê duyệt cho xã Văn Hán tách 2 xóm để thành 4 xóm mới để tạo điều kiện cho quản lý và phát triển kinh tế, thời gian hoàn thành trước

ngày 30 tháng 12 năm 1998. Cụ thể, tách xóm Phả Lý thành 2 xóm Phả Lý và Vân Hòa; tách xóm Ba Quà thành 2 xóm Ba Quà và La Cùm⁽¹⁾.

Lãnh đạo phát triển kinh tế: Thực hiện chủ trương hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; xã đã tuyên truyền đưa được 70% diện tích cây giống lúa mới cho năng suất cao vào sản xuất trên đồng đất Văn Hán. Diện tích cây lúa có 560 ha, trong đó vụ chiêm xuân có 150 ha, hàng năm đều cấy hết diện tích; riêng vụ chiêm xuân năm 1999-2000 cấy được 200 ha (vượt 50 ha); năng suất bình quân năm 2000 đạt 40 tạ/ha (tăng 21% so với đầu nhiệm kỳ). Tổng thu lương thực năm 2000 đạt 2.439,5 tấn, tăng 271,7 tấn. Năm 1996 toàn xã trồng được 336,73 ha rừng, đến năm 2000 có 760 ha, tăng 423,27 ha. Đàn trâu có 1.900 con, đàn bò có 40 con và đàn lợn 4.500 con. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 đạt 1.217.000 đồng.

Năm 1998, xã quyết định mở rộng tuyến đường xóm Thịnh Đức 1, Thịnh Đức 2. Do nguồn kinh phí hạn hẹp nên Đảng ủy, Ủy ban tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân đóng góp ngày công, các hộ 2 bên đường hiến đất và được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Tuyến đường hoàn thành, đem lại sự thuận tiện, dễ dàng trong việc đi lại của nhân dân và góp phần và phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã tranh thủ sự giúp đỡ của

⁽¹⁾ Tài liệu mang ký hiệu DSC02998 tại Văn phòng Đảng ủy xã

cấp trên, huy động các nguồn lực và đổi ứng của nhân dân, đến năm 1999 đã đưa điện lưới quốc gia về đến một số xóm trong xã và tiếp tục kéo dây, lắp trạm để tăng dần tỷ lệ hộ được dùng điện. Đến năm 2002, điện lưới Quốc gia đã cơ bản phủ kín các xóm trong xã. Điện lưới Quốc gia đã thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của xã (đặc biệt là đối với sản xuất chè) đã làm cho diện mạo nông thôn xã Văn Hán khởi sắc.

Thực hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, công tác đền ơn đáp nghĩa luôn được Đảng bộ quan tâm và thực hiện chu đáo. Hàng năm, các ngày lễ như 27 tháng 7, ngày Tết cổ truyền Đảng bộ đều tổ chức kỷ niệm, gặp mặt, thăm hỏi, tặng quà các gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh... Công tác chi trả chế độ cho các đối tượng chính sách luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tiếp tục thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, được sự hỗ trợ kinh phí của huyện, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã vận động nhân dân ủng hộ kinh phí để xây Đài tưởng niệm liệt sỹ của xã. Ngày 4 tháng 5 năm 1999, xã ký kết hợp đồng, tổ chức xây dựng và công trình Đài tưởng niệm liệt sỹ được khánh thành đúng dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Ngày 28 tháng 11 năm 1997, Đại hội Mặt trận Tổ quốc xã Văn Hán được tiến hành tại trụ sở Ủy ban Nhân dân xã. Đại hội bầu Ban Chấp hành UBMTTQ xã gồm 19 người, gồm: Lường Quang Hạnh (Bí thư Đoàn xã),

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

Nguyễn Thị Hoan (Phụ nữ xã), Nguyễn Thanh Giao (Hội CCB), Hoàng Ngọc Sang (Hội Nông dân), Bùi Văn Tuất (Xã đội trưởng), Lý Ngọc Hiệp (Thịnh Đức 1), Dương Ngọc Nam (Ba Quả), Luân Văn Lộc (La Đàn), Đoàn Văn Nhất (Hòa Khê), Đỗ Quyền (Hòa Khê 2), Hoàng Văn Nôm (La Đùm), Lê Đình Nghi (Thái Hưng), Lương Quang Xuyên (Thường trực Đảng), Trần Quang Trọng, Nguyễn Đức Hùng (Áp Chè), Nông Thị Lý (Làng Cỏ), Nguyễn Hoàng Phương (Làng Hỏa), Lưu Minh Ba (Thịnh Đức 2). Ban Chấp hành bầu ông Trần Quang Trọng làm Chủ tịch UBMTTQ xã, ông Lý Ngọc Hiệp làm Phó Chủ tịch, ông Nguyễn Đức Hùng làm Thư ký. Đảng bộ luôn xây dựng cho Đảng viên tham gia các đoàn thể có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, kiên quyết đấu tranh với các âm mưu thủ đoạn chia rẽ Đảng với nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Kết quả về lãnh đạo công tác giáo dục trong nhiệm kỳ 1996 - 2000: Từ năm học 1977 - 1978, trường Phổ thông cơ sở xã Văn Hán đảm nhiệm dạy học từ lớp 1 đến lớp 9. Ngày 05 tháng 9 năm 1997, Giám đốc sở Giáo dục - Đào tạo Thái Nguyên ban hành Quyết định số 758/TCCB, tách trường Phổ thông cơ sở xã Văn Hán thành 3 trường là: Trường Tiểu học số 1 (TH số 1), Trường Tiểu học số 2 (TH số 2) và Trường Trung học cơ sở (THCS). Ngày 14

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

tháng 2 năm 1998, tại xã đã tiến hành làm lễ tách trường PTCS thành 3 trường theo quyết định của Sở. Trường TH số 1 do cô giáo Ma Thị Hoa làm hiệu trưởng, có trụ sở chính tại xóm Cầu Mai, phụ trách các điểm trường Văn Hán, Thịnh Đức và Phả Lý - Văn Hòa. Trường TH số 2 do cô giáo Trần Thị Thu Oanh làm Hiệu trưởng, trụ sở chính tại xóm Làng Hỏa có các điểm trường ở xóm Hòa Khê 1, Hòa Khê 2, Ba Quả, La Đàn. Trường THCS vị trí đặt tại trung tâm xã do thầy giáo Hoàng Kim Đỉnh làm Hiệu trưởng. Về sinh hoạt đảng của đảng viên các nhà trường vẫn thuộc Chi bộ Giáo dục - Y tế.

Đầu năm 1997, Đảng bộ có 11 Chi bộ là Làng Hỏa, Thái Hưng, Phả Lý, Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức, Đoàn Lâm, Ba Quả, Hòa Khê, La Đàn, Giáo dục - Y tế. Ngày 22 tháng 3 năm 1997, Đảng ủy ra Quyết định số 06-NQ/ĐU do Bí thư Lăng Chí Thơ ký tách Chi bộ Thịnh Đức thành 2 Chi bộ là Thịnh Đức 1 và Thịnh Đức 2. Chi bộ xóm Thịnh Đức 1 gồm 11 đảng viên, có 1 đảng viên dự bị. Chi bộ Thịnh Đức 2 có 11 đảng viên chính thức. Tháng 8 năm 1997, Đảng ủy Quyết định tách Chi bộ Cầu Mai thành 2 Chi bộ là Chi bộ xóm Cầu Mai và Chi bộ xóm La Đùm. Tiếp đó, tháng 4/1998, Đảng ủy tiếp tục tách Chi bộ Làng Hỏa thành 2 Chi bộ là Chi bộ xóm Làng Hỏa và Chi bộ xóm Làng Cả. Tháng 5/1998, Đảng ủy tách Chi bộ Giáo dục-Y tế thành 2 Chi bộ là Chi bộ Giáo dục có 6 đảng viên và Chi bộ Y tế có 3 đảng viên.

Năm 1999, Đảng ủy tiếp tục tách Chi bộ Ba Quả thành 2 Chi bộ là Chi bộ xóm Ba Quả và Chi bộ xóm La Cùm. Chi bộ xóm Ba Quả gồm có 5 đảng viên và Chi bộ xóm La Cùm có 10 đảng viên⁽¹⁾. Đồng thời Đảng ủy cũng tách Chi bộ Phả Lý để thành lập 2 Chi bộ là Chi bộ xóm Phả Lý và Chi bộ xóm Vân Hòa. Chi bộ xóm Phả Lý có 8 đảng viên; Chi bộ xóm Vân Hòa có 6 đảng viên⁽²⁾.

Như vậy, đến ngày 15 tháng 12 năm 1999, Đảng bộ Văn Hán có 17 Chi bộ trực thuộc là Làng Hỏa, Làng Cỏ, Thái Hưng, Phả Lý, Cầu Mai, La Đùm, Văn Hán, Thịnh Đức 1, Thịnh Đức 2, Đoàn Lâm, Vân Hòa, Ba Quả, La Cùm, Hòa Khê, La Đàn, Giáo dục và Y tế.

Kết quả bình xét đảng viên hàng năm trong nhiệm kỳ đạt như sau:

Năm 1996, Đảng bộ có 133 đảng viên, 129 đồng chí dự bình xét, đảng viên đạt mức 1 là 95 đồng chí (chiếm 73,64%), mức 2 có 32 đồng chí (chiếm 33,68%), mức 3 có 2 đồng chí và không có mức 4. Đảng bộ có 13 Chi bộ, qua phân loại có 3 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 10 Chi bộ đạt khá.

Năm 1997, Đảng bộ có 138 đảng viên, 128 đồng chí tham gia bình xét, 97 đảng viên đạt mức 1 (chiếm

⁽¹⁾ Tại Quyết định số 02-ĐU/VH, ngày 27 tháng 2 năm 1999 do Bí thư Đàm Văn Giang ký.

⁽²⁾ Tại Quyết định số 03-ĐU/VH, ngày 27 tháng 2 năm 1999 do Bí thư Đàm Văn Giang ký.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

75,78%), mức 2 là 31 (chiếm 31,95%); không có đảng viên mức 3 và 4. Đảng bộ có 13 chi bộ, phân loại có 2 chi bộ đạt TSVM, 10 chi bộ đạt khá, 1 chi bộ yếu.

Năm 1998, Đảng bộ có 144 đảng viên, 130 đồng chí dự bình xét; kết quả đạt mức 1 có 108 đồng chí (chiếm 83,07%), mức 2 có 21 đồng chí (chiếm 16,15%) và mức 3 có 1 đồng chí. Đảng bộ có 15 chi bộ; phân loại có 4 chi bộ đạt TSVM, 11 chi bộ đạt khá.

Năm 1999, Đảng bộ có 152 đảng viên, 144 đồng chí dự bình xét; đạt mức 1 có 116 đồng chí (chiếm 80,55%), mức 2 có 28 đồng chí (chiếm 19,14%) và mức 3 có 1 đồng chí. Đảng bộ có 17 Chi bộ; phân loại có 1 chi bộ đạt TSVM, 10 chi bộ khá, 6 chi bộ yếu.

6 tháng đầu năm 2000, Đảng bộ có 155 đảng viên, 148 đồng chí dự phân loại; mức 1 có 122 đồng chí (82,4%), mức 2 có 25 đồng chí (16,89%) và mức 3 có 1 đồng chí. Đảng bộ có 17 chi bộ; phân loại có 1 chi bộ đạt TSVM, 10 chi bộ khá, 6 chi bộ yếu.

Tuy nhiên, trong Đảng bộ vẫn còn những đảng viên thiếu ý thức kỷ luật, tư lợi cá nhân, gây mất đoàn kết, vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. Vì vậy, trong nhiệm kỳ, Đảng bộ có 2 đảng viên bị khai trừ, 5 đảng viên bị xóa tên và cảnh cáo 3 đảng viên⁽¹⁾.

Trong nhiệm kỳ, công tác lãnh đạo của Đảng bộ còn những hạn chế yếu kém. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn

⁽¹⁾ Tài liệu ký hiệu DSC02800 lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”⁽²⁾ còn chưa đạt yêu cầu, tỷ lệ đạt “Gia đình văn hóa” và xóm đạt “Làng văn hóa” thấp. Đến năm 1999, trong xã còn 121 hộ đói nghèo, trong đó có 60 hộ đói được Quân khu I hỗ trợ mỗi hộ 15 kg gạo.

Từ ngày 25 tháng 1 đến 2 tháng 2 năm 1999, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã họp Hội nghị lần thứ VI, thảo luận và ra Nghị quyết về “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay” - gọi tắt là Nghị quyết Trung ương VI (lần 2). Một trong các nội dung của Nghị quyết là “Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2/9/1969 - 2/9/1999) và kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng (3/2/1930 - 3/2/2000). Cuộc vận động tiến hành từ ngày 19/5/1999 đến ngày 19/5/2001, sau đó trở thành nề nếp thường xuyên xây dựng và chỉnh đồn Đảng thực hiện Di chúc của Bác Hồ, nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng”.

Căn cứ vào chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Hỷ, Đảng ủy xã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung

⁽²⁾ Quyết định của Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa IV) lấy tên là: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư” sau này đổi thành “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

ương VI (lần 2) do đồng chí Nguyễn Văn Chính, Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Cuộc vận động trong Đảng bộ, tổ chức thực hiện nghiêm túc. Đảng ủy triển khai đợt sinh hoạt phê bình và tự phê bình sâu rộng trong toàn Đảng bộ, nhằm giúp đỡ nhau khắc phục các khuyết điểm yếu kém, kịp thời đưa đảng viên về vị trí, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 19 và 20 tháng 9 năm 2000, Đại hội Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ IX, (nhiệm kỳ 2000 - 2005) với sự có mặt của 98/99 đại biểu được triệu tập. Đại hội đã kiểm điểm đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh-quốc phòng; kiểm điểm đánh giá bước đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương VI (lần 2) và xây dựng Đảng bộ 5 năm cuối cùng của thế kỷ XX. Với phương châm thẳng thắn, trung thực, khách quan đánh giá đúng tình hình thực tế của địa phương, Đại hội nghiêm túc thảo luận nêu bật được những thành tựu cũng như những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện của nhiệm kỳ VIII (1996 - 2000).

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa IX gồm 13 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Chính được bầu làm Bí thư, đồng chí Vi Ngọc Thi làm Phó Bí thư và đồng chí Lương Quang Xuyên làm Ủy viên Thường vụ, Thường trực Đảng.

Công tác văn hóa, giáo dục từng bước được quan tâm đúng mức, được sự đầu tư của trên, năm 2003 xã xây

dựng hoàn thành nhà mái bằng gồm 4 phòng học của Trường Tiểu học số 1 tại xóm Cầu Mai. Công tác thông tin tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước được Đảng ủy, Chính quyền thường xuyên quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Được sự đầu tư của Ủy ban nhân dân huyện cùng với sự đối ứng của nhân dân 50%, trong 4 năm từ 2000 đến 2003 xã đã hoàn thành lắp đặt ở mỗi xóm 1 cụm loa truyền thanh để kịp thời đưa thông tin đến với nhân dân.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2002, toàn xã Văn Hán có 1.783 hộ, 8.958 khẩu ở 17 xóm bao gồm 4.430 khẩu nam và 4.528 khẩu nữ. Trong đó làm nông nghiệp có 1.714 hộ, 8654 khẩu, chiếm 96,64% số khẩu toàn xã; số hộ phi nông nghiệp có 69 hộ, 304 khẩu, chiếm 3,36% số khẩu toàn xã. Cụ thể ở từng xóm có như sau: Xóm Ấp Chè có 82 hộ, 396 khẩu (trong đó có 01 hộ, 03 khẩu phi nông nghiệp). Xóm Làng Hỏa có 128 hộ, 651 khẩu (trong đó có 42 hộ, 186 khẩu phi nông nghiệp). Xóm Làng Cả có 79 hộ, 389 khẩu (trong đó có 4 hộ, 23 khẩu phi nông nghiệp). Xóm Thái Hưng có 67 hộ, 300 khẩu. Xóm Phả Lý có 102 hộ, 477 khẩu. Xóm Cầu Mai 135 hộ, 717 khẩu. Xóm La Đùm có 212 hộ, 670 khẩu. Xóm Văn Hán 151 hộ, 864 khẩu. Xóm Đoàn Lâm có 60 hộ, 273 khẩu. Xóm Thịnh Đức 1 có 85 hộ, 476 khẩu. Xóm Thịnh Đức 2 có 81 hộ, 415 khẩu. Xóm Văn Hòa có 128 hộ, 576 khẩu (trong

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

đó có 22 hộ, 91 khẩu phi nông nghiệp). Xóm Ba Quả có 60 hộ, 286 khẩu. Xóm La Cùm có 69 hộ, 340 khẩu. Xóm Hòa Khê 1 có 185 hộ, 848 khẩu. Xóm Hòa Khê 2 có 126 hộ, 608 khẩu. Xóm La Đàn 123 hộ, 667 khẩu.

Toàn xã có 8 thành phần dân tộc anh em cùng chung sống: Dân tộc Kinh có 1.009 hộ, 4.922 khẩu, chiếm 54,94% dân số toàn xã. Dân tộc Nùng có 649 hộ, 3.397 khẩu, chiếm 37,92%. Dân tộc Sán Chay có 106 hộ, 327 khẩu, chiếm 3,65% (trong đó chi Cao Lan có 85 hộ, 423 khẩu và chi Sán Chí có 21 hộ, 104 khẩu). Dân tộc Dao có 10 hộ, 31 khẩu. Dân tộc Tày có 9 hộ, 44 khẩu. Dân tộc Sán Diu có 1 hộ và 36 khẩu (tính cả những người dân tộc Sán Diu là dâu, rể ở trong các hộ dân tộc khác). Dân tộc Thái có 1 hộ, 3 khẩu. Dân tộc Khơ Me có 1 hộ, 5 khẩu.

Ngày 9 tháng 5 năm 2002, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về thăm nhân dân, cán bộ xã Văn Hán; đồng chí Tổng Bí thư đã đến thăm một số gia đình nông dân làm kinh tế giỏi tại xóm Thái Hưng. Phần khởi trước sự thăm hỏi, động viên của lãnh đạo Đảng, nhân dân Văn Hán tích cực lao động sản xuất ra nhiều của cải vật chất, góp phần xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Năm 2002, tổ chức phi chính phủ Plan bắt đầu triển khai chương trình hợp tác với xã; mục tiêu của chương trình là “Phát triển cộng đồng học tập cho trẻ em”.

Chương trình đã hỗ trợ rất lớn cho xã về công tác giáo dục và y tế và mang lại hiệu quả rất thiết thực⁽¹⁾.

Ngày 4 tháng 4 năm 2003, Đảng ủy ra Quyết định số 12-QĐ/ĐU do Bí thư Nguyễn Văn Chính ký, tách Chi bộ làng Hỏa thành 2 Chi bộ là Chi bộ xóm Làng Hỏa và Chi bộ xóm Ấp Chè⁽²⁾. Chi bộ xóm Làng Hỏa có 16 đảng viên; Chi bộ xóm Ấp Chè có 3 đảng viên do đồng chí Nguyễn Quốc Khoản làm Bí thư. Đảng ủy cũng tách Chi bộ Giáo dục thành 3 Chi bộ là: Chi bộ Trường THCS, Chi bộ Trường Tiểu học số 1 và Chi bộ Trường Tiểu học số 2.

Đến ngày 10 tháng 8 năm 2004, xã Văn Hán có 17 xóm, 20 Chi bộ, bao gồm 3 Chi bộ nhà trường, 1 Chi bộ Y tế và 16 Chi bộ nông thôn (riêng Chi bộ Hòa Khê lãnh đạo cả 2 xóm Hòa Khê 1 và Hòa Khê 2)

Trong 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ IX (nhiệm kỳ 2000 - 2005), Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Văn Hán tập trung vào thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế kinh tế trong sản xuất nông - lâm nghiệp và đã đạt được những kết quả tốt.

Đã chuyển đổi những khu ruộng bắp bênh sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao. Toàn xã đã trồng được 1,26 ha chanh. Chuyển đổi 2,85 ha sang trồng vải, đưa tổng

⁽¹⁾ Dự án Plan kéo dài đến năm 2012.

⁽²⁾ Tài liệu ký hiệu DSC03033 lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Văn Hán.

diện tích trồng vải toàn xã lên 260 ha, năm 2004 thu ước đạt 1000 tấn. Chuyển đổi sang đất trồng chè được 1,92 ha, đưa tổng diện tích chè năm 2004 lên 335 ha, sản lượng ước đạt 1960 tấn. Ngoài ra còn chuyển đổi 1,85 ha trồng cỏ phục vụ chăn nuôi và 0,75 ha trồng các loại cây khác.

Trong lâm nghiệp đã chủ động chuyển đổi rừng PAM kém hiệu quả sang trồng những loại cây có giá trị kinh tế cao. Trồng cây theo chương trình 661 của Lâm trường được 50 ha, nhân dân tự trồng được 51,7 ha.

Đã đưa cơ giới vào phục vụ nhiệm vụ sản xuất, chế biến và vận chuyển nông sản. Toàn xã có 115 máy cày, 7 máy tuốt liên hoàn, 970 máy vỏ chè và sao chè, 2 xe vận tải, 17 xe công nông. Trong nhân dân đã có 12 hộ phát triển hình thức chăn nuôi, trồng trọt theo mô hình kinh tế trang trại, cho thu nhập kinh tế cao. Toàn xã thành lập được 5 hợp tác xã ngành nghề, trong đó có 4 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và 1 hợp tác xã điện năng, đảm bảo cho 98% dân số trong xã được sử dụng điện sinh hoạt.

Năm 2004, xã đã làm được 150 mét đường bê tông tại xóm Làng Cả (là đoạn đường bê tông đầu tiên của xã), duy tu sửa chữa được 40 km đường xóm. Xây dựng kiên cố kênh mương Đồng Chảo (xóm Văn Hán) dài 1.200 mét. Xây dựng được 3 nhà lớp học mầm non tại xóm La Đàn, Cầu Mai, Phả Lý. Xây nhà văn hoá các xóm Làng Hỏa, Thái Hưng, Thịnh Đức 1, Đoàn Lâm, Hòa Khê 1, La Đàn.

Tháng 5/2004, Đảng ủy lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân xã nhiệm kỳ (2004 - 2009)⁽¹⁾ thành công tốt đẹp. Hội đồng Nhân dân đã bầu đồng chí Vi Ngọc Thi và đồng chí Nguyễn Ngọc Soi làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND. Hội đồng nhân dân đã bầu Ủy ban nhân dân xã gồm 7 đồng chí, đồng chí Nguyễn Xuân Hiền được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Lãnh đạo phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, xây dựng quê hương Văn Hán ngày càng giàu đẹp văn minh (2005 - 2015)

Ngày 24 tháng 8 năm 2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010) được tổ chức tại hội trường Ủy ban Nhân dân xã. Đại hội bầu BCH gồm 13 đồng chí. Ban Chấp hành bầu đồng chí Vi Ngọc Thi làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Xuân Hiền làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Ngọc Soi làm Ủy viên ban Thường vụ - Thường trực Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ X, trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, sản xuất lương thực hàng năm đều đạt từ 102 đến 108,5% kế hoạch; trồng mới chè đạt từ 103 đến 154% kế hoạch về diện tích, sản lượng chè búp tươi đạt 103 đến 105%; trồng rừng đạt từ 212,5 đến 229% kế hoạch năm. Duy tu, sửa chữa từng năm trong nhiệm kỳ cộng lại được 167,95 km đường xã và

⁽¹⁾ Năm 2009, Quốc Hội quyết định kéo dài nhiệm kỳ Quốc Hội và HĐND đến năm 2011.

các xóm (trong đó có cả đường Khe Mo - Đèo Nhâu); cấp phối 12 km đường liên xóm và đổ bê tông đường xóm La Dùm dài 800 mét. Xây dựng 888 mét kênh mương (gồm mương xóm Đoàn Lâm 388 mét và mương xóm Thịnh Đức 1 dài 450 mét) và xây 1 đập nước tại xóm La Cùm. Xây dựng nhà 2 tầng của trường Tiểu học số 2 gồm 8 phòng học ở Làng Hòa và 2 phòng học ở phân trường La Cùm. Hoàn thành và đưa vào sử dụng điểm trường Vân Hòa gồm 5 phòng học cùng nhà vệ sinh và hàng rào. Xây dựng 2 lớp học mầm non ở xóm Thịnh Đức 1 và Hòa Khê 2; hoàn thành xây dựng lớp học mầm non tại điểm trường xóm Văn Hán. Xây dựng 10 nhà ở cho hộ đồng bào nghèo đặc biệt khó khăn theo Quyết định 143 của Thủ tướng Chính phủ và hoàn thành 3 nhà tình nghĩa cho thân nhân liệt sỹ; hoàn thành đổ bê tông sân Đài tưởng niệm liệt sỹ. Năm 2005, hoàn thành xây dựng công trình trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã 2 tầng với 17 phòng làm việc và 1 phòng họp; tháng 5/2005 cơ quan xã đã chuyển đến làm việc tại trụ sở mới. Năm 2006, xã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà Trạm Y tế, đến năm 2007, được công nhận “Xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế”. Xây dựng 3 nhà văn hóa các xóm Làng Hòa, Thịnh Đức 2, La Đàn. Phối hợp với Ngân hàng CSXH giải ngân cho nhân dân vay vốn được hơn 4 tỷ đồng.

Ngày 26 tháng 12 năm 2006, Bộ Chính trị ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ

thị số 06-CT/TW, phát động trong toàn Đảng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện kế hoạch số 16 KH/HU, ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Huyện ủy Đồng Hỷ; ngày 27 tháng 5 năm 2007, Đảng ủy xã Văn Hán ra Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” do đồng chí Vi Ngọc Thi, Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban. Từ đây, mọi hoạt động của Đảng bộ đều gắn liền với các mục tiêu của cuộc vận động lớn này.

Đảng ủy nghiêm túc tổ chức quán triệt Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về “Nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ”; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 7 tháng 12 năm 2006 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở xã, thị trấn”. Từ đó tạo chuyển biến nhận thức của cán bộ, đảng viên ở Chi bộ, đảng bộ. Trong nhiệm kỳ phát triển đảng viên đạt 102% kế hoạch. Trao tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 7 đồng chí; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 10 đồng chí; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng cho 1 đồng chí và Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng cho 1 đồng chí. Truy tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 4 đồng chí.

Trong 2 ngày 10 và 11 tháng 5 năm 2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Văn Hán lần thứ XI (nhiệm kỳ 2010 - 2015) diễn ra tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã

với sự có mặt của 122/126 đại biểu được triệu tập, thay mặt cho 233 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 15 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Vi Ngọc Thi được tiếp tục bầu làm Bí thư Đảng ủy. Đồng chí Nguyễn Xuân Hiền làm Phó Bí thư và đồng chí Lương Văn Hoan làm Ủy viên Thường vụ, Thường trực Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

Ngay sau Đại hội, Đảng ủy tập trung lãnh đạo thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2010 - 2015 trên tất cả các mặt công tác. Kết quả đạt được là:

Các mục tiêu đề ra trên các mặt kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng-an ninh đều đạt và vượt chỉ tiêu. Thu nhập bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2010 (đạt 17 triệu đồng/ người). Giá trị thu nhập trên 1 ha trồng lúa đạt 60 triệu đồng/năm. Đất đồi trồng chè đạt 100 triệu đồng/năm. Đất ruộng chuyển đổi sang trồng chè đạt 120 triệu đồng/năm. Đất đồi rừng đạt 10 triệu đồng/ha/năm. Tổng thu nhập trong sản xuất nông - lâm nghiệp bình quân hàng năm đạt 140,95 tỷ đồng, chiếm 84,06% tổng giá trị thu nhập của nhân dân trong xã. Do tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp nên sản phẩm thu nhập ngày càng tăng; sản lượng lương thực đã đạt 7.737,8 tấn, bình quân lương thực đạt 764,4 kg/người.

Xác định cây chè là thế mạnh của địa phương nên đã tập trung lãnh đạo chuyển đổi giống cây trồng, áp dụng

các tiến bộ khoa học để tăng số lượng và chất lượng của sản phẩm chè. Thực hiện sản xuất chè sạch theo tiêu chuẩn Viet GAP. Trong nhiệm kỳ đã trồng mới được 272 ha, đạt 777,1% kế hoạch. Diện tích chè kinh doanh đạt 700 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 8.400 tấn, thu nhập 80 tỷ đồng. Sáu xóm là Thái Hưng, Phả Lý, Văn Hán, Thịnh Đức 1, Đoàn Lâm và Hòa Khê 1 được UBND tỉnh Thái Nguyên công nhận là “Làng nghề chè truyền thống”⁽¹⁾.

Trong công tác chăn nuôi, đàn lợn, đàn gia cầm đều tăng từ 132 đến 148%. Hàng năm thu nhập của nhân dân từ chăn nuôi đạt 14,35 tỷ đồng

Diện tích rừng trồng mới 1522 ha, so với kế hoạch 500 ha, đạt 304,4% kế hoạch. Trong số này, Nhà nước hỗ trợ 1.266 ha, nhân dân tự trồng 256 ha. Nâng tổng diện tích rừng lên 3.273,4 ha, đạt tỷ lệ che phủ 52%. Đã khai thác 820 ha, thu hoạch được 67.240 m³ gỗ rừng trồng (đạt trung bình 82 m³/ha). Thu nhập bình quân từ rừng trồng hàng năm đạt 8 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XI (nhiệm kỳ 2010 - 2015) “Xây dựng xã Văn Hán sớm đạt các tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới”, Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã xác định đây là một nhiệm vụ rất lớn của Đảng, Chính phủ tập trung vào 3 vấn

⁽¹⁾ Đợt 1 công nhận danh hiệu “Làng nghề chè truyền thống” cho 3 xóm Thái Hưng, Đoàn Lâm, Hòa Khê 1 đến năm 2015 công nhận tiếp 3 xóm Phả Lý, Văn Hán, Thịnh Đức 1 là “Làng nghề chè truyền thống”.

đề “Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn”. Chủ trương của Đảng là “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường”⁽¹⁾. Đảng ủy, Chính quyền, các ngành đoàn thể cùng vào cuộc tuyên truyền cho nhân dân về 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Năm 2012, Đảng ủy và Ủy ban Nhân dân xã đã hoàn thành việc khảo sát, quy hoạch xây dựng nông thôn cấp xã. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới xã Văn Hán, giai đoạn đến 2015 đồng bộ, toàn diện theo 19 tiêu chí do Trung ương đề ra. Trong 5 năm (2010 - 2015) toàn xã đã làm được 28 km đường nhựa, 10 km đường bê tông, 8 km đường cấp phối theo xóm và liên xóm; đưa tổng số chiều dài đường bê tông của toàn xã đến tháng 4 năm 2015 là 14,75 km và 8 km đường cấp phối; giải quyết cơ bản đường bê tông, đường nhựa đến trung tâm xã và trung tâm các xóm. Có được những kết quả trên, Đảng bộ, Chính quyền, các đoàn thể đã cùng vào cuộc vận động các hộ nhân dân trên toàn bộ các tuyến hiến đất làm

⁽¹⁾ Trích Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn”.

đường và được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Toàn xã có 931 hộ tự nguyện hiến 164.500 m² đất với số tiền ước đạt trên 10 tỷ đồng. Có nhiều gia đình đã hiến cả ngàn mét vuông đất để làm đường. Năm 2014, xã xây dựng hoàn chỉnh chợ theo tiêu chí chợ nông thôn mới, nâng diện tích khuôn viên từ 2.700 m² lên 5.900 m² với tổng giá trị 3,5 tỷ đồng; chợ sắp xếp được 123 quầy hàng, có 100 hộ kinh doanh thường xuyên. Chợ xã Văn Hán họp theo phiên vào các ngày âm lịch có số cuối là 2, 4, 7, 9 hàng tháng. Sau khi hoàn thành các tuyến đường và chợ đi vào hoạt động sẽ là động lực to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đặc biệt là từ sau khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9 năm 1940), nhân dân các dân tộc các xã tiền thân của Văn Hán luôn có cán bộ Việt Minh về xã xây dựng cơ sở, hình thành đường dây từ khu căn cứ đến Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung ương. Thời kỳ này, kẻ thù ra sức lùng sục, khủng bố, đàn áp bắt bớ hòng tách dân ra khỏi Đảng, nhưng nhân dân các dân tộc xã Văn Hán vẫn một lòng một dạ nuôi dưỡng, giúp đỡ, chở che cho cán bộ; góp phần giữ vững đường dây liên lạc luôn thông suốt với Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung ương Đảng. Đặc biệt, đã góp phần bảo đảm tuyệt đối an toàn cho chuyển di chuyển chỗ làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua xã tháng 10 năm 1947. Ghi nhận những công lao đóng góp của nhân dân các dân tộc xã Văn Hán, ngày 12 tháng 8 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số

1379/QĐ - TTg, công nhận Văn Hán là xã An toàn khu (ATK) và phê duyệt đề án định hướng đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng căn cứ cách mạng tỉnh Thái Nguyên.

Cùng với việc được Chính phủ công nhận là xã ATK, trong những năm kháng chiến chống Pháp các đình Văn Hán và đình Làng Đầu (Thịnh Đức) là các cơ sở tín ngưỡng có từ lâu đời, đã được các Vua triều Nguyễn công nhận bằng các đạo sắc phong. Theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân xã và nhân dân, được sự thẩm định của các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ký Quyết định số 596/QĐ - UBND, ngày 28/3/2012 và Quyết định số 1574/QĐ - UBND, ngày 21/7/2014 xếp hạng Di tích cấp tỉnh đối với đình Văn Hán và đình Thịnh Đức. Địa phương đã thành lập Ban quản lý di tích để quản lý và điều hành các hoạt động của đình theo đúng Luật Di sản văn hóa.

Trong nhiệm kỳ, đã hoàn thành đưa vào sử dụng 2 công trình nhà lớp học 2 tầng với tổng số 20 phòng học của trường THCS; 2 phòng học cùng cổng và tường rào của trường Mầm non; 2 phòng học, nhà vệ sinh của điểm La Đàn thuộc trường Tiểu học số 2 và nhà lớp học của điểm trường Hòa Khê 2 với tổng giá trị 6,25 tỷ đồng, nhân dân đối ứng 0,3 tỷ đồng. Xây dựng 1 nhà văn hóa xóm giá trị 208 triệu đồng. Sau nhiều năm kiên trì xây dựng cơ sở vật chất cùng với phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” trong các nhà trường; trong 3 năm liên tiếp 3 trường được

công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (năm 2011 trường là Tiểu học số 1 đạt chuẩn, năm 2012 trường THCS đạt chuẩn và năm 2013 trường Tiểu học số 2 đạt chuẩn). Năm 2015 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi và giữ vững phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

Nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ văn hóa xã hội được Đảng bộ chú trọng thường xuyên. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” từ 2011 đến 2015 đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Toàn xã có 2.564 hộ, qua bình xét, số hộ đạt gia đình văn hóa năm 2011 là 1.980 hộ (đạt 77,22%), năm 2012 có 1.810 hộ (đạt 70,59%), năm 2013 có 1.871 hộ đạt gia đình văn hóa (đạt 72,97%), năm 2014 có 2.060 hộ đạt gia đình văn hóa (đạt 80,34%). Toàn xã có 17 xóm, qua bình xét năm 2011 có 7 xóm đạt Làng Văn hóa là Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hưng, Đoàn Lâm, Vân Hòa, Ba Quả. Năm 2012 có 9 xóm đạt danh hiệu Làng Văn hóa là Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hưng, Thịnh Đức 1, Đoàn Lâm, Vân Hòa, Ba Quả, Hòa Khê 1. Năm 2013 có 10 xóm đạt danh hiệu Làng Văn hóa là Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hưng, Cầu Mai, Văn Hán, Thịnh Đức 1, Phả Lý, La Cùm, Ba Quả. Năm 2014 có 8 xóm Đạt danh hiệu Làng Văn hóa là Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hưng, Phả Lý, Thịnh Đức 2, Vân Hòa, La Cùm. Có 4 xóm Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hưng liên tục 4 năm liền đạt danh hiệu Làng Văn hóa và xóm Ba Quả đạt

3 năm liền; 5 xóm Ấp Chè, Làng Hỏa, Làng Cả, Thái Hung và Ba Quả được Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ cấp bằng công nhận đạt danh hiệu Làng Văn hóa.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ vẫn giữ ổn định tổng số 23 chi bộ, bao gồm 17 chi bộ ở 17 xóm⁽¹⁾, 1 Chi bộ cơ quan xã, 1 Chi bộ trạm y tế và 4 chi bộ nhà trường. Bình xét hàng năm đạt như sau:

Năm 2010: Đảng bộ có 233 đảng viên, miễn sinh hoạt 21, dự phân loại 197, có 14 đồng chí đạt xuất sắc, 177 đồng chí đạt mức 2, mức 3 có 6 đồng chí. 15 chi bộ đạt TSVN, 8 chi bộ đạt khá.

Năm 2011: Đảng bộ có 244 đảng viên, miễn sinh hoạt 23, dự phân loại 197, trong đó có 20 đồng chí đạt xuất sắc, 173 đồng chí đạt mức 2, mức 3 có 19 đồng chí. 18 chi bộ đạt TSVN, 5 chi bộ đạt khá.

Năm 2012: Đảng bộ lãnh đạo tổ chức đợt sinh hoạt thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 6 tháng 1 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay”, thường gọi là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI). Có 100% đảng viên đang sinh hoạt trong Đảng bộ được học tập quán triệt các nội dung Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI). Thông qua học tập, quán triệt, mỗi cán bộ, đảng viên nghiêm túc kiểm điểm theo tiêu chuẩn người đảng viên vận dụng vào

⁽¹⁾ Năm 2010 đã tách Chi bộ Hòa Khê thành 2 chi bộ Hòa Khê 1 và Hòa Khê 2.

trong công tác, lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ. Đảng bộ có 249 đảng viên, miễn sinh hoạt 24, có 219 đồng chí dự phân loại cuối năm, trong đó có 19 đồng chí đạt xuất sắc, 198 đồng chí đạt mức 2, mức 3 có 2 đồng chí. 19 chi bộ đạt TSVN, 4 chi bộ đạt khá.

Năm 2013: Đảng bộ có 276 đảng viên, miễn sinh hoạt 31, dự phân loại 223, trong đó có 29 đồng chí đạt xuất sắc, 187 đồng chí đạt mức 2, mức 3 có 7 đồng chí. 20 chi bộ đạt TSVN, 3 chi bộ đạt khá.

Năm 2014: Đảng bộ có 283 đảng viên, miễn sinh hoạt 26, dự phân loại 239, trong đó có 32 đồng chí đạt xuất sắc, 200 đồng chí đạt mức 2, mức 3 có 7 đồng chí. 12 chi bộ đạt TSVN, 11 chi bộ đạt khá.

Trong 5 năm Đảng bộ kết nạp được 74 đảng viên, đạt 148% kế hoạch. Đáng chú ý là tỷ lệ kết nạp đảng viên nữ năm sau tăng hơn năm trước, đặc biệt là năm cuối nhiệm kỳ có 47% số đảng viên mới được kết nạp là nữ. Các đoàn thể chính trị-xã hội cũng tiến bộ đồng đều; tỷ lệ thu hút hội viên, đoàn viên năm sau cao hơn năm trước; hàng năm đều được xếp loại A.

Với những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ, xã Văn Hán được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng Khen và Bằng Khen của Bộ Giao thông - Vận tải; Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng cờ “Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010”; “Đơn vị thi đua xuất sắc trong phong trào xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông năm 2011”; “Đơn vị

dẫn đầu phong trào xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông năm 2012”. Đảng bộ 5 năm liền (2010-2014) được Huyện ủy Đồng Hỷ công nhận là “Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu”. Được Tỉnh ủy Thái Nguyên tặng cờ Đảng bộ trong sạch vững mạnh 5 năm 2010 - 2014.

Trong 2 ngày 7 và 8 tháng 5 năm 2015, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Văn Hán khóa XII (nhiệm kỳ 2015-2020) khai mạc tại trụ sở UBND xã. Đại hội bầu 15 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ. Ban Chấp hành bầu đồng chí Nguyễn Xuân Hiền làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Lương Văn Hoan làm Phó Bí thư, Thường trực Đảng, Trưởng Ban Kiểm tra; đồng chí Vi Ngọc Thi làm Phó Bí thư.

Đại hội ra Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 với mục tiêu tổng quát là “Tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất tập trung có hiệu quả kinh tế cao, bền vững. Xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội; đảm bảo Quốc phòng - An ninh. Giữ vững và phát huy khối đại đoàn kết các dân tộc. Nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân. Xây dựng xã Văn Hán có kinh tế phát triển nhanh, bền vững”. Đại hội thông qua các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020 là:

Tỷ lệ cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp đạt 65% - 25% - 10%.

Sản lượng lương thực có hạt đạt 5.750 tấn (trong đó ngô đạt 810 tấn, thóc đạt 4.940 tấn), chiếm tỷ trọng 10% giá trị thu nhập, bình quân đạt 500 kg/người/năm. Giá trị trên 1 ha đất ruộng đạt trung bình 70 triệu đồng/năm.

Trồng mới 200 ha chè đưa diện tích chè kinh doanh lên 958 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 11.496 tấn; 50% diện tích được áp dụng kỹ thuật sản xuất chè sạch theo tiêu chuẩn Viet GAP. Giá trị thu hoạch trên 1 ha trồng chè đạt 200 triệu đồng/năm. Thu nhập từ sản xuất chè chiếm 40% giá trị thu nhập của nhân dân.

Trồng mới 1.200 ha và khai thác 1.200 ha rừng. Độ che phủ rừng đạt 52%. Giá trị trên 1 ha đất rừng trồng đạt 15 triệu đồng/năm. Thu nhập từ rừng chiếm 5% tỷ trọng thu nhập.

Phấn đấu có 2 trang trại và 30 gia trại trở lên. Thu nhập từ chăn nuôi gia súc gia cầm chiếm 10% thu nhập, gồm đàn lợn 17.000 con, sản lượng 850 tấn; gia cầm 161.000 con, sản lượng 161 tấn; đàn trâu 500 con; đàn bò 50 con.

Thu nhập từ dịch vụ chiếm 25% thu nhập. Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và các hoạt động khác chiếm 10% thu nhập.

Thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước 18%.

Cứng hóa 28 km đường liên xã và 9,15 km đường liên xóm, đưa tỷ lệ cứng hóa đường liên xóm, liên xã đạt 100%. Xã đạt chuẩn giao thông theo tiêu chí nông thôn

mới. Xây dựng tại trung tâm xã: trường Mầm non, nhà hội trường cơ quan xã, khu thể thao, nhà làm việc của bộ phận nhận và trả kết quả của UBND xã. Nâng cấp nhà văn hóa các xóm theo tiêu chí nông thôn mới. Xây dựng điểm thu gom rác thải. Tiếp thu dự án xây dựng hồ Văn Hán và các dự án khác.

Giữ vững phổ cập giáo dục các bậc học đã có; từng bước phổ cập Trung học phổ thông; 100% số trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó 50% số trường đạt chuẩn mức độ 2. Xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế theo tiêu chí mới; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 10%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 95%; tỷ lệ hộ dùng nước sạch đạt 98%.

Đào tạo nghề cho 180 đến 200 lượt người/năm. Giảm nghèo 2,5%/năm. Giảm người nghiện 3%/năm; 10 xóm không có người nghiện. 85% số hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa, 70% số xóm đạt Làng văn hóa và 100% cơ quan đạt Cơ quan văn hóa.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Hàng năm hoàn thành 100% các chỉ tiêu nhiệm vụ quân sự quốc phòng được giao.

Hàng năm có 50% số chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 80% trở lên, trong đó có 15% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phát triển đảng viên mới 4%. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thu hút đoàn viên, hội viên đạt tối thiểu 80%. Bình xét hàng năm có 100% tổ chức đạt loại A.

Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Ngày 2 tháng 7 năm 2015, Hội đồng nhân dân xã Văn Hán khóa XIX tiến hành kỳ họp thứ 10 để kiện toàn các chức danh lãnh đạo Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân. Hội đồng Nhân dân đã miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐND đối với đồng chí Vi Ngọc Thi và chức vụ Chủ tịch UBND đối với đồng chí Nguyễn Xuân Hiền và bầu đồng chí Nguyễn Xuân Hiền giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Nhân dân; đồng chí Vi Ngọc Thi giữ chức Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã.

Với những kết quả lãnh đạo đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, cuối năm 2015, Đảng bộ xã Văn Hán được Tỉnh ủy Thái Nguyên tặng cờ “Đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc 5 năm 2010 – 2014”

Phân khởi tin tưởng vào nghị quyết của Đảng, và những thành tích đã đạt được trong những năm vừa qua; Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán vững tin cùng nhân dân cả nước quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, thực hiện thành công mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trước mắt Đảng bộ và nhân dân trong xã phấn đấu đưa xã sớm đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

KẾT LUẬN

Chi bộ đại xã Long Khê thành lập ngày 26 tháng 9 năm 1948 lãnh đạo mọi mặt công tác của cả 2 xã Khe Mo và Văn Hán ngày nay. Từ ngày 7 tháng 12 năm 1953, đại xã được tách thành 2 xã Khe Mo và Đoàn Kết. Chi bộ xã Đoàn Kết độc lập hoạt động đến nay đã 62 năm. Trong 62 năm, cơ sở Đảng xã Đoàn Kết (tức Văn Hán ngày nay) đã có 16 kỳ Đại hội Chi bộ và 13 kỳ Đại hội Đảng bộ⁽¹⁾. Từ 3 đảng viên ban đầu được kết nạp năm 1948 hình thành 1 tổ đảng Vân Hòa trong Chi bộ đại xã, đến nay Đảng bộ xã Văn Hán có 283 đảng viên sinh hoạt tại 23 chi bộ, bao gồm 17 chi bộ xóm, 4 chi bộ nhà trường, Chi bộ Trạm Y tế và Chi bộ Cơ quan xã. Trong mọi thời gian và hoàn cảnh, dù thuận lợi hay khó khăn, cán bộ, đảng viên Đảng bộ xã Văn Hán luôn trung thành với Tổ quốc, son sắt với nhân dân; kiên cường, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, tất cả vì một cuộc sống tốt đẹp của nhân dân.

Từ năm 1945 đến hết chiến tranh Biên giới phía Bắc (năm 1988) có gần 400 thanh niên xã Văn Hán lên đường tham gia quân đội góp phần giải phóng dân tộc, chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Có 55 người con ưu tú của nhân dân các dân tộc xã Văn Hán

⁽¹⁾ Do có sự trùng nhau ghi 2 lần Đại hội lần thứ IV, nên Đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020 ghi là Đại hội XII.

đã anh dũng hy sinh trên các chiến trường. Nhiều đồng chí là thương binh, bệnh binh, là nạn nhân chất độc da cam mang thương tật suốt đời. Nhiều gia đình có 2 đến 3 thế hệ lần lượt lên đường chiến đấu giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều thanh niên dùng máu mình viết đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ, với nguyện vọng tha thiết được ra mặt trận chiến đấu, đấu biết rằng có thể phải hy sinh tính mạng của mình.

Thời kỳ hoạt động cách mạng bí mật và kháng chiến chống Pháp, nhân dân xã Văn Hán không quản khó khăn khổ và nguy hiểm đã chở che, cứu mang giúp đỡ cán bộ cách mạng. Hầu hết các gia đình đều ủng hộ, giúp đỡ cán bộ cách mạng, có gia đình xay giã hàng tấn thóc để ủng hộ, nuôi Cứu quốc quân, nuôi bộ đội bất chấp sự khủng bố tàn quét của địch. Nhiều đồng chí không quản gian nguy làm giao thông liên lạc dẫn đường cho cán bộ Việt Minh đi lại an toàn. Trong thời kỳ hoạt động bí mật và trong kháng chiến chống Pháp, ở 3 xã (nay là Văn Hán) có hàng chục người bị địch bắt, tù đầy, nhưng không có ai khai báo làm hại cách mạng⁽²⁾, 15 người tham gia quân đội đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Văn Hán là một trong những địa phương đầu tiên của huyện Đồng Hỷ xây dựng được cơ sở cách mạng và thành lập chính quyền nhân dân. Khi quân Pháp tràn vào xã, nhân dân và Hội Phụ nữ xã đã già

⁽²⁾ Tài liệu lưu tại gia đình đồng chí Trần Văn Thị, nguyên BTCTB, Chủ tịch UBHC, UBND xã.

hàng trăm cân (kilôgam) bánh dày làm lương thực cho bộ đội. Nhân dân các dân tộc xã Văn Hán còn giúp đỡ các đơn vị quân đội, đoàn an dưỡng, các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước đã sơ tán về địa phương. Cùng với các nhiệm vụ tại chỗ, nhân dân các dân tộc xã Văn Hán còn có hàng chục người đi thanh niên xung phong, hàng trăm lượt người đi dân công phục vụ các chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Bắc, Thượng Lào và các đợt đi dân công theo yêu cầu nhiệm vụ của cuộc kháng chiến ở trong tỉnh và tỉnh bạn. Với những đóng góp to lớn cho cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán được Đảng và Nhà nước công nhận là xã An toàn khu (ATK)

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Chi bộ và nhân dân xã Văn Hán kiên định mục tiêu đường lối của Đảng, vừa sản xuất vừa chiến đấu và chi viện cho chiến trường với phương châm *“Lương thực, thực phẩm là then chốt”*, nên nhân dân Văn Hán quyết tâm *“Bám ruộng, bám đồng, diệt sâu, diệt hạn, cấy đúng thời vụ”*, *“Chia máu, chia lửa, chia cửa chia nhà, chia lương thực, thực phẩm cho miền Nam để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*⁽¹⁾ và để thực hiện khẩu hiệu *“Thóc không thiếu 1 cân, quân không thiếu 1 người”*. Tuy còn vất vả vật lộn với khó khăn, lúc thăng lúc trầm, nhưng Đảng bộ đã hoàn thành

⁽¹⁾ Nghị quyết số 21/NQ/ĐH ngày 21/6/1971 của BCH Đảng bộ huyện Đồng Hỷ.

nhiệm vụ được nhân dân giao phó. Với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt”, nhân dân Văn Hán đã đóng góp cho Nhà nước mỗi năm trung bình 90 tấn lương thực; 10 tấn thịt và nhiều hàng hóa nông sản thực phẩm khác. Trong kháng chiến chống Mỹ, Văn Hán có 141 thanh niên vào bộ đội chủ lực, chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường, 46 người đã anh dũng hy sinh, nhiều người là thương binh, bệnh binh và nạn nhân chất độc da cam/điôxin.

Thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975, xã Văn Hán lại cử 226 thanh niên nhập ngũ và nhiều người tham gia xây dựng tuyến phòng thủ. Trong chiến đấu ở tuyến đầu biên giới và làm nhiệm vụ quốc tế, 5 đồng chí anh dũng hy sinh và nhiều đồng chí là thương binh công hiến một phần xương máu cho Tổ quốc.

Với những thành tích xuất sắc trong kháng chiến, và xây dựng chủ nghĩa xã hội Đảng bộ, Chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán được Đảng, Nhà nước tặng thưởng cho tập thể và cá nhân, gồm 3 gia đình có công với nước, 1 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, 22 Huân, Huy chương Kháng chiến chống Pháp; 308 Huân, Huy chương Kháng chiến chống Mỹ và nhiều Huân, Huy chương cao quý khác cùng nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thưởng thi đua của các cấp, các ngành.

Từ khi có đường lối đổi mới, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Văn Hán tuân thủ nghiêm túc đường lối của

Đảng, trăm trở tìm tòi hướng đi lên để xây dựng quê hương ngày càng phát triển tiến tới mục tiêu giàu có. Trong những năm vừa qua đời sống của nhân dân xã Văn Hán đã được nâng lên đáng kể, xã không còn hộ đói, hộ nghèo giảm, số hộ khá và giàu tăng. Kinh tế phát triển, an ninh trật tự xã hội được bảo đảm. Nhân dân Văn Hán đang hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, tiện nghi hơn và đầy đủ sang trọng hơn. Bộ mặt làng quê nơi núi rừng Văn Hán xưa, nay đang từng ngày thay đổi theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Những thay đổi trên quê hương Văn Hán mấy chục năm qua, gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là tổ chức cơ sở đảng địa phương, từ Long Khê, Khe Mo đến Văn Hán. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Đảng bộ và Chính quyền xã đã có những quyết sách phù hợp và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Bên cạnh đó, Đảng bộ luôn linh hoạt, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của các cấp các ngành; huy động được tiềm năng, sự sáng tạo của nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ của từng thời kỳ.

Trải qua thực tiễn lãnh đạo, Đảng bộ xã Văn Hán rút ra được những bài học quý giá để thời gian tới tổ chức thực hiện tốt hơn.

Một là: Những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân xã Văn Hán giành được trong những năm qua gắn liền với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt

Nam mà trực tiếp của Huyện ủy Đồng Hỷ. Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Văn Hán luôn nghiên cứu kỹ lưỡng, quán triệt sâu sắc các nhiệm vụ, vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương một cách nghiêm túc, sáng tạo. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ trước mắt với nhiệm vụ lâu dài; giữa nhiệm vụ đột xuất với nhiệm vụ thường xuyên. Quan tâm đầu tư và kiên quyết thực hiện thành công các nhiệm vụ phát sinh ở những giai đoạn có tính chất bản lề, nhạy cảm.

Hai là: Thường xuyên xây dựng, giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, trong nhân dân trên cơ sở đấu tranh phê bình và tự phê bình; để cùng tập trung cho nhiệm vụ lao động, học tập và công tác vì mục tiêu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Ba là: Phải thường xuyên nắm chắc tình hình của địa phương và diễn biến công việc để kịp thời có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, giải quyết nhanh nhạy các vấn đề nảy sinh. Coi trọng những sáng tạo, cải tiến có giá trị thực tiễn. Trong mọi hoàn cảnh, mọi sự đổi mới sáng tạo đều phải luôn giữ vững mục tiêu “Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội” và “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Bốn là: Phải luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng một cách thường xuyên liên tục, để Đảng thực sự là tổ chức tiên phong, là hạt nhân lãnh đạo ở địa phương. Xây dựng Chính quyền vững mạnh, đủ khả năng điều hành

thực hiện thắng lợi nhiệm vụ; các đoàn thể quần chúng vững mạnh tương xứng.

Năm là: Văn Hán là xã vùng sâu, vùng xa, xuất phát điểm trên mọi lĩnh vực đều có phần thấp hơn các địa phương khác. Vì vậy, cần chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ từ việc tạo nguồn, bồi dưỡng giáo dục nâng cao năng lực trình độ cũng như phẩm chất đạo đức. Giao nhiệm vụ cho cán bộ để thử thách, qua đó phát hiện nhân tố mới theo phương châm tích cực, chủ động, linh hoạt; đề cao được tinh thần trách nhiệm của cán bộ đảng viên gắn với đấu tranh phê bình góp phần phát hiện sàng lọc lựa chọn cán bộ. Quy hoạch tĩnh gắn với quy hoạch mở để phát huy vai trò sáng tạo, phấn đấu vươn lên của cán bộ, tránh được tình trạng ỷ lại chờ quy hoạch hoặc làm thui chột động cơ phấn đấu của người chưa được vào quy hoạch.

Sáu là: Không ngừng nâng cao dân trí, thường xuyên phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, tạo sự tin tưởng vững chắc của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm từ trong những sáng tạo của nhân dân thành những chủ trương sâu rộng của Đảng để nhân rộng điển hình trong địa phương.

Có được những thành quả ngày nay, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Văn Hán ghi công công lao to lớn của các thế hệ cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể quần chúng không quản ngại khó khăn gian khổ

từ những ngày còn hoạt động bí mật; những người không tiếc mồ hôi và cả xương máu để góp phần xây dựng nên một xã ATK Văn Hán có diện mạo tốt đẹp hôm nay.

Ghi nhận tôn vinh và biết ơn các liệt sỹ, gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, bộ đội, công an, thanh niên xung phong, dân quân du kích... đã đóng góp công sức, mồ hôi, xương máu xây dựng nên trang sử hào hùng của quê hương.

Ghi nhận công lao thành tích của các thế hệ cán bộ đảng viên đã một lòng một dạ vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng trên quê hương, phấn đấu không mệt mỏi, lo toan trách nhiệm, đứng ngoài mọi cám dỗ, xứng đáng là những người con ưu tú của quê hương An toàn khu cách mạng.

Năm tháng qua đi, thời gian sẽ đưa ngày hôm nay vào lịch sử, nhưng lịch sử vẻ vang của Đảng bộ xã Văn Hán sẽ mãi là nét son sáng ngời, tạc vào thời gian, in sâu trong tâm khảm của mỗi người. Tất cả là nguồn động viên, cổ vũ, niềm tự hào, là những bài học cho thế hệ kế tiếp, tiếp tục sự nghiệp vẻ vang của lớp cha anh để lại. Quyết tâm xây dựng xã Văn Hán ngày càng tươi đẹp trong lòng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN

Phụ lục 1: Danh sách Liệt sỹ

T T	Họ và tên	Xóm	Năm sinh	Nhập ngũ	Hy sinh	Ghi chú
1	Lý Văn Thông	Thịnh Đức 1	1919		1945	
2	Nông Văn Thân	Vân Hán	1913		1947	
3	Hứa Văn San	Thịnh Đức 2	1939		1951	
4	Hoàng Văn Tịch	Thịnh Đức 1	1931		1953	
5	Hoàng Văn An	La Đùm	1947	1965	1968	
6	Hoàng Văn Tiên	La Đùm	1948		1968	
7	Triệu Văn Đồng	Thịnh Đức 2	1946		1968	
8	Hoàng Văn Thuần	Đoàn Lâm	1948		1968	
9	Nguyễn Đình Văn	Phả Lý	1948		1968	
10	Lưu Văn Hồ	Cầu Mai	1948		1968	
11	Đặng Đình Bích	Cầu Mai	1950	1969	1969	
12	Nguyễn Bá Tới	Vân Hán	1950		1969	
13	Chu Hùng Long	Hòa Khê 1	1948		1969	
14	Đỗ Thịnh Anh	Đoàn Lâm	1942		1968	
15	Nguyễn Đức Hợi	Vân Hòa	1947		1969	
16	Vũ Hữu Hùng	La Đùm	1949		1970	

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

17	Nguyễn Hữu Phước	Làng Hòa	1944		1970	
18	Vi Đông Triều	La Đùm	1945	1968	1970	
19	Mông Văn Noọng	Hòa Khê 2	1947		1970	
20	Lưu Văn Khang	Cầu Mai	1939		1970	
21	Mông Văn Côn	Làng Hòa	1939	1968	1970	
22	Vi Văn Ken	Thịnh Đức 2	1947		1970	
23	Nguyễn Văn Giảng	Vân Hòa	1948		1970	
24	Nguyễn Hữu Đước	Vân Hòa	1942		1970	
25	Nguyễn Văn Phú	Làng Cả	1950		1970	
26	Đàm Văn Làn	Thịnh Đức 2	1950		1970	
27	Nguyễn Văn Luận	Hòa Khê 1	1943	1966	1970	
28	Lý Văn Năng	La Cùm			1970	
29	La Văn Thông	Áp Chè	1935		1970	
30	Trịnh Hồng Thú	Áp Chè	1948		1971	
31	Hầu Văn Đức	Làng Cả	1950		1971	
32	Đoàn Văn Khê	Đoàn Lâm	1949		1971	
33	Nguyễn Văn Bạ	Thịnh Đức 1	1942		1971	
34	Chu Văn Độ	Hòa Khê 1	1940		1971	
35	Nông Văn Thư	Văn Hán	1947		1971	
36	Đặng Đình Sáng	Cầu Mai	1946	1968	1972	
37	Phạm Xuân Thanh	Làng Hòa	1940		1972	
38	Phạm Văn Tuấn	Đoàn Lâm	1952		1972	
39	Lý Văn Lượng	Thịnh Đức 1	1952		1972	
40	Nguyễn Trung Cộng	Hòa Khê 1	1950		1972	

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

41	Hoàng Văn Bảo	Vân Hòa	1936		1972	
42	Đặng Bá Miện	Cầu Mai	1951		1972	
43	Nguyễn Xuân Hải	Cầu Mai	1949		1972	
44	Nông Văn Dương	Vân Hán	1952		1972	
45	Trần Văn Thái	La Đùm			1973	
46	Phạm Đức Tổ	Đoàn Lâm	1954		1973	
47	Bùi Văn Súc	Hòa Khê 1	1949		1973	
48	Hoàng Văn Hách	Phả Lý	1950		1973	
49	Nguyễn Văn Bình	Hòa Khê 1	1948		1974	
50	Chu Văn Ký	La Đùm	1950		1975	
51	Nguyễn Quang Đạo	Hòa Khê 2	1960		1978	
52	Dương Văn Chiến	Áp Chè	1958		1979	
53	Đoàn Anh Lục	Đoàn Lâm	1958		1979	
54	Đỗ Hữu Nghi	Hòa Khê 2			1988	
55	Đặng Văn Cường	Vân Hòa	1970		1991	

Phụ lục 2: Gia đình được tặng Bằng vàng danh dự

T T	Người được tặng bằng vàng danh dự			Có thân nhân nhập ngũ	
	Họ và tên (ông, bà)	Xóm	Số, ngày Quyết định	Họ và tên	Nhập ngũ
1	Ông Đặng Đình Hoán và bà Trần Thị Luân	Cầu Mai	229CP 3/12/1971	Đặng Đình Sáng (LS) Đặng Đình Bích (LS) Đặng Đình Hình	6/1968 2/1969 9/1970

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)**Phụ lục 3: Cán bộ Tiền khởi nghĩa**

T T	Họ và tên	Năm sinh	Thuộc xóm	Ghi chú
1	Mông Quốc Hoa	1912	Làng Cà	
2	Trần Văn Thị	1915	Làng Cà	
3	Nông Tiến Thắng	1913	Vân Hán	
4	Đàm Ngọc Văn	1920	Hòa Khê 2	
5	Dương Văn Quyền	1928	La Cùm	

Phụ lục 4: Bà mẹ Việt Nam anh hùng

T T	Họ và tên	Năm sinh	Thuộc xóm	Ghi chú
1	Trần Thị Luân	1915	Cầu Mai	

Phụ lục 5: Gia đình có công với nước

TT	Họ và tên	Bí danh	Thuộc xóm
1	Mông Quốc Hoa	Mông Văn Tiên	Phả Lý
2	Trần Văn Thị	Trần Hữu Đạt	Làng Hòa
3	Vi Văn Tình		La Đùm

Phụ lục 5: Danh sách Bí thư Chi bộ xã, Bí thư Đảng ủy

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Đỗ Chi Phương	9/1948 - 1/1949	BTCB xã Long Khê
2	Hoàng Hữu Thông	1/1949 - 1951	BTCB xã Long Khê

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

3	Đào Quốc Nhã	1951 - 1952	BTCB xã Long Khê
4	Lường Quang Chiêu	8/1952 - 1953	BTCB xã Long Khê
5	Bùi Văn Rương	3/1953 - 9/1953	Q.BTCB xã Long Khê
6	Bùi Văn Tòng	9/1953 - 12/1953	BTCB xã Long Khê
7	Nông Tiến Thắng	1953 - 1958	BTCB xã Đoàn kết
8	Dương Đình Thúc	1958 - 1959	BTCB xã Đoàn Kết
9	Trần Bảo Thạch	1959 - 1960	BTCB xã Đoàn Kết
10	Nguyễn Trung Định	1960 - 1962	BTCB xã Đoàn Kết
11	Lường Quang Chiêu	1962 - 1968	BTCB xã Đoàn Kết
12	Lâm Văn Đa	1968 - 1971	BTCB xã Đoàn Kết
13	Trần Văn Thị	1972 - 1974	BTCB xã Đoàn Kết
14	Nông Văn Giang	1974 - 1975	BTCB xã Đoàn Kết
15	Lăng Chí Thơ	1975 - 1977	BTCB, BTĐU Văn Hán
16	Nông Văn Giang	1977 - 1979	BTĐU xã Văn Hán
17	Trần Trung Đại	1979 - 1981	BTĐU xã Văn Hán
18	Lăng Chí Thơ	1981 - 4/1998	BTĐU xã Văn Hán
19	Nguyễn Văn Chính	4/1998 - 8/1998	Q.BTĐU xã Văn Hán
20	Đàm Văn Giang	8/1998 - 2/2000	BTĐU xã Văn Hán
21	Nguyễn Văn Chính	2/2000 - 2005	BTĐU xã Văn Hán
22	Vi Ngọc Thi	2005 - 2015	BTĐU xã Văn Hán
23	Nguyễn Xuân Hiền	5/2015 - nay	BTĐU xã Văn Hán

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

Phụ lục 6: Danh sách Chủ tịch Ủy ban Hành chính, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính; Chủ tịch UBND xã.

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Nông Tiến Thắng	4/1945 - 3/1946	CT UBNDLT xã Hưng Thịnh
2	Nguyễn Đức Năng	4/1945 - 3/1946	CT UBNDLT xã Đồng Quyết
3	Lưu Viết Chương(Kiên)	4/1945 - 3/1946	CT UBNDLT xã Khánh Hòa
4	Nguyễn Đức Năng	3/1946 - 1948	CT UBHC xã Văn Hòa
5	Đình Phú Hào	1948 - 1953	CT UBKCHC xã Long Khê
6	Nguyễn Văn Ngộ	1953 - 2/1958	CT UBHC xã Đoàn Kết
7	Trần Văn Thị	3/1958 - 1/1959	CT UBHC xã Đoàn Kết
8	Trần Văn Thị	1/1959 - 1968	CT UBHC xã Đoàn Kết
9	Lăng Chí Thơ	1968 - 1971	CT UBHC xã Đoàn Kết
10	Nông Văn Giang	1971 - 1973	CT UBHC xã Đoàn Kết
11	Lăng Chí Thơ	6/1973 - 6/1975	CT UBHC xã Đoàn Kết
12	Trần Trung Đại	1975 - 1977	CT UBND xã Văn Hán
13	Trần Văn Thị	6/1977 - 5/1979	CT UBND xã Văn Hán
14	Lâm Trung Định	5/1979 - 1981	CT UBND xã Văn Hán
15	Lý Văn Tụ	1981 - 1984	CT UBND xã Văn Hán
16	Nguyễn Thanh Giao	1984 - 1989	CT UBND xã Văn Hán
17	Trần Ngọc Hợp	1989 - 1994	CT UBND xã Văn Hán
18	Nguyễn Văn Chính	1994 - 1999	CT UBND xã Văn Hán
19	Vi Ngọc Thi	1999 - 2004	CT UBND xã Văn Hán
20	Nguyễn Xuân Hiền	2004 - 2015	CT UBND xã Văn Hán
21	Vi Ngọc Thi	2015 - nay	CT UBND xã Văn Hán

Phụ lục 7: Danh sách Cấp ủy xã qua các nhiệm kỳ

a- Thời kỳ Chi bộ đảng xã: Do thời gian quá lâu nên tổ sưu tầm biên soạn chỉ biết Chi bộ đã qua 16 lần Đại hội Chi bộ nhưng không tìm thấy hết được ngày tổ chức đại hội từng lần cụ thể.

b- Thời kỳ Đảng bộ xã:**1- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I (nhiệm kỳ 1977 - 1979)**

(Đại hội đảng viên lần thứ nhất, bầu tháng 8/1977)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Nông Văn Giang	1924	Bí thư Đảng ủy	
2	Lăng Chí Thơ	1939	Phó BTĐU	Chủ nhiệm HTX
3	Trần Văn Thị	1915	UV Thường vụ	Chủ tịch UBND
4	Trần Trung Đại	1934	Đảng ủy viên	Thường trực Đảng
5	...		Đảng ủy viên	Chưa xác định được

2- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa II (nhiệm kỳ 1979 - 1982)

(do Đại hội đảng viên lần thứ 2 bầu ngày 21/5/1979)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Trần Trung Đại	1934	Bí thư Đảng ủy	
2	Lâm Trung Định	1940	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND
3	Vĩ Văn Xường	1937	UV Thường vụ	
4	Hứa Văn Lầu	1941	Đảng ủy viên	

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

5	Lý Văn Tụ	1937	Đảng ủy viên	
6	Nguyễn Văn Xung	1932	Đảng ủy viên	
7	Dương Văn Bách	1938	Đảng ủy viên	
8	Luân Viết Kính	1950	Đảng ủy viên	
9	Lâm Văn Vân	1942	Đảng ủy viên	
10	Trần Thị Hoàn	1944	Đảng ủy viên	
11	Lăng Chí Thơ	1939	Đảng ủy viên	

3- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa III
(nhiệm kỳ 1982 - 1984)

(do Đại hội đảng viên lần thứ 3, vòng 2 bầu ngày 10/10/1982)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	
2	Lý Văn Tụ	1937	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Trần Trung Đại	1935	UV Thường vụ	Phó CT-TCA
4	Lâm Thanh Dân	1948	Đảng ủy viên	
5	Vi Văn Xường	1936	Đảng ủy viên	Chủ tịch MTTQ
6	Nguyễn Thanh Giao	1942	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
7	Hoàng Ngọc Sang	1944	Đảng ủy viên	Thường trực UB
8	Luân Viết Kính	1950	Đảng ủy viên	Bí thư Chi bộ
9	Nguyễn Văn Xung	1932	Đảng ủy viên	
10	Nguyễn Văn Hồ	1936	Đảng ủy viên	
11	Nguyễn Văn Túc	1936	Đảng ủy viên	

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)**4- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa IV
(nhiệm kỳ 1984 - 1986)**

(Trích từ Danh sách Đảng ủy viên ngày 1/4/1985)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	
2	Nguyễn Thanh Giao	1942	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Lý Văn Tựu	1937	UV Thường vụ	
4	Trần Trung Đại	1934	Đảng ủy viên	
5	Luân Viết Kính	1950	Đảng ủy viên	
6	Lâm Thanh Dân	1948	Đảng ủy viên	
7	Hoàng Ngọc Sang	1942	Đảng ủy viên	
8	Nguyễn Văn Túc	1933	Đảng ủy viên	
9	Vi Văn Xường	1936	Đảng ủy viên	

5- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa IV (nhiệm kỳ 1986 - 1988)
(do Đại hội đảng viên lần thứ IV bầu ngày 20/3/1986)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	
2	Nguyễn Thanh Giao	1942	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Trần Trung Đại	1934	UV Thường vụ	
4	Lý Văn Tựu	1937	Đảng ủy viên	Thường trực Đảng
5	Hoàng Ngọc Sang	1942	Đảng ủy viên	Ủy viên thư ký

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

6	Lâm Thanh Dân	1948	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
7	Lăng Văn Phan	1932	Đảng ủy viên	
8	Lý Văn Thăm	1933	Đảng ủy viên	
9	Nguyễn Xuân Kiệm	1954	Đảng ủy viên	
10	Cao Thanh Triển	1957	Đảng ủy viên	
11	Dương Ngọc Nam	1931	Đảng ủy viên	

6- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa V (nhiệm kỳ 1988 - 1991)
(do Đại hội đảng viên lần thứ 5 bầu ngày 26/12/1988)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	
2	Nguyễn Thanh Giao	1942	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND
3	Lâm Thanh Dân	1948	Ủy viên TV	Phó CT-TCA
4	Trần Ngọc Hợp	1948	Đảng ủy viên	
5	Nguyễn Minh Tâm	1950	Đảng ủy viên	
6	Hoàng Kim Đình	1957	Đảng ủy viên	
7	Lý Văn Tịu	1937	Đảng ủy viên	
8	Hoàng Ngọc Sang	1942	Đảng ủy viên	
9	Nông Văn Dưỡng	1954	Đảng ủy viên	
10	Nguyễn Văn Chính	1947	Đảng ủy viên	
11	Đàm Văn Giang	1942	Đảng ủy viên	

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)**7- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa VI (nhiệm kỳ 1991-1994)**
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ VI bầu ngày 19/12/1991)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	
2	Trần Ngọc Hợp	1947	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Văn Chính	1947	UVBTV	PCT - TCA
4	Hoàng Ngọc Sang	1942	Đảng ủy viên	Phó Chủ tịch UB
5	Nguyễn Thanh Giao	1942	Đảng ủy viên	Chủ tịch UBMTTQ
6	Lường Quang Xuyên	1950	Đảng ủy viên	Thường trực Đảng
7	Hoàng Kim Đình	1957	Đảng ủy viên	Văn hóa giáo dục
8	Bùi Văn Tuất	1957	Đảng ủy viên	Xã đội
9	Lâm Văn Vần	1942	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
10	Dương Văn Chi	1952	Đảng ủy viên	Phụ trách cơ sở
11	Đàm Văn Giang	1942	Đảng ủy viên	TB TKHDND

8- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa VII (nhiệm kỳ 1994 - 1996)
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ VII bầu ngày 5/5/1994)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐND
2	Nguyễn Văn Chính	1947	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Lường Quang Xuyên	1950	Ủy viên TV	Thường trực Đảng

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

4	Dương Văn Chi	1952	Đảng ủy viên	Làng Hòa
5	Hoàng Ngọc Sang	1942	Đảng ủy viên	Cầu Mai
6	Đàm Văn Giang	1942	Đảng ủy viên	La Đàn
7	Bùi Văn Tuất	1957	Đảng ủy viên	Vân Hán
8	Nguyễn Minh Tâm	1950	Đảng ủy viên	Ba Quả
9	Nguyễn Xuân Hiền	1967	Đảng ủy viên	Bí thư Đoàn xã
10	Hoàng Kim Đình	1957	Đảng ủy viên	Hiệu trưởng THCS
11	Nguyễn Thanh Giao	1942	Đảng ủy viên	BTCB Đoàn Lâm

9- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa VIII (nhiệm kỳ 1996 - 2000)
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ VIII bầu ngày 21/1/1996)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Lăng Chí Thơ	1939	Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐND
2	Nguyễn Văn Chính	1947	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Lường Quang Xuyên	1950	UV Thường vụ	Thường trực Đảng
4	Nguyễn Tiến Thu	1957	Đảng ủy viên	Phó CT-TCA
5	Bùi Văn Tuất	1957	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
6	Lâm Văn Vân	1942	Đảng ủy viên	NN, thống kê, KTNS
7	Vi Ngọc Thi	1966	Đảng ủy viên	Cán bộ VH XH
8	Hoàng Kim Đình	1957	Đảng ủy viên	Giáo dục-Y tế
9	Nguyễn Thanh Giao	1942	Đảng ủy viên	Chủ tịch Hội CCB
10	Đàm Văn Giang	1942	Đảng ủy viên	Phó CT HĐND
11	Lâm Thanh Vạn	1959	Đảng ủy viên	TX Làng Hòa

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)**10- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa IX (nhiệm kỳ 2000 - 2005)**
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ IX bầu ngày 20/9/2000)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Nguyễn Văn Chính	1947	Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐND
2	Vi Ngọc Thi	1966	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Luồng Quang Xuyên	1950	UV Thường vụ	Thường trực Đảng
4	Nguyễn Tiến Thu	1957	Đảng ủy viên	Phó CT UBND
5	Lâm Thanh Vạn	1959	Đảng ủy viên	Phó CT HĐND
6	Vi Văn Hiệu	1956	Đảng ủy viên	Chủ tịch Hội ND
7	Hoàng Đình Công	1956	Đảng ủy viên	Xóm Thịnh Đức
8	Nguyễn Thị Ái Vân	1952	Đảng ủy viên	CT Hội LHPN
9	Hoàng Kim Đình	1957	Đảng ủy viên	Hiệu trưởng THCS
10	Luân Văn Thơm	1959	Đảng ủy viên	Chi bộ La Đàn
11	Lương Xuân Thành	1959	Đảng ủy viên	Chi bộ Đoàn Lâm
12	Nguyễn Văn Đường	1960	Đảng ủy viên	Chi bộ La Cùm
13	Bùi Văn Tuất	1957	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng

11- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa X (nhiệm kỳ 2005 - 2010)
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ X bầu ngày 24/8/2005)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Vi Ngọc Thi	1966	Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐND

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

2	Nguyễn Xuân Hiền	1967	Phó Bí thư	Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Ngọc Soi	1957	UVTV-TT	Phó CT HĐND
4	Lâm Thanh Vạn	1958	Đảng ủy viên	Phó CT UBND
5	Bùi Văn Tuất	1957	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
6	Nguyễn Tiến Thu	1957	Đảng ủy viên	Trưởng Công an
7	Nguyễn Kim Trọng	1978	Đảng ủy viên	Cán bộ Tư pháp
8	Nông Văn Thực	1954	Đảng ủy viên	Phó CT Hội CCB
9	Hoàng Kim Đình	1957	Đảng ủy viên	Hiệu trưởng THCS
10	Vì Thị Thiệu	1964	Đảng ủy viên	Bí thư CB La Đàn
11	Hoàng Văn Hương	1964	Đảng ủy viên	BTCB Thịnh Đức 1
12	Lăng Đức Vàng	1967	Đảng ủy viên	BTCB Ba Quả
13	Đồng Thị Chất	1964	Đảng ủy viên	PBTCB Làng Hòa

12- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa XI (nhiệm kỳ 2010 - 2015)
(do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ XI bầu ngày 11/5 /2010)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Vì Ngọc Thi	1966	Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐND
2	Nguyễn Xuân Hiền	1967	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Lương Văn Hoan	1981	Phó BTĐU	Thường trực Đảng
4	Nguyễn Ngọc Soi	1957	Đảng ủy viên	Phó CT HĐND
5	Lâm Thanh Vạn	1959	Đảng ủy viên	Phó CT UBND
6	Lưu Quang Đăng	1958	Đảng ủy viên	Phó CT UBND

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

7	Bùi Văn Tuất	1957	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
8	Phạm Ngọc Đại	1975	Đảng ủy viên	Trưởng Công an
9	Nguyễn Kim Trọng	1978	Đảng ủy viên	Cán bộ tư pháp
10	Hoàng Văn Hương	1962	Đảng ủy viên	Phó trưởng xóm
11	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1964	Đảng ủy viên	Cán bộ văn phòng
12	Lương Quang Khuong	1971	Đảng ủy viên	Xã đội phó
13	Nguyễn Thị Phong	1974	Đảng ủy viên	Chủ tịch Hội LHPN
14	Nguyễn Khắc Thành	1969	Đảng ủy viên	HT trường THCS
15	Nguyễn Thị Thúc	1964	Đảng ủy viên	HT trường TH số 1

13- Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa XII (nhiệm kỳ 2015 - 2020)
 (do Đại hội đại biểu đảng viên lần thứ 12 bầu ngày 8/5/2015)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ đảng	Chức vụ chính quyền, đoàn thể
1	Nguyễn Xuân Hiền	1967	Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch HĐND
2	Vi Ngọc Thi	1966	Phó BTĐU	Chủ tịch UBND
3	Lương Văn Hoan	1981	Phó BT-TT	Thường trực Đảng
4	Nguyễn Chí Thanh	1984	Đảng ủy viên	Phó CT UBND
5	Lâm Thanh Vạn	1959	Đảng ủy viên	Phó CT UBND
6	Lưu Quang Đăng	1958	Đảng ủy viên	CT UBMTTQ
7	Vi Mạnh Công	1987	Đảng ủy viên	Bí thư Đoàn xã
8	Trần Thị Anh Hoa	1977	Đảng ủy viên	Kế toán ngân sách

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

9	Đàm Thanh Hương	1968	Đảng ủy viên	HT trường TH số 2
10	Luông Quang Khuong	1971	Đảng ủy viên	Xã đội trưởng
11	Nguyễn Thị Phong	1974	Đảng ủy viên	CT Hội LH PN
12	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1964	Đảng ủy viên	Văn phòng UBND
13	Phạm Ngọc Đại	1975	Đảng ủy viên	Trưởng Công an xã
14	Nguyễn Kim Trọng	1978	Đảng ủy viên	Cán bộ Tư pháp xã
15	Lăng Minh Tuấn	1977	Đảng ủy viên	Phó Công an xã.

Phụ lục 8: Danh sách các Trưởng ban, ngành và đoàn thể xã**I- Trưởng Công an xã**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Mông Quốc Hoa	1950 - 1952	Trưởng ban Công an liên xã
2	Nông Văn Nhục	1952 - 1953	Trưởng ban Công an liên xã
3	Nguyễn Văn Thom	1953 -	Trưởng ban Công an liên xã
4	Nguyễn Văn Nghĩa	 - 1957	
5	Trần Văn Tuyền	1961 - 1962	
6	Hoàng Văn Cán	1962 - 1963	Phó Chủ tịch-Trưởng CA
7	Trần Văn Ngạch	1963 - 1969	
8	Trần Trung Đại	1969 - 1975	Phó Chủ tịch-Trưởng CA
9	Lý Văn Tịu	1975 - 1980	Phó Chủ tịch-Trưởng CA
10	Trần Trung Đại	1982 - 1987	
11	Lâm Thanh Dân	1987 - 1989	Phó Chủ tịch-Trưởng CA

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

12	Nguyễn Văn Chính	1989 - 1994	Phó Chủ tịch-Trưởng CA
13	Nguyễn Tiến Thu	1994 - 2012	Phó Chủ tịch-Trưởng CA
14	Phạm Ngọc Đại	2012 - nay	Trưởng Công an

II - Xã đội trưởng

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1		1947 - 1948	Xã đội trưởng xã Văn Hòa
2	Phương Hữu Ngôn	1948 - 1949	Xã đội trưởng liên xã
3	Lê Văn Tương	1949 - 1952	Xã đội trưởng liên xã
4	Nông Văn Giang	1952 - 1953	Xã đội trưởng liên xã
5	Lưu Bảo Thông	1953 -	Xã đội trưởng xã Đoàn Kết
6	Dương Công Khiên	1961 - 1963	Xã đội trưởng xã Đoàn Kết
7	Lâm Văn Thê	1963 - 1964	Xã đội trưởng xã Đoàn Kết
8	Lưu Văn Phòn	1964 - 1969	Xã đội trưởng xã Đoàn Kết
9	Lường Văn Vượng	5/1969 -	Xã đội trưởng xã Đoàn Kết
10	Nguyễn Văn Túc	1972 ⁽¹⁾	Xã đội trưởng xã Đoàn Kết
11	Đàm Thanh Minh	1976	Xã đội trưởng xã Văn Hán
12	Hứa Văn Lầu	1979 - 1981	Xã đội trưởng xã Văn Hán
13	Nguyễn Thanh Giao	1981 - 1984	Xã đội trưởng xã Văn Hán
14	Lâm Thanh Dân	1984 - 1986	Xã đội trưởng xã Văn Hán

⁽¹⁾ Ở cột thời gian chỉ ghi 1 năm (ví dụ 1967) tức là đồng chí đó có giữ chức tại năm đó, nhưng không biết được cụ thể thời gian bắt đầu giữ chức từ khi nào và đến khi nào thì thôi.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

15	Lâm Văn Văn	1986 - 1996	Xã đội trưởng xã Văn Hán
16	Bùi Văn Tuất	12/1995-2012	Xã đội trưởng xã Văn Hán
17	Lường Quang Khương	2012 - nay	Xã đội trưởng xã Văn Hán

Chính trị viên xã đội

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Trần Văn Thị	1947-.....	Chính trị viên xã đội Văn Hòa
2	Mông Quốc Hoa	1949 - 1950	Chính trị viên xã đội liên xã
3	Trương Văn Chúc	1950 - 1951	Chính trị viên xã đội liên xã
4	Nguyễn Văn Mười	1951	Chính trị viên xã đội liên xã
5	Nông Văn Cận	1951	Chính trị viên xã đội liên xã
6	Nông Kim Thuận	1959 -	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
7	Hứa Văn Kim	1960 -	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
8	Lưu Văn Phồn	1962 - 1964	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
9	Lăng Chí Thơ	1965 - 1967	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
10	Lâm Văn Đa	6/1967-9/1967	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
11	Nguyễn Văn Ngọ	9/1967 -	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
12	Vi Văn Xường	9/1968-8/1972	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
13	Lý Văn Tựu	4/1974-5/1975	Chính trị viên xã đội Đoàn Kết
14	Lăng Chí Thơ	1975 - 1976	Chính trị viên xã đội Văn Hán
15	Trần Trung Đại	1976 - 1977	Chính trị viên xã đội Văn Hán
16	Nông Văn Giang	1977 - 1979	Chính trị viên xã đội Văn Hán
17	Trần Trung Đại	1979 - 1981	Chính trị viên xã đội Văn Hán

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

18	Lăng Chí Thơ	1981 - 4/1998	Chính trị viên xã đội Văn Hán
19	Đàm Văn Giang	1998 - 12/1999	Chính trị viên xã đội Văn Hán
20	Nguyễn Văn Chính	12/1999 - 2005	Chính trị viên xã đội Văn Hán
21	Vi Ngọc Thi	2005 - 2015	Chính trị viên xã đội Văn Hán
22	Nguyễn Xuân Hiền	2015 - nay	Chính trị viên xã đội Văn Hán

III- Trưởng ban, Chủ tịch Mặt trận xã

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Lường Quang Chiêu	1945 - 1946	Chủ nhiệm VM xã Văn Hán
2	Chu Viết Thận	1945 - 1946	Chủ nhiệm VM xã Phả Lý
3	Đàm Ngọc Văn	1945 - 1946 ⁽¹⁾	Chủ nhiệm VM xã Khánh Hòa
4	Nguyễn Văn Ngo	1946 - 1947	Chủ nhiệm VM xã Vân Hòa
5	Lường Quang Chiêu	1947 - 1948	Chủ nhiệm VM xã Vân Hòa
6	Trần Văn Sáng	1948 - 1950	Chủ nhiệm VM liên xã
7	La Văn Mao	1948 - 1950	Chủ tịch Liên Việt liên xã
8	Nông Tiến Thắng	1950 - 1953	Chủ tịch Liên Việt (hợp nhất)
9			Chưa xác định được tên
10	Nông Tiến Thắng	- 1962	TB Mặt trận xã Đoàn Kết
11	Dương Văn Thịnh	1962 - 1965	TB Mặt trận xã Đoàn Kết

⁽¹⁾ Đồng chí Đàm Ngọc Văn khai trong lý lịch: làm Chủ nhiệm Việt Minh đến năm 1948, trùng với lời khai trong lý lịch của đồng chí Nguyễn Văn Ngo và Lường Quang Chiêu.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

12	Mông Quốc Hoa	1965 - 10/1976	TB Mặt trận xã Đoàn Kết
13	Nông Văn Giang	10/1976 -	TB Mặt trận xã Văn Hán
14	Vi Văn Xường	10/1980 - 1985	CTUBMTTQ xã Văn Hán
15	Lý Văn Tịu	 - 1990	CTUBMTTQ xã Văn Hán
16	Nguyễn Thanh Giao	1990 - 1993	CTUBMTTQ xã Văn Hán
17	Trần Quang Trọng	1991 - 2000	CTUBMTTQ xã Văn Hán
18	Nguyễn Xuân Kiêm	01/2001 - 2014	CTUBMTTQ xã Văn Hán
19	Lưu Quang Đảng	2014 - nay	CTUBMTTQ xã Văn Hán

IV- Bí thư Chi đoàn, Bí thư Đoàn xã

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Dương Văn Quyền	1945 - 1947	Bí thư TN xã Vân Hoà
2	Dương Văn Quyền	1948	Bí thư Đoàn xã Long Khê
3	Lê Đức Thành	1953	Bí thư Đoàn xã Long Khê
4	Nguyễn Trung Tiến	1956	Bí thư Đoàn xã Đoàn Kết
5	Lâm Văn Đa	1958 - 1961	Bí thư Đoàn xã Đoàn Kết
6	Lăng Chí Thơ	1962 - 1965	Bí thư Đoàn xã Đoàn Kết
7	Lâm Văn Đa	1965 - 1966	Bí thư Đoàn xã Đoàn Kết
8	Hoàng Ngọc Sang	1966 - 1970	Bí thư Đoàn xã Đoàn Kết
9	Đàm Văn Giang	1971 - 1976	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
10	Trần Ngọc Hợp	1976 - 1979	Bí thư Đoàn xã Văn Hán

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

11	Hà Xuân Hiền	1979 - 1981	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
12	Nguyễn Minh Tâm	1982 - 1989	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
13	Nguyễn Đức Nội	1989 - 1992	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
14	Nguyễn Xuân Hiền	1992 - 1995	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
15	Lăng Đức Vàng	1995 - 1997	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
16	Lường Quang Hạnh	1997 - 2000	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
17	Phạm Ngọc Đại	2000 - 2011	Bí thư Đoàn xã Văn Hán
18	Vi Mạnh Công	2011 - nay	Bí thư Đoàn xã Văn Hán

V- Bí thư, Chủ tịch Hội Phụ nữ

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Hoàng Thị Bách	1946 - 1948	BT Phụ nữ xã Văn Hòa
2	Nịnh Thị Hàn	1948 - 1953	BT Phụ nữ xã Long Khê
3	Trần Thị Đắc	1953 - 1956	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
4	Nông Thị Sùng	1957 - 1958	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
5	Hoàng Thị Thành	1958 - 1961	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
6	Nguyễn Thị Mùi	1961 - 1962	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
7	Chu Thị Cẩm	1962 - 1963	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
8	Lô Thị Chét	1963-	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
9	Trần Thị Hòa	...1966...	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
10	Lô Thị Liên	1967-.....	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

11	Dương Thị Quán	1974 - 1975	BT Phụ nữ xã Đoàn Kết
12	Trần Thị Hoàn	1976 - 1981	BT Phụ nữ xã Văn Hán
13	Nguyễn Thị Hoan	1981 - 1998	BT Phụ nữ xã Văn Hán
14	Nguyễn Thị Ái Vân	1998 - 5/2006	BT Phụ nữ xã Văn Hán
15	Nguyễn Thị Phong	5/2006 - nay	BT Phụ nữ xã Văn Hán

VI- Bí thư, Chủ tịch Hội Nông dân

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Nông Tiến Thắng	1945 - 1948	
2	Trần Văn Thị	1949 - 1952	
3	Nguyễn Trung Định	1952 - 1953	
4	Lâm Văn Lả	1953 -	
5	Hoàng Văn Cán		Không ghi rõ thời gian làm
6	Lâm Thanh Dân	1983 - 1984	Chủ tịch Nông dân tập thể
7	Hứa Văn Lầu	1984 - 1987	Chủ tịch Nông dân tập thể
8	Nguyễn Xuân Kiệm	1987 - 1989	Chủ tịch Khóa 1.
9	Hoàng Ngọc Sang	1989 - 2000	Chủ tịch Khóa 2,3,4.
10	Vì Văn Hiệu	2000 - 2002	Chủ tịch Khóa 5.
11	Lưu Quang Đăng	2002 - 2004	Chủ tịch Khóa 6.
12	Nguyễn Thị Chi	2004 - 2007	Chủ tịch Khóa 6.
13	Nguyễn Đức Sen	2007 - nay	Chủ tịch Khóa 7,8.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)**VII- Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh**

TT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Trần Quang Trọng	22/7/1991 - 1993	Đại hội lần 1 ngày 19/8/1992
2	Nguyễn Thanh Giao	9/1993 - 2006	Khóa 2 (từ 1994), 3, 4, 5
3	Trần Ngọc Hợp	2006 - 2012	Khóa 6
4	Nông Văn Thực	2012 - nay	Khóa 7

VIII- Chủ tịch, Hội trưởng các tổ chức xã hội

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ
1	Lý Ngọc Hiệp	1998 - 2001	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
2	Nguyễn Văn Đàn	2001 - 2004	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
3	Lý Ngọc Hiệp	2004 - 2007	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
4	Nguyễn Văn Chính	2007 - nay	Chủ tịch Hội Người cao tuổi
5	Luồng Quang Xuyên	2005 - nay	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ
6	Lâm Văn Vần	2009 - nay	Chủ tịch Hội NNCCDDC/Đioxin
7	Lâm Văn Keo	2009 - nay	Chủ tịch Hội Cựu TNXP
8	Vi Văn Hiệu	2010 - nay	Chủ tịch Hội Khuyến học
9	Nguyễn Minh Tâm	2013 - nay	Chủ tịch Hội Đông y
10	Đặng Bá Kính	2010 - nay	Chủ tịch Hội Người mù

IX- Hiệu trưởng Trường Cấp 1 (Tiểu học số 1)

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Ngô Mạnh Chí	1953-1957	Hiệu trưởng	Trường PT cấp I
2	Nguyễn Công Uyên		Hiệu trưởng	Trường PT cấp I
3	Đoàn Thái		Hiệu trưởng	Trường PT cấp I
4	Lê Quốc Phòng		Hiệu trưởng	Trường PT cấp I
5	Trần Xuân Long	1966	Hiệu trưởng	Trường PT cấp I
6	Đặng Đình Phác	1972	Hiệu trưởng	Trường PT cấp I
7	Hoàng Văn Hiền	 - 1977	Hiệu trưởng	Trường cấp I-II
8	Cao Xuân Mai	1978 - 19....	Hiệu trưởng	Trường PTCS
9	Phạm Văn Vinh	19.... - 1983	Hiệu trưởng	Trường PTCS
10	Nguyễn Văn Dương	1983 - 1987	Hiệu trưởng	Trường PTCS
11	Nguyễn Công Uẩn	1987 - 1988	Hiệu trưởng	Trường PTCS
12	Nguyễn Văn Viện	1988 - 1993	Hiệu trưởng	Trường PTCS
13	Hoàng Kim Đình	1993 - 1997	Hiệu trưởng	Trường PTCS
14	Nguyễn Chí Tinh	1997 - 1998	BTCBGDYT	Tách từ 14/2/1998
15	Ma Thị Hoa	2/1998-2000	Hiệu trưởng	
16	Nguyễn Thị Thúc	2001 - nay	Hiệu trưởng	

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)**IX- Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 2**

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Oanh	1998 - 2011	BTCB, HT	Tách trường 1998
2	Đàm Thanh Hương	2011 - nay	BTCB, HT	BTCB từ 3/2012

X- Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ Trường THCS (Cấp II)

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Triệu Quang Vinh	1965 - 1968	Hiệu trưởng	Trường cấp II
2	Nguyễn Đình Sơn	1968 - 1972	Hiệu trưởng	Trường cấp II
3	Nguyễn Công Hàn	1973 - 1975	Hiệu trưởng	Trường cấp II
4	Nguyễn Xuân Đức	1975 - 1978	Hiệu trưởng	Trường cấp II
5	Cao Xuân Mai	1978 - 19....	Hiệu trưởng	Trường PTCS
6	Phạm Văn Vinh	19.... - 1984	Hiệu trưởng	Trường PTCS
7	Nguyễn Văn Dương	1984 - 1987	Hiệu trưởng	Trường PTCS
8	Nguyễn Công Uẩn	1987 - 1988	Hiệu trưởng	Trường PTCS
9	Nguyễn Văn Viện	1988 - 1993	Hiệu trưởng	Trường PTCS
10	Hoàng Kim Đình	1993 - 2006	Hiệu trưởng	PTCS và THCS
11	Nguyễn Khắc Thành	2006 - 2010	Hiệu trưởng	Trường THCS
12	Trần Thị Yến	2011 - nay	Hiệu trưởng	Trường THCS

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)***XI- Hiệu trưởng Trường Mầm Non***

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Dung	2002 - 2015	Hiệu trưởng	
2	Vũ Thị Lâm	2015 - nay	Hiệu trưởng	

XII- Trạm trưởng Trạm Y tế xã

TT	Họ và tên	Thời gian	Chức vụ	Ghi chú
1	Nông Đình Phú	1959 - 1962	Trạm trưởng	
2	Lý Ngọc Hiệp	1963 - 1967	Trạm trưởng	
3	Hà Văn Kinh	1967 - 1968	Trạm trưởng	
4	Vũ Duy Bân	1968 - 1969	Trạm trưởng	
5	Nguyễn Hữu Bảo	1969 - 1970	Trạm trưởng	
6	Lý Ngọc Hiệp	1970 - 1989	Trạm trưởng	
7	Nguyễn Minh Tâm	8/1989 - 10/89	Trạm trưởng	
8	Vũ Duy Bân	10/89 - 10/1992	Trạm trưởng	
9	Nguyễn Minh Tâm	10/1992 - 2010	Trạm trưởng	
10	Hoàng Chiến Thắng	2010 - nay	Trạm trưởng	



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về thăm xã Văn Hán
ngày 9/5/2002



Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Văn Hán
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm (chụp năm 2015)



Trạm Y tế xã Văn Hán

Ảnh: Đảng ủy xã cung cấp (chụp năm 2015)



Chợ Văn Hán năm 2015

Ảnh: Đảng ủy xã cung cấp (chụp năm 2015)



Trường TH số 1 Văn Hán năm 2015
 Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm (chụp năm 2015)



Trường TH số 2 Văn Hán
 Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm (chụp năm 2015)



Trường THCS Văn Hán
 Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm (chụp năm 2015)



Trường Mầm non xã Văn Hán
 Ảnh: Đảng ủy xã cung cấp (chụp năm 2015)



Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Văn Hán
Ảnh: Đảng ủy xã cung cấp (chụp năm 2015)



Di tích Đình Văn Hán di tích lịch sử cấp tỉnh
Ảnh: Ngô Bích Phương (chụp năm 2015)



Di tích Đình Thỉnh Đức di tích lịch sử cấp tỉnh

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm (chụp năm 2015)



Đình làng Hòa Khê thờ thành hoàng Cao Sơn-Quý Minh
(Đã được Vua Khải Định ban 2 bức sắc phong vào năm 1917 và 1924)

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm (chụp năm 2015)



Thu hoạch chè ở làng nghề chè truyền thống Thái Hưng
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Mùa lúa chín trên cánh đồng Phả Lý
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Trên cánh đồng nông thôn mới
Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm



Ban Chấp hành Đảng bộ xã Văn Hán, nhiệm kỳ 2015 - 2020 (Ảnh: Đảng ủy xã cung cấp.)



Các đại biểu dự Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán 1948 – 2015.

Ảnh: Nguyễn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC ẢNH BÍ THƯ, CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ CÁC THỜI KỲ



1. Đồng chí Nông Tiến Thắng

- Tên khác: Quốc Bảo, Nông Chiến Thắng, Nông Văn Cường.
- Sinh ngày: 15/10/1913 tại xóm Vân Hán, xã Văn Hán.
- Chánh Hội Cách mạng (Chủ tịch UBND lâm thời xã Hưng Thịnh, tức xã Vân Hán cũ) từ tháng 7/1945 đến tháng 3/1946.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ 1953 đến 1958.
- Từ trần năm 1976.



2. Đồng chí Nguyễn Đức Năng

- Tên khác: Nguyễn Công Nhượng;
- Bí danh: Công Nghiệp;
- Sinh năm 1913 tại xóm Phả Lý, xã Văn Hán.
- Chánh Hội cách mạng (Chủ tịch UBND lâm thời xã Đồng Quyết, tức xã Phả Lý cũ) từ tháng 4/1945 đến tháng 3/1946.
- Chủ tịch UBHC xã Vân Hòa từ năm 1946-1948.
- Từ trần năm 1987.



3. Ông Luân Viết Chương

- Tên khác: Tổng Kiên
- Sinh năm 1900, tại xã Phú Mỹ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.
- Trú quán tại xóm La Đàn, xã Văn Hán.
- Chánh Hội Cách mạng (tức Chủ tịch UBND lâm thời) xã Khánh Hòa từ tháng 4 năm 1945 đến tháng 3/1946.
- Từ trần năm 1973.

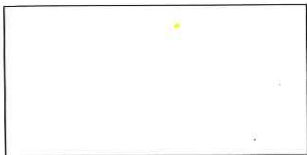
4. Đồng chí Đỗ Chi Phương
Bí thư Chi bộ xã Long Khê từ
8/1948 - 1/1949.
(chưa tìm được ảnh)

5. Đồng chí Đinh Phú Hào
Chủ tịch Ủy ban KCHC xã Long
Khê từ 1948 -1953.
Đã từ trần năm 1954.
(chưa tìm được ảnh)



6. Đồng chí Hoàng Hữu Thông

- Bí danh: Kim Bảng
- Sinh tháng 9/1920 tại xóm Trại Cài, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ.
- Trú quán: xóm Làng Cháy, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Bí thư Chi bộ xã Long Khê từ tháng 1/1949 - 1951.
- Đã từ trần.



7. Đồng chí Đào Quốc Nhã

Bí thư chi bộ xã Long Khê từ 1951 đến 1952.

(chưa tìm được ảnh)



8. Đồng chí Lương Quang Chiếu

- Bí danh: Lương Đức Chính.
- Sinh ngày: 15/3/1917 tại xóm Thịnh Đức (nay là xóm Thịnh Đức 2), xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Bí thư chi bộ xã Long Khê từ 8/1952-1953.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ tháng 1/1962 - 6/1968.
- Từ trần 1995



9. Đồng chí Bùi Văn Rương

- Sinh ngày: 25/1/1917, tại Đồn điền Đồng Bầm, huyện Đồng Hỷ.
- Tham gia hoạt động cách mạng tại xóm Long Giàn, xã Phả Lý (nay thuộc xã Khe Mo) đến năm 1957 chuyển đi xã Cù Vân, huyện Đại Từ.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Quyền Bí thư Chi bộ xã Long Khê từ tháng 3/1953 đến 9/1953.
- Từ trần ngày 3/10/1993.



10. Đồng chí Bùi Văn Tòng

- Sinh ngày: 20/10/1913⁽¹⁾, tại xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.
- Trú quán: xóm Long Giản, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Quyền Bí thư Chi bộ xã Long Khê từ 9/1953 đến 11/1953.
- Tử trần năm 1985



11. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọ

- Bí danh: Thế Hòa;
- Sinh ngày 17 tháng 2 năm 1926 tại xóm Phả Lý (nay là Xóm Vân Hòa), xã Văn Hán huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Chủ tịch Ủy ban KCHC và UBHC xã Đoàn Kết từ 1953 đến 1958.
- Đã tử trần.

⁽¹⁾ Theo hồ sơ Đảng viên của đồng chí Tòng khai sinh năm 1913. Theo di ảnh của gia đình ghi sinh năm Đinh Mùi 1906 là có nhầm lẫn giữa năm can chi và năm dương lịch (năm Đinh Mùi này bắt đầu từ ngày 13/02/1907 đến ngày 02/02/1908).



12. Đồng chí Dương Đình Thức

- Bí danh: Lê Quang.
- Sinh ngày: 06/3/1928 tại xóm Làng Hỏa, xã Văn Hán.
- Dân tộc Sán Chay (Cao Lan).
- Tôn giáo: Không.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ 1958 đến 1959.
- Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBHC huyện Đồng Hỷ từ 1969 đến 1973.
- Đã từ trần



13. Đồng chí Trần Văn Thị

- Bí danh: Trần Hữu Đạt.
- Sinh ngày: 27/2/1915 tại xóm Làng Cả, xã Văn Hán.
- Dân tộc: Sán Chay (Cao Lan).
- Tôn giáo: Không.
- Từ 1959 đến 1969 và từ 1977 đến 1979 là Chủ tịch UBHC và UBND xã Đoàn Kết.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ 1972 đến 1974.
- Đã từ trần.

14. Đồng chí Trần Bảo Thạch



- Sinh năm 1931, tại xóm Làng Hòa (nay là xóm Ấp Chè), xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Sán Chay (Cao Lan);
- Tôn giáo: Không;
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1951 đến 1961.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ 1959 đến 1960.
- Đã từ trần năm 1995.

15. Đồng chí Nguyễn Trung Định



- Bí danh: Thái Độ;
- Sinh năm 1915 tại xóm Văn Hán, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh.
- Tôn giáo: Không.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ 1960 đến 1962.
- Đã từ trần năm 1980.



16. Đồng chí Lâm Văn Đa

- Tên khai sinh: Lâm Văn Tính.
- Sinh ngày: 28/3/1936 tại xóm Ao Cống, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hộ khẩu thường trú tại xóm Làng Hòa, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ.
- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí).
- Tôn giáo: Không.
- Bí thư Chi bộ xã Đoàn Kết từ 1968 đến 1972.
- Đã từ trần.



17. Đồng chí Nông Văn Giang

- Bí danh: Kim Sơn.
 - Sinh ngày: 02/10/1924 tại xóm Văn Hán, xã Văn Hán.
 - Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.
 - Tháng 4/1970⁽¹⁾ đến 4/1973 là Chủ tịch UBHC xã Đoàn Kết.
- Từ 1977 - 1979 Bí thư Đảng ủy xã Văn Hán

⁽¹⁾ Theo lý lịch của đồng chí Lăng Chí Thơ và Nông Văn Giang có thời kỳ từ 4/1970 đến 5/1971 làm Chủ tịch UBHC xã trùng nhau. Tổ biên soạn không xác định được nên cứ để nguyên như trong lý lịch Đảng ủy.



18. Đồng chí Lăng Chí Thơ

- Sinh năm 1939.
- Trú quán tại xóm Ba Quả, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ.
- Dân tộc: Nùng. Tôn giáo: Không.
- Từ 11/1968 đến 5/1971 và 6/1973 đến 6/1975 là Chủ tịch UBHC xã. Từ 6/1977 đến 11/1977 là Chủ tịch UBND xã.
- Từ 7/1975 đến 5/1977 là Bí thư Chi bộ và Bí thư Đảng ủy xã⁽¹⁾.
- Từ 10/1981 đến 4/1998 là Bí thư Đảng ủy xã.
- Từ trần tháng 4/1998.



19. Đồng chí Trần Trung Đại

- Bí danh: Trần Văn Thành.
- Sinh ngày 20/10/1934 tại xóm Cầu Mai (nay là xóm La Đùm), xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ.
- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí).
- Tôn giáo: Không.
- Chủ tịch Ủy ban xã (UBHC và UBND) từ 5/1975-1977.
- Bí thư Đảng ủy xã từ 1979 đến 1982.

⁽¹⁾ Theo Lý lịch đảng viên của đồng chí Lăng Chí Thơ (tên khai sinh là Lăng Văn Thơ) đang lưu giữ tại phòng Tổ chức/Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ và Biên bản Đại hội Mặt trận xã họp ngày 01/10/1976 hiện lưu giữ tại gia đình đồng chí Nông Văn Thục (là con trai đồng chí Nông Văn Giang) ghi năm 1976 đồng chí Thơ làm Bí thư Đảng ủy.

20. Đồng chí Lâm Trung Định



- Sinh ngày 07/8/1940 tại xóm Ao Cống, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.
- Thường trú tại xóm Làng Hòa, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ.
- Dân tộc: Sán Chay (Sán Chí). - - Tôn giáo: Không.
- Chủ tịch UBND xã từ tháng 4/1979 đến 4/1982.

21. Đồng chí Lý Văn Tụ



- Bí danh: Trung Thành.
- Sinh ngày: 30 tháng 8 năm 1937 tại xóm Thịnh Đức, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh.
- Tôn giáo: Không.
- Chủ tịch UBND xã từ 1981 đến 1984.
- Đã tử trận.



22. Đồng chí Nguyễn Thanh Giao

- Bí danh: Thanh Hải.
- Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1942 tại thôn Vô Ngoại, xã Huỳnh Thúc Kháng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Trú quán xóm Đoàn Lâm, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ.
- Dân tộc: Kinh.
- Tôn giáo: Không.
- Chủ tịch UBND xã từ tháng 5/1984 đến 12/1989.



23. Đồng chí Trần Ngọc Hợp

- Sinh ngày: 7 tháng 3 năm 1948 tại xóm Phả Lý, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh.
- Tôn giáo: Không.
- Chủ tịch UBND xã từ năm 1989 đến năm 1994.



24. Đồng chí Đàm Văn Giang

- Tên khác: Đàm Giang.
- Sinh ngày: 28/9/1942 tại xóm La Đàn, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Nùng.
- Tôn giáo: Không.
- Từ 8/1998 đến 12/1999 là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.



25. Đồng chí Nguyễn Văn Chính

- Sinh ngày: 10/9/1947 tại xóm Hòa Khê, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.
- Từ 1994 đến 4/1998 và 8/1998 đến 12/1999 là Chủ tịch UBND xã.
- Từ 4/1998 đến 8/1998 là Quyền Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã.
- Từ 12/1999 - 8/2005 là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã.



26. Đồng chí Vi Ngọc Thi

- Sinh ngày: 12/4/1966 tại xóm Cầu Mai, xã Văn Hán.
- Dân tộc Nùng. Tôn giáo: Không.
- Từ 1999-2004 và 5/2015 - nay là Chủ tịch UBND xã.
- Từ tháng 5/2004 - 8/2005 làm Chủ tịch HĐND xã.
- Từ 2005 đến 2015 là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã.
- Từ 2005 đến nay là Ủy viên BCH Đảng bộ huyện Đồng Hỷ.



27. Đồng chí Nguyễn Xuân Hiền

- Sinh ngày: 2/4/1967 tại xóm Hòa Khê (nay là xóm Hòa Khê 1), xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Từ 5/2004 đến 7/2015 là Chủ tịch UBND xã Văn Hán.
- Từ tháng 5/2015 đến nay là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

**ẢNH PHÓ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY,
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ VĂN HÁN HIỆN NAY (2015)**



Đồng chí Lương Văn Hoan
Phó Bí thư thường trực
Chủ nhiệm UB Kiểm tra Đảng ủy
Từ 2010 - Đến nay



Đồng chí Nguyễn Chí Thanh
Đảng ủy viên,
Phó Chủ tịch UBND về Kinh tế
Từ 2014 - Đến nay



Đồng chí Lâm Thanh Vạn
Đảng ủy viên,
Phó Chủ tịch UBND về VHXX
Từ 2004 - Đến nay

ẢNH VÀ NỘI DUNG 3 BỨC SẮC PHONG TÀI XÃ VĂN HÁN



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ IX, Dương Thị The - Phạm Thị Thoa, NXB Khoa học xã hội, 1981.
2. Đồng Khánh Dư địa chí- Quốc sử quán triều Nguyễn (1886 - 1888).
3. Tên làng xã và địa giới các tỉnh Bắc Kỳ năm 1925, Ngô Vi Liễn, NXB VH - TT, 1999.
4. Việt Nam những sự kiện lịch sử tập I (1945 - 1975). NXB Giáo dục, 2002.
5. Đại Nam nhất thống chí, tập IV, NXB Khoa học xã hội, 1971.
6. Lịch sử Việt Nam, tập 2, NXB Khoa học xã hội, 1989.
7. Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại, Sở Văn hóa TT - TT tỉnh Thái Nguyên và Viện Sử học, xuất bản năm 1997.
8. Lịch sử Đảng bộ Quân khu I (1945 - 2005), NXB QĐND, 2009.
9. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1945), Phạm Tất Quỳnh chủ biên, xuất bản 2003.
10. Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Hỷ (1930 - 1995), Nguyễn Xuân Minh chủ biên, xuất bản 1997.
11. Huyện Đồng Hỷ, Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc (1945 - 2000), Nguyễn Xuân Minh chủ biên, xuất bản 2006.
12. Lịch sử Công an huyện Đồng Hỷ (1947-2006), xuất bản 12/2006.
13. Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo, Nguyễn Ngọc Lâm chủ biên, xuất bản 2014.

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

14. Lịch sử Đảng bộ huyện Võ Nhai (1930-1954), Nguyễn Xuân Minh chủ biên, xuất bản 1993.
15. Lịch sử Sư đoàn 31 Lam Hồng - NXB Quân đội nhân dân, 2002.
16. Hương ước xã Văn Hán (lập ngày 3/8/1937).
17. Hương ước xã Phả Lý (lập ngày 6/8/1937).
18. Hương ước làng Hòa Khê (lập tháng 4/1938).
19. Báo cáo đặc biệt của UBKCHC tỉnh Thái nguyên từ 1945 đến 31/5/1948.
20. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Hỷ.
21. Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.
22. Tài liệu lưu tại Chi cục Văn thư lưu trữ Thái Nguyên.
23. Tài liệu lưu của Đảng ủy, UBND, các ngành, đoàn thể xã Khe Mo và Văn Hán.
24. Sắc phong đình Văn Hán.
25. Hồ sơ Di tích lịch sử đình Văn Hán và đình Thịnh Đức.
26. Các tài liệu được lưu giữ tại các gia đình ông (bà): Dương Văn Chỉ, Nguyễn Nhân Quang (xóm Làng Hòa); Mông Văn Đức, Trần Văn Lục, Vi Văn Hiệu (xóm Làng Cả); Phạm Ngọc Thu, Vũ Đình Chanh (xóm Thái Hưng); Trần Trung Đại (xóm La Đùm); Nông Văn Thực, Nguyễn Xuân Kiểm, Nông Văn Hợp, Nguyễn Văn Nên, Nông Văn Nguyên (xóm Văn Hán); Lương Quang Xuyên, Lương Quang Khương (xóm Thịnh Đức 2); Nguyễn Thanh Giao (xóm Đoàn Lâm); Lăng Văn Đồng (xóm Ba Quả); Dương Văn Quyền (xóm La Cúm); Nguyễn Văn Chính (xóm Hòa Khê 1); Luân Viết Kính (xóm La Đàn); Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Xuân Đức, Hoàng Kim Đình, Nguyễn Văn Viện (nguyên Hiệu trưởng trường THCS).
27. Lý lịch của các đảng viên xã Khe Mo, Văn Hán.

LỜI CẢM ƠN CỦA ĐẢNG ỦY XÃ VĂN HÁN

Trong qua trình xuất bản cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Văn Hán (1948 - 2015), Đảng ủy đã nhận được sự quan tâm ủng hộ của Ban tuyên giáo tỉnh ủy, Huyện ủy, Ban tuyên giáo Huyện ủy Đồng Hỷ. Các tổ chức cá nhân trong và ngoài xã, sự quan tâm đó đã giúp cho việc xây dựng cuốn Lịch sử Đảng thành công tốt đẹp.

Đảng ủy xin trân trọng cảm ơn và rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến phê bình xây dựng, cung cấp các tư liệu mà trong quá trình sưu tầm biên soạn chưa khai thác hết để lần tái bản được bổ sung hoàn thiện hơn. Mọi sự đóng góp xin gửi về Đảng ủy xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;

Điện thoại 02803 502 685

Email: Vanphongdanguyvanhan@gmail.com.

MỤC LỤC

1. Lời giới thiệu	5
2. Chương I: Điều kiện tự nhiên, xã hội và truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc xã Văn Hán	9
3. Chương II: Xã Văn Hán trong thời kỳ vận động cách mạng tháng Tám (1939 - 1945)	39
4. Chương III: Lãnh đạo xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, trực tiếp kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)	62
5. Chương IV: Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 - 1965)	103
6. Chương V: Lãnh đạo xây dựng kinh tế - xã hội, chống chiến tranh phá hoại và chi viện sức người sức của cho chiến trường (1965 - 1975)	145
7. Chương VI: Lãnh đạo khôi phục kinh tế - xã hội sau chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1975 - 1986)	185
8. Chương VII: Đảng bộ xã Văn Hán lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2015)	215
9. Kết luận	253
10. Phụ lục	261
11. Tài liệu tham khảo	311
12. Lời cảm ơn của Đảng ủy	313
13. Mục lục	315

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ VĂN HÁN (1948 - 2015)

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty CP In Thái Nguyên
Giấy phép xuất bản số: 477/GP-STTTT do Sở Thông tin và
Truyền thông Thái Nguyên cấp ngày 27 tháng 5 năm 2016.
In xong nộp lưu chiểu tháng 8 /2016.

In 500 cuốn (kích 14,5 x 20,5 cm) tại Công ty CP In Thái Nguyên
Giấy phép xuất bản số: 433/KP-ĐT/TT-CT do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày 27/04/2012
Truyền thông Thái Nguyên cấp ngày 27/04/2012
In xong nộp lưu chiểu tháng 8/2012